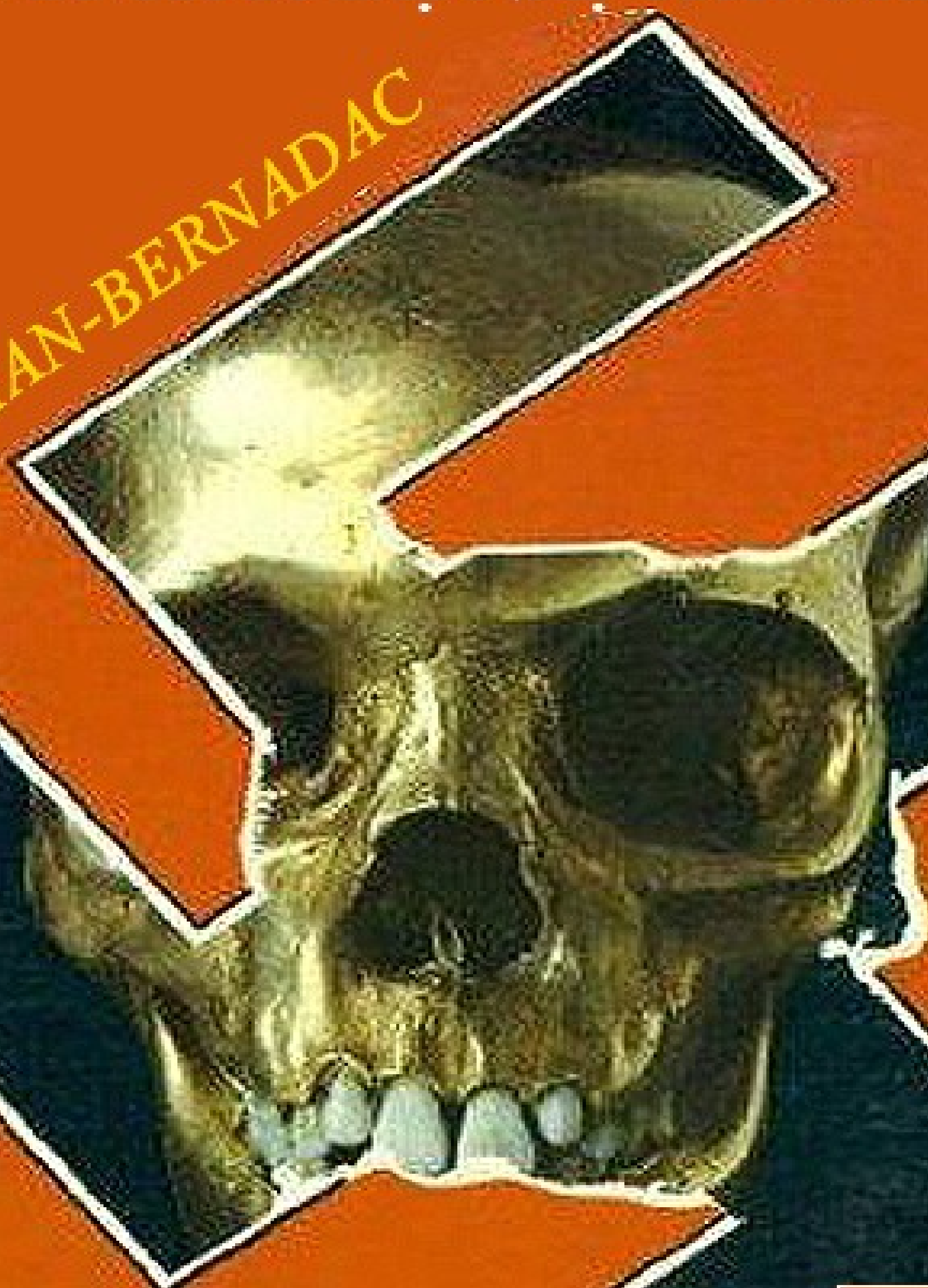
NHỮNG TÊN ÁC QUỶ CỦA Y KHOA DƯỚI THỜI ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN

CHRISTIAN-BERNADAC



Sông Kiên

NHỮNG TÊN ÁC QUỶ CỦA Y KHOA DƯỚI THỜI ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN

(Các cuộc thí nghiệm y khoa trên con người sống trong các trại tập trung)

Nguyên tác

LES MÉDECINS MAUDITS

của

CHRISTIAN BERNADAC

bản Việt ngữ

Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên

với sự cộng tác của

Giáo sư Nguyễn Trung Lương

và Giáo sư Lê Ngọc Liên

bìa của Nguyễn Hê

SÔNG KIÊN – in lần thứ nhất – SAIGON – 1974



Nguồn sách scan: sadec1

Tạo cover: 1953snacke

Đánh máy: Derby, tran ngoc anh, langtu, Van.Cuong, 4DHN

Sửa lỗi: Derby, langtu, 4DHN

Soát lần cuối: 4DHN

Tạo ebook: QuocSan

Ebook này được thực hiện theo dự án “SỐ HÓA SÁCH CŨ” của diễn đàn TVE-4U.ORG

Ver: 1.1

Ngày hoàn thành: 25/02/2016.

KÍNH DÂNG

Cha tôi ROBERT BERNADAC người từng biết rõ địa ngục của lưu đày nhưng không hề biết thù hận.

Lời tựa

Tại sao?

Các đóa hoa Mỹ Nhân Thao lại nở rộ trong những cánh đồng đã lại xanh cỏ ở Dachau, Buchenwald hoặc ở Auschwitz. Đối với hằng triệu người trẻ tuổi hiện nay – những người sinh sau năm 1935 – thì cuộc phiêu lưu dai dẳng đầy tội ác của bọn Đức quốc xã dường như bị chôn vùi trong quên lãng. Như thế càng tốt, vì cuộc phiêu lưu nầy không liên quan gì đến họ cả. Từ lâu rồi, những kỷ niệm đau buồn của thế hệ cha anh mẹ họ đã được xếp lại dưới chồng hồ sơ của "các câu chuyện tập thể".

Thời gian bôi xóa quá nhanh một cách nhanh chóng đến nỗi rất nhiều người tự hỏi: những tội ác kinh hồn kia, những tội ác đã được miêu tả tỉ mỉ từ hơn 20 năm qua, không biết đã có xảy ra thật sự không?

Lịch sử thường được trí tưởng tượng tiểu thuyết hóa đi.

Sự phiêu lưu của các "y sĩ đáng bị nguyền rủa" hay "tên ác quỷ của Y khoa dưới thời Đệ nhị Thế chiến" vẫn còn là một chương ít người biết đến trong quyển lịch sử tội ác của chế độ Đức quốc xã. Một tấm màn trinh trắng luôn luôn che đậy khéo léo những phúc trình của các vụ án. Các nhà văn đã viết về những cuộc thí nghiệm y học trên con người sống tại các trại tập trung hầu hết đều là y sĩ.

Cho đến đầu năm 1967, tôi đã gặp hơn 50 sinh viên của Đại học Y khoa Ba lê, và tôi lấy làm ngạc nhiên khi nhận thấy họ không biết tí gì về những cuộc thí nghiệm ở các trại tập trung, và gần phân nửa số sinh viên ấy đã chấp nhận cách thí nghiệm bằng con người sống, trong một vài điều kiện nào đó. Những người khác thì coi chúng như những "cuộc thí nghiệm cần thiết", nếu chúng có thể đem lại sự trị lành cho hằng ngàn người khác. Sau cuộc chiến, luận thuyết nầy là một bênh vực hùng hồn độc nhất cho "y sĩ đáng bị nguyền rủa" hay "tên ác quỷ của Y khoa dưới thời Đệ nhị Thế chiến". Lý luận nầy trở thành thông dụng trong một vài lãnh vực y học. Một dẫn chứng nổi bật nữa là một bài báo ở Thụy sĩ có nhan đề: "Y học và Vệ sinh", đăng trong số báo 639 phát hành tháng 4 năm 1964. Bài báo khẳng định:

- Con vật thí nghiệm lý tưởng là con người. Nếu có thể, mỗi khi thí nghiệm ta nên chọn con người làm con thí nghiệm. Tìm người bệnh chắc hẳn phải nghĩ: muốn biết các bệnh trạng con người, ta phải nghiên cứu chính con người. Những cuộc nghiên cứu thành công nhất, tài tình nhất và hữu ích nhất là những cuộc nghiên cứu được thực hiện trên con người. Vậy, chúng ta phải tiến hành trong việc nghiên cứu con vật phát triển hơn hết của loài vật, đó là con người.

Miễn phê bình.

Năm 1952, trong vụ xử các y sĩ phạm tội ở Struthof, người ta đã xác định rõ ràng giới hạn của các cuộc “thí nghiệm trên sinh vật”. Còn Đức Giáo hoàng thì có thái độ trái ngược lại. Ngài đã lên án gắt gao các cuộc thí nghiệm nầy và cả những người tình nguyện làm chuột bạch để thí nghiệm:

- Trong mọi trường hợp, một người khỏe mạnh không được tự nguyện để cho giải phẫu. Hậu quả của việc giải phẫu chắc chắn sẽ làm tàn phế thân thể con người, hoặc hủy hoại sức khỏe con người một cách trầm trọng và lâu dài. Người bị giải phẫu không thể bỏ mặc cho y sĩ toàn quyền sử dụng thân xác mình, vì chỉ có họ – chủ nhân của thân xác – mới có quyền sử dụng mà thôi.

Viện Hàn lâm Y học luôn luôn buộc tội các hành động thí nghiệm trong các trại tập trung, nên đã công bố các quy luật về những loại thí nghiệm nầy. Viện xác định sự khác biệt giữa các phương pháp thí nghiệm mới áp dụng cho các bệnh nhân và các cuộc thí nghiệm với người khỏe mạnh. Nếu trong trường hợp thứ nhất, các cuộc thí nghiệm coi như cần thiết và còn là bắt buộc nữa, thì trong trường hợp thứ hai:

- Sự thí nghiệm nầy chỉ có thể được áp dụng đối với những người tự nguyện sau khi đã được thông báo rõ ràng và sau đó họ hoàn toàn tự do chấp thuận hay từ chối. Và cuộc thí nghiệm phải do một y sĩ thật tài giỏi thực hiện. Vị nầy phải có khả năng làm giảm thiểu những nguy hiểm có thể xảy ra.

Trên đây là một vài điều tóm tắt về 10 quy luật của tòa án Nuremberg được công bố sau khi vụ án xử các “vai chính chủ động” của nền y học Đức quốc xã vừa kết thúc.

Các kết luận của Viện Hàn lâm Y khoa và các quy luật của tòa án Nuremberg không làm thỏa mãn toàn thể giới y khoa. Thật vậy, làm sao tưởng tượng được có một người tình nguyện hoàn toàn tự nguyện?[1]

- Người ta biết rằng rất hiếm người được tự do ưng thuận, vì người ta có thể dễ dàng tạo ra một bầu không khí gợi cảm và lôi cuốn để gây ảnh hưởng cho nhân vật. Tất nhiên, thân phận các tù nhân càng dễ bị làm áp lực để biến thành những thí vật.

Còn việc hy sinh tự nguyện được cộng đồng chấp nhận?[2]

- Một tâm trạng như vậy cho chúng ta thấy sẽ đưa đến một sự thoái hóa và sự trở về với tình trạng tế sống con người của bọn đa thần giáo khi xưa. Chỉ khác chăng là việc dâng hiến con người trong trường hợp nầy lại được thực hiện cho một đối tượng mới: đó là y học.

Thương thay, xã hội nào cũng cần đến những người "tử đạo"!

Cũng vào năm 1952 ấy, các y sĩ Do-thái nhóm họp tại Jérusalem. Họ kết luận:

- Không một người nào có quyền hy sinh đồng loại mình vì mục đích phụng sự khoa học.

Nhất là khi các vị y sĩ biết rằng: không bao giờ họ bị trừng phạt… Hitler và Himmler còn bố trí sẵn một bầu không khí thuận lợi cho những sự việc quá đáng diễn ra. Quyển sách nầy trình bày các cuộc thí nghiệm y khoa mà chính ông nầy đã đòi hỏi hoặc dung túng.

Tôi không phải là y sĩ. Tôi làm việc với tư cách một nhà báo. Tôi đã tìm gặp lại các cựu tù nhân đã bị các y sĩ Đức quốc xã bắt làm thí nghiệm, các y sĩ phạm nhân vừa bị kết tội tử hình vì đã phụ tá hoặc chuyên viên cho các "nhà nghiên cứu" của Đức quốc xã. Tôi đã khảo duyệt hằng ngàn chứng từ, các bản ghi tốc ký của các vụ án quan trọng. Tôi đã dùng bản dịch lời khai ở tòa án Nuremberg của François Bayle là một y sĩ thiếu tướng người Pháp, ông làm giám định y sĩ ở tòa án. Ông là người có quyền gặp các nhà khoa học tội phạm trước khi kêu án họ. Ông đã xuất bản một tác phẩm quan trọng về đề tài nầy, nhan đề là "CROIX GAMMÉE CONTRE CADUCÉE". Nhưng rất tiếc, tác phẩm nầy ngày nay không còn nữa, ngay trong các thư viện cũng rất khó tìm thấy được.

Tác phẩm kết luận một cách kém lạc quan rằng:

- Khi ở nơi nào đó trên thế giới có một nhà độc tài đúng nghĩa, dù lớn hay nhỏ. Rằng một khi ông ta đã thành công trong việc biến đổi lứa thanh niên thành đám người cuồng tín nhờ một chủ nghĩa đầy "lý tưởng", dẫu sai lầm và vô nhân, như chủ nghĩa diệt trừ tận gốc những ý niệm tôn giáo và đạo đức, lúc bấy giờ sự tồi tệ sẽ bừng sống dậy. Các y sĩ sẽ còn vi phạm vào lương tâm con người, lấy cớ là để phụng sự khoa học và công ích nhân loại. Các cuộc nghiên cứu quái đản sẽ tự tung tổ chức, không phải chỉ thực hiện ở nước Đức, mà còn ở nơi khác nữa. Quốc gia mạnh nhất sẽ nhận lãnh trách nhiệm về việc đó và tất cả sẽ được khởi sự lại.

Tôi đã cố ý bàn về "đạo đức thực nghiệm" trong lời tựa nầy cốt giữ cho tác phẩm các sự kiện đơn thuần, duy nhất và nguyên vẹn. Tôi không "tô điểm cho văn hoa", cũng không "kêu gào phẫn nộ". Tôi không cố ý đặt nặng sự khủng khiếp ở đây.

CHRISTIAN BERNADAC

Người ta không có quyền giết chết một con người bởi vì người ta không biết được các hình ảnh đang nằm sâu trong đáy mắt người ấy.

SAINT EXUPÉRY

Điều ô nhục ấy, sẽ không có ai xá miễn cho chúng ta cả.

Giáo sư THÉODORE HEUSS
Cựu Tổng thống
Cộng hòa Liên bang Tây Đức.

1
LOẠT THÍ NGHIỆM VĨ ĐẠI LẦN ĐẦU

Cảnh tượng nầy, hắn biết lắm chứ, vì là những cảnh luôn đem đến cho hắn toàn là ác mộng. Chiều đó, lại một chiều, rồi nối tiếp nhau cứ chiều nầy qua chiều khác. Buổi lễ sinh nhật thứ 33 của hắn ta nghĩ thật cũng lạ lùng! Hắn mỉm cười.

- Nầy, đúng rồi Walter Neff ạ, anh vừa đúng 33 tuổi. Không còn nghi ngờ gì nữa, năm nay có thể là năm cuối cùng của đời anh. Thật vậy, anh là tên tù nhiều diễm phúc, còn là tên y tá cần thiết của cả khối người mắc bệnh lao ở trại Dachau, làm sao anh có thể thoát khỏi cuộc phiêu lưu mới mẻ nầy?

Sigmund Rascher đã ghi vào cuốn sổ tay, bọc bìa đen, “ngày 22-2-1942”. Một cơn gió len vào trong chiếc hành lang nhỏ hẹp bằng đất nện, phân cách hai gian trại tạm trú, rồi cơn gió lại lan đi tại căn buồng bằng kim khí. Rascher ngước mắt lên khỏi cuốn sổ tay và bảo Neff:

- Anh hãy lấy ván đóng lại dùm lối đi. Làm sao làm việc được với mấy luồng gió nầy.

Neff, tay chân băng giá, cảm nghe có một giọt mồ hôi đọng tròn lại giữa đôi mắt. Hắn suy nghĩ:

- Như thế đó, chúng tôi càng bị cô lập hơn nữa. Rồi sau đó, bọn họ sẽ giết tôi. Vì họ không dung thứ cho ai đã chứng kiến nội vụ, để rồi có thể kể lại…

Rascher thét lên:

- Đã lên đến 47.200 bộ[3] rồi! Bảo hắn hãy lột bao mặt ra.

Cái ngày 22-2-1942 nầy là ngày được chọn theo ý muốn của một y sĩ S.S. để làm ngày bắt đầu cho loạt những cuộc thí nghiệm đầu tiên bằng con người sống trong lịch sử Đức quốc xã, tại trại tập trung Dachau. Ông ta chỉ là một bác sĩ hạng bét, dáng người hơi mập, hiện là đại uý trừ bị thuộc binh chủng Không quân, tên là Rascher. Nhưng ông ta lại được việc: chẳng bao lâu nữa, ông ta sẽ được làm giáo sư đại học. Và ông sẽ hết còn nghe tiếng bom đạn chiến tranh gọi chào vào buổi tối nữa. Vã lại, ông ta sẽ phải nói các điều nầy với “người bạn thân” đầy uy quyền của ông là Himmler:

trong mọi trường hợp, không nên hy sinh các nhà bác học nơi các chốn trận mạc…

Đến đây thì bác sĩ Romberg đã cắt đứt dòng tư tưởng đang mê giấc của ông ta:

- Xong rồi! Hắn đã lột bỏ chiếc bao mặt.

Gian phòng có áp lực thấp đã được bác sĩ Siegfried Ruff, vị giám đốc trẻ tuổi của Trung tâm Thí nghiệm Hàng không, giao lại cho Rascher. Căn phòng nầy là một cái ngăn lớn thẳng đứng, giống như chiếc thùng kín để làm việc dưới nước, được trang bị bằng các giàn ống, các cần điều khiển và các cửa nhỏ bên hông. Cách mặt đất độ 2 thước, có một cái xà ngang như chiếc đòn ngang thể thao, trên đấy máng các loại trang cụ của lính nhảy dù, thêm có cái chuông bò và tấm bảng nhỏ của học trò. Có tay vặn và tay lái ở ngoài, cho phép người thực hiện cuộc thí nghiệm điều chỉnh áp lực không khí của gian phòng. Với các trang bị nói trên, hai vị bác sĩ Rascher và Romberg sẽ có thể thực hiện những chuyến bay giả tạo ở mức độ cao khoảng 22.000 thước. Bây giờ thì đồng hồ chỉ 15.000 thước (47.200 bộ).

Tên tù được sử dụng làm vật thí nghiệm, giống như tên múa rối trong bộ đồ ngũ sộc, bị buộc vào trong đai da. Hắn ta do dự. Bàn tay còn nắm chiếc bao mặt, dùng để thở dưỡng khí, như chùng lại. Neff nghĩ:

- Nếu hắn ta không lột chiếc bao mặt ra, thì Rascher sẽ cho hắn về chầu diêm chúa, chỉ trong giây khắc thôi.

Rốt lại, tên “vật thí nghiệm” đành quyết định: cái mõm lợn bằng da (chiếc bao mặt) được tháo ra và chầm chậm đánh qua lại ở nơi đầu sợi ống dẫn hơi. Mắt của tên tù méo xệch, như trong một trò chơi tàn bạo. Chiếc đầu ngoẻo ra sau với cái miệng há hóc, lỗ mũi phòng to lên. Rascher ghi chú:

- Các triệu chứng trầm trọng về sự buồn nôn của các phi công; các chấn động làm co rút.

Neff để ý:

- Đúng là một hình múa rối mà người ta giựt tất cả các sợi dây điều khiển cùng một lúc.

Rascher xoay từng ly, từng ly một, chiếc tay lái điều khiển tổng quát. Kim đồng hồ chỉ 30 giây, còn máy đo cao độ chỉ 14.500 thước. Đến đây, chiếc thân của tên nhảy dù giả tạo bỗng nhiên cong lại một cách dữ dội, chân tay như chập lại vào nhau; giống như chiếc lưỡi liềm để dựng đứng. Cuốn sổ đen được ghi thêm một dòng chữ nguệch ngoạc:

- Opisthotonos.[4]

Bỗng nhiên, Romberg lại khám phá ra có một sự vô ích của cuộc thí nghiệm. Không khi nào, không thể và không bao giờ, viên phi hành rời máy bay bị trúng đạn ở các độ cao như vậy mà lại bung ngay chiếc dù ra; ông ta khởi đầu sẽ cho tự nhiên rơi xuống. Người ta không nhảy một cách "tự động" ở cao độ 15.000 thước mà nhảy theo lối "điều khiển". Cùng lúc ấy, Romberg lại khám phá thêm một điều vô ích nữa: sự vô ích về các điều lo ngại của ông. Vì tên SS Rascher, được Himmler bảo trợ, có thể tự cho tất cả mọi quyền.

Còn ông Romberg, được Viện Thí nghiệm Hàng không của Chính phủ biệt phái đến đây, chỉ là để chứng kiến công cuộc nghiên cứu của Rascher, trong khi Viện cứ tưởng là Romberg điều khiển…Ông đến bên chiếc cửa hông. Còn Rascher thì ghi:

- 14.300 thước. Tay đưa thẳng tới trước, tìm cách ngồi như kiểu con chó, 2 chân bẹt ra, giữ thẳng đờ. Tứ chi lại giao động; mặt khi nhợt nhạt, khi thì đỏ bừng, chỉ còn có cái miệng thở hổn hển, vì thiếu dưỡng khí. Nhịp thở bất thường, gia tăng và mở rộng, với các dáng điệu thiếu mạch lạc, và thay đổi đột ngột, thêm sự ngộp thở gây nên các chấn động, nhất là đôi mắt, cặp mắt mở rộng, hết sinh khí rồi tắt lịm, làm cho ta nghĩ đến một con cá, bị người thợ câu bỏ mắc cạn trên bãi cỏ, nó vặn mình một cách vô vọng, rồi xoắn lại như khu ốc với đôi mang thở rã rời và chiếc đuôi giãy chết.

Xuống còn chừng độ sáu cây số, nạn nhân nói phều phào, miệng chảy nước dải, các bắp thịt dãn ra vài giây đồng hồ, trước khi co rút lại như trước. Dãn ra, thắt lại, rồi dãn ra, tiếng càu nhàu khô khan đã mòn mõi, rồi thưa dần, lại kêu rên, ngực nhấp nhô theo tiếng ngáy đều, để rốt lại trở thành những tiếng kêu tuyệt vọng, hải hùng. Chiếc đầu ngã quặp ra phía trước. Khổ hình đã kéo dài từ 20 phút qua. Tên nhảy dù giả tạo sắp tới mặt đất. Rascher ghi:

- Kêu từng chập, nhăn mặt, rồi lại cắn lưỡi.

Rascher hỏi:

- Anh có nghe tôi không?

- Khá chứ?

- Hãy trả lời đi?

Năm phút qua từ khi đáp xuống mặt đất, phản ứng đầu tiên:

- Sao?

Hắn lắc đầu và nheo đôi mắt.

- Hãy cố đứng lên!

Hắn cố ráng thử và lập lại nhiều lần:

- Không, xin để tôi yên.

Chín phút: hắn đứng lên, và mặc cho câu hỏi thế nào hắn chỉ trả lời:

- Chỉ một phút thôi.

- Nói cho chúng tôi biết ngày sanh của anh?

- Chỉ một phút thôi.

Hắn hít mạnh; phùng đôi má, lầm bầm các con số, đầu xoay qua bên trái. Hắn không quên thử trả lời câu hỏi thứ nhất về ngày sanh của hắn, kế đến phiên hắn đặt lại các câu hỏi:

- Tôi có thể cắt một miếng được không?

- Tôi có thể thở được chứ? Có tốt không nếu tôi thở một hơi dài?

Rascher không trả lời. Người tù nạn nhân ưỡn phồng chiếc thân mình.

- Tốt lắm. Cám ơn rất nhiều. Tôi có thể cắt một miếng được không?

Mười lăm phút đã trôi qua:

- Bây giờ đây anh đi tới thử xem.

- Tốt lắm. Cám ơn rất nhiều.

Và hắn bước tới.

- Ngày sanh của anh?

- 1928 (thật sự thì hắn ta sinh ngày 1-11-1908).

- Ở thành phố nào?

- Có cái gì vào năm 1928.

- Còn nghề nghiệp của anh?

- 28, 1928. Tôi có thể thở một hơi dài được không?

Rascher trả lời được.

- Tôi rất hài lòng về việc ấy.

Hắn ta chạy lại cửa hông mở sẵn của gian phòng.

- Xin ông tha lỗi cho.

Rascher vẫy khẩu súng lục lên, mở chốt an toàn, lên đạn và bắn vào không khí. Người tù nhân không thấy có một phản ứng nào. Tâm trí hắn trở lại bình thường 24 tiếng đồng hồ sau. Và hắn cũng không nhớ lại sự hạ xuống từ từ nhưng bất động trong chiếc phòng có áp suất thấp.[5]

Và Rascher chấm dứt câu chuyện:

- Tốt lắm, chúng ta sẽ khởi sự lại vào ngày mốt.

Có hai con người, muốn với từng viên đá một, rồi từng viên đá, xây nên Chiếc Kim tự tháp Đức quốc xã. Đó là Hitler và Himmler vậy. Hai ông nầy đã chấp nhận và khuyến khích các cuộc thí nghiệm y khoa trên con người sống.

Trong quyển "Mein Kampf", ("Cuộc chiến đấu của tôi") được xem như là cuốn thánh kinh của chế độ. Hitler, sau khi đã chứng minh sự siêu đẳng của chủng tộc Aryen, viết tiếp:

- Quốc gia là một phương tiện giúp đạt được mục đích. Và mục đích ấy là cốt sao để bảo đảm và tạo thuận lợi cho việc phát triển một cộng đồng gồm các con người, cùng một loại như nhau, cả về thể xác lẫn tinh thần.

Vậy nguyên tắc chung đã được đề ra, và các ông cũng biết rằng tất cả mọi phương tiện đều tốt, ngay cả việc bóp nát các dân tộc yếu hèn nô lệ, để cho "cái căn bản lựa chọn", tức cái giai cấp thượng đẳng được hưng thịnh thêm lên. Đồng thời với việc bôi xoá các con người hèn mọn trên trái đất nầy, người ta cũng phải sử dụng họ trong việc xây đắp "Đế quốc Ngàn năm" và kiện toàn nòi giống của các bậc "Vương tế ngàn đời". Đám người hạ tiện rất đông kia nhưng lại ít quý bằng các con vật của phòng thí nghiệm, vì khi các y sĩ

muốn có những con khỉ để làm thí nghiệm, họ phải gởi mua chúng từ Calcutta hay Bombay. Bây giờ thì không cần phải như thế nữa: chiếc "nôm khổng lồ bằng kẽm gai" đã chụp lên hằng triệu tù nhân.

Viên Tướng y sĩ Karl Brandt, một chức quyền tối cao trong lĩnh vực y học của Đức quốc xã, bị kết án tử hình tại toà án Nuremberg, đã quả quyết trước các vị quan toà rằng Hitler đã có ý tưởng về các cuộc thí nghiệm nầy từ năm 1935.

- Hitler đã đưa ra ý kiến nầy, nhân một cuộc giải phẫu nơi cổ họng của ông vào năm 1935. Lúc đó ông đã tuyên bố rằng không có gì gọi là mâu thuẫn trong việc sử dụng các tội nhân vào các cuộc thí nghiệm để cải tiến các vấn đề y học.[6]

Cũng trước các vị quan tòa nầy, giáo sư Gebhart, bạn thời niên thiếu của Himmler, là y sĩ thiếu tướng và lãnh tụ về phương diện các huyền bí học của y sĩ SS, xác nhận lời tuyên bố của Brandt. Ông còn đi xa hơn thế nữa:

- Các cuộc thí nghiệm của Rascher do Himmler ra lệnh đã được trình bày với Fuhrer và Hitler đã khẳng định rằng theo nguyên tắc, các cuộc thí nghiệm trên con người được cho phép khi quyền lợi quốc gia đòi hỏi và lúc bấy giờ, các cuộc thí nghiệm được luật pháp bảo vệ; chớ không phải bị chế tài và ngược lại, ai không chấp nhận thi hành mệnh lệnh quân sự ấy sẽ bị trừng phạt. Theo Himmler, vị Quốc trưởng nghĩ rằng người ta không thể nào để yên một số người trong đám các tù nhân tại các trại tập trung trong khi các người lính phải chiến đấu, những đàn bà con trẻ chịu đau khổ chết chóc vì các cuộc oanh kích.

Hitler ít khi bận tâm đến các việc xảy ra hằng ngày về sự sống hay chết trong các trại tận diệt.

- Về các chi tiết hãy thỉnh ý Reichsfuhrer SS Himmler (Reichsfuhere S.S: Tổng tư lệnh lực lượng S.S ngang hàng với Thống chế)

Người cựu sinh viên khoa Nông học, còn là tín đồ vừa của đạo giáo bí-truyền-học và vừa chủ nghĩa thực dụng. Ông đã thú nhận với Heydrich.[7]

- Tôi cũng thích chơi vĩ cầm như anh, nhưng thích nhất là được trị lành bệnh cho con người, bằng cách ban phép lành, hoặc điều trị

như là các y sĩ.

Và Gebhart còn cho chúng ta biết tại Nuremberg rằng quyển sách gối đầu giường của Himmler là một tác phẩm về tư tưởng và về các công trình của Hippocrate. (Nhà Đại danh y Cổ Hy lạp, lối 190-125 trước Thiên Chúa được coi như Thủy tổ ngành y khoa)

- Không có quyển sách nào mà Himmler đã thường hay tham khảo bằng quyển của Hippocrate. Từ năm 1940, sách nầy luôn được đặt trên bàn việc của ông ta.

Tác phẩm nói trên là món quà tặng của vợ ông. Bà đã sưu tầm các tác phẩm xưa nói về "các phép săn sóc dành cho bệnh nhân". Nếu nói đó là do tính tổ truyền thì cũng không có gì mâu thuẫn: Bà Himmler, cũng như mẹ và bà của bà đều là nữ y tá.

Ở gia đình Himmler, nhu cầu làm thí nghiệm thật đúng là một chứng bệnh:

- Cứ thử làm thí nghiệm luôn, tất nhiên rồi sẽ có thể tìm ra một cái gì.

Nhất là các ông lang băm thường nhận được ân huệ của ông. Ví dụ như khi nhà lãnh tụ Ý đại lợi Mussolini bị bắt, và các cơ quan gián điệp Đức không biết ông bị giam giữ ở đâu. Himmler, trong một buổi tiệc thật sự – có cả thuốc xì gà, rượu Champagne – cho hội lại 40 tù nhân ở Oranienburg-Sachsenhausen, gồm các thầy bói, thầy bùa và thầy tướng, để truy tìm tung tích vị Quốc trưởng Ý bị biệt tích.

Chúng ta không nên lầm lẫn điều đó. Và giờ đây có thể nói dễ dàng là: "Các nhà Lãnh đạo Đức quốc xã đều là những người điên… Hãy xem vị y sĩ riêng tài ba của Hitler là bác sĩ Morell, đã nhồi nhét thuốc cho ông toàn chất độc kích thích mã tiền, Himmler lại điều khiển các tổ chức thần bí như nhóm Thulé (Thulé, tên do người La mã đặt cho xứ Island, một đảo ở phía Bắc Âu châu) hoặc nhóm Ahnenerbe (nhóm đi tìm di sản tổ tiên). Và các chiêm tinh sư của các tổ chức nầy muốn tìm lại kho tàng của dân Cathares (thuộc một giáo phái ở miền trung nước Pháp) tại lâu đài Montségur (một trong các pháo đài chống giữ tại thành phố Albi của dân Cathares, ngày nay đã đổ nát) và chiếc thánh bôi Saint Graal (bình rượu lễ đãi chúa

Jésus Christ trong bữa cơm cuối cùng với các giáo sĩ của Ngài) giữa vùng Tarasconsur-Ariège và Vicdessos.[8]

Tất cả đều sự là thật, nhưng Himmler đi từ nguyên tắc là tất cả phải được dò thử trong mọi lãnh vực. Chúng ta trở lại điều đó qua câu nói trứ danh của ông ta:

- Cứ thử làm thí nghiệm luôn, tất nhiên rồi sẽ có thể tìm ra được một cái gì.

Ahnenerbe có nghĩa là "di sản của tổ tiên". Tổ chức nầy vào năm 1933, có quy điều là: "Tìm lại Xuất xứ, Truyền Thống, Công Trình và Sản Nghiệp của dân Bắc Âu thuộc dòng Ấn-Nhật-nhĩ-man, và truyền bá cho dân chúng biết các kết quả của công cuộc tìm kiếm nầy dưới một hình thức thật hay ho và thú vị."

Chắc chắn là "các người đi tìm" đã tản mác khắp nơi: nào việc tìm kiếm mới về điểm kim thạch (loại đá làm kim loại hóa vàng khi đụng đến) và hòn đảo tưởng tượng Atlantide ở trên Đại tây dương cùng các nghi lễ đầu tiên với các ma thuật thuộc loại thần bí học, nào việc nghiên cứu các đạo giáo lớn, các phong trào thần bí, nào việc giải thích các bậc thánh hiền của xứ Tây tạng hay các nước Âu châu… nhưng, đặc biệt nhất là nhóm Ahnenerbe, qua sự kiểm soát của Himmler, đã tận tụy với công cuộc thí nghiệm trên con người. Kể từ năm 1942, nó chỉ còn quan tâm một cách thiết thực đến vấn đề ấy mà thôi. Và viện Nghiên cứu được xáp nhập vào Bộ tham mưu riêng của nhân vật thứ nhì của chế độ Đức quốc xã.[9]

Và Rascher cũng như rất nhiều nhà thí nghiệm khác đều là nhân viên của "Nhóm tìm lại di sản tổ tiên" hay là nhóm Ahnenerbe.

Sigmund Rascher là con trai của một vị y sĩ. Khi gặp Nini Diehls thì ông vừa 30 tuổi, trong khi nàng lại đến 46 tuổi. Nhưng Nini Diehls có thể đáp ứng cho cao vọng và phá bỏ mọi tầm thường của cuộc sống của người tình là Rascher. Về bạn bè, bà chỉ có mỗi một người duy nhất và rất vĩ đại là H. Himmler. Cặp nhân tình không hề chịu lùi bước trước bất cứ một sự thấp hèn nào. Và Rascher đã dám tố cáo ngay chính cả cha mình với bọn Gestapo.

- Đấy là kẻ thù của chế độ…

Và ông thân sinh của ông ta đã bị bắt đi đày.

Nếu các nhà lãnh đạo Đức quốc xã hoan nghinh sự tự do kết hôn, thì trái lại họ lại thích được tiếp nơi gia đình họ, các cặp vợ chồng hợp pháp; có dẫn theo các đứa trẻ tóc vàng. Cặp vợ chồng Rascher đợi sanh đứa con thứ hai mới lập tờ hôn thú. Cặp "bắt chợt" nầy được Heinrich Himmler cưng chiều, tặng cho các ngân phiếu còn để trắng. Họ có mặt trong tất cả các cuộc tiếp tân. Và Nini Diehls rụt rè nhìn xuống khi có một bà lớn tuổi mập béo, ngốn ngấu các món ăn bằng thịt và rượu bia, hỏi câu:

- Hẳn bà phải có bí quyết gì! Với tuổi của bà mà có con xinh đẹp thế kia, thật là chuyện gần như khó có thể tưởng tượng được!

Bí mật của vợ chồng Rascher chỉ có một người thứ ba biết được mà thôi: một cô tớ gái nhẹ dạ đã chịu bán "cái kết quả thầm lén" của cô ta. Và Nini Diehls bằng lòng mua món hàng nầy, trả đúng không sai chạy một ten; và còn tiếp tục đặt sát "đứa con tội lỗi" khác vào năm tới nữa. Một màn độn gối có bề dầy cao thấp khác nhau, đã biến cái hình dáng của người đàn bà lớn tuổi, nhưng trông hãy còn rất trẻ đúng như ý nguyện.

Rascher thường năng lui tới với giới y sĩ Hàng không. Bác sĩ Siegfried Ruff, giám đốc Trung tâm Thí nghiệm Không quân Đức, đã quả quyết tại tòa án Nuremberg rằng các phi công không biết làm cách nào khi họ phải rời phi cơ trên một cao độ thật cao. Họ cũng không được trang bị cả máy dưỡng khí để nhảy.

Các phi hành đoàn đều khiếp sợ sau khi mở dù, nào hạ xuống rồi đáp trên đất liền hoặc dưới biển, nào sự khó chịu trên cao độ hoặc chết đuối dưới nước. Chúng tôi không thể giúp họ được gì, vì chúng tôi không có những căn cứ thực tập. Thế mà, các chiến đấu cơ lại bay cao đến 10.000 hay 11.000 thước. Và phi cơ địch lại còn bay cao hơn nữa. Chúng tôi có một loại phóng pháo cơ, chiếc Messerschmitt 163, hãy còn đang trong vòng thí nghiệm. Loại nầy có thể vọt lên cho đến tư 10.000 đến 12.000 thước trong vòng 2 phút. Có những chiếc máy to lớn hơn và chiếc phi cơ vĩ đại hơn đang được chế tạo. Loại nầy có thể lên cao 16.000 thước. Các phát triển cơ giới đã vượt quá nhanh so với các kết quả thu lượm được ở phương diện y khoa hàng không. Tôi đã giải quyết được vấn đề cứu nạn ở khoảng cao độ 12.000 thước, nhưng việc cứu nguy trên cao độ 20.000 thước hãy còn đang nghiên cứu.

Rascher biết rằng Ruff và các cộng sự viên của ông nầy đã tự thực hiện được hơn 10 000 cuộc thí nghiệm:

- Phải nói cho đúng là chúng tôi đã tạo mọi điều kiện cho đến lúc nào mà chúng tôi không thể đối phó được nữa, tức là đến điểm nguy hiểm… Chúng tôi phải trả giá cho sự sống… Và chúng tôi chỉ có hai người bị chết thôi.

Nhưng các cuộc thí nghiệm của Ruff phải bị ngưng lại, sau khi ông tiếp cuộc viếng thăm của Rascher. Rascher nói với ông:

- Tôi được phép làm thí nghiệm trên các tù nhân của trại Dachau, các "tên tội phạm chuyên nghiệp". Giấy phép nầy cho Himmler ký.

Thật vậy, Rascher đã bàn luận thật lâu về các vấn đề nầy với Reichsfuhere (Himmler) và một bức thơ đề ngày 15-5-1941 đã chính thức hóa lời yêu cầu của ông ta:

"Việc nghiên cứu các chuyến bay có độ cao đã chiếm một tư thế rất quan trọng, vì các phi cơ chiến đấu của Anh đã đạt mức cao độ cao hơn máy bay của ta. Người ta cho là đáng tiếc nếu không thể thực hiện các cuộc thí nghiệm trên các "nhân liệu" (vật liệu bằng người) vì các cuộc thí nghiệm nầy rất nguy hiểm, không ai dám tình nguyện cả. Vì lẽ đó nên tôi đặt ra câu hỏi chính yếu nầy: Ngày có thể cho chúng tôi sử dụng 2 hoặc 3 tên tội phạm chuyên nghiệp, để dùng vào các mục đích thí nghiệm tối hậu nầy chăng?"

Và Himmler, qua ngòi bút của viên bí thư đã trả lời:

"Dĩ nhiên, các tù nhân sẽ sẵn sang được đặt dưới quyền sử dụng của anh…"

Các viện nghiên cứu chính thức, không tin tưởng mấy vào Rascher nhưng không ai dám nói năng gì cả. Người ta sẽ phải tìm các y sĩ đại úy đứng đắn hơn… Rascher sẽ là phụ tá của họ. Nhưng các bác sĩ Lutz và Wendt đều từ chối. Sự kiện nầy thật cũng khá hiếm và đáng được lưu ý. Bác sĩ Lutz đã bày tỏ lý do từ chối kia trước tòa án Nuremberg:

- Tôi tự cho mình không đủ sắt đá đối với loại thí nghiệm đó…chỉ làm thí nghiệm trên con chó thôi, khi nó nhìn mình và dường như nó có một tâm tư gì, cũng đã là một việc khá khó khăn lắm rồi…

Riêng bác sĩ Romberg, chắc chắn là ông có nhiều thận trọng hơn Rascher, nhưng lại không thể từ chối được. Và đến khi ông muốn rút

lui khỏi công cuộc thí nghiệm, thì mọi việc đã quá trễ rồi.

Chúng ta không nên quên rằng, đối với Rascher, các cuộc thí nghiệm là phương tiện nhanh nhất và chắc chắn nhất để ông ta chiếm được một chân giáo sư trong một trường đại học. Nhưng để cho các công trình của ông ta nặng ký hơn các công cuộc khảo cứu của những nhà nghiên cứu khác như Romberg chẳng hạn, thì chúng phải đưa đến những kết luận thật độc đáo. Viên y sĩ đại úy nhỏ người đầy tham vọng nầy lo xếp đặt một hồ sơ dày cộm về vấn đề ông nghiên cứu. Hằng ngàn cuộc thí nghiệm đã được thực hiện trên các loài vật. Nhìn sơ qua ta thấy các kết quả đạt được lên đến nhiều cao độ cả trăm cây số. Và bây giờ thì sao? Nếu các thí nghiệm trên con người chỉ dùng để xác định lại các dữ kiện của vấn đề và để sửa đổi riêng về phần chi tiết, thì đó chỉ là một cuộc nghiên cứu thường! Nhưng, nếu như người ta muốn đi xa hơn nữa, như là người ta để chết một người trên cao độ 15 cây số, như là thực hiện cuộc phẫu nghiệm tử thi ở trên cao độ nầy, hoặc ở dưới nước, để chứng nghiệm lại bệnh tắt huyết vì ngộp hơi; và một cách tỉ mỉ, người ta tả sự hấp hối của nan nhân…! Viện trưởng các viện nghiên cứu hàng không, không biểu lộ một điều gì cả, họ run sợ trước bọn S.S.

Thế nên, ở trại Dachau sắp phát sinh ra hai loại thí nghiệm khác nhau. Loại thứ nhất, với các thí vật tình nguyện, được đối xử tử tế. Đây là loại chính thức được dành cho các quan sát viên cao cấp. Tất cả các thí vật nầy đều là tù nhân người Đức. Và loại thứ hai là loại thí nghiệm bí mật, không có mặt bác sĩ Romberg và cũng không có chứng nhân, được thực hiện với các tù nhân mà ngày hôm sau họ sẽ bị hành hình trong các phòng giảm khí áp.

Chúng ta hãy nghe một tù nhân người Đức tại trại tập trung, ông August Heinrich Vieweg nói:

- Ngay lúc mà các động cơ của phòng thí nghiệm nầy bắt đầu nổ máy thì có một không khí âm ma của tử thần chế ngự trong cả khu bệnh xá; chuyện thường xảy ra cho bệnh nhân hoặc cho ngay cả các y tá đang đứng trong các dãy hành lang là họ bị đưa ngay đến nơi thí nghiệm.

Chuyện là như vậy, mặc dù viên đội trưởng trại tập trung đã tuyển sẵn cho mười tội nhân.

Mười tội nhân nầy phải là 10 thí vật chính thức của cuộc thí nghiệm. Bọn người nầy được cho ăn uống đầy đủ, được hút thuốc và như tôi được biết người ta gọi họ là các thí vật chứng nghiệm. Ngoài họ ra còn có một số lớn các tù nhân khác nữa, được chọn may rủi trong trại để đem đến phòng giảm khí áp. Hơn nữa, tôi còn nhớ có một ông trưởng "khối"[10] được gởi đến bệnh viện để trị bệnh sưng phổi, lại bị dẫn đến nơi thí nghiệm nầy và vài ngày sau thì được đem vào nhà xác.

Nhân chứng số một của bên nguyên trong vụ án nầy ở Nuremberg phải là Walter Neff.

Các cuộc thí nghiệm đã được khởi đầu vào ngày sinh nhật của tôi tức là ngày 22-2-1942. Chiếc phòng được đem đến do một chiếc xe chở than. Bác sĩ Romberg đồng thời cũng đến cho lệnh ráp máy và các chỉ thị liên quan đến sự vận chuyển của luồng hơi.

- Có một số tù nhân tình nguyện làm thí vật vì Rascher hứa là họ sẽ được trả tự do nếu họ chịu để cho thí nghiệm. Có khoảng 10 người tình nguyện. Chỉ có một người được thả tên là Sobolla. Hắn phải chịu một cuộc thí nghiệm trước sự chứng kiến của Himmler. Ông nầy có hỏi hắn đã bị hạ ngục từ bao lâu. Về sau, hắn bị đưa vào toán Dirlewanger, thật là một điều tai họa nữa lại đến với hắn. Đấy là một đơn vị SS đã được luyện tập ở Oranienburg, phụ trách các công tác đặc biệt ở những nơi nguy hiểm nhất. Chớ còn tôi chưa hề thấy một trường hợp nào về một tù nhân bị án tử hình được hoán giảm hình phạt bằng bị tù chung thân, sau khi chịu các cuộc thí nghiệm ở trên cao độ.

Neff quả quyết rằng Rascher làm việc một mình và vào buổi tối. Theo nhân chứng nầy thì ngoài 10 thí vật chính thức, còn có từ 180 đến 200 thuộc mọi quốc tịch đã phải chịu các cuộc nghiên cứu đặc biệt của vị bác sĩ nhỏ người nầy. Có hơn 70 người bị chết trong số có 16 tù nhân chiến tranh người Nga.

- Các người phải chịu trải qua các cuộc thí nghiệm khắc nghiệt kết liễu bằng sự chết đã được bọn SS cung cấp sau sự đòi hỏi của Rascher ở ban quản đốc trại tập trung. Theo ý kiến thô thiển của tôi thì mỗi trường hợp chết người trong phòng giảm khí áp đã bị gây nên một cách cố ý. Quyền hành của Rascher tại trại tập trung thật là vô giới hạn. Hắn ta càng ngày càng trở nên mạnh thế và cuối cùng

không ai có thể dám chống lại hắn ta cả. Tôi không thể chối cãi là tôi có cảm giác rằng Romberg có ý muốn rút lui ra ngoài các cuộc thí nghiệm. Tôi không thể quả quyết có phải là do ông thiếu sự can đảm, hay bởi lý do nào khác mà ông ta không dám rút lui. Sáng kiến của tất cả mọi vấn đề tùy thuộc vào Rascher. Tôi dám tin chắc rằng nếu Romberg, được lệnh hướng dẫn một mình các cuộc thí nghiệm có Rascher, thì sẽ không có người bị chết.

Các quan tòa bị Neff thuyết phục và họ đã xử trắng án vị “bác sĩ yếu hèn” Romberg nhưng không phải vì thế mà ông ta không bị điều tra điêu đứng.

Câu hỏi: Tại sao ông không thử cản ngăn Rascher ngừng các thí nghiệm khi mà ông hiểu được rằng các thí nghiệm đã đến lúc đi tới chỗ khốc hại.

Romberg: Một nhà khoa học không thể dễ dàng dùng võ lực tấn công vào thân thể của người khác, vì nền giáo dục và các điều mà y đã hấp thụ và học hỏi được. Cá nhân tôi, tôi không phải là một tay vũ phu cũng như võ sĩ quyền Anh…

Câu hỏi: Khi xảy ra cái chết đầu tiên, vào ngày 1 tháng 4, thì sự việc đã diễn tiến như thế nào?

Romberg: Đấy là cuộc thí nghiệm trên một cao độ từ 13.000 đến 14.000 thước, Rascher đã giữ rất lâu ở một mức cao độ, nên xảy ra một sự tắc huyết do việc giảm khí áp đã tạo nên cái chết.

Câu hỏi: Ông chỉ đứng bên cửa sổ hông? Hay là ông có bận coi về một bộ máy cho Rascher?

Romberg: Tôi nhìn máy điện tâm động đồ, khi cuộc thí nghiệm đi đến chỗ nguy kịch đáng lý chính tôi phải ngưng cuộc thí nghiệm thì tôi lại phải báo cáo với Rascher.

Câu hỏi: Ông có thể làm gì để cứu nạn nhân lúc mà ông thấy rằng cuộc thí nghiệm đã trở nên nguy hiểm?

Romberg: Rascher đã nắm trong tay các bộ phận điều khiển về cao độ. Ông ta có thể xoay tay bánh để tăng áp suất, như vậy là cao độ sẽ bớt đi trong phòng thí nghiệm.

Câu hỏi: Tại sao ông không thể xoay bánh xe đó để cứu mạng sống cho nạn nhân?

Romberg: Trong trường hợp ấy, tôi sẽ phải đánh ông ta. Nhưng ông bác sĩ lại không phải là võ sĩ quyền Anh…

2
CHẾT VÌ LẠNH

Nini Diehls bây giờ đã là bà Rascher rồi. Cả hai rất ý hợp tâm đồng và đều rất có công với tổ quốc họ. Và đây mới là bước đầu: người tớ gái trung thành Stakhanovisle vừa báo động cho họ biết là sẽ có một “hàng giao mới chắc chắn” trong thời hạn từ 7 đến 8 tháng tới đây. Bà Rascher có thể mua sắm kim đan mới. Bà sẽ là mẹ của đứa bé thứ ba ở vào cái tuổi khoảng gần nửa thế kỷ. Còn ông chồng bác sĩ, ông ta đang trù tính cho những “cuộc khám phá phi thường”. Với chiếc thân hơi khòm, tóc chải bóng, các chồng hồ sơ cấp trong tay, ông là “nhà bác học không thể có người thay thế được” ở dưới cái chế độ Đức quốc xã nầy. Tuy nhiên lòng tự phụ của ông ta càng làm ông ta bị xa cách với mọi người. Ông ta đã không từng tuyên bố với giáo sư Sinh lý học Rein như thế nầy sao:

- Ông tưởng ông là một nhà sinh lý học chính cống đấy ư? Không đâu: vì các thí nghiệm của ông chỉ được giới hạn trên các con bọ và các con chuột thôi. Tuyệt đối chỉ có tôi mới là người duy nhất biết thật về ngành sinh lý học của loài người, bởi vì, chính tôi, tôi đã làm thí nghiệm trên các con người, chớ không phải trên các con bọ hay con chuột đâu.

Rascher có gì để e sợ? Không có gì cả! Vì hơn lúc nào hết, ông ta là người được sự bảo trợ của Heinrich Himmler!

Sau ngày có trận chiến tranh với Anh quốc, các Cơ sở Nghiên cứu của Không quân Đức chú tâm về phần kê suất các cuộc cứu nguy trên mặt biển. Bởi vì người Anh đã hạ không ngớt các phi cơ Đức, nên biển Manche giá buốt là nơi giết chết các phi công của Thống chế Tư Lệnh Không quân Goering, còn hiệu quả hơn là các viên đạn liên thanh:

- Vấn đề cóng lạnh trở nên rất quan trọng cho chúng tôi (theo lời cung khai của y sĩ Thiếu tướng Hippke tại tòa án Nuremberg). Các phi công bị rơi xuống biển, đã bị chết vì lạnh, dù họ có quần áo ấm, các phi công được vớt từ biển lên hãy còn sống, cũng đã chết sau đó, dù có thuốc men, có chăn ấm và nhiều loại chăm sóc khác nữa. Cả Hải quân nữa, họ có kinh nghiệm về các người bị đắm tàu đã

được vớt về tới đất liền còn sống, nhưng rồi lại cũng bị chết đi. Đấy thật là một việc khó hiểu. Tại sao các người nầy không khôi phục được? Tại sao tình trạng của họ càng ngày càng nặng thêm cho đến chết? Tất cả bọn họ đều bất tỉnh nhân sự và cứng đơ người nhưng hãy còn sống. Rồi họ dần dần lịm đi luôn sau đó. Và chúng tôi không còn hiểu được gì nữa cả.

Rascher vào lúc bấy giờ đã từng giết hại các người "nhảy dù giả tạo" bị làm vật thí nghiệm trong phòng giảm áp suất ở Dachau. Giờ đây ông ta đang lo thu thập tất cả các bài nghiên cứu về vấn đề chết cóng được xuất bản hoặc đăng tải trên báo chí nhưng lại bất kham vì bởi còn đa mang quá nhiều "công việc bí mật và vô giá" của ông ta nữa, nên ông không thể xếp đặt cùng một lúc hai cuộc thí nghiệm khác nhau. Để định lại ngày, ông ta đề cập vấn đề nầy với Himmler. Ông nầy mỉm cười và nheo mắt bảo:

- Các dân chài đã tìm được chỉ mỗi một giải pháp, nhưng rất hay, khi họ lên bờ bị buốt lạnh, họ yêu cầu bà vợ nằm áp sát lên người họ.

Câu nói tới đây bị át mất trong tiếng cười rộ và tiếng đánh chát vào đùi.

Giáo sư Weltz, trong các tuần lễ tiếp theo đó, đã đăng tải một bài báo làm lôi cuốn sự chú ý của các cơ sở Nghiên cứu của Không quân và bác sĩ Rascher nhà ta:

"Theo cuộc nghiên cứu sơ khởi trên các con chuột bạch, do một sự tình cờ, Weltz và các vị phụ tá của ông đã khám phá ra được một sự kiện rất quan trọng là có rất nhiều con chuột bạch bị tê lạnh, thường ở vào một nhiệt độ thật nguy hại, lại được hồi sinh hết sức mau chóng, bằng cách cho ngâm nóng chúng trong nước ở độ ấm khoảng 40 độ. Theo các lý thuyết được tận dụng cho đến lúc bấy giờ, thì người ta hy vọng ở cái mà văn từ y học goi là bệnh "ngất xỉu trầm trọng" sẽ được cứu chữa bằng phép ngâm nóng.[11] Sau cuộc khám phá lạ lùng nầy, họ thử liệng nhanh các con vật bị tê lạnh 3 hay 4 lần trong nước có nhiệt độ ở 45 độ và ngay cả đến khoảng 60 độ, số bách phân các con vật được cứu sống còn tăng cao hơn nữa."

Tiếp theo đó, Weltz lên đường đi Dachau, ông vượt qua khỏi trại tập trung và đặt cơ sở làm việc tại một trại nuôi heo khổng lồ, cách

các “phòng hắc ám” của Rascher khoảng chừng 10 cây số.

- Tôi dời phòng nghiên cứu của tôi đến Freysing, tại một nông trại mà nơi đây, người ta nuôi nhiều heo, điều nầy cho phép chúng tôi thực hiện việc thí nghiệm trong các điều kiện gần với con người hơn. Thật vậy, con heo có một biến thái rất gần với biến thái con người, vóc dáng nó cũng tương xứng và nó cũng còn là giống không thuộc loài vật có da rậm lông.

Qua các thí nghiệm tiếp theo đó, Weltz nắm được các kết quả tương tự như với các con chuột. Không quân nghĩ đến việc áp dụng sự tái khám phá nầy (vì đã được khám phá trước từ thế kỷ thứ 19 ở Nga) cho con người. Các thủy thủ, phụ trách việc cứu vớt ở biển, sẽ được huấn luyện để vừa khi vớt lên, họ cho ngâm các phi công trong nước ấm 40 độ.

Rascher xen vào và tuyên bố với Thiếu tướng y sĩ Hippek:

Reichsfuhrer S.S. Himmler đã hạ lệnh cho tôi thực hiện các cuộc thí nghiệm trong lãnh vực nầy:

Điều mà ngày nay có vẻ như vô lý đã xảy ra: vị Thiếu tướng phải thoái nhượng trước một Đại úy… như Gebhardt sau nầy đã có nói về việc đó:

- Vì có hình ảnh của Himmler chập chờn ám ảnh.

Nhưng cái “hình bóng” nầy không hoàn toàn làm mờ ám cả trí thông minh của các nhà chuyên môn quân sự. Họ quyết tình giao công tác cho một chuyên viên. Một mình người nầy thôi, lo điều khiển công cuộc thí nghiệm… làm cái chân trên bàn đạp thắng, để kềm hãm các cuồng nộ háo sát của Rascher. Người được chọn là bác sĩ Holzlohner, ông là giáo sư sinh lý học tại Y khoa Đại học đường Kiel; các phi công đã từng nhờ đến ông trong việc chế biến các bộ áo phi hành của thời đại… Như loại hàng vải, giày ống, găng tay thông hơi, sẽ bốc hơi nóng khi chạm với nước. Giáo sư Holzlohner còn lo nghiên cứu và săn sóc các phi công được cứu vớt lên từ mặt biển, trong suốt thời gian có cuộc chiến với Anh quốc.

Ông là người làm việc rất tận tâm và gương mẫu. Chúng tôi chưa bao giờ thấy có một y sĩ nhân đạo như ông, chỉ có một việc đáng kể: trị lành bệnh cho chúng tôi.

Đấy là những lời diễn đạt của Đại úy Ichlutzer nói về giáo sư Hozlohner. Thế thì làm sao ta có thể tưởng được rằng ông đã nhúng tay vào các cuộc thí nghiệm trên con người? "Cái hình ảnh" của Himmler dường như không phải là một giải pháp thỏa đáng. Và người ta có thể tự hỏi, có phải vì một sự tin chắc là được khỏi bị trừng phạt, đã làm lay chuyển được cái căn bản đạo lý, cả nền y-đạo-học chức nghiệp và luôn các giá trị tinh thần của một số người rồi chăng? Để tránh thoát được cái ma lực quỷ quái, tiềm tàng trong người họ. Và ngay ở giờ phút đầu tiên báo hiệu sự sụp đổ của chế độ, giáo sư Holzlohner cảm thấy mình bơ vơ, không một sự che chở nào, nên ông đã tự tử.

Walter Neff biết rằng "ông đại úy nhỏ người" kia sắp gọi đến anh ta. Tất cả các cụ bị trong "khối" số 5, chỉ có thể che dấu thêm một sự "ngông cuồng" mới nữa. Có hình ảnh gắn bó nào sẽ thay được cái hình ảnh mà anh ta đang khắc sâu trong tận đáy mắt. Rascher giải thích:

- Phải đấy… thật là giản dị, anh đã có kinh nghiệm khá vững vàng qua các cuộc thí nghiệm về cao độ…

Từ thợ máy – y tá – đạo tì – thợ điện – bây giờ Neff lại trở thành viên phụ tá y khoa.

Hendrik Bernard Knol, một người Hòa lan trẻ tuổi, đang ngủ chập chờn trên tấm vạt giường của bệnh xá. Bệnh kết-mô-viêm của hắn ta được chữa khỏi từ từ.

- Đứng lên mau cái thằng chết thối! Theo ông! Mau lên!

Knol lãnh trọn một bá súng vào người khi hắn xỏ chân vào chiếc dép da.

Trước bệnh xá, có một chiếc xe vận tải màu xanh đang đậu chờ.

- Mầy sẽ đi vác nước đá.

Và "không hiểu chút gì mục đích của công tác nầy", Knol cứ lo vác khoảng 20 cây nước đá đem bỏ vào một cái hồ nước bằng gỗ thật kỳ lạ nằm ngay giữa gian phòng vừa được sơn lại mới mẻ mà người gác dan SS gọi là phòng lái máy bay nhảy dù.

Chúng tôi đang ở trong “phòng lái máy bay nhảy dù” của “khối” số năm. Chung quanh chiếc hồ tắm bằng gỗ, có các thứ như sau: một cái bàn thấp bằng cây sơn trắng, hai hộc tủ, một bàn viết nhỏ; dọc theo tường có một cái bàn thợ và một chiếc nệm rơm, chậu rửa bát đĩa, các ống nghiệm, bình cổ cong, ba chiếc ghế đẩu, và một chiếc ghế dựa; trên mặt đất, có các sợi dây điện; trên trần nhà, có cây đà bằng thép…

- Chiếc hồ bằng cây, bề dài độ 2 thước, sâu cũng chừng 2 thước. Cao hơn sàn nhà khoảng 50 phân. Nơi gian phòng thí nghiệm và trong chiếc hồ có một số dụng cụ đo lường (theo lời chứng của Walter Neff tại Nuremberg)

Cha Michialowsky không có thì giờ để đặt các câu hỏi nữa, cha chỉ kịp thấy các khối nước đá nổi lêu bêu trên mặt nước và nghe Rascher hét lớn:

- Cởi bỏ quần áo ra.

Ông linh mục là người Ba lan. Ông bị tên trưởng trại tập trung chọn làm thí vật và đi theo người y sĩ tại bệnh viện Dachau đến gần bên chiếc hồ tắm. Ông kể lại:

“Họ đặt dưới ót tôi chiếc ruột bánh xe thổi phồng, các sợi dây được nối liền với các máy và tôi bị quăng vào hồ nước. Liền ngay lúc ấy tôi bị quíu lạnh và bắt đầu run. Tôi kêu gào với các người ở quanh đấy rằng tôi không thể chịu đựng được lâu với cái lạnh nầy, nhưng họ lại cười và bảo với tôi rằng hãy ráng chịu trong giây lát nữa thôi. Tôi phải ngồi trong nước và còn giữ được sự tỉnh táo trong gần một tiếng rưỡi đồng hồ nữa. Trong thời gian nầy nhiệt độ trong người tôi lúc đầu hạ xuống từ từ, nhưng sau đó lại xuống rất nhanh, đầu tiên là 37 độ, kế xuống 33 độ rồi tiếp theo nữa là 30 độ, và bây giờ thì gần như không còn hay biết gì nữa cả. Cùng trong thời gian nầy, cứ mỗi mười lăm phút, người ta trích lấy máu từ lỗ tai tôi một lần. Họ đưa cho tôi một điếu thuốc và lẽ dĩ nhiên tôi đâu còn biết thèm muốn hút gì nữa. Nhưng, một người trong bọn họ, lấy đưa cho tôi điếu thuốc đó, và người y tá đứng gần bên hồ, tiếp đặt điếu thuốc vào môi tôi, rồi lại rút ra… Tôi hút được nửa điếu. Đoạn họ cho tôi một chút rượu mạnh, rồi một tách rhum ấm ấm. Chân tôi bây giờ trở nên cứng như sắt, tay tôi cũng thế, và hơi thở bây giờ lại thật ngắn. Tôi bị run trở lại. Một giọt mồ hôi lạnh lóe chảy trên trán tôi. Tôi có

cảm giác như là sắp chết đến nơi và tôi van nài họ lần nữa là cho tôi ra khỏi nơi ấy.

"Bác sĩ liền cho tôi vài giọt nước không rõ là nước gì, có mùi lờ lợ, kế đó, tôi không còn hay biết gì nữa. Đến khi tôi tỉnh lại thì đã gần 8 giờ tối. Tôi được đặt nằm dài trên chiếc băng ca phủ nhiều chăn mà bên trên có các ngọn đèn hơ ấm. Tôi kêu đói. Vị y sĩ của trại ra lệnh để người ta đem đến cho tôi những món ăn ngon.

"Tôi phải mất khá lâu mới hồi phục lại sức khỏe. Tôi đã mang một vài suy yếu về tim cũng như các bệnh nhức đầu và rất thường bị vọp bẻ ở chân. Khi đến trại tập trung tôi nặng tới 100 kí lô, đến lúc thí nghiệm tôi chỉ còn nặng có 57 kí lô thôi."

Thật rõ ràng là cha Michialowsky đâu có phải là kẻ tình nguyện và cũng như các bạn của cha, tất cả đều phải chờ người Mỹ đến để được giải thoát.

Các thí nghiệm của giáo sư Holzlohner và bác sĩ Rascher phải chấm dứt vào đầu tháng 10-1942. Có 80 tù nhân lần lượt được thí nghiệm trong hồ lạnh, dường như tất cả đều bị làm cho tê mê khi sự đau đớn trở nên không còn chịu đựng nổi được nữa. Tất cả đều còn sống lúc được đem ra khỏi hồ lạnh. "15 hoặc đến 18 người" đã bị chết trong khi các y sĩ thử nghiệm đang tìm cách hơ ấm họ lại, Neff khai.

Nếu phần đầu của cuộc thí nghiệm nầy đáng bị lên án, người ta cũng phải công nhận là không có thí vật nào bị giết chết một cách cố ý. Lòng "nhân đạo" tương đối của Holzlohner đã làm cho tên y sĩ hèn mọn kia nộ khí xung thiên. Sau rốt, ông được thở khì thoát nợ khi tên chủ nhân ông tuyên bố:

"Mục đích chúng ta đã đạt được. Không cần phải thực hiện các thí nghiệm khác nữa." Holzlohner và Rascher cùng thảo phúc trình. Nhưng sẽ đúng hơn để nói rằng: giáo sư Holzlohner đã thảo một mình bản kết quả thí nghiệm khoa học dài 50 trang giấy đánh máy. Các kết luận thật là mới mẻ đối với thời đại và người Mỹ là những người đầu tiên đã công nhận việc nầy. Một người chết chìm được vớt lên, tiếp tục bị tê cóng khi được cứu ra khỏi mặt nước, điều nầy giải thích được một số lớn trường hợp các người chết được ghi nhận sau khi được vớt lên. Người ta phải đem ngâm tức khắc nạn nhân trong nước ấm, đấy là cách duy nhất để cứu sống được họ,

nhất là không được cho họ uống rượu mạnh hay các loại thuốc men. Lúc khởi đầu trận thế chiến thứ hai, các đai cứu cấp giữ người bị đắm nằm dài trên mặt nước, chỉ giúp cho họ được chết mau hơn, vì cái ót và chẩm bộ rất dễ bị xâm hại hơn các bộ phận khác của thân mình. Từ rày về sau các đai cứu cấp sẽ phải giữ nạn nhân trong thế đứng, chiếc đầu tựa trên một cái vành bằng cao su.

Ông y sĩ đại úy tiễn giáo sư Holzlohner ra đến cửa trại rồi quay nhanh trở về phòng thí nghiệm riêng của ông ta. Giờ đây ông ta lại là vị chủ nhân ông duy nhứt của các nơi nầy, nơi các công cuộc nghiên cứu khoa học thực sư có thể bắt đầu lại.

Hendrik Bernard Knol luông lo việc cung cấp nước đá cho hồ tắm.

Buổi tối hôm ấy, vào khoảng 9 giờ, tôi vừa thả cây nước đá sau cùng vào hồ thì có một sĩ quan cùng đi vào với con chó của ông ta. Tôi nhận ra đó là Himmler. Bác sĩ Rascher trích lấy máu của tôi, đoạn cho lệnh tôi cởi quần áo ra. Họ tra vào người tôi cái đai cứu cấp. Thình lình tôi bị một đá và lọt xuống hồ nước giá lạnh. Himmler hỏi tôi thuộc loại "tù đỏ" hay "tù xanh".[12]

Tôi trả lời là tôi thuộc loại "đỏ". "Nếu anh thuộc loại "xanh", thì anh còn có hy vọng sẽ được trả tự do." Tôi không biết tôi đã phải ở trong nước giá lạnh bao nhiêu lâu cũng không biết cả những gì đã xảy ra cho tôi, vì tôi đã bất tỉnh nhân sự. Khi tỉnh lại, tôi thấy mình nằm dài trên giường giữa hai người đàn bà hoàn toàn như nhộng, họ đang cố thử khích động một cuộc giao hoan, nhưng không hiệu quả.

Như vậy thì lối đùa thô lỗ của Himmler về người chài lưới bị tê lạnh, thu rút người trong lòng bà vợ để tìm hơi ấm và sinh lực, vừa là một câu chuyện đùa thô tục, lại vừa là một sự vũ đoán khoa học. Himmler quyết làm một chuyến du lich ở Dachau để nhìn tận mắt cuộc khám phá quan trọng của ông ta. Chúng tôi có một lô, các bức thư rất khích động do Himmler và Rascher ký, về đề tài hoàn toàn có tính cách khoa học. Trong suốt thời kỳ có Holzlohner, Reichsfuhrer SS e dè hỏi: "Về thân nhiệt thì sao?" Đến khi Rascher làm thí nghiệm một mình, thì sự ám ảnh về bạo dâm và tình dục ở nhân vật thứ hai của chế độ (Himmler) có cơ bùng dậy:

- Tôi ra lệnh phải mang đến cho bác sĩ Rascher bốn người đàn bà ở trại nữ tù nhân Ravensbruck.

- Tôi rất muốn biết các thí nghiệm được thực hiện bằng thân nhiệt. Tôi nghĩ rằng các cuộc nghiên cứu nầy sẽ đem lại cho chúng ta các thành quả to lớn và lâu dài hơn. Tất nhiên là tôi cũng có thể lầm lẫn.

Rascher tiếp nhận bốn cô gái điếm ở trại giam đàn bà Ravensbruck. Mắt ông ta không rời một cô cao lớn hơn hết tên Ursula Krauss. Cô ta ước khoảng 20 tuổi, đẹp, dong dỏng cao, vẻ quí phái, tóc nâu, có thể làm ganh tị một số đông người thuần chủng Aryen; giữa gương mặt tuyệt hảo kia, người ta thấy nổi bật đôi mắt xanh to lớn, tươi vui và đầy mơn trớn. Rascher nói lớn:

- Vì sao? Cô, một phụ nữ Đức, giống người Bắc Âu, lại chịu dâng cơ thể mình cho bọn Do-thái, cho giống hạ cấp ấy, cái thứ thú vật ấy.

Cô nàng sẵng giọng đáp:

- Thà là vào ở 6 tháng trong nhà chứa, còn hơn là 6 tháng bị đày ở trại tập trung.

Rascher báo cáo việc nầy với Himmler:

- Cô ta đã rõ ràng biểu lộ các đặc tính của giống dân Bắc Âu. Mối tình cảm giống nòi ở tôi bị va chạm mạnh do việc bỏ rơi cô gái nầy cho các phần tử thuộc giống hạ cấp ở trại tập trung… Nhờ có một nghề chọn lựa thích hợp, cô ta ắt sẽ có thể hoàn lương được. Thế nên, tôi có ý không sử dụng cô ta cho các cuộc thí nghiệm của tôi.

Trái đất có thể ngừng xoay, Himmler và Rascher phải cứu cô gái thuộc giống dân Aryen nầy ra khỏi sự sa đọa. Tình cảm duy nhất mà họ có được, “mối tình cảm giống nòi” đã làm họ động tâm. Himmler đọc cho viên bí thư một bản văn gởi cho các trưởng trại tập trung như sau:

- Ursula Krauss được đặt dưới sự bảo trợ của quốc gia, thuộc về loại các cô gái mà chúng ta phải cố gắng cứu vớt cho dân tộc Đức và cho cả chính cuộc đời của họ sau nầy nữa. Tôi vừa khám phá ra rằng có những tên điên đã nói với các nữ tù nhân ở Ravensbruck là các cô nào trong bọn họ chịu tình nguyện vào nhà chứa của trại, sẽ được thả trong 6 tháng sau.

Tôi ra lệnh:

1) Chỉ nên đưa vào nhà chứa của trại, các người đàn bà nào cho thấy rằng họ sẽ không thể nào tìm lại được một cuộc sống bình thường. Chúng ta không được biến chúng ta thành thủ phạm vì đã

làm bại hoại một người đàn bà còn có thể cứu vớt được cho dân tộc Đức…

2) Tất cả các cô gái trẻ nào còn có thể cứu vớt được, phải được tách rời với đám người lớn tuổi… phân biệt giữa các người có thể cải tạo được và các người sẽ được cứu vớt vĩnh viễn…

Lịch sử không hề biết được Ursula Krauss có hoàn lương được không. Nhưng có một điều chắc chắn là: cô ta không phải bị nằm dài trên chiếc giường khổ ải của người thợ trẻ ở Haarem là Bernard Knol. Đến ngày 12-2-1943, các công việc tồi tục của bác sĩ Rascher chấm dứt bằng sự chuyển gởi về cho vị chúa trùm (Himmler) của ông ta, một bản phúc trình ngắn xứng đáng được đăng vào mọi tuyển tập thuộc loại bậy bạ:

- Các thí vật trần truồng hoặc có mặc đồ, theo lệ thường bị ngâm lạnh trong nước có nhiệt độ giữa 4 và 9°. Họ được đem ra khỏi hồ lạnh khi nhiệt độ ở hậu môn xuống tới 30°. Trong suốt 8 cuộc thí nghiệm khác nhau, họ được đặt giữa hai người đàn bà trần truồng trên một chiếc giường khá rộng rãi. Các người đàn bà phải ôm chặt người "thí vật" bị ngâm lạnh và càng siết chặt được chừng nào tốt chừng nấy. Cả ba người được phủ mền bên trên.

Kết quả:

1 – Khi nhiệt độ các thí vật được ghi nhận, người ta ngạc nhiên thấy rằng thân nhiệt tiếp tục giảm xuống đến 3° khi ra khỏi hồ lạnh, sự kiện nầy đã tạo nên một độ hạ phụ trội lớn hơn độ hạ thấy được ở các phương pháp thí nghiệm khác. Tuy nhiên, sự hồi tỉnh lại xảy ra sớm hơn. Các thí vật nhận biết lại thực trạng sớm nhanh và cuốn rút vào người các người đàn bà trần truồng để tìm hơi ấm. Thân nhiệt tăng lên gần như cùng tốc độ với trường hợp các người được sưởi ấm bằng cách trùm đắp chăn mền. Có 4 thí vật ở vào trường hợp ngoại lệ: với nhiệt độ từ 30 đến 32°, họ thực hiện được một cuộc giao hoan. Ở các người nầy, nhiệt độ tăng lên rất nhanh sau cuộc giao hoan và có thể sánh với sự gia tăng nhiệt độ xảy ra trong trường hợp ngâm vào nước ấm 40°.

2 – Một loạt thí nghiệm khác được thực hiện bằng sự hơ ấm với chỉ bằng một người đàn bà thôi. Trong trường hợp nầy, thì việc sưởi ấm lại nhanh hơn trường hợp phải sưởi ấm với hai người đàn bà. Người ta có thể cho rằng với sự ấp ủ mật thiết của người đàn bà thì

nạn nhân lạnh cóng kia sẽ chóng hết lạnh hơn và trong trường hợp nầy, sự hồi tỉnh trở lại cũng khá mau. Chỉ có một thí vật bị mê luôn, và sự sưởi ấm cũng rất kém hiệu quả, nên người nầy bị chết đi với các triệu chứng xuất huyết ở não bộ, được xác nhận qua cuộc phẫu nghiệm tử thi.

Rascher kết luận rằng phương pháp sưởi ấm bằng thân nhiệt nầy rất kém hiệu quả và nên chọn cách ngâm nước ấm hơn.

Đầu hơi cúi xuống, Rascher lại lao mình vào các cuộc nghiên cứu mới nữa, và nếu như người ta xếp theo một thứ tự về sự khủng khiếp thì tất nhiên là sẽ thấy tàn bạo hơn nhiều.

Vị chỉ huy trại tù chọn các sĩ quan Nga làm vật thí nghiệm. Là các tù nhân chiến tranh, họ mới bị đưa về trại tù chỉ có mấy ngày. Rascher đòi:

- Tôi muốn có hai người thật lực lưỡng của trại… như các con bò mộng càng hay.

Họ được dẫn ra khỏi khám và đến đây. Các người tù giúp việc và các người phụ tá ở phòng thí nghiệm bị cấm không được nói với họ một lời gì, nếu không sẽ bị án tử hình. Rascher muốn biết một người bình thường, có thể chất khỏe mạnh, có thể chịu đựng đến bao lâu trong nước ngâm lạnh. Hai sĩ quan tù binh nầy lặng lẽ cởi đồ và nhảy xuống hồ nước. Trong 2 giờ, họ cắn răng chịu đựng không hề kêu la. Walter Neff hỏi Rascher:

- Có lẽ nên tiêm cho họ một mũi thuốc mê.

Rascher chỉ rùng vai. Một trong hai người sĩ quan tù binh nói với bạn của hắn:

- Hãy bảo với thằng sĩ quan kia nên kết liễu bọn mình bằng một viên đạn.

- Đừng mong gì ở thằng chó đó.

- Họ nói chuyện gì vậy? – Rascher hỏi.

Một y tá Ba lan lược dịch lại gần đúng với ý trên. Rascher bèn bước ra:

- Đừng ai động đậy gì cả, cứ để yên đó. Rồi sẽ thấy! Nếu họ phá được kỷ lục về thời gian.

Khi ông ta đi rồi, tên Ba lan trẻ lúc nãy nghiêng mình qua hồ để thử chụp thuốc mê cho các người bất hạnh nầy. Đôi môi của họ giống như hai nắm tay có nhiều đốt. Rascher thình lình mở cánh cửa. Ông ta cầm trong tay một khẩu súng lục.

- Thật rõ ràng quá rồi. Mầy muốn phá hoại cuộc thí nghiệm của tao mà! Tao phải giết mầy như giết một con chó. Tất cả tụi bây đều biết rõ là sẽ bị chết trong nước như bọn họ, nếu tui bây lại gần hồ mà không có lệnh.

Đã suốt 5 giờ rồi, hai sĩ quan Nga phải chống chỏi với tử thần một cách tuyệt vọng. Kỷ lục của hồ tắm đã lập nên, và sẽ không bao giờ bị phá được.

Để mở rộng phạm vi khảo sát của ông ta, tên bác sĩ cuồng ngông đã bước qua chương hai của vấn đề lạnh cóng. Chiến trường Nga đã chứng tỏ rằng "cái lạnh khô khan" của các cánh đồng tuyết băng, ngập gió, cách xa đây, đã từng là đồng minh tốt nhất của các đoàn quân Nga. Ngày 4-4-1943 Rascher có viết:

- Nhờ trời, ở Dachau lại cũng có một thời ký băng giá giống như vậy.

Thật là cái may bất ngờ! Như là trời đã giúp cho ông ta. Lạnh 8 độ dưới 0 độ! Tuy không dám mong nhưng Walter Neff lại được thăng nhiệm một lần nữa. Hắn ta trở thành như loại phụ tá Giám đốc của các cuộc thí nghiệm… Nhưng dù được như thế nào mặc lòng… tất cả đối với hắn ta rồi cũng vậy thôi. Hãy nghe hắn nói:

- Người tù thứ nhất trần trụi bị để nằm dài trên chiếc cáng đặt bên ngoài gian phòng thí nghiệm. Hắn được che một lớp vải phủ. Và cứ từng giờ qua, người ta lại đổ lên người hắn một thùng nước lạnh buốt. Hắn phải chịu như vậy cho đến sáng…

Thật khó tưởng tượng được nỗi đau đớn của người tù nhân nầy phải nhận chịu sự buốt giá từng phút nầy qua phút khác, qua các tiếng kêu gào đau đớn và qua tiếng van xin thê thảm của hắn. Vậy mà Rascher cũng chưa vừa lòng, ông ta còn bảo:

- Thật là điều sai lầm khi cho phủ lên người hắn một tấm chăn. Như thế đó thì làm sao khí trời tiếp xúc được với cơ thể của hắn. Vào đêm tối, tôi muốn thí nghiệm như vậy với 10 tội nhân khác và nhất là không được có tấm chăn phủ.

Từ 18 ngày qua, Rascher chỉ ngủ có vài giờ vào lúc sáng sớm. Nhờ có sự đam mê thí nghiệm đã hỗ trợ cho ông ta, nhưng đến sáng hôm thứ 19 thì ông ta tiến đến bên Neff và giao phó cho hắn:

- Tôi không còn chịu đựng hơn nữa được, và sẽ cần ngủ trong các đêm tới nầy. Vậy tôi tin cậy ở anh mọi việc được giao cho.

Được giao nhiệm vụ trên, Neff lại có ý định phá các cuộc thí nghiệm bất nhân nầy.

- Buổi chiều đó, chúng tôi chụp thuốc mê cho cả 10 tội nhân và chỉ để một người ở ngoài cho đến 10 giờ sáng. Chúng tôi sẽ được báo động bằng một ngọn đèn đỏ làm hiệu khi có Rascher trở lại đây. Đến 6 giờ sáng, chúng tôi lo viết các báo cáo. Tất nhiên là chúng tôi ghi cả 10 người đều để ở ngoài. Thế nên, trên các tờ báo cáo, người ta thấy 10 tù nhân kia bị lột quần áo bỏ trần trụi suốt đêm ở ngoài trời với một độ lạnh xuống tới 10 độ dưới 0 độ mà không có ai bị ra sao cả. Và nếu là người chuyên môn tất sẽ phải thấy ngay rằng đấy là một chuyện hết sức vô lý. Theo lý thuyết, chúng tôi phải thử chừng 100 cuộc thí nghiệm, nhưng trong thực tế thì chúng tôi chỉ thực hiện khoảng 20 thôi. Trong các cuộc thí nghiệm do Rascher giám sát và điều khiển đã có 3 người chết. Các thí vật bị bỏ lạnh ở ngoài trời suốt 15 tiếng đồng hồ. Thân nhiệt thấp nhất xuống 25°. Phần nhiều các cuộc thí nghiệm đã được thực hiện mà không có sự chụp thuốc mê. Ban đầu Rascher không muốn nhưng các tù nhân gào thét đến nỗi ông ta bắt buộc phải chấp nhận.

Rascher cho rằng nếu cuộc thí nghiệm có thêm sự đánh thuốc mê thì kết quả đạt được sẽ “rất ít giá trị khoa học”. Nhưng làm sao hơn, nơi một trại giam? Khi mà sự bí mật không thể giữ được, nếu các người nầy rên siết và kêu la trong nhiều giờ. Có một giải pháp đây rồi: Auschwitz. Tại nơi nầy, ông ta có thể đặt các phòng thí nghiệm trong vùng vắng vẻ bao quanh ngoài căn trại. Như chúng ta đã biết về Rascher nên chúng ta có thể chắc chắn rằng ông ta sẽ thành công, nhưng sự khám phá ra một nhà hóa học tù nhân ở Dachau là Robert Feix đã ngăn trở một cách quái ác các cuộc thí nghiệm về cơn rét lạnh ở ngoài trời của ông ta. Kể từ ngày giáo sư Holzlohner rời khỏi nơi nầy cho đến nay, Rascher đã giết hại hơn 80 tù nhân, chưa kể đến các tội phạm mà ông ta bắt họ phải chịu làm thí nghiệm, với một mình ông ta, trong vòng đai kín của lò hỏa táng, về

việc các viên kẹo thuốc và các ống thuốc độc cyanure. Ông ta tất phải giết ở đó, có thể 10 người, có thể 100 người như là vật hy sinh cho các cuộc thí nghiệm riêng. Người ta thật khó biết được điều nầy. Walter Neff còn quả quyết thêm:

- Ông ta chế, độ từ 60 đến 80 viên mỗi ngày. Chúng tôi nói giữa bọn với nhau; "Bọn họ đang chế thuốc độc để họ tự liệu cho nhanh chóng khi có chuyện không hay sẽ xảy đến cho họ".

3
NINI ƠI, CHÚNG TA SẼ TRỞ THÀNH TRIỆU PHÚ

Rascher giận vì chuyện gì thế? Ở Dachau, đợt thí nghiệm thứ ba quan hệ đến Không quân đã được bắt đầu thế mà ông ta, một đại chuyên gia về Hàng không, không được ai nói năng hay hỏi ý kiến gì cả. Nhưng thái độ ông ta thật lạ, thay vì tỏ ra ganh tị, tức đến hộc máu thì ông ta lại có vẻ hào hứng, khe khẽ huýt sáo. Ông ta cắm cúi sau chiếc bàn bọc da đỏ thẫm viết thư cho vợ:

- Nini, anh không thể nói rõ gì hơn với em, nhưng em có thể tin nơi anh rằng chúng ta sắp trở thành triệu phú một cách nhanh chóng.

Từ lâu rồi, lúc nào ông ta cũng mơ tưởng đến con số bạc triệu. Bây giờ ông cũng có một số khá đủ, nhờ đã chịu khó làm việc vất vả, nhờ sự giúp đỡ của bà vợ và của Himmler. Ông đang sống trong một ngôi nhà mới sang trọng, có màn che trướng rủ, có tôi tớ phục dịch. Đã chấm dứt rồi thời kỳ làm ăn lặt vặt: "Tôi sẽ tố cáo với anh một người, anh cho tôi một ngân phiếu; tôi thực hiện một cuộc thí nghiệm anh cho tôi một ngân phiếu nghe". Bây giờ Rascher làm ăn đại qui mô hơn: trước tiên, ông sẽ thành lập những cơ xưởng ở Thụy sĩ, rồi ông sẽ vượt biên giới ra ngoại quốc. Ông sẽ lập nghiệp ở Gia nã đại, hoặc có thể ở cả Mỹ. Người Mỹ cũng như người Đức, đều rất cần đến sự phát minh của Robert Feix, xin lỗi, phải nói là của Sigmund Rascher mới được!

Robert Feix là một nhà hóa học Đức nổi tiếng: ông là chuyên viên về thực phẩm cơ động và sự đông đặc của máu. Nhưng Feix lại là người Do-thái, mà những đảng viên Quốc xã lại không bao giờ tha thứ cho cái tội lỗi tổ tông ấy. Cũng may là Feix rất giàu nên ông đã dựng được những giấy tờ chứng nhận ông là "người lai Do-thái". Ông tiếp tục vung tiền ra nữa để trở thành dân "Aryen" bậc nhì, rồi… Bỗng có người tố giác ông, nên việc leo thang về nguồn gốc thuần túy của ông bị chặn đứng lại. Nhưng ông không bị kết tội là người Do-thái mà bị kết tội hủ hóa một số công chức. Ra tòa, ông được xử tha bổng, nhưng đến cuối phiên tòa ông lại bị tống giam theo lệnh của Bormann. Trong thời gian ông chờ đợi được cứu xét lại, thì bọn thủ hạ của Bormann chắc chắn là rồi đây thế nào ông cũng bị kết án,

nên đã dọn hết sạch ngôi nhà giàu sang của nhà hóa học. Ở Dachau, ông tiếp tục các công trình nghiên cứu và phát minh được thuốc Polygal 10. Một viên thuốc nầy có thể cầm máu được 6 tiếng đồng hồ. Nó có công hiệu gấp ba lần những thuốc cầm máu hiện có và giá cũng rẻ hơn gấp ba. Trước một cái "gia tài" đồ sộ như thế nầy, Rascher không thể nào bỏ lỡ cơ hội khai thác được. Ông ta tính toán kỹ lưỡng một chương trình sử dụng triệt để loại thuốc Polygal 10 nầy. Ông sẽ cho tất cả quân nhân Đức, trên khắp các mặt trận, trong suốt thời gian chiến đấu của họ, cứ cách 6 giờ thì uống một viên Polygal 10. Như vậy thì các thương binh sẽ đỡ bị mất máu và mạng sống được kéo dài hơn… Rascher sẽ cho điều chế liên tiếp hằng tấn và hằng tấn Polygal 10, hằng triệu và hằng triệu viên Polygal 10 đủ màu và đủ cỡ.

Cuộc thí nghiệm sự công hiệu của thuốc nầy rất giản dị, chỉ cần cho các bệnh nhân sắp mổ uống một liều thuốc nầy… Đối với Rascher thật là quá dễ! Con ác quỉ đang gậm nhấm linh hồn Rascher, nó ngạo nghễ cười và thúc dục ông ta hãy giết, hãy giết nữa đi.

Chúng ta sẽ không bao giờ biết được gì về các cuộc thí nghiệm của Rascher nếu không có các lời khai của ông chú của Rascher, bác sĩ Frifz Rascher, trước tòa án Nuremberg. Chúng ta có lẽ phải khâm phục: sao lại có một gia đình đoàn kết đến như thế! Con thì tố cáo cha với sở mật vụ Đức, chú thì tố cáo cháu với người Mỹ.

Bác sĩ Fritz Rascher kể rằng: thỉnh thoảng ông có đến Dachau thăm Sigmund Rascher. Có lần ông vào văn phòng cháu ông và trên bàn bày la liệt những tài liệu.

- Các giấy tờ nầy liên quan đến việc xử bắn bốn tội nhân để thí nghiệm thuốc Polygal 10. Tôi chỉ còn nhớ có hai người, một người là ủy viên Nga, còn người kia là dân ở đảo Crète. Hai người kia, tôi không nhớ rõ là ai. Một tên lính SS đứng trên chiếc ghế và từ trên cao bắn xuống phía vai phải của người Nga. Viên đạn trổ ra gần chỗ gan. Bản báo cáo mô tả dài dòng cảnh người Nga đau đớn oằn oại, rồi té ngồi trên chiếc ghế, đoạn tắt thở trong vòng hai mươi phút.

Đọc xong, tôi xúc động choáng váng cả người nên không thể coi tiếp ba trường hợp sau.

Bây giờ chúng ta có thể hình dung lại dễ dàng những cảnh tượng ấy.

Để thủ lợi cho riêng mình, lúc bấy giờ Rascher lén lút thương lượng với các viện bào chế… Ông ta thông đồng với một viện ở Lustenau sát ngay biên giới Thụy Sĩ. Có lẽ trong khi ông ta đang mơ màng nghĩ đến những chuyến buôn lậu thì ba tên SS ập vào bắt ông ta đi. Rascher đã muốn làm giàu nhanh quá nên mới bị tán mạng. Trong các trại ở Dachau, nếu muốn thì ông ta tha hồ giết bất cứ người nào. Himmler đã cho quyền và còn khuyến khích ông ta nữa, nhưng… ông ta không bao giờ được phép ăn cắp một đồng mark của chánh phủ. “Nhà ông ta đang cháy”, các “bạn” ông ta lại đổ dầu vô thêm nữa. Vợ ông ta là Nini vừa hạ sinh đứa con thứ ba nữa. Có người tố cáo với Himmler là vợ chồng ông đã ăn cắp đứa bé. Thế là, bắt đầu cuộc điều tra, rồi người tớ gái bị bắt và Nini bị tống giam. Nini đã hết rồi hay gần như vậy. Bà Rascher sẽ bị treo cổ ở Ravensbruck ngay đêm trước khi trại nầy được quân Đồng minh giải thoát.

Về phần bác sĩ Sigmund Rascher, ông ta đã đền xong tội ác vào khoảng thượng tuần tháng 6 năm 1945. Ông ta bị giam trong một xà lim ở dưới hầm trại Dachau; chiếc ghế bố ọp ẹp trong cái phòng bé tí ấy đã từng là nơi ăn nằm của các tù nhân mà ông ta đã từng sát hại trong các buồng áp khí thấp hay trong “hồ tắm” lạnh. Cũng như thường lệ, tên chúa ngục SS đập vào cái ghi sê trên cánh cửa thô sơ bằng cây thông, trong một buổi chiều, để gọi Rascher ra lãnh phần xúp nấu bằng củ cải vạt. Rascher đứng lên. Tên SS đã sẵn sàng chờ đợi với khẩu súng lục trên tay đang chĩa thẳng về phía Rascher. Ông nầy chầm chậm tiến tới. Tay trái mở ghi sê ra, tay phải từ từ đưa thẳng tới, rồi hạ thấp xuống một chút, tên SS nhắm ngay và bấm cò. Xong, hắn mở cửa phòng ra và bước vào tặng vị bác sĩ một viên đạn ân huệ, viên đạn mà vị nầy lúc trước bao giờ cũng từ chối đối với các nạn nhân của ông.

4
KẾ HOẠCH NEW YORK

Các nhân vật cao cấp của Đức, người nào cũng đã hơn một lần nghe Himmler tuyên bố.

Các ông sẽ thấy, trước khi thực hiện xong loại vũ khí đặc biệt,[13] chúng ta sẽ cho phi cơ bay qua tận nước Mỹ. Chúng ta sẽ rượt họ tới tận ổ để họ không còn ngây thơ tin tưởng là luôn luôn an toàn nơi hòn đảo của họ. Chúng ta sẽ biến nước Mỹ thành một Anh quốc thứ hai.

Nếu có ai thắc mắc hỏi:

- Nhưng còn các phi công thì sao?

- Phi hành đoàn sẽ không thể bay được trở về Đức. Nhưng chúng ta sẽ có cách cứu họ tất cả. Tôi không muốn cho ai kết tội chúng ta là đã đưa người của mình tới cửa tử.

Từ năm 1935, các sở Nghiên cứu của Hải quân và Không quân đã thực hiện việc khảo sát nước biển trong các phòng thí nghiệm. Họ chỉ có một vấn đề duy nhất phải giải quyết:

- Làm sao biến chế cả tỉ lít nước biển ấy thành nước ngọt uống được? Người ta phải chết khát giữa muôn trùng sóng nước như vậy thật là vô lý.

Himmler và các cơ sở thí nghiệm của lực lượng SS lại đặt vấn đề trên một cách khác.

- Nếu chỉ uống nước biển không, thì sức con người chịu đựng được trong bao lâu?

Chúng ta sẽ không bao giờ biết được Hitler và Himmler có thật sự muốn cho oanh tạc cơ bay qua tận New York và mang về một chiến thắng vẻ vang về phương diện tâm lý không? Điều nầy chưa biết rõ. Nhưng có một việc chắc chắn đã xảy ra là Himmler đã đóng góp một sự lợi ích đặc biệt trong việc thí nghiệm nước biển. Đây chỉ là bằng cớ đầu tiên chứng tỏ hai nhà lãnh đạo bắt đầu thực hiện giấc mộng vượt đại dương.

Vào thời đó, ở Đức có hai phương pháp điều chế nước biển thành nước ngọt. Phương pháp thứ nhất của Schaefer, là một nhà hóa học y khoa, nhưng trong quân đội ông lại chỉ là một hạ sĩ quan. Phương

pháp thứ hai của Berka, là một kỹ sư nổi danh, đồng thời là một vị sĩ quan. Lúc đầu thì cách thức điều chế của Berka được chú trọng hơn.

Các cơ quan kỹ thuật của Không quân khuyên Himmler nên thí nghiệm theo phương pháp của Berka. Họ viện lý do: muốn thực hiện theo phương pháp của Schaefer thì phải xây cất một nhà máy vĩ đại tốn kém mỗi tháng ba tấn bạc. Trái lại, cách thức điều chế của Berka rất giản dị, lại gần như không phải tốn kém gì cả và mùi vị nước cũng khá ngon.

Schaefer phản đối:

- Xin lỗi, Berka chỉ là một ông lang băm. Phương pháp của ông ta chỉ làm thay đổi mùi vị của nước biển mà thôi. Chỉ trong nửa giờ thôi tôi sẽ phân chất cho các ông thấy cái nước xi rô của ông ta sự thực chỉ là nước biển. Còn tôi, trái lại…

Nhưng mà Schaefer chỉ là một hạ sĩ quan…

Không quân phụ trách công việc thí nghiệm. Lực lượng SS thì cung cấp thí vật. Giáo sư Beiglbock của Y khoa Bệnh-nghiệm học ở Đại học Vienne, đã điều khiển các nhà nghiên cứu trong trại Dachau là trại "làm thử loại công việc nầy". Beiglbock là phụ tá của bác sĩ Hans Eppinger, là người được coi như một trong những vị bác sĩ giỏi nhất lúc bấy giờ ở Áo.[14]

Beiglbock tin tưởng nơi Schaefer nên ông quyết định thí nghiệm luôn cả phương pháp của ông nầy.

Karl Holleinreiner và Joseph Laubinger đều bị giam ở Buchenwald. Từ lâu rồi, người ta cứ thường lập đi lập lại bên tai họ:

- Chúng bay là người Tzigane,[15] chúng bay cũng không có giá trị gì hơn người Do-thái… Ngày nào họ cũng chờ đợi người ta đưa họ đến lò thiêu xác. Chỉ có việc khổ dịch đặc biệt mới rút họ ra khỏi cái địa ngục hiện tại, nơi mà người chết có lẽ còn sung sướng hơn người sống. Buổi sáng hôm ấy, máy phóng thanh kêu tên và số trước tịch của họ trong một danh sách dài toàn người Tzigane. Karl là người lúc nào cũng muốn nhảy bổ vào hàng rào kẽm gai để được bị bắn chết, được chấm dứt những đau khổ đọa đày, nên khi nghe kêu tên mình, hắn thấy nhẹ nhõm. Hắn khỏi cần phải tự tử, sự "chọn

lựa" nầy đã báo trước thần chết sắp đến và một dân tộc cũng sắp bị tiêu diệt, bôi xóa.

Tên Kapo[16] nói oang oang:

- Chúng bay là cái giống người vô tích sự. Chúng bay sẽ đi dọn dẹp đường xá sau những cuộc oanh tạc…

- Thành phố nào?

- Chúng bây sẽ thấy ngay!

Ở Dachau, họ được một người có đôi mắt ti hí và hai gò má đầy vết sẹo sâu đón tiếp. Giáo sư Beiglbock ra lệnh những người phụ tá phải khám và rọi kiếng cẩn thận tất cả các tù nhân. Ông chỉ giữ lại bốn mươi bốn người trong số sáu mươi ba người được đưa đến.

Joseph Laubinger vẫn còn tưởng người ta sẽ thành lập một biệt đội để dọn dẹp đường xá, nhưng "người thẹo mặt" làm anh ta sáng mắt ra ngay. Cảnh nầy được diễn ra trong căn trại ¼.

- Các anh được đưa đến đây để tham dự vào những cuộc thí nghiệm y học không nguy hiểm. Tôi lập lại là: không nguy hiểm. Các anh sẽ được nuôi nấng tử tế, sẽ được hút thuốc, duy có điều là phải uống nhiều số lượng nhỏ nước biển, dưới sự kiểm soát của chúng tôi.

Lần đầu tiên, Karl Holleinreiner dám cất tiếng nói, hắn ta cũng ngạc nhiên về sự can đảm của mình:

- Chúng tôi không đến đây để chịu thí nghiệm.

Một tù nhân khác tên Rudi Taubmann nói theo:

- Tôi không nhận.

Người mặt thẹo tiến lại gần hắn ta:

- Nếu mầy không đứng yên, mầy sẽ biết!

Rồi quay về những người kia, ông ta nói:

- Việc thí nghiệm không có gì nguy hiểm. Sẽ không có ai chết cả, vả lại, sau đó các anh sẽ được phóng thích. Ai có thân nhân ở trong quân đội, hãy cho tôi biết tên họ.

Khối 1/4 ở riêng biệt một nơi. Những y sĩ chỉ dùng gian phòng lớn phía bên trái mà thôi. Các người lính SS thì canh giữ ở cửa thông ra hành lang và ở cửa nhà vệ sinh. Beiglbock chọn 44 người vì ông đã

chuẩn bị sẵn 44 lít nước trong phòng. Những người Tzigane đều rất trẻ, phần đông dưới 20 tuổi, người trẻ nhất chỉ có 16 tuổi. Rất khó biết những chi tiết trong việc thí nghiệm nầy vì mỗi người đều theo một phép ăn uống riêng biệt. Nhiều người bị bỏ đói ròng năm hay bảy ngày, một số người khác lại được ăn theo khẩu phần quân đội. Một số người bị bắt uống 500 phân khối nước biển hoặc nước của Berka, hay nước của Schaefer, có người uống đến một ngàn phân khối.

Laubinger kể lại:

- Ngay ngày đầu tiên, một bạn tù đã nói: nếu chúng ta uống nước biển chắc chắn chúng ta sẽ chết. Chúng ta phải đồng ý với nhau không chịu uống.

Beiglbock nghe nói như vậy thì ông ta thét lên là: phá hoại. Ông ta nói thêm:

- Mầy biết số phận những kẻ phá hoại ra sao không? Người ta treo cổ chúng lên!

Beiglbock bắt một người phải uống nước biển vô, nhưng người ấy lại ói ra ngay tức khắc. Ông ta liền lấy một ống cao su thọc vào miệng nạn nhân, rồi đổ thật nhiều nước biển vào ống ấy.

Trong lúc bị thí nghiệm, các tù nhân phải liếm nước ở các vòi nước đã bị khóa lại trong cầu tiêu. Một người đã khám phá ra một chỗ rỉ nước sau cái bồn.

- Người nầy liền bị Beiglbock cột chặt vào giường và dán miệng lại bằng miếng băng keo. Tôi có trông thấy người ấy, miệng bị bịt kín lại. Hắn nằm cách tôi hai cái giường… Nhiều người đã bị công phạt, lăn lộn trên giường và kêu la như trẻ con, miệng sùi bọt.

Người Tzigane tên Holleinreiner, mang số 23 kể:

Tôi phải uống loại nước ghê gớm nhứt đó là nước màu vàng (của Berka). Tôi còn nhớ, từ cửa bước vô thì ở ngay hàng đầu, trên chiếc giường thứ hai có một người đang cất tiếng sủa y hệt như một con chó. Miệng anh ta sùi bọt. Anh là người đầu tiên bị chích lấy nước trong gan ra. Chúng tôi điên lên vì đói vì khát, nhưng người y sĩ ở đây không động lòng thương xót. Ông ta lạnh như băng và không để ý gì đến chúng tôi cả. Ông ta nổi cơn thịnh nộ khi thấy một người Tzigane ăn một chút xíu bánh và uống nước ngọt. Ông liền cột anh

nầy vô giường và dán miệng lại. Một người khác ở phía bên phải tôi là một người thanh niên to lớn, vạm vỡ, anh ta không chịu uống nước biển. Người y sĩ bắt anh phải nuốt một cái ống dò, anh bèn sụp lạy van xin, nhưng ông ta vẫn tiếp tục đổ nước vào trong chiếc ống dò đó.

Một người y tá tên Joseph Worlizeck đã vô ý làm đổ nước mặn xuống đất, anh ta kể lại:

- Tôi đi ra ngoài tìm một miếng giẻ để lau. Tôi lấy miếng giẻ thấm nước. Xong rồi tôi lại bỏ miếng giẻ lại đó và quên đi. Những người Tzigane đã chụp lấy miếng giẻ đó và nút nước. Miếng giẻ nầy đã được xả nước ngọt trước khi dùng để lau nước mặn.

Người y tá kể tiếp:

- Beiglbock cho gọi tôi đến và hăm dọa tôi. Nếu tôi còn tái phạm tôi sẽ bị dùng làm thí vật. Chính mắt tôi thì tôi chưa thấy một người nào chết, nhưng một người Tzigane đã nói với tôi rằng: Sau khi bị thí nghiệm, một người bạn của anh đã chết khi rời khỏi “khối” được ba ngày.

Bác sĩ nhãn khoa người Pháp là Roche và các đoàn viên trong ủy ban bí mật kháng chiến của trại muốn biết đích xác việc gì xảy ra bên trong cái “khối” huyền bí kia. Để sau nầy, nếu có người nào còn sống sót khi rời khỏi Dachau thì người ấy sẽ có thể làm nhân chứng… Bác sĩ Roche đã nài nỉ xin Beiglbock hãy dùng ông trong toán phụ tá.

- Ông thiếu một người chuyên môn về mắt… Các nhận xét mà tôi có thể làm được trong tròng con mắt sẽ rất là quý báu cho các công cuộc nghiên cứu của ông.

Beiglbock nhận lời, và do đó bác sĩ Roche mới khám phá ra:

- Thật là khủng khiếp: Họ nổi điên cả. Họ thét lên như những con heo con. Những người điên! Họ đang lên cơn, nếu không thì cũng cảm thấy mình sắp lên cơn. Họ đều nghĩ rằng mình sắp chết. Khi đã kiệt sức rồi thì họ nằm mê man thiêm thiếp, miệng gầm gừ. Cảnh tượng thật là rùng rợn: da họ sưng phồng lên và tróc ra từng mảnh, còn mạch máu ở màng tang thì thoi thóp…Trong một vài ngày mà trông họ già đi đến 40 tuổi. Những bộ phận chính trong cơ thể họ

đều trở nên sần sùi như da voi. Tôi đã thuyết phục được Beiglbock ngưng cuộc thí nghiệm cho 3 người Tzigane, bằng cách nói với ông ta là chắc chắn họ sẽ chết. Ông ta đã nghe lời tôi.

Ba người nầy được để nằm trên ba cái cáng để đưa xuống bệnh xá. Khi họ bắt đầu thực hiện đợt thí nghiệm đầu tiên thì cả trại đều bị nóng bức khác thường. Bỗng vào buổi xế trưa thứ bảy, lúc Beiglbock vừa đi nghỉ xả hơi thì trời tối sầm lại và mưa trút xuống làm đất ở Dachau trở nên lầy lội. Bác sĩ Roche một mình với đám tù nhân được chọn làm nhân viên phụ giúp quyết định tìm cách để cho các người được chọn làm vật thí nghiệm “sắp đến” khỏi bị cơn khát hành hạ.

Những cây xà ngang ngay dưới trần nhà của căn phòng thí nghiệm là chỗ dấu tốt nhất. Chúng tôi liền lùng kiếm những bình để chứa nước và chúng tôi đã dấu được trên xà nhà 40 lít nước. Tôi lại còn có thể quấn xung quanh đầu nhiều người Tzigane những miếng giẻ thấm nước ngọt ngay trong khi họ đang bị thí nghiệm. Cuộc thí nghiệm hoàn toàn giả tạo và kết quả hoàn toàn khác hẳn với tuần trước nên Beiglbock kết luận:

- Tuần nầy trời có mưa. Những điều kiện thời tiết có một tầm quan trọng chủ yếu.

Sau ngày Giải phóng bác sĩ Roche[17] không bị lùng kiếm để ra làm chứng trước tòa án Nuremberg. Do đó, các vị thẩm phán và các chuyên viên đã phải bàn cãi dằng dai vô ích trong rất nhiều ngày để ức đoán xem những điều bí ẩn nào đã nằm phía sau các kết quả quá khác biệt như vậy giữa các đợt thí nghiệm… Họ không khi nào nghĩ đến việc phía trên những giường bệnh, ngay trên xà ngang, người ta đã giấu những gà mèn nước ngọt được uống sạch khi Beiglbock vừa khuất dạng và thường được châm đầy ngay ở các vòi nước trong cầu vệ sinh.

- Cho nhân chứng Karl Holleinreiner vào.

Người Tzigane nầy, đã được sống sót ở trại Dachau và đang trình diện trước tòa án Nuremberg. Khi ông chánh thẩm hỏi anh ta có nhớ ra được bị cáo Beiglbock không thì anh ta từ từ tiến đến vành móng ngựa. Thật là dễ tưởng tượng nỗi hận thù của con người ấy và điều

gì đã xảy ra. Anh ta nhảy xổ vào vành móng ngựa và đấm đá túi bụi lên mình can phạm. Lính Mỹ phải chế ngự anh ta lại.

Ông chánh thẩm:

- Tòa truyền dẫn nhân chứng ra trước tòa. Nhân chứng bị phạt 90 ngày tù giam. Nhân chứng có muốn nói điều gì để giải thích hành động của mình không?

Holleinreiner:

- Tôi quá bị khích động. Người ấy là một tên sát nhân. Hắn đã hủy diệt cả sức khỏe của tôi, hắn đã làm cho tôi thân tàn ma dại.

Ở tòa án Nuremberg, người ta không làm sao có đủ bằng cớ để kết tội Beiglbock là một kẻ sát nhân. Các tù nhân ở trại Dachau không bao giờ được thấy một cái xác chết nào cả mà họ chỉ thấy những hình dáng giống như con người được đặt nằm dài trên băng ca. Thân mình và mặt bị phủ tấm ra kín mít. Tên y sĩ mặt thẹo giải thích:

- Khi tôi đưa họ ra để khám nghiệm thì tôi lấy tấm ra phủ kín họ lại để họ đừng trông thấy nước…

Tấm ra hay là tấm khăn liệm? Có lẽ không ai có thể trả lời được. Beiglbock giải thích một cách dài dòng lúng túng. Ông ta nhìn nhận có ngụy tạo vài phiếu quan sát sau khi bị bắt để mong được giảm tội tình. Các vị thẩm phán và các chuyên viên đã quay ông ta với sự yếu ớt. Beiglbock đã không phát minh ra được điều gì mới mẻ cả. Ông ta tổng kết: nước điều chế theo phương pháp Berka không dùng được, còn phương pháp Schaefer thì hữu hiệu và ông ta khuyên những kẻ đắm tàu hãy uống những lượng thật nhỏ nước biển. Phải chờ đợi đến chuyến hành trình điên khùng của một người làm người đắm tàu tình nguyện điên khùng trên một chiếc ca nô điên khùng để mang lại chút ánh sáng cho việc cứu nguy những người bị đắm tàu. Vào năm 1952, Alain Bombard đã vượt Đại tây dương trên chiếc Hérétique… Ông ta là y sĩ… Ông ta thí nghiệm… Nhưng thí nghiệm trên chính bản thân mình. Vào thời gian ấy, Wilhelm Beiglbock đang đền tội trong ngục thất ở Munich với bản án mười lăm năm cấm cố.

5
L.S.D. HAY LÀ HUYẾT THANH NÓI THẬT

Trung tá bá tước Von Stauffenberg, tham mưu trưởng của lực lượng trừ bị, hắt hơi mấy cái. Ông móc khăn tay ra hỉ mũi, rồi ông đặt chiếc cặp da đen bóng láng, tuy đã cũ, xuống đất, dựa vào chân bàn bằng cây sồi, chiếc cặp của ông lúc nào cũng căng phồng những hồ sơ, những tài liệu. Thân bàn bằng gỗ dày và có nhiều mắt. Bỗng nhiên, ông nhận thấy, lần đầu tiên, cái chân bàn nầy thật dầy và thật to. Ông nghĩ rằng: cũng như tất cả những cái bàn khác, cái bàn mà Hitler đang tựa vào ở “Hang sói” (đại bản doanh của ông ta) tại Rastenburg hẳn cũng có bốn chân. Ồ, không cần! Hai chân đủ rồi, chỉ hai chân thôi cũng đủ sức chịu đựng nổi khối cây nặng nề nầy. Ông lấy mũi giầy đẩy lui chiếc cặp da và lại hắt hơi một lần nữa. Bấy giờ là 12 giờ 35 phút ngày 20-7-1944…[18] Từ bảy phút trước, chất acide của kíp nổ đã bắt đầu ăn mòn sợi dây nối liền với đầu kim hỏa. Chỉ còn 5 phút nữa thì ông sẽ thoát nợ và quả bom oxygène sẽ bùng nổ. Hitler sẽ chết vì chất nổ của người Anh! Thật là tuyệt!

Hitler đang bị kích động. Ông ngồi không yên, cứ cựa quậy luôn, mũi thì cứ hít hít trong khi theo dõi đại tá Brandt. Đại tá đứng trước mặt Fuhrer và các thành viên của Bộ Tổng tham mưu đang phác họa một bảng tình hình về vùng Galicie. Một diễn đài với đồ biểu và bản đồ.

Von Stauffenberg hơi nghiêng về phía Thống chế Keitel:

- Lâu quá! Tôi phải đi gọi điện thoại một chút. Tôi sẽ trở lại ngay.

Hitler vẫn ngồi yên không quay đầu lại. Có lẽ ông đang nghĩ đến Mussolini[19] hai giờ nữa sẽ có mặt ở Tổng hành dinh của ông. Brandt đã chạm phải chiếc cặp da đen hai lần; mắt cá bên chân mặt ông lại đụng nó một lần nữa. Khi cúi xuống để trải một tấm bản đồ ra, ông nhanh nhẩu cầm lấy và tấn nó vào chân bàn. Cái chân bàn thô kệch gồ ghề nầy là một cái khiên, một tấm bình phong, một bức màn sắt ngăn cách giữa quả bom và Hitler. Sau khi vị bá tước rời khỏi phòng được bốn phút thì cái cặp da nhảy tung lên như một con quỷ, sức nóng cháy xém gỗ sên. Chiếc bàn, rồi nóc nhà nổ tung lên, vách tường đều nứt nẻ cả… Một số người bị chết nhiều người bị thương, nhưng Hitler thì chỉ bị rung động mà thôi… Số ông thật là

cao. Sau đó thì ai cũng biết việc gì đã xảy ra: bắt bớ, thẩm vấn, tra tấn, xử tử, thanh trừng. Năm ngàn người gục ngã.

Có một điều ít ai biết là sau cuộc mưu sát, Himmler và nhóm Ahnenerbe đã phát động một cuộc thí nghiệm kỳ lạ. Cuộc thí nghiệm nầy không hề được ghi trong văn khố của bất cứ một vụ án y học nào. Theo sự hiểu biết của tôi thì cho tới bây giờ, chưa có một tác giả nào đề cập đến nó. Himmler ra lệnh cho "Viện Di sản Tổ tiên" bắt đầu một cuộc nghiên cứu vô tiền khoáng hậu về các dược liệu có tính cách tạo ảo giác và các chất ma túy khác. Đối những nhà nghiên cứu bí truyền trước tiên và kế đó là các nhà thí nghiệm, đó là việc phát minh loại huyết "thanh về sự thật". Đó là một loại dược phẩm kỳ diệu sẽ cho phép những người SS điều tra các quân nhân Đức vì loại thuốc dò tìm ý tưởng nói dối nầy được ưu tiên dành cho những sĩ quan đang có ý định âm mưu. Nhưng để tìm ra được tung tích những kẻ phản loạn trong tương lai, thì hóa chất nầy phải thật công hiệu và không có mùi vị gì cả.

Trong tuần lễ giáng sinh, nhóm Ahnenerbe dâng bản phúc trình lên Himmler. Có một loại cây xương rồng nhỏ xíu không gai mọc ở Mễ tây Cơ tên là Peyotl, hội đủ tính chất mà họ mong ước. Cũng ở Mễ tây Cơ, có một loại cây còn mạnh hơn nữa tên Sinicuichi, loại cây nầy sẽ làm cho những người uống vào một định lượng mạnh bị mất trí nhớ. Sau nầy vì chiến tranh đã chấm dứt nên người ta không thể kiểm chứng được sự công hiệu của loại "kiện vong thảo" đó. Còn đối với cây Peyotl, thì đám tù nhân ở Dachau đã được chọn để làm trắc nghiệm về chất Peyotl-Mescaline, dưới sự điều khiển lạ lùng của y sĩ thiếu tá Plottner.

Phía Bắc Mễ tây Cơ, ở miền đông Cora, hằng năm các thổ dân Huichols đều một lần bỏ việc thờ cúng thần Thái dương, bỏ nhà cửa, vợ con, để đi chiêm ngưỡng và hái cây Peyotl mọc dọc theo biên thùy Mễ tây Cơ và Mỹ quốc. Bao giờ họ cũng khởi hành vào đúng một ngày và vừa đi vừa ca hát thích thú. Đêm đến, họ ngủ trong những cánh rừng thưa đầy thiêng liêng huyền bí. Trong những ngày di chuyển ở vùng biên tái đó, cứ mỗi chiều, khi mặt trời lặn thì họ lại cùng nhau nhảy múa tưng bừng. Biên giới thật là xa, có người phải mất đến 900 cây số, vừa đi vừa về, mới đến được cánh đồng

“thần thánh” đó. Khi mới mọc lên thì cây Peyotl có cái ngọn màu xanh lá cây. Cây lớn nhứt chỉ cao độ bốn tấc mà thôi. Trước khi nhổ nó, thổ dân phải vái lạy ba lần xong mới cắt nó ra từng khoanh như khoanh xúc xích. Thân cây chảy nhựa, rồi héo đi, màu xanh trở nên xám. Họ đem phơi nắng thì nó lại ửng thành màu đỏ. Những người thổ dân văn minh thì gọi nó là “Whisky dry” (whisky khô). Đến năm 1911, Joseph Rave là người sáng lập ra một nhà thờ Ma vương, đã dùng những khoanh tròn Peyotl làm bánh thánh. Những tín đồ của ông rất tin tưởng và họ còn tin rằng chính chất Peyotl đã đưa họ đến một thiên đàng vĩnh cửu. Anh của văn sĩ Adous Huxley là Thomas Huxley đã lấy chất Mescaline từ cây Peyotl ra. Do đó văn sĩ không làm sao chống nổi sự cám dỗ nên đã đắm chìm trong “giấc mơ đầy màu sắc đó”.

- Có những bộ mặt ửng hồng rạng rỡ, họ phiêu diêu trong một thế giới cực kỳ sảng khoái, ở đó có những hình ảnh biến chuyển không ngừng.

Chuyện xảy ra vào lúc đầu năm 1945. Trong một căn phòng thuộc trung tâm nghiên cứu của SS ở Dachau, một tù nhân người Bỉ tên Arthur Haulot đang ngồi đối diện với y sĩ Plottner. Buổi sáng chủ nhật nầy trời thật lạnh buốt. Trên bàn có một chai rượu cô nhắc Pháp và hai cái ly. Plottner rót rượu ra ly và nói:

- Nếm thử đi.

Ông tiếp:

- Chỉ là rượu cô nhắc thôi, không có gì đâu. Uống đi. Hãy cố nhớ cho kỹ cái mùi vị của nó nhé.

Arthur Haulot uống một hớp. Anh chép chép miệng. Vị giác anh căng phồng ra, hồi tưởng lại cái hương vị mà anh đã quên mất.

- Ngon chứ?

- Thật ngon.

- Bây giờ anh hãy nghe kỹ đây. Tôi hòa chất Mescaline vào rượu. Anh cho tôi biết coi vị rượu có khác gì không.

- Tôi không thấy gì khác hết. Cũng y như rượu cô nhắc thường vậy. Mùi vị cũng y như vậy.

Trong hai giờ đồng hồ không có chuyện gì xảy ra.

- Kế đó[20] tôi cảm thấy những triệu chứng đầu tiên của chất độc dưới hình thức của một cảnh tượng đầy màu sắc kỳ dị.

Rồi những cảnh tượng kỳ quái nầy sinh sôi nẩy nở nhiều hơn nữa, mỗi lúc một nhanh hơn. Cho đến một lúc tôi có cảm giác như đầu óc tôi đã đầy ắp những hình ảnh. Chúng toàn là những hình hình-học; từ hình thoi biến thành hình tròn xoáy ốc. Lúc đầu, chúng đều có một điểm giữa tím sẫm, rồi giữa một âm thanh dìu dặt nhạc điệu, tôi mơ thấy những màu sắc thật là lung linh và sống động.

Arthur Haulot vẫn còn biết mình đang dự vào một cuộc thí nghiệm trong một giờ đồng hồ nữa. Anh ta cũng thích thú theo dõi hành động của các y sĩ tội nhân. Họ đo áp huyết anh, họ lấy máu anh, xem xét hai mắt anh. Bác sĩ Roche nhận thấy mạch anh tăng gấp đôi.

- Chất Mescaline làm trương mạch khá mạnh. Haulot đỏ cả người lên. Hắn giống như một người say rượu.

"Thí vật" cảm thấy mình mất hẳn ý thức, nhưng còn khá sáng suốt và còn nhớ sự việc xảy ra. Plottner tiến đến gần anh:

- Hãy nghe kỹ. Anh có tin là có thể làm cho một người đang ở trong tình trạng như anh nói ra tất cả các điều mà lẽ ra anh ta phải dấu kín không?

- Tôi phải cố hết sức mới hiểu được câu hỏi và trả lời quả quyết là không.

Khoảng một giờ sau, họ cũng hỏi lại tôi câu đó. Lúc bấy giờ, những hình ảnh mỗi lúc một dồn dập và đầy màu sắc chế ngự cả tâm trí tôi. Phải khó khăn hết sức tôi mới nhận ra mọi sự vật, nhất là khi muốn mở mắt ra và suy luận một điều gì. Đối với tôi, từ trước đến giờ, ngay cả thời gian ba năm đầy ải trong trại giam, chưa lúc nào tôi phải chịu đựng một cực hình khủng khiếp đến thế.

Lúc đầu tôi cũng trả lời "vâng" tuốt cả, tôi còn nói thêm: "Nếu hỏi có phải tôi đã giết cha mẹ tôi không thì tôi cũng sẽ trả lời vâng nốt để được yên thân". Rồi, phải vận dụng tất cả sự cố gắng một cách cực kỳ khổ sở, tôi gào lên dữ dội:

"Nhưng các chuyện về tôi thì các ông sẽ không biết được gì đâu!"

Viên Đại tá bật cười, ông trấn an tôi và rời khỏi phòng.

Lúc bấy giờ, có người bảo tôi ngồi dậy và viết lại những gì đã xảy ra trong trí não tôi. Một lần nữa, tôi phải cố hết sức mới rời khỏi giường, mở mắt ra và cố hiểu những câu hỏi mà người ta đặt ra. Tôi phải trải qua cuộc thí nghiệm một cách đau đớn khủng khiếp.

Trong một vài phút, tôi giãy giụa, không chịu viết bất cứ điều gì. Lúc bấy giờ tôi không còn biết tôi đang là một thí vật tình nguyện có bạn bè xung quanh, trái lại tôi có cảm tưởng như mình đang bị mắc trong một cái bẫy.

Sau khi xác định được đây chỉ là một cuộc thí nghiệm, tôi cố viết cho xong một vài chữ chắc chắn là không mạch lạc gì cả. Người ta chỉ có một mục đích duy nhất là so sánh tuồng chữ thông thường của tôi với tuồng chữ lúc tôi đang ở tình trạng say thuốc.

Xong rồi tôi được cho nghỉ ngơi hoàn toàn.

Khoảng bảy giờ rưỡi tối (tôi uống mescaline vào lúc giữa trưa) tôi có thể trở lại phòng tôi ở bệnh xá, thuộc khối số ba.

Tôi đi lảo đảo y như một võ sĩ quyền Anh sau khi bị một cú đấm mạnh. Tôi dựa vào vách tường rồi lần từng bước mà đi tới.

Tôi liền nói ngay những điều tôi cảm thấy với một vài người bạn. Trí óc tôi lúc bấy giờ cũng vẫn ngổn ngang những hình ảnh đầy màu sắc, nhưng nhịp độ bắt đầu giảm dần.

Tôi đã nằm yên trên chiếc giường của tôi, nhưng ngay lúc tôi cảm thấy thực sự an toàn nhất, vì thoát khỏi căn phòng thí nghiệm và chung quanh chỉ còn có bạn bè, thì thình lình tôi lại lên cơn một cách dữ dội. Tôi rú lên và vùng vẫy lung tung, thần kinh tôi đã hoàn toàn thác loạn, tôi không thể nào làm chủ được mình.

Một anh bạn thân của tôi đã trông chừng tôi suốt đêm, sáng hôm sau anh cho tôi biết cơn điên đã bớt hoành hành lúc một giờ khuya. Trong khoảng năm tiếng đồng hồ liền tôi đã không chợp mắt được chút nào.

Khi tôi thức dậy, tôi cảm thấy tinh thần trở lại bình thường, nhưng thân thể thì mỏi mệt rã rời. Hai mươi bốn giờ sau sự mỏi mệt ấy mới hết. Rồi bụng tôi lại thấy đói và trí óc tôi trở lại sáng suốt bình thường.

Tôi chỉ kể thêm một chi tiết nầy nữa thôi, có lẽ nó không quan trọng gì, nhưng riêng đối với tôi thì rất thú vị: trước khi bị thí nghiệm,

giấc mộng của tôi thường màu xám như phần đông nhiều người. Tôi cũng không hề biết có một số người mộng toàn màu sắc. Còn tôi, sau cuộc thí nghiệm rất lâu tôi vẫn nằm mộng thấy toàn màu sắc. Mãi đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cũng còn thấy những giấc mơ màu sắc như vậy nữa.

Tôi nghĩ rằng những cuộc thí nghiệm ở Dachau chứng minh được điều nầy:

1. Khi nạn nhân uống chất nầy vào, nhất là nếu họ vô tình không biết, thì sẽ trở nên điên cuồng. Khi cơn điên hoành hành dữ thì họ mất hết sức kháng cự về lý trí.

2. Trong tình trạng đó, người ta có thể nhận được, bất cứ một lời khai nào của nạn nhân. Xin lưu ý là tôi không nói là bất cứ lời thú nhận nào mà là lời khai.

Dĩ nhiên, đôi khi tình cờ nạn nhân cũng tiết lộ một điều gì bí mật mà y ta muốn giấu. Nhưng thường thường, nạn nhân ký nhận bất cứ một lời buộc tội nào, dù cho lời buộc tội ấy có vô lý đến thế nào đi nữa. Lý do rất giản dị, vì lúc ấy y ta chỉ mong mỏi một điều duy nhất: không phải là thố lộ một điều bí mật đâu, mà là thoát khỏi cơn đau đớn cùng cực trong tình trạng mộng mị do chất ma túy gây ra.

Các kết luận của tôi cũng giống như những điều kết luận của các bạn tôi, những người cũng bị thí nghiệm như tôi ở Dachau. Chỉ có một điều khác nhau là sự thay đổi hình dạng của các ảo ảnh, mặc dầu cường độ màu sắc vẫn y nhau. Điều nầy có lẽ tùy thuộc yếu tố tiềm thức của mỗi người.

Thật vậy, vài người đã cho tôi biết thường thường họ chỉ thấy toàn là những hình ảnh dâm ô.

Tám người tù bị cho uống rượu cô nhắc có pha chất mescaline. Sau đó, viên y sĩ đại tá biến đâu mất dạng cùng với những tập hồ sơ, những điều đúc kết và có thể cả những chai V.S.O.P. của ông ta nữa. Các quân nhân Đức đã không còn cần dùng đến loại huyết thanh nói L.S.D. để kêu gào cái chết của Hitler nữa.

6
NHỮNG CON THỎ NHỎ Ở RAVENSBRUCK

Tên tài xế mới đang đứng thẳng người chờ đợi. Được Gespapo chọn, nội điều đó cũng đủ bảo đảm hắn là người đáng tin cậy.

Obergruppenfuhrer[21] SS Reinhardt Heydrich,[22] phụ tá của Himmler, chỉ huy trưởng cơ quan An ninh Đức quốc xã, Thống đốc bảo hộ xứ Tiệp khắc, không đòi hỏi gì hơn nữa. Thoáng nhìn tên tài xế, nhưng không buồn đáp lại cái chào của hắn, ông ta ngồi ngay vào băng trước của chiếc Mercédès. Bầu trời hôm ngày 27 tháng năm ấy thật cao và trong xanh có vẻ như đã vào tháng bảy.

Danh vọng của Heydrich lên như diều gặp gió. Đến Himmler và Bormann cũng phải e dè với ông ta. Thật vậy, Heydrich đã trở nên nguy hiểm từ khi Fuhrer hứa hẹn chiếc ghế Tổng trưởng Nội vụ nhân ngày sinh nhật thứ 38 của ông ta.

Himmler là người đã dẫn lối, đưa đường cho ông ta.

- Tôi đã đưa anh ra, trao chuốt cho anh, gầy dựng cho anh và đẩy anh tới…

Trước đó, Heydrich đã bị đuổi ra khỏi Hải quân vì một vấn đề hạnh kiểm. Bạn hãy tưởng tượng một Hải quân trung úy mà lại không bằng lòng suông ở việc tán tỉnh ái nữ của một vị sĩ quan thượng cấp đã cưỡng bức và “mượn đỡ” tiền của cô nàng… Tứ cố vô thân, ông ta chọn con đường cứu rỗi bằng cách gia nhập vào “Đảng”.

Chính ở nơi đây ông ta đã leo lên những nấc thang danh vọng một cách nhanh chóng. Thông minh, tuấn tú – với dáng người hùng dũng và mái tóc vàng óng – yêu chuộng âm nhạc và các buổi tiếp tân sang trọng. Quyến rũ đối với phụ nữ, tận tụy với các bậc đàn anh, mỗi ngày ông ta đều phát minh ra được một phương pháp hành động mới để chinh phục mọi người. Có một điều làm cho ông ta khổ tâm vô cùng, đó là cái giọng nói của ông ta. Nó eo éo như giọng đàn bà và đôi khi còn trở nên the thé. Đó là âm thanh của một giọng kim quá cao. Vậy mà chính những trò hề cùng sự khéo léo trong các đình đám đã bảo đảm cho ông ta một tương lai đầy hứa hẹn.

Chiếc xe Mercédès vĩ đại mang hiệu kỳ của lực lượng SS và của quan nhiếp chính Đại Đức Quốc lướt êm tới. Khi đến gần khúc quẹo cuối cùng trước ngoại ô Tiệp khắc, xe giảm tốc độ. Hai người thợ với bộ y phục xanh đang chờ đợi sau khúc quanh. Khẽ mỉm cười, họ ném chiếc túi dết ra sau. Một cơ hội bằng vàng không ngờ: chiếc xe hạ mui! Lộ trình của Heydrich cũng vẫn y như cũ. Ông ta rành từng cái ổ gà trên đường. "Dinh thự nghỉ ngơi ở tỉnh lẻ" của ông chỉ cách ngôi lâu đài của Hoàng gia Tiệp khắc nơi lưu trú chính thức của ông ở Prague với tư cách là Thống đốc bảo hộ không đầy mười cây số.

Tay cầm khẩu súng lục, người thợ Tiệp khắc tên là Josef Gabeik bỏ nhanh chiếc xe đạp, nhào lại phía chiếc xe hơi. Ngay phát súng đầu tiên, tên tài xế đã thả lỏng ga xăng. Heydrich la lên một tiếng và đứng ngay dậy.

Một người thợ nữa tên là Jan Kubis núp trong một cái hố khá xa, tay thủ một quả bom mà ngòi nổ đã được điều chỉnh ở tầm 7 giây. Kubis không liệng nó vào xe mà cho nó lăn như một trái "boule". Heydrich nổ súng. Gabeik bị thương nhẹ. Quả bom lăn nhanh về phía chiếc xe. Kubis và Gabeik nằm rạp xuống đất. Họ đã lập đi lập lại hằng trăm lần hành động mưu sát nầy trong một trường huấn luyện đặc biệt của các đội cảm tử ở Anh quốc. Sau đó, họ được thả dù xuống Tiệp Khắc… Tất cả đều diễn ra một cách hoàn hảo. Quả bom lăn đi, nó sắp vượt qua chiếc xe… Không! Nó nổ ngay dưới lườn xe. Hai người nhảy lên xe đạp biến mất trong đám khói mù. Ngay giây phút quả bom nổ Kubis cũng đã mở nắp hai trái khói.

Vị Obergruppenfuhrer kiêu hãnh là một người bị thương dễ ghét. Ông ta không ngớt khóc lóc, chửi bới, nguyền rủa, than van:

- Đừng để tôi chết!

Trong phòng bệnh của ông ta ở nhà thương thị xã Bullouka không thiếu mặt một danh y nào của Đức cả. Trước khi giải phẫu cắt lá lách và gắp viên đạn ra, giáo sư Hohlbaum đã gắp trong thân thể ông ta hằng hai mươi miếng đạn nhỏ. Thiếu tướng SS Karl Gebhart, giáo sư chuyên về giải phẫu bệnh nghiệm ở Đai học Y khoa Bá linh, đã được Himmler chỉ thị: bằng mọi cách phải cứu cho được Heydrich.

Trước tòa án Nuremberg, với mái tóc rễ tre, kính dày cộm, mũi gãy cúp, môi mỏng dính, giáo sư Gebhart kể lại những điều mà

người ta đã làm để cứu vị chỉ huy trưởng cơ quan An ninh:

"Sau cuộc mưu sát, tôi đã đáp phi cơ đến ngay, nhưng cũng đã quá trễ. Ông ta đã được hai vị bác sĩ nổi danh ở Tiệp khắc giải phẫu rồi, tôi chỉ có việc kiểm soát lại cách điều trị mà thôi. Mỗi ngày Hitler và Himmler đều có điện thoại đến hỏi thăm bệnh trạng của Heydrich. Cả hai đều đề nghị – đúng hơn là ra lệnh – cho gọi thầy tôi là bác sĩ Sauerbruch và bác sĩ riêng của Fuhrer là Morell đến. Nếu Morell đến thì chắc chắn ông sẽ dùng phương pháp riêng của ông để trị liệu.

Tôi không ngần ngại để nhận lãnh trách nhiệm của mình. Viên đạn đã phá lủng cả bụng và ngực của nạn nhân. Cuộc giải phẫu đã được thực hiện rất chu đáo và nhiều thuốc sulfamide đã được dùng đến. Tôi nghĩ rằng không nên nóng nảy quá và nhiều thầy càng dễ thối ma, nên từ chối không mời nhị vị bác sĩ Sauerbruch và Morell. Thế rồi Heydrich chết.

Hitler chỉ định giờ gặp tôi, sau đó ông lại từ chối không tiếp tôi. Ông bảo tôi đến trình diện Himmler. Buổi tiếp kiến thật ngắn ngủi, ông ta nói thẳng với tôi:

"Cái chết của Heydrich tương đương với một sự thất trận lớn mà cho đến bây giờ chúng ta vẫn chưa từng được biết qua…"

Himmler chỉ lập lại nguyên văn câu nói của Hitler. Về phần Morell ông ta kết luận:

"Nếu loại thuốc Sulfamide mới của tôi được dùng thì sự việc đã khác hẳn…"

Trước tòa án Nuremberg, giáo sư Gebhart vẫn tiếp tục trình bày mà không để ý đến tầm quan trọng đặc biệt của câu nói giản dị nầy:

"Riêng tôi, tôi được phục quyền hay không tùy theo những bằng cớ bệnh nghiệm của việc trị liệu ở Tiệp khắc và tùy ở những kết quả các cuộc thí nghiệm về sulfamide."

Đây là lời tự thú: Để bảo vệ sinh mạng mình, Gebhart phải chứng minh rằng thuốc Sulfamide vô công hiệu. Trước đây, sau trận thảm bại ở chiến trường Liên sô, người ta cũng đã có thử nghiệm thuốc sulfamide rồi, vì các binh sĩ bị thương nặng trong trận nầy đều không thể nào bình phục được. Bây giờ lại bắt đầu thí nghiệm sulfamide nữa. Cái chết của Heydrich chính là bản án tử hình đối với tù nhân, bởi vì không có vấn đề Gebhart sẽ thí nghiệm trên các

thương binh được đưa từ mặt trận Liên sô về trong bịnh viện riêng của ông, trong khi bệnh viện ở Hohenlychen của ông chỉ ở cách “trại thí nghiệm” mà ông ta đã chọn có 12 cây số: trại nữ tù nhân Ravensbruck.

Gebhart muốn dùng những “con thỏ nhỏ” trẻ măng. Chúng phải cùng tuổi tác với các binh sĩ Đức và nhất là phải cùng một quốc tịch với nhau.

- Để dễ thực hiện các đồ biểu hơn.

Tên trưởng trại ở Ravensbruck thông báo với Gebhart:

- Tháng chín vừa rồi trại đã tiếp nhận được nhiều trăm thiếu nữ Ba lan.

- Các thiếu nữ phải khỏe mạnh, rắn chắc như đàn ông vậy mới được.

Ngày 25 tháng 7[23] năm 1942, nữ tù nhân Vladislawa Karolewska bị gọi đến bệnh viện Ravensbruck. Ở đó có cả thảy 65 thiếu nữ đang chờ đợi sự quyết định của bốn vị bác sĩ mà Fischer là người chỉ huy. Ông ta là phụ tá của Gebhart.

Mười người bị giữ lại. Một tuần sau, Karolewska nghe một nữ tù nhân khác thuật lại là tất cả nhóm thiếu nữ Ba lan bị giữ lại đó đều đang nằm liệt trên giường bệnh, chân người nào cũng bị băng bột cả.

Karolewska kể:

- Ngày 14 tháng 8, tôi và tám chị bạn nữa bị điệu tới bệnh viện. Họ bắt chúng tôi nằm lên giường, chích mỗi người một mũi thuốc, xong họ đóng cửa nhốt chúng tôi lại. Sau đó, họ đưa tôi qua phòng mổ. Ở đó viên y sĩ của trại chích cho tôi một mũi thuốc nữa, lần nầy thì chích gân. Tôi còn để ý thấy hai tay của bác sĩ Fischer đều mang găng và rồi tôi bất tỉnh nhân sự.

Khi tỉnh lại: một chân tôi bị băng bột tới đầu gối và đau đớn kinh khủng. Tôi bị sốt dữ dội, có một thứ nước gì chảy ri rỉ ở chân tôi.

Tên trưởng trại đến thăm những người bị giải phẫu, y đưa mỗi người một tờ giấy:

- Không sao đâu, mấy người hãy ký nhận rằng các vết thương nầy do tai nạn khi làm việc.

Tất cả đều từ chối không chịu ký.

Ngày hôm sau, Vladislawa lại bị đưa qua phòng mổ lần nữa:

- Họ bịt mắt tôi lại. Tôi có cảm tưởng họ đang cắt cái gì đó ở chân tôi.

Vladislawa phải sống trong hai tuần lễ vừa đợi chờ vừa sợ hãi vì không biết số phận mình sẽ ra sao. Rồi giáo sư Gebhart đến. Lúc nào cũng canh cánh bên lòng nỗi lo sợ cho cái chân, nên Vladislawa nhìn xuống vết thương:

- Tôi nhìn xuống chân. Đường rạch sâu thấy cả xương.

Ngày 8 tháng 9, Vladislawa được trả về "khối". Nàng phải lết chứ không bước đi được vì vết thương tươm đầy mủ. Họ lại phải giải phẫu nàng thêm một lần nữa ở bệnh viện.

- Vì tôi đã lưu ý các bạn tôi về sự săn sóc cẩu thả của các y sĩ nên bác sĩ Oberheuser lại bắt tôi phải đến phòng giải phẫu một lần nữa. Lần nầy tôi phải đi cà nhắc một mình.

Các thiếu nữ Ba lan có viết một bức thư phản kháng nhưng họ không nhận được một sự trả lời nào cả. Kế đó:

- Một người đàn bà đến tìm tôi. Họ đòi tôi đến bệnh viện. Tôi từ chối và đi thẳng về khối 9 của tôi. Người nữ giám thị liền hỏi:

- Tại sao chị lại có thái độ như vậy? Làm như là sắp sửa bị đem đi hành hình tới nơi?

Nói xong, bà bỏ đi. Lát sau bà trở lại với mấy tên lính SS. Họ lôi bốn người con gái Ba lan xuống hầm. Đây là những xà lim nhỏ hẹp, bẩn thỉu và tối tăm.

- Họ cho tôi uống cà phê đen, ăn một mẩu bánh mì nguội, rồi dẫn tôi đến văn phòng bác sĩ SS là Trommel. Ông ta hỏi tôi:

- Cô có bằng lòng chấp nhận một cuộc giải phẫu nhỏ không?

Tôi đáp:

- Các ông không được thực hiện các cuộc giải phẫu với các tù nhân chính trị, nếu không có sự ưng thuận của họ.

Trommel bỏ đi. Rồi ông ta trở vào với hai tên lính SS. Hai tên nầy xô mạnh tôi lên giường. Tôi la lên, họ liền lấy giẻ nhét đầy miệng tôi, đoạn giữ chặt tay chân tôi lại. Lúc họ đang chích thuốc cho tôi, tôi còn loáng thoáng nghe Trommel nói:

- Tất cả đã sẵn sàng.

Khi tỉnh dậy, Vladislawa thấy cái chân đau của mình bị cột chặt vào một thanh kim loại. Lại một tháng đợi chờ và một lần giải phẫu nữa.

- Khi tỉnh lại, tôi nhận thấy chân tôi còn dính đầy cả bùn. Họ không buồn rửa sạch trước khi mổ.

Da mặt mịn màng, tóc đen óng ả, bàn tay thon xinh xắn, Maria Broel-Plater bị giam ở trại Ravensbruck gần một năm rồi. Cô đã giữ chức vụ trưởng ban truyền tin trong lực lượng kháng chiến Ba lan nên bị Gestapo bắt và tra tấn.

- Bây giờ tai tôi hơi điếc vì họ đã đập vào đầu tôi những cú như trời giáng. Ngày 18 tháng 11 năm 1942, bác sĩ Oberheuser bắt chúng tôi cởi cả quần áo, khám chúng tôi và gởi đi chiếu điện. Đoạn họ bắt tôi nằm lên giường.

Maria thiếp đi và chỉ tỉnh lại khi cuộc giải phẫu đã hoàn tất:

- Oberheuser kêu tôi tỉnh dậy bằng mấy cái tát tai: cái chân bên phải của tôi hoàn toàn vô cảm giác. Tôi sốt mê man suốt đêm đó. Chân tôi sưng phồng lên từ ngón chân cho đến háng. Họ lại đem tôi xuống phòng giải phẫu nữa. Khi tôi tỉnh dậy thì chân tôi đã bị băng bột từ ngón chân đến đầu gối. Nó nhức nhối vô cùng và máu cứ ứa ra. Ban đêm họ bỏ chúng tôi nằm một mình, không có ai cho chúng tôi uống nước hay đưa giúp cái bô.

Đến tháng giêng năm 1943, mặc dù vết thương chưa lành, Maria cũng phải tiếp tục công việc cũ. Cô gặp lại những người bạn cũng bị mổ như cô:

- Tôi thấy trong vết thương của họ còn sót lại mấy miếng cây vụn, miểng chai và cả những đoạn kim khâu nữa.

Maria Kusmierczuck nhớ lại lúc đang bị mổ. Vì chỉ được chích thuốc tê chỗ mổ chứ không được chụp thuốc mê, nên cô thấy, lòng khiếp đảm, giáo sư Gebhart vung cái búa lên và mải miết đập vào cái ống xương chân đã được tách thịt ra của cô.

Chỉ căn cứ trên những câu chuyện vừa rồi, các vị quan tòa ở Nuremberg cũng đủ yếu tố để kết án tử hình Gebhart và các cộng sự viên của ông ta. Nhưng họ vẫn tiếp tục nghe lời khai của một nhân chứng khác nữa. Đó là Sofia Magzka, người mà các “thí

nghiệm gia” – đang chen chúc trong ngăn bị cáo – có lẽ đang nhìn với lòng hối tiếc là đã không ra tay thủ tiêu trước cho rồi.

Cũng như tất cả những “con thỏ nhỏ” làm vật thí nghiệm ở Ravensbruck, Sofia là một thiếu nữ Ba lan. Chỉ khác một điều, cô là một bác sĩ y khoa nên được bệnh viện trưng dụng. Cô đóng vai trò vừa là y tá vừa là thông ngôn. Với một giọng nói bình thường, không hận thù, cô khai rằng:

- Có tất cả 64 cô gái Ba lan bị giải phẫu. Ấy là không kể một nữ tín đồ Jéhovah (Do-thái), một cô người Đức và một cô nữa người Nga. Trong số đó có năm người bị chết: Veronica Kraska chết vì phong đòn gánh. Họ không dùng loại huyết thanh ngừa phong đòn gánh mà chỉ dùng Sulfamide. Đó chính là việc họ thí nghiệm.

Bốn cô kia là Sofia Kiecol, Aniela Lefanowicz, Alfreda Pruss và Kazimiera Kurawsky. Theo sự hiểu biết của tôi thì cô Kazimiera đã bị nhiễm độc vì chứng hoại thư. Cô ta là người rất khỏe mạnh mới có 23 tuổi. Căn bệnh của cô phát khởi từ từ. Cái chân bị mổ mỗi ngày một thâm đen hơn và sưng to thêm. Trong mấy ngày đầu họ không hề săn sóc gì đến cô ta cả. Sau đó, họ đem bỏ cô ta trong căn phòng số 4. Ở đó, cô ta chịu đựng những cơn đau khủng khiếp cho đến chết, không ai chạy chữa thuốc men gì cho cô ta cả. Tôi lén lút quan sát bệnh trạng của cô. Nếu họ cưa chân cô đi thì có thể cứu mạng cô được vì sự nhiễm độc có thể bị chận đứng. Nhưng họ không chịu làm thế, vì họ không muốn cứu sống cô (để chứng minh thuốc Sulfamide vô hiệu nghiệm).

Có lẽ Sofia Magzka hy vọng rằng sẽ có một ngày nào đó cô đứng ra làm nhân chứng nên cô đã dùng một quyển vở hẳn hoi để ghi lại tất cả những sự việc cô nghe thấy.

- Căn cứ vào mấy tấm kiếng chiếu điện, tôi thấy có 13 cô bị mổ xương: người thì bị gãy xương, người thì bị ghép xương sau khi bị cắt bỏ một khúc. Một số người bị mổ đi mổ lại nhiều lần. Họ làm việc bất cẩn và không dùng phép phòng khuẩn nên có hai nạn nhân bị chứng cốt tủy viêm sưng ở tủy xương.

- Krystyan Dabska được gởi đến tôi để chiếu điện. Cô bị giải phẫu cả hai chân. Họ đã cắt đi những mẫu xương ống quyển phụ dài bốn, năm phân. Một chân, thì xương còn cốt mô (màng sơ bọc quanh

xương), bên chân kia không còn xương cốt mô. Tôi hỏi bác sĩ Oberheuser:

- Làm thế nào xương có thể tái phục được khi nó không còn cốt mô? Bà ta trả lời:

- Đó là điều chúng ta đang tìm kiếm.

Cuộc thí nghiệm thật là vô ích, vì bất cứ một sinh viên nào cũng đã học xong trong bài học đầu tiên là xương không thể tái phục được nếu không có cốt mô.

Trong trại Ravensbruck còn có một loại giải phẫu đặc biệt nữa. Viên phụ tá của Gebhart đã cưa chân hoặc tay của mười người bị bệnh tâm trí.

Trước phiên tòa xử vụ án các y sĩ, Sofia Magzka xác nhận:

- Chính mắt tôi đã thấy hai trường hợp. Trường hợp thứ nhất là một vụ cưa chân. Các nữ y tá đưa một cô gái vào phòng mổ. Sau đó, họ chở cô ta vào trong căn phòng đặc biệt dùng làm nhà xác. Tôi và một chị bạn cùng làm ở bệnh viện liền lén vào phòng ấy.

- Chúng tôi thấy có một cái xác được phủ kín bằng tấm ra và… xác đó mất một chân. Một lúc sau, các nữ y tá trở vào phòng đó nữa. Họ không sai tù nhân làm như thường khi, lần nầy chính tay họ liệm xác chết vô hòm[24] để bảo vệ bí mật.

- Trong trường hợp thứ hai, nạn nhân là một cô gái khùng khùng. Ngày đó, bác sĩ Fischer đến phòng giải phẫu. Một lát ông trở ra, bước lên xe. Theo sau ông là một cô y tá tay cầm một cái gói gì có quấn vải bố chung quanh to cỡ một cánh tay. Chính tay Fischer cầm lấy cái gói ấy và xe rồ chạy. Một nữ tù nhân tên Quernheim đến tìm tôi nói:

- Cô biết hôm nay có chuyện gì xảy ra không? Họ cắt cụt một cánh tay của một nữ tội nhân, cắt luôn cả xương bả vai!"

Tại sao lại có sự cắt chân tay như vậy? Thực tế không có gì dễ bằng việc cứ trích ra những bộ phận rời ấy, từ kho dự trữ khổng lồ là một trại tận diệt tù nhân. Nếu sự bí mật về chiếc chân bị cắt và mang đi một cách kín đáo hãy còn được hoàn toàn giữ kín thì tòa án đã thiết dựng lại được "vụ chiếc xương bả vai".

Vào mùa đông năm 1942, nhân dịp Giáng sinh, Himmler đến viếng bệnh viện của bạn thân ông ta là Gebhart. Ông đến một cách lặng lẽ, không kèn không trống. Dĩ nhiên phải im lìm như vậy như Gebhart đã nói:

- Ông ta không thỏa mãn về kết quả của Sulfamide.

Himmler thấy cánh tay cô y tá Luisa cứ đơ thẳng ra vì mất cái xương khuỷu tay. Một y sĩ tháp tùng ông là Stumpfegger bèn thì thào với ông:

- Chúng ta phải ghép cho cô ta một cái khớp xương khác mới được.

Chúng ta hãy nghe Gebhart khai về vụ nầy:

- Tôi đã hoàn toàn bó tay không thể nào thay thế cái khớp xương ấy được. Nhưng Himmler và Stumpfegger cứ muốn tôi hãy cứ thử cuộc giải phẫu. Ở Hohenlychen tôi có một bệnh nhân dân chính tên là Ladisch đang bị ung thư ở bả vai.

Thế là Gebhart bắt đầu mặc cả. Ông thuyết phục viên y sĩ Stumpfegger. Ông nầy cứ muốn bằng mọi giá thử thực hiện một cuộc ghép xương, đừng nên lưu ý đến cô Luisa nữa mặc dù được sự bảo trợ của Himmler cô ta vẫn không có một hy vọng nào để lại co được cánh tay của mình, mà nên tấn công vào chiếc xương vai của người thân chủ riêng của ông là cậu sinh viên Ladisch hơn.

Bác sĩ Fischer được trao phó nhiệm vụ đi tìm “khớp xương vai”… Ông ta kể:

- Tôi lấy xe chạy đến trại Ravensbruck. Các y sĩ của trại đã chuẩn bị sẵn sàng để giải phẫu. Tôi dùng dụng cụ riêng để lấy cái xương vai ra. Tôi lo việc cầm máu lại còn những việc khác thì để mặc cho các y sĩ ở trại tiếp tục. Xong tôi đặt nó vào một cái ống nghiệm đã được khử trùng đang ở nhiệt độ 38° và quay ngay về bệnh viện.

Trước tòa án Nuremberg, Gebhart nhìn nhận:

- Cánh tay của cậu sinh viên Ladisch đã được cứu khỏi, chỗ xương bả vai được ghép đã lành và cho đến năm 1945 bệnh ung thư cũng chưa thấy tái phát.

Ông ta tiếp lời có vẻ như để bào chữa cho mình:

- Xương bả vai không phải như là một khớp xương tối cần thiết. Vì thế tôi đã chọn cuộc giải phẫu ấy còn hơn là nếu để cho Stumpfegger thì ông ta sẽ lấy một khớp xương khác quan trọng hơn.

Ông chánh thẩm hỏi:

- Ông còn biết những cuộc giải phẫu nào khác nữa không?

Gebhart trả lời:

- Kính thưa ngài chánh án, xin ngài hãy tin tôi, tôi không hề quan tâm đến số phận của những người ở trong các trại tập trung. Cả Fischer cũng không.

Ông chánh án:

- Tôi hiểu!

Trong một phút bất chợt, Gebhart đã nói thật, ông ta cũng như Fischer, có cần gì phải băn khoăn nghĩ đến những việc gì xảy ra sau đó, sau cuộc giải phẫu họ.

Vào năm 1945, có thể Gebhart và Stumpfegger sẽ thực hiện một lần ghép xương nữa nếu người ta cho mời họ đến giường bệnh của người bạn chí thiết của họ là bác sĩ Fischer. Fischer bị thương ở Normandie và lần nầy thì đến phiên ông ta bị cưa cụt hết một cánh tay bên mặt.

Nhìn Fischer với cánh tay cụt đứng trước vành móng ngựa, một phụ nữ trong số các nhân chứng không ngăn được tiếng thì thầm:

- Một sự khởi đầu của công lý. Chỉ mới là một sự khởi đầu thôi.

Theo Gebhart, chỉ có một người có tội, người đó là Himmler.

- Tôi đâu phải là người kề cận bên Himmler như một quân sư quạt mo! Tôi không phải là người đã bày cho ông ta cách giết hằng ngàn người trong những cuộc thí nghiệm vô bổ ích. Himmler có một phương pháp làm việc rất giản dị. Không kể gì đến tính chất thiện ác. Bất cứ ở lãnh vực nào cũng vậy, ông tin rằng cứ nghiên cứu đi, thế nào rồi cũng phát minh ra được một cái gì đó. Thế là ông ra lệnh tức khắc cho một hay hai người thực hiện việc thí nghiệm đó.

Dĩ nhiên, không phải ông ấy chỉ chú trọng đến lãnh vực y học thôi đâu. Ông chú trọng đến các đồ sứ và kim hoàn nữa. Ông còn xen vô

cả việc ẩm thực của quân sĩ nữa, nên chỉ có lính SS là đơn vị duy nhất được ăn món bột kiều mạch nấu sữa trong các buổi điểm tâm.

Có một vài cuộc thí nghiệm thật là rùng rợn. Đùng một cái, tất cả các sư đoàn đang ở tiền tuyến đều được lệnh phải uống nước lã cả, chỉ có nước lã thôi, không có thức ăn gì nữa cả.

Chúng tôi đành phải chịu đựng, nhưng thực ra ông ta cũng đã thực hiện được một vài điều hay: chẳng hạn như thực phẩm nén lại đầy sinh tố, y phục ngụy trang, y phục bằng da lông cho những chiến trường mùa đông,[25] chiến xa lội nước. Chúng tôi có cảm tưởng rằng nếu ông ấy không lao mình vào tất cả các cuộc thí nghiệm hỗn tạp như thế, mà chỉ chú tâm giới hạn trong việc nghiên cứu cách chế tạo xe lội nước thì chắc chắn chúng tôi đã đổ bộ lên được Anh quốc rồi. Ông bắt mọi người chung quanh ông phải nỗ lực đến kiệt quệ mới thôi. Ngay trong thời bình ông đã bắt dùng đạn thật cho những toán thao diễn, vì vậy có biết bao nhiêu lính SS đã chết khi huấn luyện. Tính ông ấy độc đáo như vậy thì những lời phản đối suông làm sao thay đổi được. Ông thường nói với chúng tôi: "Tôi biết các ông là y sĩ, các ông phản đối cái phương pháp cũ kỹ, lỗi thời nầy (dùng con người để thí nghiệm) nhưng bây giờ tôi muốn các ông phải thi hành, mặc dầu các ông không bằng lòng". Đứng về phương diện cá nhân mà nói, thì người ta không thể cho rằng tất cả những điều ông đã làm đều vô nghĩa. Lại nữa, dĩ nhiên là khi liên quan đến con người, mọi sự sai lầm đều gây nên thảm họa, và chính sự sai lầm đó đã đưa đẩy chúng tôi đến hoàn cảnh hiện tại.

Nếu Gebhart bị kết án tử hình và đã bị hành quyết (ông ta xin được rửa tội trước khi chết) và Fischer bị kết án chung thân khổ sai thì bà bác sĩ "hiền lành" Herta Oberheuser vẫn tiếp tục chẩn bệnh trong một bệnh viện tư từ năm 1956, bị kêu án hai mươi năm khổ sai, bà ta đã hưởng được một sự ân giảm hình phạt. Căn cứ vào sự can thiệp của các Hiệp hội cựu tù binh, bà đã bị xóa tên trong y sĩ đoàn.

Bây giờ bà ta là công nhân… trong một viện bào chế.

7
CÁC TRẺ SINH ĐÔI CỦA MENGELLE

Vào một ngày mưa, có thể là vào buổi chiều mưa hôm ấy, ông ta cảm thấy trong lòng thất thỏm nỗi hoài nghi và lo sợ. Ông ta xuất hiện trong vòng đai các lò sát sinh, bước lê nặng trĩu, với vẽ mặt xanh tái, đôi mắt đăm đăm, vành môi mím chặt. Việc gì đã xảy ra cho ông ta, một hung thần nắm trong tay số phận của hằng triệu con người. Việc gì đã xảy ra cho ông ta, ở cái ông y sĩ tài ba lỗi lạc nầy?

Joseph Mengele, Obersturmfuhrer là y sĩ trưởng của trại tận diệt Auschwitz phải chăng cũng chỉ là một con người tầm thường như con số A.8450, số hiệu của một pháp y sĩ[26] tầm thường, người Hung gia lợi, mà ông ta đến đây để lấy một bản phúc trình về cuộc khám nghiệm tử thi.

- Herr Obersturmfuhrer, xin ngài trao cho tôi mang chiếc áo choàng và chiếc mũ képi của ngài vào gian phòng lò thiêu, chỉ trong vòng năm phút thôi, đồ nầy sẽ khô cả.

- Hãy để đó, nước bao giờ lại thấm được tới da tôi.

Miklos Nyiszli trình bản báo cáo cho Mengele, ông ta xem qua các hàng chữ đầu…

- Tôi mệt lắm. Anh hãy đọc cho tôi nghe.

Người tù cộng sự viên, đọc lai đoạn từ đầu bản báo cáo.

- Thôi bỏ đi, không cần thiết lắm.

Bây giờ đến phiên Nyiszli, hắn ta lấy làm kinh ngạc về sự can đảm của mình, đã dám hỏi:

- Thưa trung úy, các cuộc tận diệt nầy sẽ kéo dài cho đến bao lâu? Mengele đáp:

- Ông bạn của tôi ơi! Sẽ mãi mãi như thế nầy, và mãi mãi như vậy.

Rồi ông ta chụp lấy chiếc cặp da thoát ra khỏi phòng thí nghiệm, còn buông lại sau lưng câu:

- Trong những ngày tới, anh sẽ có công tác quan trọng.

Đoạn trên đây, được trích từ quyển nhật ký của Miklos Nyiszli (bác sĩ tù nhân ở Auschwitz) và chấm dứt qua ý nghĩ như sau:

- Công tác quan trọng kia chỉ là cái chết của toán người mới nữa, là cái chết của các trẻ song sinh vậy.

Mengele quyết và phải khám phá cho được cái bí mật về các đặc tính song sinh. Để giải tỏa bớt những nỗi thắc mắc, ông ta thu nhặt các quan sát về bọn người khổng lồ, bọn người lùn, về các người gù lưng và các hình tượng mẫu "thoái hóa" khác nữa, của giống dân Do-thái. Nước Đức toàn thắng, phải loại bỏ các chủng loại hạ đẳng, và nước Đức sắp sửa đưa các người tiên phuông của nó, vào các vườn cây trái hoang sơ ở Trung-Âu. Chính phủ Đức đã không ngừng lập đi lập lại với các bà mẹ yêu nước: "Hãy trao cho chúng tôi những đứa con, những hiệp sĩ con giòng có tóc vàng. Vả lại, nào có quan hệ gì nếu chúng không có cha, Hitler và Himmler sẽ thừa nhận và nuôi dưỡng chúng. Hãy sinh sản và gia tăng sinh sản nhiều lên…" Thế nên, trong bộ óc đầy giao động của người y sĩ vô danh kia tại Viện Nghiên cứu Dahlem[27] lại nẩy sinh ra một suy tính khá điên rồ: các bà mẹ "aryenne" phải sinh ra toàn các trẻ song sinh. Còn chiến thắng nào hơn cho nòi giống! Về sự kiện nầy thì Mengele hiểu lắm! Ai là người nắm giữ được bí mật ấy, sẽ là vị cứu tinh của cái "Đế quốc Ngàn năm" nầy, và lại còn lợi được biết bao nhiêu là thì giờ. Việc gặm nhấm dần dà và việc chiếm đóng các vùng đất mới sẽ được nhanh hơn gấp hai lần bởi vì trong cùng thời gian, có hai lần số trẻ được chào đời. Và bây giờ thì trên giấy trắng mực đen, điều ước mơ đang trở thành thực tế: một nhà thống kê của nhóm Ahnenerbe viết cho một trong các người bạn của ông ta:

- Việc thai nghén trung bình được thu lại khoảng 135 ngày…

Và như vậy, đã hẳn nhiên rồi! Chín tháng chia cho hai! Chính Trời còn chưa nghĩ ra được điều nầy.

Mengele đã xả thân vào "công trình vĩ đại" của ông ta. Ông cũng không cần phải tự đặt câu hỏi:

- Làm sao tìm được các đứa trẻ song sinh kia?

Một dòng sông người bất tận cuồn cuộn chảy ngang đài chọn lựa do chính ông đích thân điều khiển.

- Bên phải.

Một tiếng gậy khỏ vào mũi giày ống.

- Bên trái.

Một tiếng gậy khỏ vào mũi giày ống.

- Hai đứa kia, hai đứa song sinh kia lại đây, đứng bên ta.

Một tiếng gậy khỏ vào mũi giày.

Rồi bên phải, rồi bên trái…

Bên phải là toán người bệu thịt sẽ vào lò hỏa thiêu, và bên trái là các người lực lưỡng sẽ là toán tù phục dịch. Người ta còn thấy ông ta đứng thẳng người, tươi cười, nhã nhặn, thong dong, tay phải trong chiếc áo nẹp đồng phục sĩ quan có dáng điệu "uy nghi của Hoàng đế Nã phá Luân". Hơn nữa, ông còn tự xưng là dòng dõi của ông hoàng Rodolphe Áo quốc.

"Ông còn huýt sáo bản *Tosca* và mỗi lần thổi bản nầy lên, còn đồng nghĩa với cái chết của hằng trăm, hoặc hằng ngàn tù nhân. Mengele luôn luông huýt sáo bản *Tosca* khi ông vui, khi ông ta phải làm các cuộc tuyển chọn quan trọng."

Tiếng gậy khỏ cuối cùng vang lên trên mũi chiếc giày ống. Quanh ông ta, các "con vật kỳ dị" có vẻ như khù khờ, sợ hãi, khác thường hoặc dị tướng trong "gánh xiếc Mengele", danh từ mà bọn SS đã dùng để gọi các nhóm người tù nhân ấy.

Ngay từ khi đến trại, các trẻ song sinh đã hiểu được mối quan tâm đặc biệt mà người "y sĩ quan tòa" đã dành cho chúng. Từ khi chúng sinh ra, đã có hằng chục vị y sĩ thính chẩn chúng và còn khảo sát nữa. Chúng sẽ lại được chăm sóc ân cần nữa. Các đứa nhỏ bị các bà mẹ bỏ rơi: các bà cũng hiểu rằng khoa học rất ưa thích những hiện tượng bất thường.

Nhóm mập thịt và nhóm vạm vỡ theo về với số phận của họ, còn các người song sinh thì về hướng đỉnh danh vọng của Mengele. Giai đoạn đầu tiên thật là nhiệt thành và niềm nở. Gần như là một thiên đàng giữa lòng Địa ngục. Khu trại 14 nằm trong căn trại F. Nào cháo, nào thịt, nào khoai tây, còn có những bó bông, các bộ thường phục mới; có thợ hớt tóc mặc áo choàng trắng, chiếc lược đồi mồi bỏ túi. Và các nụ cười. Tôi quên nói là nhà cầu còn có giấy vệ sinh. Chúng chờ đợi, từ cặp nầy sau cặp kia, từ ngày nầy qua ngày khác, chúng biến mất trong khu trại người Tzigane. Và rồi những nỗi nhục nhã và đau đớn với đội quân nghiên cứu khoa học: từ thước đo tầm vóc đến các chiếc ảnh thuộc nhân trắc pháp (phép đo thể cách của con

người), rồi qua sự tiêm chích, trích lấy máu thử, trao đổi đứa anh qua đứa em và ngược lại, rồi phân lượng, khảo sát, đến những lúc ngồi làm mẫu trước những giá vẽ và các bút chì than của của Dina, một nữ tù nhân mà ngày trước đã từng triển lãm họa phẩm ở Prague. Nhưng những việc thiết lập hồ sơ dài dòng ấy không thể mang lại một khám phá quan trọng nào. Hằng ngàn y sĩ cũng đã thiết lập các hồ sơ tương tự trước chiến tranh. Chiến tranh đã là một cơ hội may mắn cho việc sưu tầm. Các chức quyền cao cấp của quốc gia đã "dành cho" các nhà thí nghiệm dồi dào phương tiện. Thế nên họ phải tiến đến vùng đất hãy còn chưa ai biết đến. Chưa bao giờ, dưới chiếc dao mổ nhà nghề, một nhà sưu tầm có được hai cơ thể hoàn toàn giống nhau. Họa may chỉ có xác chết và chiếc bóng của nó. Hiển nhiên là các trẻ song sinh đã từng được cho giải phẫu để quan sát, nhưng đứa nầy chết sau đứa kia, và cái chết thứ hai đôi khi cách cái chết của đứa trước hằng năm trời.

- Nhưng ở đây, lại xảy ra một việc độc nhất trên thế gian, trong lịch sử của ngành Y khoa: hai anh em trẻ song sinh chết chung và cùng lúc với nhau, và người ta được cơ hội phẫu nghiệm tử thi của chúng cùng một lúc.

Chúng bị chết đi cùng lúc, chỉ vì Mengele đã giết chúng.

- Nạn nhân được đặt trong chiếc ghế bành loại ghế của nha sĩ, hai tù nhân giữ hai tay nạn nhân, trong khi người thứ ba bịt mắt lại và giữ bất động chiếc đầu. Bây giờ, y sĩ nhà ta tiến lại và cắm sâu cây kim vào ngực nạn nhân. Kẻ vô phúc không bị chết liền, mà trước mặt hắn ta tất cả đều tối sầm lại. Các tù nhân khác chứng kiến việc đâm kim nầy, dìu nạn nhân, trong cơn nửa mê nửa tỉnh, sang qua phòng bên cạnh và bỏ nạn nhân nằm dưới đất. Rồi thí vật bị chết trong vòng khoảng nửa phút sau.[28]

Mengele đã khám phá ra được "chiếc dao mổ" của ông ta tại đài tuyển lựa ở Auschwitz.

- Các y sĩ hãy ra khỏi hàng.

Và có khoảng 50 y sĩ tiến ra.

- Tôi muốn tìm một y sĩ nào đã từng theo học tại một trường Đại học Đức, và rành về khoa bệnh thể giải phẫu học và pháp-y học…

Cả một sự yên lặng, sự do dự ngập ngừng, rồi tiếp theo đó:

- Hãy để ý kỹ nhé, bởi vì các ông phải đủ tư cách làm tròn phận sự, nếu không thì….

Miklos Nyiszli hiểu rõ các chữ “nếu không thì…” của Mengele. Và ông ta bước ra khỏi hàng.

Tôi tưởng tượng được dễ dàng ý nghĩa ánh mắt nhìn nhau giữa hai người. Đó là một sự giao ước về một nơi xa lạ được ký kết bởi một bước chân về phía trước một cái chớp động đôi mi suy tính, một quyết định cho phép kéo dài thêm sự sống của người y sĩ Do-thái vậy.

- Anh cũng biết chứ, Mengele nói vừa biểu ông bước lên xe của ông ta, tôi không đưa anh tới một nơi dưỡng sức nhưng anh sẽ được sống trong những điều kiện không đến nỗi tệ lắm.

Chiếc cửa sắt nặng nề dùng để khép kín khuông vi lò hỏa thiêu, được hé mở. Người ta thường chỉ đưa tới đây, các tội nhân bị án tử. Và ai cũng đều biết như vậy. Những người của đội “Sonder Kommando”, những “người chết còn sống” nầy chỉ còn được tồn tại trung bình khoảng 100 ngày. Bọn họ chỉ là chiếc rìu và giàn củi để thiêu tội nhân. Họ chuẩn bị sẵn các vòi nước ria; khi các hạt tinh thể li ti màu xanh lơ của chất “Cyclon B” bốc hơi trong các đường ống dẫn và khi chất hơi đã ngấm mòn đến hơi thở sau cùng, thì họ xịt nước rửa ráy cái núi xác người ấy; các người thiêu xác chỉ cần chất đầy lên các miệng rộng của lò thiêu, ống khói chỉ cần phun ra khói dầu cuộn cuộn, và căn trại chỉ cần quên đi một vừng khói mới bay loãng ra giữa khoảng trời. Lúc bấy giờ và chỉ có lúc bấy giờ thôi, đội Sonder Kommando (đám người hành sự bất đắc dĩ) mới có thể buông mình vào trong cuộc sống phù phiếm và rượu mạnh. Cả bọn có dáng vẻ như đang sống trong các lâu đài Trianons. Mặc tình với vải vóc và đồ sứ, tha hồ với thức ăn lựa chọn và tự do xem những sách cấm… Để quên đi sự chết của bao nhiêu kẻ khác, và cũng để quên đi ngày tàn đời của chính họ được ghi bằng một chữ thập đen trên quyển lịch của tên trưởng trại. Người ta thanh toán các phu đào huyệt để họ không tiết lộ được gì, ngay cả đến các tên gác dan SS cũng không thoát khỏi âm mưu giữ hoàn toàn bí mật nầy. Cần gì nếu bọn quỷ quái ấy tỏ ra vênh váo hoặc thừa cơ hội hôi của các nạn nhân, họ có bao giờ hiện hữu đâu. Và hôm nay thì trong phòng

thí nghiệm về khoa giải phẫu sinh thể, Miklos Nyiszli là người anh em của bọn họ trước khi trở thành bàn tay của Mengele.

- Anh có một món hàng ở trước cổng lò thiêu xác kìa.

Đây là công việc “thú vị” mà Mengele đã hứa hẹn với ông ta hôm trước! Tên SS theo coi toán tù tạp dịch, lo việc chuyên chở nầy, trao cho ông ta các hồ sơ y bạ. Nyiszli giở tấm chăn phủ trên chiếc cáng. Hai xác chết nhỏ xíu nằm co rút, da dẻ thật mịn màng. Chúng khoảng 2 tuổi. Và lát nữa đây, trong phòng thí nghiệm, người y sĩ sẽ khám phá ra, với sự khiếp đảm, nguyên nhân của cái chết.

- Hai đứa trẻ nầy bị bơm chất thuốc mê (chloroforme) bằng một mũi kim đâm thấu vào tim, để cho máu, khi kết đặc lại, sẽ đóng lấp trên các mạch “van” và đưa ngay đến cái chết vì tim ngưng đập.

- Anh có một món hàng ở trước cổng lò thiêu xác kìa.

Lại các đứa trẻ, bốn cặp tất cả. Cặp lớn nhất chưa quá 10 tuổi.

Cưa cắt, mổ banh ra, cân, phân tích và sau hết là bỏ vào trong các bình rượu, các bộ phận “*hữu ích cho việc khám phá các bí mật*”. Các hồ sơ bằng chai ngâm rượu nầy và tất cả những khảo sát được bao lại kỹ lưỡng để gởi về Viện Nghiên cứu Dahlem. Giữa các sợi dây cột tréo và các tấm nhãn đôi, có ấn dấu mực to lớn được in đậm các chữ “khẩn cấp – tài liệu chiến tranh”.

- Anh có một món hàng ở trước cổng lò thiêu xác kìa.

Những đứa trẻ song sinh, những đứa lùn, những đứa khổng lồ. Mengele chỉ tham dự vào giai đoạn sau cùng của các công tác nghiên cứu nầy.

- Chúng tôi lật xem các tài liệu đã được thiếp lập về các trẻ song sinh, khi ông nhận thấy trên tấm bìa xanh của một tập tài liệu có dính một dấu mỡ đã phai mờ. Số là, đang, khi giải phẫu, tôi thường hay sử dụng các tài liệu, thế nên tôi dã làm lấm lên đó. Bác sĩ Mengele liền phóng nhìn tôi bằng đôi mắt bất bình và nói với tôi bằng cái giọng nghiêm trang trọng đại: “Anh lại có thể hành động một cách vô tâm như vậy được sao đối với các tài liệu mà tôi đã sưu tập với tất cả ngập tràn niềm thương mến!” Chính cái chữ: “thương mến” vừa thoát ra khỏi miệng của bác sĩ Mengele đã làm cho tôi tôi kinh dị, đến nỗi không còn có thể nói gì được nữa.

Thật vậy, Mengele có một sự say mê về các cuộc khảo cứu điên rồ ấy, nhưng chẳng bao giờ đi đến đâu cả. Rất nhiều nhà thí nghiệm đồng nghiệp của ông ta, bày đặt ra lắm đề án, và khai triển các công trình vô nghĩa, mà mục đích tối hậu của họ là để được khỏi phải ra trận mạc và tránh được sự chết chóc. Nhưng Mengele không cần phải tỏ ra mình là một người rất cần thiết đến như vậy: thực sự ông ta là người rất cần thiết. Không có ai điều khiển công việc tuyển chọn bằng ông. Khi ông ta vắng mặt… thì việc tuyển chọn gần như đã trở thành hỗn loạn. Và cũng với lòng thương mến nói trên, ông biết chọn lựa những ai có thể làm chói rạng được các thuyết tôn chủng của dân tộc Đức, Bọn Do-thái là những kẻ thấp hèn và thoái hóa, bôi xóa bọn họ trên quả địa cầu nầy là giúp ích cho những người còn sống sót. Một ngày nọ, trại tập trung thanh toán những người cuối cùng đến từ Ghetto[29] Litzmannstadt. Mengele trong khi đang bị khích động cực điểm, đã khám phá thấy trong các dãy hàng tù nhân hai cha con một người: Người cha, gù lưng, con đứa con thì thọt chân. Mengele viết nguệch ngoạc trên một mẩu giấy con chỉ thị cho Miklos Nyiszli.

- Khảo sát hai người nầy về phương diện bệnh nghiệm bọc. Làm trắc lượng rõ ràng về người cha và đứa con. Thành lập hồ sơ bệnh nghiệm gồm tất cả các dữ kiện quan trọng và đặc biệt hơn nữa là các dữ kiện liên hệ đến các nguyên nhân đã gây nên các khuyết điểm về cơ thể.

Cả hai người đều có ở đây, họ đang ở từ trong cái tận cùng của sự đau khổ, họ vẫn còn tin tưởng ở lòng nhân ái của kẻ đồng loại đối với họ. Nyiszli đang ở trên bờ tuyệt vọng. Có thể nào chịu đựng được công cuộc thí nghiệm tội lỗi không khoa học chút nào nầy chăng? Ông ta lự nguyện tìm mọi cách để thoát khỏi lò hỏa thiêu để sau nầy có thề làm nhân chứng về những tội ác ghê rợn ấy, và sự hy sinh của ông ta đã không cứu vớt được ai.

Về người cha, ông nầy mắc một bệnh nan y về giác mô, nên cả hai cha con đã từng khám bệnh với các y sĩ nổi danh người Áo và cả người Đức nữa.

Bọn “Sonder Komrnando” đem cho hai cha con món thịt bò chiên xúc lên mì ống. Họ được nghỉ ngơi thoải mái. Đoạn, toán phục dịch của Mengele với tên đầu xỏ của bọn đồ tể là Trung sĩ nhứt Mussfeld,

tiến qua chiếc phòng hội của các phòng thí nghiệm, cả hai cha con đều bị giết trong phòng thiêu xác.

Chiều đến, Mengele đòi bản phúc trình hồ sơ…

- Thân xác họ không nên đem hỏa thiêu, mà phải được sửa soạn và các bộ xương của họ sẽ được gởi về Viện Bảo tàng Nhân chủng ở Bá linh. Anh biết những phương pháp nào về việc rửa thật sạch sẽ các bộ xương?

Miklos Nyiszli đưa ra hai phương pháp chính yếu: cách ngâm chất "clorua vôi" (trong vòng 2 tuần, thịt sẽ tan rã hết) và cách nung chín. Mengele cắt ngang:

- Mau nhất là cách nung chín!

Sau năm giờ đốt lửa phừng phực dưới hai thùng "fut" sắt to lớn, lò bị nghẹt hơi. Sát bên đó một nhóm thợ tù nhân Balan đang sửa chữa một ống khói của lò thiêu xác, họ bị lôi cuốn bởi các chiếc thùng vĩ đại kia. Cơn đói của họ lại hoành hành rất dữ dội… Đúng rồi, đúng là thịt nấu chín đây rồi…

Một viên phụ tá phòng thí nghiệm nắm tay Miklos Nyiszli:

- Bác sĩ, bác sĩ, các người thợ Ba lan đang ăn thịt nấu trong thùng!

Bác sĩ Hirsch[30] biết rằng ông sắp chết. Bệnh đậu lào chỉ còn để cho ông kéo thêm cuộc sống được vài ngày nữa thôi. Các tù nhân khác đã đem ông lên chiếc xe vận tải… và thình lình ông ngất đi liền sau đó. Khi tỉnh dậy, ông thấy mình nằm tại một bệnh xá. Do sự nhiệm mầu nào đấy.

- Các y sĩ tù nhân đã lượm tôi lại. Mengele tìm một y sĩ chuyên môn và quang tuyến, biết nói tiếng Đức. Không thuốc thang gì cả bởi một sự nhiệm mầu khác, tôi đã có thể bình phục nhanh chóng.

Hirsch phải chú giải cho Mengele về những phim rọi các trẻ song sinh nhận từ trại đàn bà. Ngày nọ, có hai cặp trẻ con được đem đến "trạm thí nghiệm". Cặp trẻ nhất 5 tuổi và cặp kia thì độ 7 tuổi. Tất cả bốn đứa đều có vết đỏ quanh các khớp xương. Các y sĩ tù nhân lắng nghe Mengele giảng giải:

- Người ta thấy rõ ràng là chúng mắc bệnh lao.

Tiếp theo đó các y sĩ chẩn bệnh: chứng Erythème[31] noueux",

Slengele sùng lên, dậm chân:

- Đúng là phá hoại! Đấy là triệu chứng của bệnh lao.

Nếu như tình thế không quá căng thẳng như vậy. Bác sĩ Hirsch có lẽ đã phá lên cười trước bằng chứng về sự "quá kém" nầy của "ông chủ" ông ta.

- Còn anh, y sĩ chuyên môn về quang tuyến? Anh không tìm thấy gì à?

- Thưa không,

- "Hình chụp" đâu?

- Thưa không có gì cả! Nhưng nếu ngài muốn tôi ghi chú lên phiếu là "bệnh lao", tôi sẽ ghi ngay.

Mengele quay lại các đứa trẻ.

- Hãy theo ta.

Bác sĩ Hirsch thấy các đứa trẻ leo lên xe của Mengele. Chiếc xe thay vì theo hướng mặt để về trại, lại quẹo qua hướng trái, theo con đường dẫn đến lò thiêu xác.

Miklos Nyiszli mổ banh các cơ thể kia dưới mắt của Mengele. Bốn con người bị sát hại để chứng tỏ rằng ông ta, bác sĩ Mengele, không thể lầm lẫn được.

Khi ông ta trở lại bên các y sĩ tù nhân đang chờ đợi, ông nói với họ một cách giản dị:

- Đúng rồi, khá khen cho lần nầy. Nhưng nếu tôi khám phá được có một sự phá hoại, chỉ một chút phá hoại thôi, thì chính các người sẽ lên đường đến lò thiêu xác.

…Tháng 5 năm 1965, xứ Saint Domingue[32] đang có cuộc nổi loạn. Tôi bị kẹt trong căn hầm của Đại tá Caamano. Khoảng gần non một tiếng đồng hồ, quân Mỹ khóa chặt hai con lộ song song với mặt trận phía biển, rồi pháo đài Fort Chabrol của phe Lập hiến sẽ trải qua thêm một đêm yên lặng của cuộc vây hãm đương nhiên. Các lực lượng ở cánh phải tuân hành cuộc hưu chiến trong đêm. Chém giết nhau đồng ý… nhưng không khi nào ngoài giờ làm việc. Thình lình cả một khối tòa nhà rực cháy, tiếng nổ liên hồi ở Saint-Jean át

cả tiếng lệnh chiến đấu của viên chỉ huy quân cách mạng. Tôi chạy về phía hắn ta.

- Đó là do doanh trại bắn qua.

Tôi có biết hắn ta. Hắn ta là người Haiti, thành viên của đội cảm tử Rivière, tôi đã gặp hắn nhiều lần trong cấm thành ở Saint Domingue.

- Hãy nằm trú tại đây, chúng đang "quét" khu nầy. Ở đây chúng ta không phải sợ gì cả.

Rồi chúng tôi chuyện trò. Hắn hy vọng sự toàn thắng của cuộc cách mạng, vì hắn còn giữ được vũ khí và cùng với các đồng chí Haiti khác có thể lật đổ được Hoàng đế Duvalier. Hắn ta đã bị lưu đày từ một năm qua:

- Tôi làm đủ cả mọi nghề, ngay đến cả nghề ký giả nữa.

Tôi mỉm cười.

- Phải rồi. Về một người Ba tây. Ông ta theo dõi vết chân của một y sĩ Đức tên là Mengele.

Tôi phải thú nhận rằng, tôi không chú ý mấy đến câu chuyện của người Haiti đã kể. Tiếng vang động của bom đạn và trái phá đã bóp chết ở tôi mọi tính tò mò. Ngày nay, tôi đã phải ân hận biết bao nhiêu về điều ấy. Trong suốt câu chuyện kể dài dòng của hắn ta, tôi chỉ còn nhớ mang máng như sau:

- Có người nhà báo Ba tây đã tìm cách theo dõi một người tuổi khoảng từ 55 đến 60, và cao độ 1 thước 75, thường được gọi tên là José Mengele. Ở Saint Domingue ông ta có liên hệ và được bảo trợ bởi một viên chức của Viện "Instituos de Formacion Integral" (Viện Phục Hồi).

- Người Haiti nói trên phải tìm lại cho được vết tích của ông ta trong các khu đoàn người bị phát lưu.

- Qua ba ngày, ông nhà báo Ba Tây ngưng công việc điều tra của ông ta. Vì Mengele đã lại đi sang xứ Paraguay.

Với tư cách một nhà báo tôi không bao giờ phát động một cuộc truy lùng các tên phù thủy quốc xã da trắng kia. Đã có nhiều tay "khoác lác" chuyên gây chuyên chấn động như là đã thêu dệt các huyền thoại quanh cái chết của Hitler hay của Bormann. Mengele hãy còn sống, hay đúng hơn ông ta vẫn còn sống vào ngày 30-10-

1959, khi sở cảnh sát tại thủ đô Asuncion xứ Paraguay, lập thẻ căn cước cho ông ta, mang số 28.240 với một chứng chỉ hạnh kiểm tốt. Và ít nhất cũng có mười nhà báo Nam Mỹ đã có trong tay họ các chứng từ nói trên.

Cuộc điều tra tỉ mỉ nhất được thực hiện do Victor Ribeiro, đặc phái viên của tờ *Jornal Do Brasil*. Nhà phóng viên nầy đã tìm kiếm trong các sổ dân di trú và ông đã tìm được trang đăng ký như dưới đây (sổ tổng kê của sở Du lịch. Phần chữ M, số đăng bạ 3098) dưới con mắt đầy ngạc nhiên của ông Giám đốc Nha Cải cách Điền địa.[33]

- José Mengele, giấy thông hành Đức, số 3.415.574.
- Đến từ Buenos Aires (thủ đô xứ Ba Tây)
- Ngày nhập cảnh: 02-10-1958
- Cư trú: khách sạn Colonial.

Nhưng chưa hết. Ribeiro còn tìm đến các học phiếu của sở Cảnh sát đô thành, ông tìm được nhiều biên bản cung thẩm. Mengele đã thay họ Joseph của ông ta thành José cho có vẻ tên người Paraguay hơn. Ông ta sinh ngày 16-3-1911 tại Gunzburg (vùng núi Bavière Đức), có vợ là bà Martha Maria Weil. Cựu đại úy y sĩ, bây giờ là thương gia, có đạo thiên chúa. Thẻ hình mạo ghi các chi tiết như sau: cao 1 thước 74, tóc hung xám, mắt sáng màu nâu, lông mầy cong, miệng trung bình không rộng không hẹp, dấu lăn tay V.1344 V 4444. Dấu vết đặc biệt: không có.

Nếu các tài liệu nầy vẫn còn nằm yên trong các cơ quan công quyền của xứ Paraguay, nơi mà ngày nay người ta có thể đến để tham khảo, thì dấu vết của Mengele lại đã mất hút tại thủ đô Asuncion (Paraguay). Việc khám phá của tôi ở xứ Domingue không đủ vững để đáng được lưu ý. Vị bác sĩ tài ba kia đang trốn ở đâu? Ông ta đã chết rồi chăng? Ông ta đã đền xong tội ác rồi chăng?

Bao nhiêu là câu hỏi được đặt ra mà không có giải đáp. Nhưng ở Nam Mỹ, có những người của toán cảm tử giống như toán đã bắt Eichmann,[34] họ đã không nản chí theo dõi đấu vết của nhà "ẩn sĩ hiền hòa" ấy, người mà ngày xưa đã huýt sáo thật hay bài hát *La Tosca* quỷ quái; một trong những tên "tội phạm lớn" cuối cùng của Đệ nhị Thế chiến, đứng vào hàng thứ 5 trên danh sách tại Trung tâm sưu tập tài liệu của Simon Wiesenthal. Số 1 là Eichmann, Trung tâm

đã tìm được hắn và đã bắt hắn về xử tội. Số 2 là Bormann; số 3 là Muller, một trong các tên đầu sỏ của sở mật thám Gestapo. Số 4 là Franz Stangl, cựu trưởng trại tận diệt Treblinka, lưu trốn ở xứ Ba tây dưới tên Stengler, là công nhân gương mẫu của sở bảo trì tại cơ xưởng xe hơi Wolkswagen ở Sao Bernado do Campo, mỗi buổi chiều, sau giờ làm việc ông ta lại sống đời an nhàn trong cảnh gia đình sum họp với vợ và ba đứa con gái trong một ngôi nhà mà sân thượng trồng đầy những kỳ hoa dị thảo. Các cơ quan của Wiesenthal đã dò được dấu vết ông ta vào năm 1964. Trong suốt hai năm trời họ bỏ công thu thập mọi bằng chứng và cuối cùng vào tháng 3-1967, họ đệ trình tài liệu nầy lên bàn việc của viên Toàn quyền xứ Ba tây. Tiếp theo đó mọi việc đã được giải quyết hết sức nhanh chóng: Cảnh sát đón bắt ông ta, khi vừa mới ra khỏi cơ xưởng và ngay chiều hôm đó, chính phủ Áo đã lên tiếng đòi được dẫn độ ông ta. Stangl bây giờ đã 60. Cựu giới chức cảnh sát SS nầy tất nhiên sẽ đem lại nhiều xác chứng về các tội phạm y học của bọn quốc xã Đức. Trước khi điều khiển bộ máy giết người ở trại Trebinlka, ông trông coi về công tác Etuhanasile, công tác đem cái chết nhẹ nhàng bằng tiêm thuốc mê, nhằm giúp ích cho bọn SS giết người bằng một cái chết êm mơ tại nhiều dưỡng trí viện. Rồi nhà cầm quyền cho thu lại các chiếc giường của các người bị bệnh nan y ấy để lại dành cho binh lính của chế độ.

Simon Wiesetnhal đã thay tấm hình Stangl bằng tấm hình của Mengele trên bàn làm việc của ông. Và ông thường bảo:

- Tôi chưa có gì phải gấp rút.[35]

8
CÁC NHÀ SƯU TẬP SỌ, DA… NGƯỜI

Tướng Leclerc đến gần bên các sĩ quan thuộc Bộ tham mưu của ông:

- Chúng ta sẽ tái phát khởi kế hoạch "Giải phóng Ba Lê". Một cánh quân trên mỗi đường phố. Tất cả đều như vậy, càng nhanh cành tốt. Các tù binh sẽ bị tước khí giới và cho gởi về phía Tây. Không có cuộc chạm trán nào quan trọng. Chúng ta sẽ bao vây các điểm kháng cự… Tất cả mọi người sẽ lại tái họp ở cầu Kehl.

Cuộc tiến quân vào thành phố Strasbourg, khởi đầu lúc 7 giờ 3 phút ngày 23-11 nầy. Hai giờ sau, cánh quân Rouvillois tiến xuyên qua thành phố mà không gặp sự kháng cự nào. Mọi người đều lấy làm kinh ngạc. Quân đồn trú Đức đã không được đặt ngay cả trong tình trạng báo động. Các sĩ quan lột bỏ khí giới của họ trên các thiết giáp xa của Sư đoàn 2 thiết giáp. Các người khác chỉ nghĩ đến sự đào tẩu và tráo đổi quân phục của họ với quần áo dân sự mà họ đã hết sức trịnh trọng giấu cất từ nhiều tuần qua. Và có điều chắc chắn là vị giáo sư đại học August Hirt là một trong những người lo bôn tẩu trước tiên. Ông ta đã chẳng từng lập đi lập lại nhiều lần với các vị phụ tá:

- Chúng sẽ không bao giờ bắt sống tôi được.

Hirt là dân kỳ cựu của thành phố Strasbourg. Ông đã bước chân vào Viện Giải phẫu học với vũ khí và các chiếc dao mổ, trong những ngày đầu của năm 1941. Ông là một đoàn viên SS và là phần tử rất uy thế của nhóm Ahnenerbe. Do đó mọi cánh cửa đều rộng mở trước mọi ước muốn của ông ta. Bên cạnh các cuộc nghiên cứu lưu truyền về hệ thống thần kinh giao cảm và các tế bào sống, liền ngay khi đến nơi Hirt muốn biến Strasbourg, một trường Đại học Đức (Rciehsuniversitat) nhưng nhứt là trường Đại học SS, thành một trung tâm sưu khảo tài liệu vĩ đại của thế giới về các giống dân hạ đẳng… Một bảo tàng của giống người hạ đẳng, để chính nơi đó, người ta sẽ thu nhặt các bằng chứng về sự thoái hóa, và tính thú vật của giống người Do-thái. Một viện bảo tàng mà người ta phải đương nhiên trang bị, vì tất cả giống người Do-thái sẽ biến mất trong một

ngày gần đây trên quả đất nầy. Các bộ xương của họ sẽ rất hiếm và quí hơn xương của một con “diplodocus” chẳng hạn.[36]

Hirt đệ trình sáng kiến của ông ta lên cho Himmler:

- Đã có nhiều sưu tập quan trọng về sọ của hầu hết các chủng loại của mọi dân tộc. Tuy nhiên, các mẫu sọ của giống dân Do-thái cho phép thực hiện một cuộc nghiên cứu sâu rộng và đi đến các kết luận chính xác thì hiện có rất ít. Cuộc chiến tranh ở phương Đông sẽ cho ta một dịp để cứu vãn chỗ khiếm khuyết kia. Chúng ta có thể có được những bằng chứng khoa học xác thực khi tìm được các chiếc sọ của các Ủy viên Cộng sản Bôn sơ vích gốc Do-thái, tượng trưng cho một loại người hạ đẳng ghê tởm nhưng có nhiều đặc trưng.

Và như vậy là thế nào! Có nghĩa là người Do-thái không phải kém, nhưng Do-thái Bôn sơ vích… lại là chất kem của các thứ kem. Hirt dường như để tự bào chữa về sự quá quan tâm của mình đến các con người đáng ghê tởm kia, nói tiếp:

- Cách hay nhất để có được bộ sưu tập nầy thật nhanh, và không mất nhiều khó khăn là ban chỉ thị cho quân đội, từ rày về sau, phải giao sống tất cả các Ủy viên Bôn sơ vích gốc Do-thái, cho quân cảnh bị ở tiền đồn. Quân cảnh sẽ giữ họ cho đến khi nào có một đặc phái viên được gởi tới (có thể là một y sĩ trẻ hoặc là một sinh viên y khoa). Người nầy, có nhiệm vụ tom góp món vật liệu, người kia phải chụp một loạt hình với các ghi chú về nhân chủng học; hắn ta còn phải điều tra cho thật chính xác về nguyên gốc, về ngày sinh tháng đẻ… của các tù nhân. Sau cái chết của các tên Do-thái đó, mà người ta phải gìn giữ kỹ lưỡng phần chiếc đầu, hắn ta sẽ đoạn lìa chiếc đầu lâu rời khỏi cổ và cho ngâm vào một dung dịch bảo toàn, đoạn gởi về cho chúng ta.

Bộ máy hành chánh nặng nề của SS đã chịu chuyển động vì Himmler lưu tâm một cách “kỳ lạ” đến đề nghị rất hữu ích của người “bạn thiết” của ông ta. Sievers, vị quân sư ẩn diện của tổ chức “tìm lại kho tàng Tổ tiên” đến viếng Hirt. Cả hai đều cho rằng giản tiện hơn là nên cho chở sống các ủy viên Bôn sơ vích gốc Do-thái về Strasbourg. Rồi sẽ giết họ trong trại Natzweiler, nằm sát cận bên thành phố. Tất cả các cơ quan “trong vòng bí mật” đều tán thành sư giản tiện hóa ấy. Các ủy viên gốc Do-thái kia sẽ được giữ ở trại

Auschwitz cho đến khi nào số người lên đến khoảng 150 tên thì sẽ được đưa về Strasbourg.

Natzweiler là trại tận diệt duy nhất được xây cất trên phần lãnh thổ nước Pháp. Các dãy trại của nó được xây cất trên một cao độ khoảng chừng 800 thước, bao quanh bởi cảnh sắc khá hùng vĩ, mặt xoay về hướng núi Donon (một trong các ngọn núi của dãy Vosges). Về sau trại nầy sẽ được biết dưới tên là Struthof. Trưởng trại là một tên thô bỉ như súc vật: Josef Kramer.[37]

- Vào tháng 8 năm 1943, tôi được lệnh của bộ chỉ huy tối cao SS tại Bá linh phải tiếp nhận 80 tù nhân từ trại Auschwitz. Tôi đã phải liên lạc với giáo sư Hirt.

Hirt tiếp Kramer ở Viện Giải phẫu và yêu cầu ông ta cho vào phòng hơi ngạt cả chuyến áp tải nầy. Các tử thi sẽ được mang đến cho ông ta bằng từng toán nhỏ. Hirt đã chuẩn bị sẵn trong một chiếc lọ, các tinh thể thuốc độc cần thiết cho việc bỏ hơi ngạt các ủy viên kia.

- Tôi nhận được 80 tù nhân, vào một buổi chiều khoảng 9 giờ. Tôi dẫn 15 người đàn bà đến phòng hơi ngạt và bảo với họ: "Các người được đi tẩy độc". Vài tên SS giúp tôi lột hẳn quần áo của họ ra và đẩy họ vào phòng hơi ngạt. Khi tôi đóng chiếc cửa lại, họ bắt đầu kêu thét lên. Tôi bỏ một chút lượng diêm loại vào cái phễu đặt trên chiếc cửa sổ quan sát. Bằng chiếc cửa nhỏ trổ trên mái nhà đó, tôi đã thấy rõ những gì đã xảy ra ở bên trong. Các người đàn bà kia tiếp tục thở trong khoảng nửa phút rồi té xỉu trên sàn nhà. Sau khi cho điều hành sự thông khí, tôi mở cửa ra, thấy họ nằm sóng sượt dưới đất, tắt thở và đầy dẫy chất bài tiết. Tôi bảo các người y tá SS mang các xác ấy lên chiếc xe vận tải nhẹ và cho chở đến Viện Giải phẫu vào lúc 5 giờ 30 sáng hôm sau.

Trong những ngày kế tiếp, Kramer thanh toán thêm bốn toán mới nữa. Trong từng giây một, hắn sẽ theo dõi phút lâm chung của 30 người đàn bà và 57 người đàn ông.

- Tôi không cảm thấy một chút xúc động nào khi hoàn thành các hành động ấy vì tôi đã nhận được lệnh hành quyết 80 tội nhân theo cách thức như tôi vừa trình bày với quí ông. Vả lại tôi cũng đã được đào tạo như thế.

Chiếc vận tải nhẹ của trại Natzweiler ngừng trước cổng Viện. Hai cộng tác viên của giáo sư Hirt là Otto Bong và Henri Henrypierre, từ đêm trước đã đổ đầy các chậu rượu pha 55°, chạy ra phụ giúp người tài xế và hai tên SS, mang các xác của chuyến áp tải đầu tiên nầy.

- Các xác hãy còn ấm.[38] Mắt trợn trừng và hãy còn long lanh. Dường như bị tụ huyết và thâm đỏ. Các tròng mắt gần như lọt hẳn ra ngoài. Có nhiều vết máu ở khoang mũi và miệng. Ở đây không thấy có sự cứng đờ của xác chết. Tôi nghĩ rằng các nạn nhân đã bị đầu độc hoặc bị hơi ngạt.

Ngày hôm sau, Henrypierre gặp Hirt trên dãy hành lang, Giáo sư dừng lại và bảo lớn:

- Nếu anh không giữ kín những gì đã thấy thì anh cũng sẽ chịu cùng một số phận như họ.

Rồi chiếc xe vận tải lại ngừng nữa trước cổng Viện. Giáo sư Hirt, chẳng bao giờ còn quan tâm đến bộ “sưu tập” nầy nữa. Đã hơn một năm rồi, thỉnh thoảng, các cộng tác viên phụ tá chỉ cần thêm rượu vào các chậu ngâm. Trước cuộc tiến quân của Đồng minh, nhóm Ahnenerbe đã giao cho Hirt phụ trách công cuộc nghiên cứu gấp rút về hơi khí độc dùng nơi trận mạc. Nhóm nầy đang lo ngại về sự “hiện diện” của các ủy viên đầy tai họa nầy. Viên giám đốc nhóm Ahnenerbe viết cho vị chúa trùm của các y sĩ Quốc xã là Rudolf Brandt như sau:

- Vì lý do phải thực hiện các công trình khoa học cần kíp nên việc luyện chế các bộ xương vẫn chưa được hoàn tất. Hirt yêu cầu cho biết sẽ phải làm sao đối với “bộ sưu tập” trong trường hợp Strasbourg bị lâm nguy. Hắn có thể dầm bấy các xác ấy và làm thế nào để không còn nhận ra được. Nhưng làm như thế thì hóa ra một phần của cả công trình sẽ trở nên vô ích sao? Và như vậy sẽ là một mất mát khoa học khá lớn đối với bộ sưu tập độc nhất vô nhị nầy, bởi vì các khuôn mẫu sẽ không còn có thể thực hiện được nữa. Riêng bộ sưu tập như đang có hiện nay không lôi cuốn được sự quan tâm nào. Và người ta còn có thể nói rằng đấy là phần còn lại của các xác chết lấy được ở Viện Giải Phẫu, mà người Pháp đã bỏ lại và người ta lại đốt đi.

Giáo sư Hirt ra lệnh cho các cộng tác viên phòng thí nghiệm của ông chặt khúc các thây ma và đem đốt trong lò thiêu xác của thành phố. Nhưng quân của tướng Leclerc đã đến nhanh hơn là Hirt đã mong muốn. Thế nên hãy còn khoảng 15 xác của các ủy viên Bôn sơ vích gốc Do-thái, nằm dưới đáy các chậu to ngâm chất rượu.

Với viễn tượng cho ra mắt "bảo tàng viện về các giống người hạ đẳng", điều mà Hirt đã ước mơ từ buổi đầu cuộc thế chiến, nhưng đã phải bị bao nhiêu là phiền phức về thủ tục hành chánh, rồi lại thêm bao nhiêu thí nghiệm về hơi độc, đã liên tiếp làm chậm trễ đi. Nhóm Ahnenerbe kêu gọi tất cả các phần tử trung kiên, đang tại chức trong các trại tập trung hãy để riêng ra các bộ phận của thân thể "đáng chú ý và tiêu biểu đặc biệt". Các chiếc bình rộng miệng được chất đầy dẫy dưới các căn hầm của nhóm Ahnenerbe.

Tại Oranienburg-Sachsenhausen, y sĩ SS Baumkotter muốn chứng minh rằng các con người hạ đẳng có một ngọc hành… kém. Tay nầy cầm chiếc dao mổ, tay kia hũ "Formol" ông ta đi dọc theo các hành lang nhà xác (thường trực có hằng ngàn thây ma) và cắt "cái bộ phận" mà ông ta cho là cần phải bảo tàng. Nhưng ông ta còn đi xa hơn nữa. Người ta thấy ông rất hăng say theo dõi các cuộc thăm bệnh tại các bệnh xá. Edouard Calic, người đã khám phá được chiếc "*violin d'Ingres*"[39] của Baumkotter, đã viết trong quyển sách của ông nhan đề là "*Himmler et son Empire*", có đoạn như sau:

"Bây giờ tôi xin giải thích tại sao khi người ta xin ghi bệnh, thì các y sĩ SS lại bắt đầu bằng ra lệnh cho cởi bỏ chiếc quần ra và tiếp đó với chiếc mũi giày, họ hất tung áo của chúng tôi lên. Trước hết là để xem coi có phải là người Do-thái không nhưng cũng để khám phá các quái trạng hoặc những dị kỳ đặc biệt. Một tù nhân chính trị tên Walter Claux, có số hiệu 40,603, sau chiến tranh, cũng đã quả quyết trên giấy trắng mực đen rằng có lần Baumkotter đã dừng lại trước tù nhân Rudolf Schultze và nói lớn các y sĩ đi theo ông ta:

"Tụi bây hãy nhìn cái cục đá kia! Thằng nầy đúng là con ngựa giống! Dương vật của hắn giống như chiếc chân con ngựa bị chặt ngang. Cái đó đúng là cái mà chúng ta hằng quan tâm"

Và Calic kết luận:

“Tôi không rõ là “cái đó” có được đặt vào chỗ giữa các hũ đựng đầy “Formol” chất trong chiếc tủ được đặt dưới hầm bí mật ở Sachsenhausen không, trái lại, trong thời gian ở trại tập trung, chính tôi đã có thể để ý thấy là một số tù nhân có tầm vóc khác thường đã bị người ta đem vài điếu thuốc lá nhử làm người tình nguyện trong việc thí nghiệm một thứ thuốc nào đó đã không còn thấy trở lại nữa.

Nguyên cả 1 quyển sách cũng sẽ không đủ để kể lại những “tội ác cuồng bạo” của Ilse Koch vợ của viên trưởng trại Buchenwald. Bà trưởng trại đã cho xây cất một trường tập ngựa và vì bà ta cần làm gấp để tập con ngựa cái tơ mà vài tên trong số các nhân tình của bà đã tặng cho như là quà nhập hội (trong số nầy đặc biệt nhất có bác sĩ Hoven mà chúng ta sẽ có dịp đề cập đến trong chương nói về bệnh đậu lào) mà hằng trăm tù nhân phải làm việc đến kiệt lực ngày đêm, để xây cất cái công trường dài tới 100 thước đó, 30 người trong số đó đã gục chết dưới chân tường, bên các miếng ván bọc quanh và bên lớp kiếng lọng của trường tập ngựa. Mỗi buổi sáng bà trưởng trại cỡi ngựa mười phút. Rồi đoàn ca hội của bọn SS phải hòa hát đệm theo màn thao diễn ngựa của bà ta. Sau đó bà đi tắm; thường bồn tắm được chứa đầy sữa tươi hoặc rượu ngọt hảo hạng Madère.[40] Và đôi khi bà ta còn giao trọn chiếc thân của mình cho đôi bàn tay điêu luyện của một tên đấm bóp. Tên nầy đã chế tạo cho bà ta một chế hóa, lấy chanh Nam Mỹ làm gốc. Nhưng bà cựu thư ký đánh máy của một hãng chế tạo thuốc điếu lại say mê các hình xăm trên da người, và các nam y tá phải cho bà ta biết ngay mọi người tù nào có thân mình xăm các bức chân dung, các chữ khắc hoặc các “hoạt cảnh nghệ thuật”.

Bà chỉ huy trưởng quan sát kỹ lưỡng hình xăm. Nếu bà ta thấy rằng hình xăm ấy cần phải có mặt trong bộ sưu tập của mình, thì bà giao người tù cho tên “kapo”[41] thân tín tên là Karl Beigs. Tên trung thành Karl nầy liền hạ ngay “bức tranh sống”. Các tù nhân đang phục vụ trong ban bệnh lý giải phẫu học trích lấy mảnh da có hình xăm đem thuộc và dâng lên bà trưởng trại. Có một y sĩ SS tên là Muller đã mớm ý cho bác sĩ trẻ Wagner hãy soạn một luận án về các hình xăm trên da người. Wagner không tìm hiểu xem các miếng da từ đâu mà ra, ông ta bắt tay vào việc ngay. Và “y sĩ giám đốc” các trại là Đại tá SS Lolling, lại khuyến khích các việc làm của cái ông y

sĩ trẻ kia, và yêu cầu ông ta khảo sát các mụt nhỏ trên da, bề dầy của lớp da. Ông ta thường hay đòi hỏi các mảnh da mẫu để lòe nhát bạn bè. Trở lại việc của bà Trưởng trại. Bà ta cho "thuộc" một mảnh da lớn để trang trí chiếc chụp đèn trên bàn làm việc của chồng bà. Cái chưn chịu là một chiếc ống xương đùi. Bà Koch nhà ta còn có 3 đôi găng tay bằng da người có hình xăm… Cuộc sưu tập đã trở thành một kỹ nghệ. Người ta chế thành các bìa bọc sách, các chiếc bao đựng dao con, và bọc các hộp phấn trang điểm.

Quân Mỹ khi tiến vào giải phóng cho trại nầy, vào tháng 4-1945 đã khám phá được thêm một bộ sưu tập khác nữa, đó là các chiếc đầu lâu được làm cho teo nhỏ lại theo kiểu dân mọi Jivaro (Jivaro là thổ dân tại vùng Amazonie, vùng đồng bằng trên sông Amazone ở Nam Mỹ, được biết như là dân bị rút đầu). Các chiếc đầu kia chỉ thấy to bằng nắm tay với hàm râu mép và bộ tóc dài. Hai chiếc đầu lâu "thành công nhứt" được chưng bày trên chiếc ghế gỗ mun là đầu của hai người Ba lan đã có những mối liên lạc mật thiết "đê tiện" với các nữ công dân Đức. Các tên chuyên cắt đầu người ở trại Buchenwald làm rút nhỏ lại và chế biến cho được hoàn hảo hằng chục "mẫu khác nhau".

Thật đúng là công trình của các phù thủy xứ Amazonie ở Nam Mỹ. "Phương pháp" kỹ thuật áp dụng trong công việc nầy đã được các chuyên viên của nhóm Ahnenerbe truyền đạt cho theo lời yêu cầu của y sĩ đại tá S.S Lolling.

9
ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

Ông Hoàng xứ Lỗ Ma Ni Georgiu R… mang trên mình đến hằng trăm hình xăm. Còn hơn cả một bức tranh nữa. Đúng là một cuộc triển lãm các hình ảnh dâm ô.

- Mỗi cảnh trí được phác họa tại chỗ, trên mọi hải cảng nơi cựu lục địa cũng như ở tân đại lục, chính tôi đã dựng nên các hình ảnh ấy.

Bà trưởng trại không hề biết được bộ sưu tập độc nhất nầy vì ông Hoàng Lỗ ma ni, theo lệnh của Himmler, bị giam giữ ở trại Dachau. Là người mắc bệnh đồng tình luyến ái, các liên hệ yêu đương của ông ta trong các giới Quốc Xã, đã làm cho Reichfuhrer nổi giận. Himmler như chúng ta đã biết đã muốn cứu các cô gái mãi dâm khỏi con đường trụy lạc, đồng thời ông đại bố cả bọn tù phô bày trên các bộ áo ngủ sọc của họ, các hình “tam giác hồng” tượng trưng cho sự ô nhục. Ông cho hội các vị thanh tra trưởng các trại tập trung lại và tuyên bố với họ:

- Tôi không muốn còn thấy bọn mầu hồng trong các trại nữa.

Và ông ta lại kể cho họ nghe về câu chuyện của ông Hoàng Lỗ ma ni, với hồ sơ y bạ làm bằng.

Himmler đã gửi ông Hoàng nầy đến trại Dachau, vì ông nghĩ rằng “công việc nặng nhọc và đời sống lao khổ trong một trại tập trung, sẽ góp phần vào việc trị lành bệnh mau lẹ cho ông ta”.

Ông Hoàng nầy, nhân vật rất có ảnh hưởng tại Munich, dầu sao cũng không thể nào bị đối xử như một tên Do-thái tầm thường được. Nên vị chỉ huy trại đã đích thân đến tiếp nhận ông ta:

- Ngài nên đi tắm thì hơn.

Ông Hoàng bật khóc nức nở. Hiển nhiên là ông Hoàng không muốn các kẻ phàm phu được lật giở “quyển Album sống” của ông.

Vị y sĩ khám nghiệm ông ta và thảo phúc trình về cho Himmler.

- Chính con người nầy đã thú nhận rằng “từ lúc trưởng thành, y đã luôn cảm thấy ham muốn tình dục dữ dội, nhưng không bao giờ đạt được sự thỏa mãn”. Do đó chỗ thích hợp nhứt của y không phải ở trong một trại tập trung mà là ở một bệnh viện.

Trong lúc chờ đợi sự quyết định của Himmler, ông ta bị cột chặt vào giường ngủ. Ngày hôm sau, ông ta đã té xỉu khi người ta muốn bắt ông phải đẩy một chiếc toa xe. Ông đã chết hai ngày sau đó… vì đau khổ. Himmler đặc biệt quan tâm về trường hợp nầy, các y sĩ, các giáo sư đại học được phái tới tấp Dachau các phúc trình được đòi hỏi liên tiếp. Và vì chuyên gia nào cũng giải bày với ông ta như sau: "Đấy là một chứng bệnh không làm sao chữa lành được." Himmler liền đảm đương vấn đề nầy:

- Reichsfuhrer tổ chức tại trại Ravensbruck các cuộc "Thực tập về trị lành bệnh". Một số người đồng tính luyến ái, không biểu lộ được những bằng chứng dứt khoát về sự từ bỏ chuyện xấu xa, bị gọi cho làm việc chung với các thiếu nữ và chịu một sư dò xét thật gắt gao. Người ta ra lệnh cho các cô gái tìm cách làm như là vô tình xáp lại gần các người đàn ông kia, và lả lơi quyến rũ họ. Những người nào ở trong tình trạng khả quan thật sự (đứng trước các bức hiếp và dọa nạt trước khi thực tập) đã lợi dụng ngay cơ hội mà không cần để phải năn nỉ gì cả; còn những người không thể trị được, họ không màng thưởng cho các cô nàng mơn mởn kia, dù chỉ một cái nhìn. Nếu các người con gái ấy biểu lộ thật khích động, thì họ lại ngoảnh đi chỗ khác với sự khó chịu và gớm ghiếc.

Cuộc thực nghiệm được chấm dứt bằng một cuộc thử thách sau cùng: các người lành bệnh được để riêng với các người bệnh. Nếu họ lại bị xiêu lòng thì tất cả lại phải khởi sự lại.

Himmler xem các cuộc thực tập ấy như là một sự thất bại nửa vời, và tìm một giải pháp căn bản hơn. Và ông đã tìm được giải pháp ấy ở nơi một thiếu tá SS, người Đan mạch là bác sĩ Vernaet. Người đã phát minh ra phương pháp hiệu nghiệm trị lành bệnh đồng tính luyến ái. Ông nầy kính cẩn xin cho phép ông làm thí nghiệm trong một trại tập trung. Vừa biết được chuyện ấy, Himmler khoái chí như được dịp mở cờ và sẵn sàng mở rộng chiếc rào gai trại Buchenwald cho ông ta.

Bác sĩ Vernaet, tuyển lựa 15 con vật thí nghiệm bị mắc bệnh đồng tính luyến ái thật trầm trọng. Bọn nầy yêu cầu bác sĩ Horn, cũng là tù nhân như họ, giải thích dùm việc gì sẽ xảy ra cho họ…

- Họ rất sợ hãi và run lên như thằn lằn đứt đuôi. Tôi nói với họ rằng đấy chỉ là một chất "kích thích tố nam" mà người ta sẽ cấy vào

người họ, và sẽ chẳng có gì nguy hiểm cả.

Bác sĩ Vernaet, cũng giống như bác sĩ Rascher (mà chúng ta đã có dịp thấy ở các chương đầu), muốn dùng sự chế hóa của ông ta để tạo ra tiền. Ông ta đề nghị với Himmler:

- Chúng ta có thể bán chợ đen phát minh nầy cho ngoại quốc để có ngoại tệ. Chúng ta cũng có thể hứa cho bọn gián điệp phát minh ấy để đổi lấy các tin tức hữu ích.[42]

Himmler rùng đôi vai và khuyên ông ta nên thí nghiệm đã, trước khi "mơ ước đến những chuyện viễn vông".

Chất "dương lực Vernaet" sẽ được cấy vào trong háng hoặc dưới lớp da của các thí vật. Trong số 15 người bị thí nghiệm, có hai chết và không một người nào được "trị lành"…

10
ĐỂ XEM CHO BIẾT…

Flossemburg.

- Một tù nhân Ba lan vừa mới được đưa đến. Trước khi có chiến tranh y đã chịu một cuộc giải phẫu khá trầm trọng: cắt bỏ bao tử, lá lách và khoảng ba mươi phân thượng trường (đoạn trên của ruột non). Y đã phạm nhầm một lỗi bất cẩn khá tai hại là với hy vọng được miễn tạp dịch, đã nói việc giải phẫu trên với y sĩ Thiếu tá Schmidt ở Bệnh xá. Vị y sĩ nầy chưa bao giờ được xem xét một người không có lá lách, nên muốn biết cuộc giải phẫu đã được thực hiện như thế nào. Ông ta bèn đem nạn nhân mổ lại đường mổ mới cũng ngay tại chỗ cũ, xem qua rồi may lại.

Mười lăm ngày sau, người tù Ba lan chết trên giường bệnh.

Tính tò mò nầy thật chẳng có gì là lạ khi người ta đã biết chuyện nữ hoàng Cléopâtre cũng đã từng hay phanh bụng các tỳ nữ mang thai để theo dõi sự phát triển của bào thai. Đây là một đòn sâu sắc tuyệt cao: chính Bà đã bắt buộc "các người đàn bà nầy" "chờ đợi" đứa hài nhi, bằng cách đem cái chết để dọa họ; nếu họ không chấp nhận đóng góp vào việc trọng đại của quốc gia.

Bác sĩ Neumann, tại Viện vệ sinh của lực lượng Waffen SS ở Bá linh, đã cắt lấy bớt miếng gan của người đang còn sống. Tất cả các nạn nhân của ông ta đều đã bị chết trong những cơn đau đớn khủng khiếp. Và con người hắc ám nhứt của loại y sĩ SS nầy chắc chắn phải là bác sĩ Eysele. Ở trại Buchenwald và trại Natzweiler từ năm 1940 đến 1943, các việc làm của ông ta đã vượt thật xa mọi tội ác khủng khiếp mà các y sĩ SS khác đã có thể gây nên. Để phát triển nghề nghiệp của mình, ông ta cũng vậy, cũng đã áp dụng khoa giải phẫu sinh thể trên con người. Các tù nhân đã bị ông ta giết chết như sau: Các nạn nhân đã bị ông bắt một cách bất thần, hên xui may rủi, trên các con đường trong trại, rồi bị đưa lên xe hồng thập tự và bị chích vào người chất vô-thủy nha-tinh,[43] ông quan sát sự công phạt của thuốc trên thân thể các nạn nhân, ông ta mổ xẻ và cưa cắt chân tay cũng như các bộ phận trong thân thể các tù nhân một cách vô tội vạ. Và đặc biệt là không có vấn đề chụp thuốc mê hay chích

thuốc tê cho các nạn nhân! Một trong số các nhân chứng hiếm hoi còn sống sót từng bị Eysele dùng làm vật thí nghiệm là người Do-thái Hòa lan tên Max Nebig. Người nầy bị ông ta cho cắt dạ dày. Say cuộc giải phẫu, đáng lẽ ra Nebig phải bị giết chết bằng một mũi thuốc độc thì tên "Kapo" phụ trách công việc đó ở bệnh xá lại chỉ chích cho y một mũi nước cất vô hại, và đem người "sắp chết" khỏi sự dòm ngó của Eysele bằng cách đem giấu y vào trong trại ho lao, nơi mà viên y sĩ ác ôn S.S không bao giờ đặt chân đến vì sợ bị truyền nhiễm. Nebig đã ẩn trốn ở đó cho đến năm 1945.

Có điều chắc chắn là rất nhiều y sĩ khác nữa, "chỉ để xem cho biết" đã mổ xẻ các tù nhân trong vùng bí mật của các phòng thí nghiệm. Họ không thỏa mãn với các cơ thể mà họ nghiên cứu trên các bục đá cẩm thạch của các nhà xác. Cuộc quan sát trực tiếp trên một con người sống đối với họ dường như hữu ích hơn và khoa học hơn. Nhưng ngày nay, người ta không tìm ra đủ bằng cớ để buộc tội y sĩ nầy hoặc y sĩ kia. Chẳng hạn như người ta biết rõ là ở Dachau tất cả các tù nhân mà một bộ phận trong người có tất đều biến mất tất cả… Cũng không có được một bằng chứng nào về các cuộc thí nghiệm các loại thuốc mới chỉ trừ loại thuốc Polygal của bác sĩ Rascher. Nhờ tìm thấy các bức thư trong số tài liệu của Himmler, người ta biết được có một thứ thuốc gọi là Diamin Diphényl Sulfone đã được thử nghiệm trên các người bệnh tại trại Buchenwald. Có thể là hằng chục, cũng có thể đến hằng trăm thứ vị thuốc đã được đem trắc nghiệm trên các người đến thăm bệnh tại các bệnh xá hoặc với các tù nhân tại các ngục thất. Thế nên, có một người ở thành phố Lille, tên Emile Rose, giao cho tôi một sắp dày cộm hồ sơ về các "bí mật y khoa" của nhà ngục Kassel:

- Một mình tôi ở trong một phòng nhỏ với một y sĩ Đức và vài y tá. Họ chích tôi một cách đều đặn bằng mọi kiểu: chích gân, chích thịt, trong xương sống và trong dịch hoàn… Bây giờ đây thân thể tôi hoàn toàn bị hủy hoại và tinh thần bị biến tính.

Các y sĩ ở chiến trường liên tiếp thảo các phúc trình về các nguy hại của chất sérum chống bệnh hoại thư của Đức, mà họ dùng để trị cho các thương binh. Sau khi tiêm thuốc, các bệnh nhân rất thường hay bị chết. Loại sérum của Pháp, trái lại, rất có hiệu quả và không gây nên một biến chứng nào. Viện Hàm lâm y khoa quân đội và bác

sĩ Mrugowsky, y sĩ trưởng chuyên ngành vệ sinh học của lực lượng Waffen SS. cho rằng chính chấp phénol chứa trong loại sérum duy nhất của Đức, là nguyên do của các tai nạn. Trong một cuộc họp ở Viện Hàn lâm, Mrugowsky giao cho Ding tham dự vào một cuộc chứng nghiệm về cái chết không đau đớn nhờ tiêm thuốc trong một trại tập trung để "xem cho biết" chất phenol giết người như thế nào.

Ding, một y sĩ S.S trẻ, điều khiển trung tâm thí nghiệm về bệnh đậu lào ở Buchenwald.[44]

Ông ta không hề quan tâm đến sự việc là các tù nhân đã bị chọn làm thí vật kể như đã bị lên án tử hình. Bọn lính SS đẩy vào căn phòng của bệnh viện 5 tù nhân, mình trần. Viên y sĩ trực nói với họ rằng họ sắp được tiêm thuốc ngừa bệnh đậu lào. Nghe vậy tinh thần bọn họ bớt bị căng thẳng, họ có vẻ tươi cười, và lấy làm sung sướng thoát được công việc tạp dịch. Ding thảo phúc trình:

- Các tù nhân ngồi thản nhiên trên ghế, bên cạnh một chiếc đèn, không chút giao động. Người y tá buộc gân cánh tay và bác sĩ Hoven tiêm nhanh 20 phân khối chất phénol nguyên chất (không pha loãng). Họ đã chết khi còn đang tiêm thuốc và không có dấu hiệu gì đau đớn, dù chỉ một giây thôi.

Cuộc thí nghiệm rất là khoa học như người ta đã có thể nhận thấy! Và, qua cặp mắt của Ding, các tay tổ của ngành y khoa quân sự cũng "đã thấy".

Vào mùa hè 1944, tại vùng Cracovie, có một công chức Ba lan, bị một kháng chiến quân bắn, bị thương nhẹ. Nhưng hai giờ sau đó ông ta đã chết với sự biểu hiện của tất cả các triệu chứng của một cuộc đầu độc. Người kháng chiến quân bị bắt được. Các viên đạn của cây súng của y trống bộc và chứa các hạt tinh thể. Viện hóa học của Cảnh sát Hình sự phân tích loại độc chất: đó là chất "phụ tử tinh"[45] gốc ở Nga. Các viên đạn được chế tạo theo phương pháp thủ công trong phòng thí nghiệm. Và phải chăng các viên đạn nầy cũng cùng một nền tảng với các chiếc phi đạn của Nga? Vậy phải xem cho ra cớ sự. Chính Mrugowsky và Ding sẽ giám sát các cuộc thí nghiệm. Ngày 11 tháng 9 năm 1944, năm tù nhân phải nằm dài trên sân tại một "khối" của trại Sachsenhausen. Một hạ sĩ quan SS lên đạn khẩu 7,65 ly và trước sự chứng kiến của các y sĩ, hắn ta bắn

vào đùi trái của toán tù nhân kia. Tên SS nầy có vẻ xúc động lắm, và run rẩy nữa, vì có hai tội nhân đã bị bắn gây thương thế rất trầm trọng, Mrugowsky viết trong bản phúc trình:

- Hai thí vật đó bị loại bỏ ngoài cuộc thí nghiệm.

Họ nằm hấp hối trong một góc sân, trong khi toán quan sát hướng về ba thí vật bị thương kia. Ít nhất cũng có chuyện gì đã xảy ra về tấn kịch đã diễn ra trong sân của khu trại nầy mà các người dự khán lại muốn dấu nhẹm đi. Để về sau cũng khá lâu, Ding mới kể riêng với tên thư ký của ông ta là tên tù Eugen Kogon là một trong 5 tên tù người Nga đã khéo giấu được một con dao và hắn đã dám tấn công Mrugowsky. Thử tưởng tượng xem phản ứng của các tên hộ vệ khi rút súng ra và hạ sát tên tù, đã bị thương tích trước đó với viên đạn chứa độc chất. Tên tù thứ hai người Nga chỗi dậy… Và đấy là điều giải nghĩa tại sao có hai thí vật bị bỏ đi và cuộc quan sát công bố chỉ nói phớt qua số phận của hai "thí vật" kia.

- Việc quan sát[46] cuộc thử nghiệm đó là một trong các cuộc thí nghiệm hãi hùng nhất trong đời tôi. Vả lại, tôi không thể rút ngắn được những nỗi đau đớn kia, vì ở đấy không có một thứ thuốc giải độc nào cả.

- Vào khoảng từ 20 đến 25 phút,[47] các trạng thái mê loạn đã phát hiện và đồng thời có một ít nước bọt chảy ra. 43 đến 44 phút sau, nước bọt chảy thật nhiều… lại sôi bọt mồm… triệu chứng của sự nghẹt thở và nôn mửa.

Trong giờ đầu, mắt không có gì thay đổi. 78 phút sau, người ta nhận thấy có một sự dãn nở con ngươi khá trầm trọng, đồng thời có sự yếu kém phản ứng về ánh sáng. Các phản xạ ở xương bánh chè và ở nhượng chân đã biến mất. Vào khoảng 90 phút, một trong các thí vật bắt đầu thở lấy hơi thật dài và trở lại cơn giao động ngày càng gia tăng. Hơi thở lại nhanh hơn và như bị cầm hơi. Đồng thời hắn cảm thấy bị nôn mửa dữ dội.

Một trong các thí vật đã cố gắng mửa một cách hoài công. Để mửa được, hắn chọc bốn ngón tay vào cổ họng. Hắn bị tụ máu đỏ rần. Còn hai thí vật kia, trái lại đã sớm phát lộ một nét mặt xanh xao. Sự chấn động càng trở nên dữ dội đến nỗi họ phải ưỡn người lên rồi lại ngã xuống xoay tròng đôi mắt, buông ra những cử động loạn

xạ về tay và cánh tay. Dần dần cuộc chấn động hạ bớt, đôi ngươi lại nở lớn đến mức tối đa. Các thí nhân nằm yên thoi thóp. Cái chết tuần tự xảy ra vào phút 121, 123 và 129 sau khi bị thương.

Không cần nói rõ là các viên đạn chứa độc chất, chẳng bao giờ được chế tạo thành sản xuất kỹ nghệ. Và cuộc thí nghiệm "để xem cho biết" không được dùng để làm gì cả.

Cuộc thử nghiệm "để xem" nói trên có thể đem so sánh với một loại tội ác, còn tàn khốc hơn nữa, đã xảy ra ở Ravensbruck.

- Hai tên lính SS phục vụ tại trại Thiếu niên là Happ và Koehler đã đi đến chỗ bất đồng ý kiến với nhau về vấn đề, dường như rất trọng đại với họ, vào những giây phút trước khi trại nầy được "giải phóng":

- Khi bị đạn, người ta có đau nhiều không? Phải chịu đựng bao lâu mới chết, nếu người ta bị bắn trúng chân? Trúng bụng? Trúng mặt?

- Chúng ta chỉ cần thử là biết ngay.

- Thử à? Cần gì, một y sĩ có thể cho ta biết ngay.

- Không có gì hay hơn bằng cuộc quan sát trực tiếp. Vả lại, các y sĩ đang bận thực hiện rất nhiều các thí nghiệm khác, nên đâu có thì giờ đâu mà nghe chuyện của chúng ta.

Việc thí nghiệm cuồng điên của các y sĩ từ lâu, đã ảnh hưởng đến cả các tên lính giữ ngục. Người ta không thể kể hết các cuộc "tìm hiểu ngu đần" của bọn lính SS, bắt chước thí nghiệm, và mỗi tù nhân đều có thể kể hằng chục chuyện như vậy. Ví dụ, trong bao lâu, một người có thể đứng thẳng người trên một chân? Mà các kỷ lục nầy lại được văn phòng của vị trưởng trại chính thức ghi nhận. Một người yếu đuối có thể đi, chạy được bao nhiêu cây số trước khi bị gục ngã? Còn nào là các cuộc nghiên cứu về tập thể dục, các giờ ngủ, các năng suất, các loại thực phẩm, việc "ban tặng" và "tiếp nhận" các cú đòn…

Happ và Koehler đã quyết thí nghiệm không cái gì có thể cản ngăn họ được.

Vera Salvequart, một nữ y tá SS của trại đã làm chứng trong vụ án Ravensbruck trước khi chính cô ta cũng bị kết án. (Tài liệu của Ủy ban về các vấn đề lưu đày).

- Hình như là ngày 5 hay 10 tháng 4 năm 1945 gì đó, có một đoàn xe, với khoảng 200 đàn bà, trong số có 14 nữ tu sĩ, được chở từ Ba lan đến. Các người đàn bà nầy được đưa tới "khối" số 2. Một trong các nữ tu sĩ tên Isabelle Masynska, xin tôi vài viên thuốc cho bà ta và các bạn của bà đang bị bệnh tiêu chảy.

- Ngày hôm sau, tôi đến trong phòng chứa xác chết, với công tác lo thu nhặt vàng Happ và Koehler bước vào và kêu tôi theo họ đến một trại nhỏ. Lúc ấy Happ cũng đã dẫn 14 nữ tu sĩ vào trong căn nhà bếp đã được cải dụng, ở phía sau khối của tôi. Thình lình chúng tôi nghe có nhiều tiếng súng nổ và cũng ngay vào lúc ấy Happ gọi tôi. Hắn ra lệnh cho tôi mang các chiếc kềm bẻ răng vào nhà bếp. Khi bước vào, tôi thấy một cảnh tượng không thể tả nổi. Vài người trong số các nữ tu sĩ đã bị thương hết sức khủng khiếp và nằm co quắp dưới đất, đôi mắt bị vỡ, đôi tròng bị lọt ra, các tia máu vọt chảy đầy gương mặt.

Happ và Koehler với khẩu súng lục đã bắn thẳng vào các người đàn bà nầy. Bọn học bắn ngay vào các điểm ít nguy hại của cơ thể, đặc biệt nhất là ở mặt, để đo lường sức chịu đựng của một người lính bị thương, và có thể sống sót đến bao lâu. Đấy là thí nghiệm mà bọn họ phải thực hiện.[48]

Một lúc sau, khoảng gần một tiếng đồng hồ thì phải, các người đàn bà ấy đã bị chở đến lò thiêu xác trong khi họ hãy còn thoi thóp thở.

Edouard Lambert,[49] đứng thẳng người trong thế nghiêm tại hành lang của bệnh xá Buchenwald…

- Lại đây!

Lambert đi hơi cà nhắc về phía vị y sĩ. Đây là lần đầu tiên hắn gặp ông ta.

- Thế nào, chân anh khá chứ?

Lambert đã bị bánh của một toa xe nhỏ cán lên chân.

- Lành rồi. Tôi vừa được ra ngoài đây.

Vị y sĩ nép mình để cho hắn đi qua.

- Tốt! Anh đáng được thưởng. Một bữa cơm ngon trước khi đi làm việc trở lại.

Trên bàn, một bình nước, một ổ bánh mì loại to, và hai con gà giò thật mập, chiếu mỡ, vàng cháy, nóng, tuyệt diệu. Trong không đầy một giây miệng tên tù chảy đầy nước miếng, đôi tay run lên vì thèm thuồng và vui sướng.

- Đó. Phần của anh đó. Không nên vội. Anh có đến một giờ nhưng phải thanh toán cho xong không được chừa gì cả. Tôi để cho anh tự tiện.

Còn lại một mình, mặt hướng về chiếc bàn ăn. Đầu óc hắn quay cuồng. Trước hết, hắn chụp vội lấy ổ bánh; ngay cái ngoạm đầu tiên, hắn hiểu ra:

- Nếu tôi nuốt tất cả, tôi sẽ chết, tôi biết rõ điều ấy. Phải ăn thong thả. Ông y sĩ đã nhấn mạnh là tôi có đến một giờ. Thong thả tôi nhắm ngay các chiếc đùi gà. Đến chiếc đùi thứ ba, bao tử tôi thắt lại. Tôi nhai chậm lại. Trên bàn không có dao nĩa gì cả. Tôi giống như một con thú, dính đầy mỡ, lỗ mũi phồng lên! Tôi không nghĩ đến gì khác ngoài bánh mì! Các con gà giò kia; tất nhiên là tôi sẽ thanh toán xong… Nhưng còn bánh mì? Ở đây có chiếc “lavabo” với một vòi nước. Lỗ thoát nước không có chận tấm lưới sắt. Tôi bẻ vụn ổ bánh mì ra từng miếng to. Ổ bánh mì nặng hơn một ký lô. Khi người y sĩ trở lại, trên bàn chỉ còn hai bộ xương và một mẩu vỏ bánh nhỏ xíu.

- Thế nào! Ngon dữ hả!

Hắn cười.

- Hút thuốc chứ?

Tôi nhận lời mời.

- Tốt, bây giờ có vài việc khám nghiệm trong 24 giờ, Edouard Lambert được giao, cho hai y tá. Họ lấy máu hắn ta hai lần và canh chừng không ngớt nhiệt độ, tim, áp suất của hắn. Ngày hôm sau, vị y sĩ đưa cho hắn một ly rượu và chúc may mắn.

- Anh sẽ nhớ mãi đến các con gà của tôi nhé. Hẳn là anh cho tôi là một người điên. Thế thì, tôi cũng mong mọi việc đều xảy ra tốt lành cho anh.

Và ông ta còn bắt tay hắn. Cho đến cả bây giờ đây, Lambert vẫn thắc mắc mãi về ý nghĩa của bữa ăn đó. Cái bữa ăn đáng lẽ phải dành cho những tay Hộ pháp. Vị y sĩ vô danh kia (ông ta không mang phù hiệu SS) đúng là đã theo dõi các công việc nghiên cứu về thực phẩm. Các cuộc nghiên cứu ấy có tính cách thường trực trong các trại tập trung hay đúng hơn trong tất cả các trại tập trung. Karl Brandt thú nhận tại tòa án Nuremberg là đã ra lệnh cho thực hiện các cuộc thử nghiêm về thực phẩm đậm đặc với các tù nhân tại Aranienburg.

"Đấy là các món ăn được nén đặc lại dùng để thả dù ở một vài vùng tại Nga. Chúng tôi đã quyết định như vậy, sau khi nhấn được các phúc trình từ pháo đài Stalingrad. Người ta thảo luận về cách thức pha trộn các chất mỡ và chất Protéine (đản bạch tinh). Các thí nghiệm nầy rất quan trọng nhưng không nguy hiểm. Các khẩu phần chứa gấp hai lần hoặc nhiều hơn nữa, số ca-lô-ri cần thiết. Chúng tôi muốn biết hình thức nào của thực phẩm hữu hiệu hơn hết trong việc giúp các chiến sĩ thi hành bổn phận của họ".

Ở trại Mauthausen, các thí nghiệm về ẩm thực đã gây cho nhiều người chết. Jean Lafitte, số hiệu 25.519, là một trong những người Pháp đầu tiên bị đày đến trại nầy. Hắn bị đưa về khối số 16 mà có người gọi là "khối của các thí vật", kẻ khác gọi là "khối của tử thần".

- Khối 16[50] được thiết dựng đối diện với khu lò thiêu xác và được bao bọc bởi một vòng đai đặc biệt, hoàn toàn tách rời với phần còn lại của trại. Chúng tôi chỉ ra khỏi cổng trại để hoàn thành các công việc đã sẵn dành cho chúng tôi như là công tác ở khu hầm đá, hoặc lãnh phần trong các toán lao tác khổ nhọc nhất. Tất cả thì giờ còn lại, chúng tôi phải bị đặt dưới chế độ kiểm dịch, kể luôn cả lúc thời gian điểm danh. Thiếu giường, nên phải dồn đống người nầy lên người khác, chúng tôi là đối tượng của các cuộc bắt nạt thường xuyên (mọi thứ kiểm soát, thao diễn bằng hình phạt roi, tắm douche nước thật lạnh v.v.) thực ra cốt để ngăn không cho chúng tôi có được chút giờ ngơi nghỉ.

Các "thí nghiệm" được thực hiện trên chúng tôi là các cuộc thí nghiệm về một phép dưỡng sinh đặc biệt mà người ta muốn nghiên cứu tác dụng của nó trên cơ thể con người. Thức ăn nầy được trình bày dưới hình thức bột nhão như cháo. Các chất nhừ nầy, theo chỗ

chúng tôi có thể khám phá ra được gồm cả bã thảo mộc hoặc loại thế phẩm hóa học. Một số trong các loại cháo nầy, đã gây nên bệnh kiết lỵ hay chứng táo bón. Chúng tôi đã có thể tìm thấy được trong một loại cháo các hột lúa mạch có bệnh sủi nấm (mạch khuẩn bệnh của lúa mạch) rất nguy hại, loại cháo nầy đã làm chết nhiều tù nhân "thí vật" chỉ trong có vài tiếng đồng hồ.

Mỗi tuần, chúng tôi được đưa đi cân đo và làm đối tượng cho các cuộc khám nghiệm khái quát, bên trong "khối", đầy náo loạn tiếng thét la và tiếng đánh đập. Mỗi tháng chúng tôi lại bị dẫn đi ra ngoài "khối" dưới sự canh chừng rất kỹ lưỡng để chịu qua một cuộc khám nghiệm đầy đủ hơn, và bị trích lấy máu; điều nầy làm cho sự yếu đuối về cơ thể của chúng tôi thêm trầm trọng. Phần đông các cuộc khám nghiệm nầy đã bắt buộc chúng tôi phải đứng mình trần ở ngoài sân trong rất nhiều tiếng đồng hồ.

Một cách tổng quát, chế độ của khối 16 đã gây nên trong cùng một thời gian, một tử suất cao hơn hết, so với tử suất của các khối khác. Và các bệnh nhân hoặc người bị thương của khối không được nhận cho điều trị tại Bệnh xá.

Trại Gusen.

- Tôi[51] được nằm điều trị tại một bệnh xá trong "khối đầy rận". Chúng tôi bị nhốt nơi đây để xem có thể chịu đựng trong bao lâu sư tấn công của loại ký sinh nầy. Tôi đã thấy ông trưởng khối 31 thực hiện các thí nghiệm trên các bệnh nhân mà ông ta muốn điều trị cho họ. Ông ta có một ống tiêm thuốc thật vĩ đại, mà ông ta rút tất cả các ống thuốc của nguyên cả một hộp. Và ông ta đã hết sức kinh ngạc về kết quả thực hiện, vì cứ mỗi lần chích, các bệnh nhân lại ngã lăn ra chết trong những cơn đau đớn khủng khiếp.

11
CÁC KHẢO NGHIỆM BÍ MẬT VỀ ĐỘC CHẤT

Đại úy Selvester, có bộ râu mép mỏng và láng, chiếc mặt đầy tàn nhang, các ngón tay xương xẩu, đăm đăm nhìn vào tên cướp biển vừa bước ra khỏi chiếc thuyền buồm con bị đánh đắm.

- Tại sao lại có miếng vải che nầy trên mắt trái?

- Không có gì cả. Một vết trầy.

- Tên ông là gì?

- Tôi đã có giấy tờ, bộ không biết đọc sao?

- Tôi hỏi tên ông là gì?

- Tôi đã nói với ông rồi: hãy đọc đi.

- Mà tôi hỏi tên ông là gì?

- Heinrich Hitzinger.

- Ông thuộc ngành nào?

- An ninh lãnh thổ.

- Cấp bậc?

- Trung sĩ kế toán…

Himmler, mặt mầy tái mét, tìm lại được sư bình tĩnh: tên đại úy oắt con người Anh nầy thật là đần độn và nông cạn đến nỗi không nhận ra được ông ta là ai. Hắn ta đặc biệt lo chăm sóc bộ ria mép của mình lẽ ra phải nhận thấy là người tù nhân đang đứng trước mặt đã vừa cạo bộ ria mép của y: dưới chiếc mũi, chỗ cạo, phần da sáng lộ rõ quá mà. Ồ! Chớ chi riêng mình ông ta cũng "làm mất" cả giấy tờ như mọi người. Nhưng không! Cái phản ứng nhà nghề cố hữu của ngành mật thám đã sống dậy: với một giấy thông hành của Sở An ninh quân đội Bộ binh, người ta không thể bị xem như loại đáng khả nghi…

Ngoại trừ đối với người Anh, họ bắt giữ tất cả những ai trình giấy tờ, và đặc biệt là các nhân viên của các cơ quan An ninh vì họ coi một cách võ đoán số người nầy là "có thể là tội phạm chiến tranh". Lính tuần tại đồn kiểm soát Meinstedt đã xem xét thật lâu tấm thẻ có sọc đen, láng mịn, có dán niêm và đóng dấu.

- Dường như tấm thẻ nầy mới được lấy ra từ một chiếc tủ sắt. Tôi điện thoại cho một sĩ quan và bắt giữ Hitzinger cùng các bạn của hắn ta. Bọn họ gồm khoảng 10 người. Tất cả đều đã cải trang. Họ mặc vừa quần áo dân sự vừa quân phục.

Ngày 23 tháng 5 năm 1945, các tù nhân nầy được chở tới trại thẩm vấn 031 ở Lunebourg của người Anh.

- Tên ông là gì?

Bây giờ thì Hitzinger trong một điệu bộ có vẻ như làm tuồng, tháo tấm băng vải, lấy cặp kính từ trong túi ra, đeo lên, rồi đứng thẳng người trong thế nghiêm:

Tôi xin tự giới thiệu: Reichsfuhrer Heinrich Himmler. Tôi vội lắm. Tôi phải gặp cho được Thống chế Montgomery ngay. Thật khẩn cấp. Viên đại úy vẫn điềm nhiên như không. Ông ta nhận chuông gọi các tên lính gác và giao cho họ giữ người tù nầy:

- Tôi phải điện thoại về Tổng hành dinh.

Selvester trở lại với một sĩ quan.

- Chúng tôi muốn so chữ ký của ông với một bản sao mà chúng tôi có ở đây.

- Để rồi các ông sử dụng nó để làm cho tôi tuyên bố bất cứ điều gì chứ gì. Tôi từ chối ký.

Viên đại úy tiến lại gần tên Reichsfuhrer.

- Hãy cởi bỏ quần áo ra?

- Trong một túi quần, viên sĩ quan thứ hai tìm được hai ống thủy tinh. Ông ta đưa cho Selvester xem và thì thầm:

- Thuốc độc.

Selvester hỏi Himmler:

- Các ống thuốc nầy để làm gì?

- Thuốc. Tôi thường bị đau bao tử.

Các ống thuốc dài. Độ bằng nửa điếu thuốc. Selvester nghĩ rằng Himmler ắt hẳn phải có giấu một ống nhỏ hơn trong miệng.

- Chúng tôi giữ quần áo nầy. Ông sẽ mặc vào bộ binh phục Anh quốc nầy.

Himmler phản đối.

- Như vậy đó à? Rồi thì sau đó ông chỉ việc hạ tôi như một tên gián điệp.

Lạnh lùng, người sĩ quan thứ hai bẻ lại:

- Chúng tôi không có thói quen làm như vậy. Tôi nghĩ rằng chúng ta không có cùng một quy luật chiến tranh. Ông hẳn biết như vậy.

Selvester bỏ đi một lát và trở lại lúc Himmler chịu mặc đồ vào.

- Ông đói chứ?

Một lính hầu cận mang đến bánh săn-huých và hai bình trà.

Himmler ăn uống ngon lành.

- Tôi ưa rượu hơn. Ông nghĩ là người ta sẽ đưa tôi đến gặp Thống chế chứ?

- Chúng tôi đang đợi một trong những vị phụ tá của Thống chế.

Đại tá Murphy thuộc phòng Nhì trong Bộ Tham mưu của Montgomery đang bàn thảo bên phòng kế cận với Đại úy y sĩ Wells, người đã khám phá ra các ống thuốc độc cyanure…

- Ông ta thế nào?

- Có vẻ bị khích động mạnh. Ông ta từ chối không chịu mặc quân phục của ta. Ông ta bảo rằng người ta muốn giết ông, hoặc hơn thế nữa, muốn chụp hình ông để hạ uy tín ông trước mắt nhân dân Đức. Ông ta chỉ nhận một quần đùi một áo sơ mi và đôi vớ ngắn. Người ta đã quăng lên lưng ông ta hai chiếc mền.

- Còn thuốc độc?

- Chúng tôi đã tìm thấy các ống thuốc trong một túi quần. Không có gì trong người ông ta cả.

- Còn ở miệng?

- Chúng tôi không có khám. Nhưng ông ta đã ăn và uống.

- Thôi được. Chút nữa hẳng hay.

Michael Murphy nhận ra được ngay Himmler.

- Ông muốn gặp Thống chế?

- Tôi đã thảo sẵn một bức thư cho ông ấy. Tôi vẫn là Tổng tư lệnh của lực lượng S.S.

- Tôi hiểu! Ông đi theo tôi chứ?

Murphy đưa Himmler vào trong một xà lim của nhà tù ở đường Ulzenerstrasse. Thượng sĩ Edwin Austin được giao cho việc canh giữ Himmler.

- Người ta không có nói cho tôi biết ông ta chính là Himmler. Nhưng tôi cũng nhận ra được ông ta. Tôi đã có thấy các hình chụp, ông ta run rẩy dưới chiếc mền. Tôi rất sợ ông ta tự vẫn. Tướng Pruetzmann đã nhai một viên độc dược trước mặt tôi… Tôi có sẵn một thông ngôn. Tôi chỉ chiếc ghế bố cho ông ta và bảo ông ta cởi hết quần áo ra. Ông ta giận giữ:

- Anh có biết tôi là ai không và anh có bổn phận phải cư xử ra sao không?

Tôi trả lời:

- Biết chứ, ông là Himmler chứ ai. Nhưng can hệ gì đến tôi. Tôi đã được lệnh. Vậy thì mau lên. Thi hành đi, Nằm xuống đi.

Đúng ngay vào lúc ấy, Murphy và Wells đến trước xà lim. Austin mở toang cánh cửa.

- Chúng tôi sẽ khám xét ông. Chúng tôi phải xem cho chắc cái đã…

- Tôi biết! Thuốc độc chứ gì? Nhưng tôi đã bị lục soát rồi.

Đấy là những lời nói cuối cùng của Himmler. Wells khám xét tỉ mỉ thân thể tên tù. Ông lòn hai bàn tay vào tóc hắn ta rồi bằng một cử động đột ngột, ông ta thọc tay vào miệng bằng cách tì sát người vào ót của tên Reichsfuhrer. Hai ngón tay của bàn tay phải ép lại đôi môi.

Himmler cắn Wells đến chảy máu. Chớp nhoáng hắn ta đã nằm văng mình trên giường vừa khạc ra các mảnh thủy tinh nhỏ. Murphy hốt hoảng:

- Nó đã hại chúng mình. Thằng khốn!

Wells lật ngửa cái thây thể đang oằn oại và lay gọi. Không còn làm sao được nữa: làm cho nôn mửa, bơm ruột, thở nhân tạo. Mười một phút sau khi nhai nát ống thuốc độc cyanure, Himmler ngã ra chết trên sàn gạch.

Austin kéo chiếc mền phủ lên gương mặt tím ngắt:

- Ồ, quả là đẹp! Chỉ có thế thôi Himmler nhỉ! Thực ra quả là đáng đời.

Đáng lẽ ra chỉ với một chút khôn khéo hơn, người Anh sẽ có được các tài liệu của Reichsfuhrer đã được chôn giấu ở nơi nào đó, trên lãnh thổ Đức. Himmler, người tự cho mình là kẻ duy nhất kế vị vai trò lịch sử của Hitler, đã tự tử trước khi bị hành hình (như trường hợp của Thống chế Goering) nhưng trước đó, với lòng tự phụ và cũng để tự biện minh, chắc chắn ông ta sẽ tiết lộ các điều bí mật chính yếu của ông ta. Tên "đại chủ nhân ông" của các cuộc thí nghiệm y khoa trên con người sống đã thích chọn cái chết, khi hắn ta nhận thấy rằng người ta đã lấy viên thuốc độc từ trong miệng hắn ra; viên thuốc dùng để bảo vệ cho hắn ta tránh khỏi một cái chết nhục nhã và có thể đau đớn nữa, một cái chết mà ông ta thích tự mình chọn lấy cái ngày và giờ phút cho mình. Ông ta há chẳng luôn luôn là người đã tự "rèn đúc ra định mệnh của chính mình ư?

Trong năm 1941, có hai biến cố đã khiến cho ông ta có quyết định "khuyên" mỗi viên chức có chức quyền hoặc có trách nhiệm trong guồng máy Đức quốc xã, hãy giữ thường trực "ở tầm môi", một viên thuốc độc.

Ngày 10 tháng 5 năm 1941, người kế vị đã được dự liệu của Fuhrer, Rudolf Hess, đã trốn thoát ra khỏi nước Đức để thương thuyết với Winston Churchill về việc chấm dứt chiến tranh.[52] Hitler u uất trong cơn giận dữ chưa từng thấy bao giờ.

- Chúng ta phải lên tiếng là hắn ta đã bị bắt cóc. Vả lại, hắn ta đã bị bắt cóc thì… không… không, chúng ta phải nói rằng, hắn ta là một thằng khùng, hắn đã bị sa vào bẫy rập của địch và đến khi nhận được mình đã bị phản bội, thì hắn đã nuốt chất độc…

Và hai tháng sau đó, khi đến thăm một trại tập trung, Himmler đã ngất xỉu bên mép bờ một hố chôn tập thể; một người đã "chết" từ hai ngày qua, gần nửa người bị phủ đất, bỗng dưng chỗi dậy gầm thét… Vị Reichsfuhrer thổ lộ với người y sĩ riêng:

- Tôi không thể nào chịu đựng nổi một sự hành hạ cũng như một nỗi lo lắng như vậy được. Tôi sẽ mơ thấy hồn tên ma quái ấy. Điều tốt hơn hết, anh thấy không, sẽ là điều tôi phải có độc dược luôn trong mình.

Bác sĩ Rascher, linh hồn sa đọa của Himmler, lúc nào cũng như lúc nào vẫn luôn luôn có mặt đúng nơi và đúng lúc. Giữa hai người

đã có một sự thỏa hiệp bí mật, bởi vì, qua Walter Neff, chúng ta biết rằng tên y sĩ đại úy nhỏ người ấy đã thí nghiệm một mình các độc dược tại trại Dachau.

- Ông ta đã chế từ 60 đến 80 viên mỗi ngày.

Sau cuộc điều chế đầu tiên của Rascher, tất cả các trại khác đã thực sự thử nghiệm liều thuốc của họ. Heinz Baumkoettner, y sĩ SS của trại Sachsenhausen, trong vụ án của ông ta đã thú nhận rằng các tù nhân đã bị bắt buộc phải nuốt chất cyanure ka-li (cyanure de potassium). Chứng từ quan trọng nhất mà chúng ta nhờ được ở nhà văn công giáo Eugène Kogon[53] đã cho thấy tại tòa án Nuremberg.

- Tôi có biết được hai trường hợp. Chuyện thứ nhất xảy ra vào cuối năm 1943 và chuyện thứ hai: có lẽ là vào mùa hè năm 1944. Trong cả hai trường hợp, người ta đều sử dụng tù binh chiến tranh người Nga.

Trường hợp thứ nhất, người ta pha trộn các chất điều chế khác nhau về loại các chất, “alcaloides” (như chất morphine, cocaine, caféine…) trong súp bột ống dành cho tù binh chiến tranh ở khối 46; các người nầy không biết gì cả nên đã ăn hết món súp ấy. Có hai người ngã bệnh và nôn mửa dữ dội; người thứ ba bất tỉnh nhân sự, người thứ tư không biểu lộ một triệu chứng nào. Sau đó tất cả bốn người đều bị thắt cổ chết trong khu lò thiêu xác và bị giải phẫu để khám nghiệm.

Trường hợp thứ hai, từ Bá linh trở về, bác sĩ Ding nói với tôi rằng ông ta lãnh một phần vụ thật khổ tâm vô cùng nhưng phải hoàn thành. Vào lúc đó, tôi phải nói rõ rằng không có chuyện gì dù là “tư” hay “công” mà ông ta không tâm sự với tôi. Ông ta cũng đã nhận thấy cái chính nghĩa quốc-xã-đảng cũng đã mất đi rồi. Ông bảo tôi: “Kogon, anh có cách nào giúp tôi thoát ra được cảnh khó xử nầy không? Tôi phải làm thí nghiệm một loại chất độc với các tù binh, và phúc trình ngay tức khắc công tác đó. Đấy là lệnh trực tiếp cua Mrugowsky…” Ông ta hấp tấp đi tìm viên trưởng trại Schubert và viên thiếu tá Pister. Cả bọn họ đến lò thiêu xác. Có bốn tên tù người Nga được dẫn đến căn hầm; hầm rượu, quanh vách hầm có treo 46 cái móc. Với các cái móc của hàng thịt ấy, người ta móc cổ họ. Các tù nhân đều đã bị đầu độc. Về sau, Ding, có nói với tôi là họ chết rất mau. Thân thể họ bị mổ ra rồi bị thiêu. Ding không gởi các bản phúc

trình bằng giấy tờ về Bá linh, ông ta nói rằng ông phải đích thân về bảo cáo miệng cho Mrugowsky.

Ding đã đốt ngay trước mặt Kogon, mảnh giấy nhỏ trong đó có ghi công thức của chất độc. Tất cả các sự thận trọng ấy giải thích sự khiếm khuyết các tài liệu mà chúng ta đã thu thập được về các việc khảo nghiệm các chất độc bí mật và đầy trọng tội nầy.

12
NHỮNG CÂY KHÔ

Tầm vóc, thắt lưng, đôi chân đều to béo; nhưng gương mặt thon thon, bàn tay dài và mịn màng, Gudrun đã ăn mừng ngày sinh nhựt thứ ba mươi tám của cô hồi tháng 5 năm 1967.

Đúng là tên của cô ta được ghi trên quyển điện thoại niên giám ở Munich. Có cả địa chỉ nữa: số 81 đường Georgenstrasse. Tôi không muốn nói chuyện với cô ta, nhưng tay tôi cứ quay số. Cô ta nhấc ống nghe, lập lại ba lần câu “Tôi nghe đây” với giọng nhỏ, khàn khàn; rồi cúp điện thoại. Thật ra, tôi không có gì để hỏi cô con gái của Himmler cả. Tôi biết rõ từng câu mà cô ta sẽ trả lời tôi nếu được hỏi.

- Tại sao cô còn giữ cái tên của cha cô?

- Tôi hãnh diện vì người, vì tên tuổi của người.

- Nay cô sống ra sao?

- Một mình. Tôi đã làm tất cả mọi nghề trước khi tậu được cái tiệm giặt nho nhỏ nầy. Tôi tự xoay sở lấy. Tôi dành tất cả thời giờ rỗi rảnh để viết hồi ký về cha tôi. Tôi rất kiêu hãnh về người. Người ta đã đổ lỗi cho người tất cả. Thật là quá dễ dàng! Tôi sẽ phục hồi lại danh dự cho người. Tôi sẽ hy sinh cho người dù phải đánh đổi bằng cả cuộc đời tôi. Một ngày nào đó, người ta sẽ nói về người như đã nói về Napoléon… Ông biết không, người không tự sát mà người ta đã sát hại người.

Tôi nghĩ nếu Himmler còn sống, ông sẽ hãnh diện về đứa con gái của ông biết bao! Cô Gudrun xinh đẹp kia ra chào đời vào lúc cha cô đang thực hiện cái tội ác khủng khiếp nhất đời ông; ông cho làm tuyệt đường sinh sản hằng triệu người, cả đàn ông lẫn đàn bà.

- Âu-châu sẽ đầy dẫy những người sống như cây khô.

Âu-châu không con!.[54]

Đúng vậy, Âu-châu không con!

- Sẽ gặp lại!

- Hãy can đảm lên!

- Chúng tôi không quên các bạn đâu!

- Hãy can đảm! Can đảm! Can đảm!

Ở trại Birkenau, người ta đã tin chắc là cô I.G. và 24 người bạn của cô ta vừa bị chọn để đưa lên xe chở đến phòng hơi ngạt. Các tên lính SS đã lôi họ lại các nhà tắm. Nước ở đây cứ chảy đều đều mãi… Rồi chốc nữa đây, tại Auschwitz chắc chắn là thân xác họ sẽ biến thành một làn mây u uất.

Trong khí trời giá-buốt của tháng 11, họ phải trần truồng chờ lệnh của tên đao phủ thủ. Hôm qua họ than-vãn vì phải lấp đất trên các đầm lầy, vì nước đã ăn lở-loét thân-thể họ. Bây giờ, họ lại tiếc rẻ công việc nặng nhọc ngày hôm qua!

- Họ sắp làm gì chủng ta?

Không một ai dám trả lời.

I.G. mặc đồ lại. Một chiếc áo dài mỏng in dấu hồng thập tự đỏ to tướng ở sau lưng. Mái tóc vừa mọc lởm chởm độ ba phân được phủ bằng chiếc khăn ren bẩn thỉu trước kia dùng để choàng cổ. Chân mang đôi guốc cây kịch cộm hai chiếc lại cùng một bên.

- Vào hàng.

Auschwitz chỉ cách có bốn cây số. Lại cùng những tiếng la lớn, cùng những sự sợ hãi.

- Can đảm lên.

- Người ta không quên các bạn đâu.

- Tôi không muốn chết.

Bỗng dưng, mặt người nào người nấy tươi tỉnh lên, môi khẽ hé cười.

- Nhìn kia, chúng ta đã vượt qua các phòng hơi ngạt rồi.

- May quá!

- Được sống thêm một ngày nữa!

- Chắc họ thành lập một trại lao tác mới nữa.

- Không phải! Im đi. Các bạn không biết gi hết, họ sẽ dùng chúng ta để thí nghiệm đấy.

- Thí nghiệm?

- Thí nghiệm, thí nghiệm, thí nghiệm…

Chữ nầy truyền nhanh từ người nầy sang người kia.

- Các bạn thấy ngay là tôi nói đúng. Họ đưa chúng ta đến khối số 10.

- Không phải, đó là khối số 1 mà.

- Khối 10 cũ bằng cây đã bị thay thế bằng khối 1 xây gạch. Một hay mười gì cũng đều là nó cả.

Một bà cai ngục ra đón họ miệng nói ngọt ngào:

- Ở đây mấy người sẽ được sưởi ấm áp. Có đủ áo quần cho tất cả mọi người. Nói thiệt ở đây đúng là thiên đàng!

Đám phụ nữ làm việc trong im lặng. Họ vá lại áo. Sáng hôm sau, bà trưởng khối loan báo.

- Mấy người sắp được khám. Nếu không có gì bất thường người ta sẽ thực hiện việc thụ tinh nhân tạo cho mấy người. Việc nầy không nguy hiểm hay đau đớn gì hết. Mấy người có phước lắm đó. Không những mấy người được sống yên lành, mà sẽ còn được có con mà không cần đàn ông…

Bà trưởng khối tiến đến cô I…G…hỏi:

- Sao, thế nào?

- Bà không hổ thẹn đã giúp việc cho người Đức à?

- Câm mồm, nếu không tao tố cáo mầy ngay! Chuẩn bị đi. Chúng ta đi ngay đó. Người ta bắt đầu bằng mầy đó.[55]

Các y sĩ, đứng chống tay lên bàn khám bệnh bằng thủy tinh, đang tán gẫu với nhau, không để ý đến các tù nhân đang được giao cho các y tá. I…G… tiến tới trước mặt một y sĩ. Ông ta nhìn kỹ cô, nói:

- Cô nầy không được… Người kế tiếp.

Một nữ tù nhân không kềm chế được thì thào vào tai I…G…

- May mắn nhé.

Lại một đêm hy vọng, một buổi sáng âu lo, vì tất cả các tù nhân đều bị gọi lại “bị chuẩn bị”

Bác sĩ Clauberg đang đi xịch lụi từng bước với chiếc bụng phệ nặng nề. Trông ông ta chẳng khác gì con bò mộng.

- Cô nầy. Lại đây.

I…G… thu hết can đảm nói:

- Thưa bác sĩ, hôm qua có một bác sĩ đã bảo tôi không thích hợp cho việc thí nghiệm.

- Nhưng tôi thì ngược lại. Tôi chọn cô.

Mấy người phụ tá liền đẩy I…G… lên chiếc bàn to lớn dùng để khám bệnh đàn bà. Tay và cổ chân nạn nhân đều bị cột bằng dây đai da. Một người y tá nắm đầu cô và nói:

- Cô bậy quá! Ông ấy không thích nói năng như vậy đâu! Bộ không ai nói cho cô biết là không nên nói gì trước khi được hỏi sao?

Rồi Clauberg tiến lại. Ông ta cầm một cái ống chích to tướng giống như dụng cụ dùng rửa ruột.

I…G… nhắm mắt lại, tự nhủ: "Mình không nên động đậy để khỏi bị thương, không nên động đậy!!!"

Chất sền sệt được bôm vào cơ thể cô, ban đầu làm cô nhức nhối. Rồi da thịt như bị nung nấu, cháy bùng lên và đốt thành than trước khi tan rã.

Sợi dây da cột bàn tay trái tuột ra. I…G… cắn ngón tay đứt tận xương để khỏi gào thét lên. Thân thể cô bị xâm hại run rẩy, buốt xé, đầm đìa trong vũng mồ hôi.

Người y tá mở dây trói cho cô.

- Nào đi đi. Câm miệng có hơn không?

Bên ngoài sau cánh cửa các bạn cô đang đợi để khiêng cô về giường.

Clauberg đặc biệt quan tâm đến người nữ tù nhân trẻ đã dám cả gan nói chuyện với ông ta. Ông dành cho I…G… đến 9 "phiên" như vậy. Khi I…G… oằn oại trên giường khóc nức nở hỏi:

- Tại sao lại bắt tôi, tại sao lại bắt tôi thí nghiệm nữa. Những người khác chỉ bị có một lần, nhiều nhứt là hai lần mà thôi…

Bà trưởng khối đáp:

- Thì vậy đó! Mầy đã làm như là đang ở trong một hội quán. Ở đây, đừng nên làm cho người ta để ý đến mình.

Khi theo dõi các cuộc thí nghiệm của bác sĩ Mengele chúng ta đã thấy rằng Himmler và nhóm Ahnenerbe mong khám phá được sự bí mật về sự sinh đôi để gia tăng dân số nhanh hơn gấp đôi, Sau đó

cho di dân tới những vùng đất đai đã chiếm được mà người ta đã tuyệt diệt đám dân chúng hạ đẳng. Hitler đã bắt các người bị bệnh thần kinh và bệnh nan y phải chịu biện pháp Euthanasie nghĩa là phải chịu một cái chết nhẹ nhàng, đã soạn thảo một đạo luật về sự làm cho tuyệt đường sinh sản vào năm 1935. Đó chỉ là sự truyền bá một ý tưởng đã được khai triển tường tận trong quyển thánh kinh của ông ta: *Mein Kampf*. (cuộc chiến đấu của tôi)

Quốc gia phải tuyên bố là tất cả các người bệnh hoạn và mang bệnh di truyền, có thể gây nguy hại cho con cháu, không xứng đáng được sanh con đẻ cháu và phải bị ngăn cấm sự sanh đẻ nầy.

Với sự chiếm đóng các vùng lãnh thổ mới ở phương Đông, "luật" nầy còn có hiệu lực cả đối với những người "khỏe mạnh nữa". Tại sao vậy? Lý do rất giản dị, vì tất cả các dân tộc không thể bị thanh toán chớp nhoáng như với một chiếc đũa thần được, và vả lại cũng cần giữ lại một số nô lệ để phục vụ cho các chủ nhân ông chứ. Khi nào các người nô lệ nầy già yếu hoặc chết đi, bấy giờ sẽ đến phiên những đợt mới của giống người Aryen trẻ trung và khỏe mạnh khai phá đất đai. Các người nô lệ sẽ bị làm cho tuyệt đường sinh sản để khỏi gây phiền phức.

Victor Brack, bạn của Himmler, người tổ chức và quản trị chương trình cái chết nhẹ nhàng bằng một mũi thuốc, đã thành công hoàn toàn trong việc loại bỏ hơn 200.000 bệnh nhân ở các nhà thương, các dưỡng tế viện… Kể cả viện dưỡng lão. Con người dám tự tay giết người vợ bệnh hoạn của mình vì "mối lo cho nhân loại" nầy, đã cho ám hại cả các cựu chiến binh tàn phế trong trận 14-18. Nhờ vậy chính phủ thu lại được những chiếc giường trống, tiết kiệm được tiền cấp dưỡng và khép vĩnh viễn những cái miệng ăn không ngồi rồi lại. Himmler giao cho ông tất cả, từ việc chuẩn bị đến việc tổ chức kế hoạch làm tuyệt đường sinh sản qui mô. Trước hết, Victor Brack đặt vấn đề:

- Trong 10 triệu dân Do-thái ở Á Châu,[56] có ít nhất cũng 2,3 triệu người, cả nam lẫn nữ, có khả năng làm việc. Vì sự khó khăn của vấn đề nhân công, tôi có ý kiến là nên đặc biệt lựa chọn và để dành số người đó lại. Tuy nhiên, ta chỉ thực hiện điều nầy sau khi đã làm cho họ tuyệt đường sinh-sản.

Giải pháp? Thật dễ dàng. Quí bạn sẽ thấy.

- Việc làm tuyệt hậu theo phương pháp mà chúng ta đã từng áp dụng đối với các người mắc bệnh di truyền không được đề cập đến ở đây. Chúng ta không dùng cách ấy vì tốn nhiều thời giờ và tiền bạc lắm. Việc hoạn thiến bằng quang tuyến X không những rẻ tiền mà còn có thể thực-hiện được đối với nhiều ngàn người trong một thời gian thật ngắn.

Bằng cách nào? Không thể tưởng tượng được? Victor Brack muốn xây dựng một mê cung ma quái…

- Một phương cách tiện lợi gồm việc bắt các nạn nhân tiến từ từ lại một ghi-sê. Ở đây họ sẽ trả lời hoặc điền vào khoảng trống một vài chi tiết trong vòng 2 hay 3 phút.[57] Nhân viên ngồi phía trong ghi-sê điều khiển chiếc máy và cho cháy 2 bóng đèn cùng một lúc vì phải phóng xạ cả hai bên. Với một máy 2 bóng đèn, người ta có thể làm tiệt trùng mỗi ngày từ 150 đến 200 người. Như vậy thì với hai mươi máy cùng loại ba hoặc bốn ngàn người có thể bị làm tuyệt tự mỗi ngày. Theo tôi khó có thể đạt được con số cao hơn nữa. Tôi chỉ có thể đưa ra con số ước lượng về phí tổn cho mỗi chiếc máy hai đèn: khoảng từ 20.000 đến 30.000 đồng Reutenmarks. Tuy nhiên phải dự trù thêm một phí khoản nữa vì phải xây cất một ngôi nhà mới, vì các máy móc phải được thiết trí khá đặc biệt để các người điều khiển máy được hoàn toàn bảo vệ.

Himmler nhận được bức thư đề nghị, rất hăm hở với kế hoạch một dạo, rồi lại quên bẵng đi, và cuối cùng lại đeo đuổi lại kế hoạch bằng cách đòi hỏi thực hiện các cuộc thí nghiệm trong các trại tập trung. Một nhân chứng về vụ nầy là một thanh niên Do-thái Ba-Lan, trước Tòa án Nuremberg, cậu ta vừa trình bày vừa nức nở nghẹn ngào. Anh, hai chị, cả cha mẹ cậu đều bị bắt đi đày như cậu, nhưng không một ai trở về cả.

- Ở trại Auschwitz, tôi mang số 132.266. Một buổi chiều, người ta gọi tất cả thanh niên Do-thái từ 20 đến 24 tuổi phải đến trình diện tại văn phòng. Tôi lẩn tránh không đi. Họ chọn 20 người và hôm sau 20 người nầy phải đến trình diện với một y sĩ. Các người không được chọn trở về, không ai biết người ta đã làm gì 20 người kia. Một tuần sau, họ lại lựa 20 người nữa, cũng tuổi từ 20 đến 24. Lần nầy, cuộc tuyển lựa được thực hiện theo thứ tự A.B.C và tôi là một trong những người đi đầu. Người ta đưa chúng tôi đến Birkenau, trong

một trại của đàn bà. Có một y sĩ cao lớn, mặc đồng phục không quân đi đến đây bằng xe máy dầu.[58] Chúng tôi bị bắt buộc phải lột tất cả quần áo ra và bộ phận sinh dục phải đặt dưới một cái máy trong vòng 15 phút. Máy nầy đốt nóng gắt gao bộ phận sinh dục của chúng tôi và vùng da thịt xung quanh. Một lát sau, chúng trở nên đen xì. Xong rồi, chúng tôi lại phải trở về làm việc ngay tức khắc. Vài ngày sau, bộ phận sinh dục của đa số các bạn tôi bị chảy mủ và họ đi đứng thật khó khăn. Dầu bị đau đớn, họ vẫn phải làm việc cho đến ngất xỉu đi, và ai bị ngất xỉu lại bị đem ngay vào phòng hơi ngạt.

…Hai tuần sau, chúng tôi bị đưa vào khối 20 trong trại Auschwitz. Tại đây, họ giải phẫu bộ phận sinh dục của chúng tôi. Họ chích cho tôi một mũi thuốc ở lưng. Mũi thuốc nầy làm phần hạ bán thân của tôi mất hết cảm giác. Rồi họ mổ lấy hai hòn dịch hoàn ra. Tôi có thể theo dõi từ đầu đến cuối cuộc giải phẫu qua mặt kính của một cây đèn.

Ông chánh án:

- Nhân chứng, hãy bình tĩnh, đừng sợ hãi gì cả.

- Xin tha lỗi cho tôi, nếu tôi không dằn được tiếng khóc… Sau đó, tôi phải nằm nhà thương suốt ba tuần lễ. Ở nhà thương, thức ăn thì thiếu thốn, nhưng muỗi mòng và dòi bọ thì nhiều vô kể… Trong ngày đại lễ Do-thái, sáu mươi phần trăm bệnh nhân bị chở đến phòng hơi ngạt. Ngày 30-04-1945 tôi được người Mỹ giải thoát. Tôi chán nản và xấu hổ vì đã bị thiến. Đau đớn nhất là tôi không còn chút gì hy vọng ở tương lai. Tôi ăn rất ít, nhưng cứ phát phì mãi ra… Tôi nghe nói tòa án có xử vụ nầy, nên tôi nghĩ rằng tôi có bổn phận phải đến đây làm chứng… Tôi phải chịu đựng tất cả các chuyện ấy chỉ bởi vì tôi là người Do-thái. Trong bất cứ trường hợp nào, xin quí tòa đừng nêu tên tôi ra.

Tù nhân Bác sĩ Robert Lévy người Strassbourg, đã từng điều khiển khu Giải phẫu ở Birkenau:

- Các vết thương của họ thường hay biến thành ung thư quang tuyến. Tôi nghĩ các hòn dịch hoàn được thiến lấy ra là để đem nghiên cứu dưới kính hiển vi với mục đích kiểm soát kết quả của cuộc thí nghiệm bằng quang tuyến. Tôi nghĩ là họ bắt các thí vật chịu đựng các tia sáng có cường độ khác nhau để coi mức độ nào thích hợp. Những thanh niên bị làm cho tiệt trùng ấy bị tổn thương

nặng về thể xác lẫn cả tinh thần. Họ đau đớn vô cùng vì cái chứng lở da bởi tia X là một chứng bệnh cực kỳ đau đớn.

Tinh thần họ suy nhược hẳn đi. Họ không còn là một con người nữa mà là một kẻ thân tàn ma dại.

Một nữ bác sĩ người Pháp, Bà Hautval đã chữa trị cho nhiều nạn nhân bị làm cho tiệt đường sinh sản:

Một trong các cuộc thí nghiệm thảm thương nhất là việc đốt cháy buồng trứng của tất cả các cô gái trẻ từ 16 đến 18 tuổi bằng quang tuyến X. Phần đông họ là người Hy-Lạp. Là những sinh vật yếu đuối, mảnh mai nên sự đau khổ đã làm cho họ nghẹn ngào phẫn uất. Buổi chiều, từ phòng thí nghiệm các cô bé trở về trong một trạng thái hãi hùng. Họ mửa liên miên và kêu rên ầm ĩ vì đau dữ dội ở bụng dưới. Nhiều người nằm liệt giường nhiều tuần lễ, có người nằm liệt đến tháng. Nhiều người bị những vết phỏng quang tuyến rất nặng phải băng bó thật lâu…

Chúng ta cũng phải nói đến các cô bé gái người Bohême ở trại Ravensbruck. Ta không thể nào có thể quên được nếu đã một lần nhìn thấy họ ở hành lang bệnh xá. Họ nằm la liệt dưới đất, đau đớn quằn quại sau khi đã bị làm cho tuyệt đường sinh sản.

Bởi vì các cuộc “thử nghiệm” của các nhà “bác học” cũng được thực hiện luôn đối trẻ nít.

Một nữ tù nhân tên Gustava Winkowska hỏi bác sĩ Treite, chuyên viên về việc làm tiệt đường sinh sản:

- Tại sao lại cả với chúng nữa?

- Phải làm tiệt đường sinh đẻ khi chúng còn thật trẻ, vì đến 13 tuổi là chúng đã có khả năng sinh con rồi.

Ngày 29-04-1944, viên bác sĩ phụ tá của Brack phúc trình lên Himmler:

- Việc hoạn thiến phái nam bằng quang tuyến X hầu như vô hiệu quả hoặc đòi hỏi một sự cố gắng vô biên.

Tất cả các cuộc thí nghiệm độc ác tày trời chỉ đi đến đó mà thôi! Nhưng cũng may cho chế độ Quốc-xã là Clauberg đã tìm ra giải pháp…

Dáng người phục phịch, mặt mầy bảnh bao luôn luôn trong bộ y phục của người xứ Tyrol, quần ngắn, nón có gắn lông-Karl Clauberg là y sĩ trưởng của bệnh viện phụ khoa thuộc nhà thương Knapp và Saint Hedwig de Konigshutte ở Haute Silésie. Các tù nhân thường gọi ông bằng biệt danh "Ông địa", vì chiếc đầu to thù lù của ông lại gắn trên cái thân mình ngắn ngủn. Là một vị tướng SS, điểm chỉ viên của cơ quan Gestapo, ông ta lúc nào cũng nghĩ đến quyền lợi tài chánh của mình và mỗi khi "sử dụng nhân liệu" ông đều trả tiền sòng phẳng cho ban quản trị của trại. Các phòng thí nghiệm tư được ông ta cung cấp tin tức tài liệu đã trả cho ông ta số tiền gấp ba lần số tiền ông đã chi cho trại. Himmler hoàn toàn đặt hết tất cả lòng tin tưởng vào vị bác sĩ phụ khoa tài danh nầy.

- Chỉ có một mình ông mới có thể tìm được phương pháp hiệu lực nhứt mà lại ít tốn kém hơn phương pháp dùng quang tuyến X.

Ông phải cần bao nhiêu lâu để làm tiệt đường sinh sản của một ngàn phụ nữ? Dĩ nhiên là phải làm sao cho họ đừng hay biết gì cả!

Viên Reichsfuhrer muốn Clauberg làm tuyệt tự nạn nhân qua một cuộc khám bệnh tổng quát. Để xét định kết quả. Không có gì dễ dàng hơn:

Họ sẽ thử kết quả bằng cách nhốt chung một người đàn ông và một người đàn bà Do-thái trong một thời gian…

Bị ám ảnh về dục tình, ưa thích các sự tiếp xúc ấy giữa "các con vật" của phòng thí nghiệm với nhau, Himmler sẽ vô cùng sảng khoái khi đọc các phúc trình về y học.[59]

Ngày 07-06-1943, Clauberg viết cho ông:

- Phương pháp nầy trong thực tế đã thành công. Có thể thực hiện bằng cách bơm một mũi thuốc vào cổ tử cung trong một cuộc khám bệnh về phụ khoa thường lệ. Ta có thể làm tuyệt tự hằng trăm hay hằng ngàn người mỗi ngày trong một phòng thí nghiệm trang bị đầy đủ, với một ông bác sĩ lão luyện và độ mười người phụ tá.

Chúng ta đã thấy ở đầu chương là Clauberg đã thí nghiệm phương pháp của ông ta với một nữ tù nhân người Pháp tên I… G… như thế nào. Bác sĩ Hautval làm chứng ở tòa án Nuremberg:

- Khối 10 chứa đến khoảng 500 thí vật. Họ đều là phụ nữ Do-thái, Pháp, Hy Lạp, Bỉ, Hòa Lan, Tiệp khắc và cả Đức. Sự khủng hoảng

thật vô cùng vì tất cả nạn nhân đều hoang mang không biết việc gì sẽ xảy ra cho mình. Phương pháp được thí nghiệm đầu tiên ở khối 10 dường như là phương pháp bơm vào tử cung một chất lỏng có hà tính (caustique: có tính làm cháy da thịt hay ăn mòn vật gì khác như chất acide) có tác dụng làm tắc nghẽn vòi của buồng trứng. (Clauberg đích thân đảm trách việc nầy. Cuộc thí nghiệm được thực hiện làm ba lần, cách khoảng nhau từ một tháng hay lâu hơn nữa. Cuộc thí nghiệm luôn luôn được tiếp theo bằng rọi kiếng quang tuyến X. Sau khi bị bơm thuốc, rất nhiều nạn nhân bị đau đớn khủng khiếp.

Đã áp dụng được phương pháp của mình, Clauberg lại muốn đi xa hơn nữa: Sau khi làm cho đàn bà tuyệt đường sinh đẻ, ông sẽ làm cho họ sinh sản lại như thường. Có vậy các y sĩ của chế độ mới chữa trị được cho các phụ nữ thuần chủng Aryen mắc bệnh không thể có con được, mặc dù với nhiều cố gắng kiên nhẫn họ vẫn không thể nào chứng tỏ lòng ái quốc của mình qua sự cung cấp cho Quốc gia nhiều “công dân ưu tú”.

Bà bác sĩ Dora Kleinova biết rất tường tận việc xảy ra ở khối số 10:

Đó là khu của đàn bà, nó nằm trơ vơ giữa căn trại của đàn ông và lúc nào cũng được bao trùm bởi một bức màn bí mật. Cửa sổ bị bịt kín bằng những miếng ván có đóng đinh chắc chắn để ngăn chặn mọi tiếp xúc với thế giới bên ngoài, nhất là với các nam tù nhân. Chúng tôi gồm có 400 người bị nhốt trong hai căn phòng lớn. Nói là “sống” không đúng, phải nói là chúng tôi vật vờ trên những chiếc giường ọp ẹp ba tầng. Kỷ luật cứng rắn kèm theo những lời chửi rủa, những tiếng nạt nộ la hét và nhứt là những đòn roi vọt mà các tên giám thị SS và đám tù nhân được chọn làm nhân viên phụ trợ đã giáng ào ạt xuống chúng tôi.

… Căn cứ vào việc thiết trí đặc biệt do Clauberg sắp đặt và theo các dự định mà thỉnh thoảng ông ta đã để lộ ra, tôi chắc rằng ông ta muốn dùng ngay các nạn nhân đã bị là cho tuyệt tự để thực hiện tiếp cuộc thí nghiệm về việc thụ thai nhân tạo. May thay, chương trình nầy bị gián đoạn vì sức tiến của đạo Hồng quân Nga. Sức tiến nầy đã đưa đến sự di tản chiến thuật của trại Auschwitz…

… Và biến mất của Clauberg.

Bá Linh, 1955… Một người nhỏ thó ốm o vừa bí mật di chuyển vào khu vực người Anh kiểm soát. Ông ta xách theo hai chiếc va li to tướng, chứa đựng tất cả tài sản của mình: Đó là các bản thảo, các tài liệu và các điều bí mật của ông ta. Ông ta là Clauberg, vừa được người Nga phóng thích. Ông ta vẫn còn một số bạn bè che chở. Ông ta tìm nơi trú ngụ và lo sắp xếp các tài liệu của mình. Ông ta phải xuất bản các công trình của mình càng nhanh càng nhanh càng tốt, cho dù dưới một tên khác cũng được. Ông ta sẽ cứu thoát cho các bà bị hiếm muộn. Người ta sẽ chen lấn nhau để nghe ông thuyết trình vấn đề nầy.

Nhưng trước hết, phải tìm người giúp việc cho mình đã chứ! Tại sao lại không nhờ phương tiện rao vặt trên báo nhỉ? Độc giả của một tờ đại nhật báo Đức có thể đọc thấy trong cột cần người lời rao như sau:

KHẨN CẤP

Giáo sư, tiến sĩ y khoa Karl Clauberg

Cần nhiều nữ thơ ký đánh máy chuyên nghiệp, dành cho người thất nghiệp hoặc những ai rảnh được buổi chiều, có thể làm việc từ 2 hay 3 giờ mỗi ngày. Xin liên lạc gấp tại Bệnh nghiệm học của viện Đại học khu Giải phẫu phòng riêng, số 1 (từ 9 đến 10 giờ, hoặc 19 đến 20 giờ, kể cả ngày chủ nhật). Những người khá nhất sẽ có một chỗ làm vững vàng. Trường hợp được chọn sẽ được cùng du hành khắp nước Đức bằng đường bộ, mọi phí tổn đều được đài thọ.

Khỏi cần phải nói là các cựu tù nhân trại Auschwitz đều đọc lời rao vặt nầy. Hội cựu tù nhân các trại tập trung, nhiều hội đoàn và các nhóm thân hữu các tù nhân đều đòi truy tố ông ta. Clauberg bị bắt ở Kiel. Tòa án Tây Đức phải giở lại chồng hồ sơ Clauberg, dù là với một thái độ miễn cưỡng. Nhiều tháng đã trôi qua…, những người bạn có thế lực của ông ta đã vận động để ông ta được bị giữ trong một bệnh viện thần kinh:

- Đó là một người điên nguy hiểm…

Các y sĩ kết luận là “ông ta hoàn toàn phải lãnh trách nhiệm” Clauberg lại bị trả về lao thất. Vụ án sắp được đưa ra xử vào tháng 10, nhưng lại được hoãn thêm lần thứ ba. Luật sư thứ ba của ông, von Pfrundt lại nộp đơn xin thẩm cứu bổ túc. Công tố viện thật sự

bối rối vì khó mà tìm thấy một chuyên viên không “tì vết trong quá khứ”. Tất cả sự thăm dò đều vô ích. Mặc dầu hồ sơ buộc tội đã khá dầy, nhưng hầu hết các tội ác của viên bác sĩ đều không được đề cập đến. Chỉ có 160 vụ bạo hành và 4 trường hợp chết người là sẽ được đem ra xét xử… Nhiều nhân chứng mới đã xuất đầu lộ diện… thời gian trôi qua. Nhưng vào một buổi sáng đẹp trời, người ta tìm thấy Karl Clauberg treo cổ chết trong xà lim. Cuộc điều tra chính thức kết luận rằng đấy là một vụ tự tử. Nhưng theo các nhà báo người Đức thì các công ty hóa học có thế lực, các viện bào chế “xưa kia” từng giao dịch với Clauberg đã “mua sự im lặng” của ông ta.

Ai đã giết Clauberg? Sự thật có thể rất giản dị là chính Clauberg.

Victor Brack, tay vô địch về việc làm tuyệt đường sinh đẻ bằng quang tuyến X, bị kêu án tử hình ở Nuremberg và đã bị hành quyết.

Chương nói về việc “làm tuyệt tự” bị xếp lại nhanh chóng. Đối với tòa án, đó chỉ là chuyện phụ nếu so với tội ác mà Brack đã làm khi ông ta điều khiển chương trình “đem lại cái chết nhẹ nhàng” cho hơn 250.000 người. Lời bào chữa của Brack thật ấu trĩ.

- Khi diệt đường sinh sản của họ, là người ta đã cứu họ thoát chết!

Chúng ta cũng nên đọc qua lời cung khai:

- Trong mùa hè năm 1941, có một đồng nghiệp với tôi đang làm việc dưới quyền Bormann. Anh gặp tôi ở dinh Tể tướng và nói với tôi rằng: người ta có ý định tìm một giải pháp căn bản cho vấn đề Do-thái. Có lẽ Martin Bormann là người duy nhất đã đề xướng kế hoạch nầy. Vấn đề thật là nguy hiểm vì chúng tôi đã biết tính tình ông ta như thế nào rồi. Chúng tôi có thể tưởng tượng trước việc nầy sẽ ghê gớm vô cùng. Ở nước Đức nầy, còn ai dám chống lại Bormann. Chỉ có Hitler là người ra lệnh cho ông ta mà thôi.

Họ cho rằng: sau khi chiến tranh chấm dứt, nhiều nước khác ở Âu châu sẽ bắt chước họ áp dụng biện pháp nầy đối với người Do-thái. Như vậy, người Do-thái không thể nào tiếp tục sống ở Trung-Âu được, phải tìm cho họ một xứ sở mới. Việc đưa người Do-thái đến định cư ở đảo Madagascar có cái lợi là hủy diệt được mầm bất hòa giữa họ với xứ Palestine. Hitler lại không chấp nhận kế hoạch nầy. Vào tháng giêng năm 1941, khi tôi được cử đến Himmler để thảo

luận về vấn đề “euthanasie”,[60] tôi đâu biết rằng lúc đó Himmler đang phụ trách việc tìm kiếm một phương pháp hiệu quả và rẻ tiền để làm tuyệt tự con người.

Trong câu chuyện, Himmler có nói với tôi là cái họa Do-thái ở Đức quốc đã trở nên trầm trọng do vấn đề lai giống giữa người Do-thái Ba Lan và người Do-thái Tây Âu. Ông cho biết ông có ý định diệt đường sanh đẻ của họ một cách đại qui mô. Ông hỏi tôi: nếu không thực hiện được bằng quang tuyến X thì phải dùng cách nào?

Cuộc tiếp xúc nầy làm tôi xúc động mạnh. Tôi biết về ông ta rất nhiều, nên tôi không tin rằng ý kiến hủy diệt Do-thái kia là do ông ta nghĩ ra. Có lẽ Heydrich hoặc Bormann mới là người có sáng kiến nầy. Tôi cảm thấy có nhiệm vụ phải ngăn ngừa hành động đó bằng tất cả khả năng của tôi, vì vậy tôi giả vờ tán đồng để coi có thể nào dùng quang tuyến X để làm tuyệt đường sinh sản hằng khối người không.

Victor Brack đã quên những bức thư ông đã gởi cho Himmler. Trong đó ông luôn luôn đề nghị thêm nhiều điều mà người ta không yêu cầu ông làm.

Tòa án Nuremberg đã tha bổng nhiều y sĩ Đức có tham dự vào việc thực hiện phương pháp làm tiệt trùng thứ ba.

Từ đầu năm 1941, vấn đề “Caladium” được bắt đầu bằng một bài do Bác sĩ Madaus, đăng trên tờ nhật báo “Y khoa Thực nghiệm” Bác sĩ Madaus là chủ nhân của hãng bào chế dược liệu đã phát minh ra nhiều loại thuốc mới chỉ dùng nguyên chất rút ra từ thảo mộc. Madaus giải thích chất *Caladium Seguinum* được rút ra từ nhựa một loại cây ở Nam Mỹ tên là Schweigrohr đã làm tiệt đường sinh sản của thú vật như thế nào. Hơn nữa, đây là loại cây mà các tay phù thủy trong rừng hoang đều biết dùng. Họ thường trộn thứ thuốc nước quỷ quái nầy vào trong thức ăn của kẻ thù để làm liệt dương và tuyệt hầu kẻ thù.

Nhiều vị y sĩ đã chú tâm theo dõi những bài báo của Madaus và một vị đã không ngần ngại thông báo ngay với Himmler.

Đây là nội dung của bức thư do giáo sư Adolf Pokorny viết. (Ông là nhà bác học hữu da đã sáng chế ra phương pháp trị liệu mới về bệnh ngoài da).

- Tôi đã biết tầm quan trọng vô biên của loại thuốc nầy đối với cuộc chiến đấu hiện tại của dân tộc chúng ta. Chúng ta sẽ có một thứ vũ khí mới và mạnh để sử dụng. Chúng ta có thể điều chế một liều thuốc có khả năng làm tuyết chủng *ngấm ngầm* sau một thời gian ngắn. Chỉ với ý tưởng là ba triệu tù nhân Sô viết hiện tại ở Đức có thể bị làm cho tuyệt đường sinh sản mà vẫn làm việc được! “Chỉ nghĩ đến điều đó tôi đã thấy trước bao nhiêu viễn ảnh tốt đẹp…”

Pokorny yêu cầu Himmler, nếu chấp thuận ý kiến của ông ta, thì phải cho thi hành những điều sau:

1. Không cho bác sĩ Madaus trình bày tiếp tục vấn đề trên mặt báo nữa.

2. Phải sản xuất thật nhiều loại cây đó (Có thể trồng dễ dàng trong các nhà kiếng).

3. Phải khởi sự dùng các tù nhân làm thí nghiệm ngay để ấn định liều thuốc và thời gian trị liệu.

4. Nghiên cứu xem coi có thể sản xuất được một “hóa chất tổng hợp tương đương” không.

Himmler đọc đi đọc lại bức thư rất chú ý đến các sáng kiến của Pokorny và sau cùng ghi chú trên góc thư: Dachau.

Vài tháng sau, viên phụ tá của vị chỉ huy hành chánh vùng Bas Danube cũng gởi cho Reichsfuhrer của hắn ta một bức thư tương tự. Hắn ta đề nghị dùng tù nhân ở trại Lackenbach làm thí nghiệm. Cuối thư hắn ta viết:

- Chắc chắn sẽ thú vị vô cùng khi nghiên cứu sự sùng bái của người xưa và đẳng cấp các giáo sĩ tùy theo khả năng tình dục và sự mắn con. Các dân tộc cổ sơ sống gần gũi với thiên nhiên nên đã hiểu rõ vấn đề nầy. Vấn đề mà khoa học hiện đại còn chưa được biết.

Ta có thể tin chắc rằng sau khi đọc bức thư nầy, các nhà tư tưởng của nhóm Ahnenerbe đều để tâm nghiên cứu các “quỷ thuật” của tổ tiên ta.

Việc gì đã xảy ra sau đó? Giống cây ấy được đem trồng trong các nhà kiếng ở trại Dachau. Người ta đã thực hiện hằng trăm cuộc thí nghiệm trên các loài vật. Chất caladium gây ra hiệu lực tương đương như sự hoạn thiến.

Tòa án Nuremberg phóng thích Pokorny:

“Mặc dù bức thư đã chứa đựng những điều tàn ác khủng khiếp nhưng không có bằng cớ nào chứng tỏ người ta đã thực hiện phương pháp nầy. Bị cáo phải được tha bổng không phải do lời biện hộ[61] mà là không có bằng chứng nào khả dĩ buộc tội được bị cáo.

Quả thật tòa án đã kết thúc vụ nầy một cách quá hấp tấp. Họ đã không cho tìm lại các “nạn nhân” trong số người còn sống sót ở trại Dachau. Năm 1967, tôi đã gặp được một cựu tù nhân người Pháp hiện cư ngụ ở Brest. Ông nầy tên là M… K…, người đã bị làm “tuyệt tự” ở trại Dachau.

- Trong suốt 9 ngày liền, mỗi buổi sáng, trưa, chiều họ đều tiêm cho tôi một mũi thuốc ở phía trên ngực trái…

Các mũi thuốc nầy có hiệu lực giống y như hiệu lực của chất Caladium đã được dùng trong phòng thí nghiệm của Madaus với mục đích diệt giống các con vật.

Có lẽ nào đây chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên!

13
CUỘC CHIẾN BẰNG ĐỘC KHÍ

Nhóm Ahnenerbe đã thắng… tức nhóm tìm lại gia tài của Tổ tiên lần đầu tiên đã thật sự xâm nhập được vào một trại tập trung. Nay, họ không còn phải qua một người trung gian nào nữa cũng không có người ngoại quốc nào dòm ngó đến các công cuộc sưu tầm do Himmler đòi hỏi. Ồ! Các phòng thí nghiệm có hơi kỳ một chút: đó là một khu trại dài tới 196 thước và rộng 7 thước, nhưng đấy chỉ là bước đầu. Trại Natzweiler gần Strasbourg nơi vừa phát sinh ra quanh giáo sư Hirt trường "đại học SS đầu tiên", là cả một sự khéo chọn cho việc xâm nhập nói trên. Trại được đặt ngoài hệ thống các đường dây du lịch xưa nay dành cho các nhân vật cao cấp, hoặc các hội nghị đặc biệt sẽ không bị để ý hoặc gây ra thắc mắc. Hơn nữa, giáo sư Hirt sẽ không e ngại bị gò ép nghe theo lệnh lạc; và đứng mũi chịu hứng những lời huấn thị mới. Thật vậy, đấy là một *miếng ván nhúng rất tốt cho một cái chảy vọt* và rất cần cho mọi sự chiến thắng. Và nếu như bọn Đồng minh tìm thấy ở cuộc chiến thắng ấy là do từ một thứ vũ khí lỗi thời thì sao? "Đồ ngốc" Hitler sẽ trả lời như vậy, cũng như ông thường đáp trả với các tướng lãnh khi các ông nầy dự liệu về các cuộc oanh kích bằng hơi độc:

- Vậy thì… ai còn dám trở lại với cuộc chiến lỗi thời ấy nữa!

Himmler không đồng ý như vậy. Các "chiến lược gia sa lông" của nhóm Ahnenerbe và các điệp viên của Abwehr (cơ quan tình báo quân sự) đã đều đặn làm ông tin rằng một cuộc tấn công đã sắp sửa xảy ra đến nơi rồi. Ông đã lấy quyết định:

- Hirt sẽ đảm nhiệm công tác ấy. Ông ta đã từng đảm nhận các cuộc sưu khảo trên thú vật ở Strasbourg.

Sievers, nhân danh nhóm Ahnenerbe đã viết cho Hirt:

"… Để các công trình của ông được tiến triển tốt đẹp, chúng tôi chắc chắn là sẽ dành cho ông mọi sư dễ dàng biệt lệ,[62] có liên quan đến các thí nghiệm đặc biệt bí mật của chúng tôi hiện đang được thực hiện ở Dachau. Ông có thể trình thẳng với Reichsfuhrer một bản phúc trình về chất "Yperite".[63]

Hirt không phải để mời lâu lắc.

Ông ta bước xuống xe và đi thẳng vào trạm thí nghiệm của Ahnenerbe, đặt tại trại Natzweiler. Rồi ông ta lui trở ra và tiến về phía bệnh xá, chiếm hết một phần của dãy trại. Đầu để trần, mặc quần đánh "golf", mang vớ xám và giày vàng, giáo sư Hirt khám nghiệm khoảng 50 "người đang nằm dưỡng bệnh".

- Có hai phòng[64] tại trạm thí nghiệm. Trong mỗi phòng, người ta đặt 15 người được Hirt lựa chọn vì sự mạnh khỏe của họ.

Trong 15 ngày, các tù nhân nầy được bồi bổ sức lực, được dành cho thật nhiều thức ăn: họ được hưởng cùng một khẩu phần ăn của sĩ quan SS. Trong toán tù, thấy có 4 loại quốc tịch: Nga, Ba lan, Tiệp khắc và Đức. Thực sự thì Hirt đã có ý thuyết phục họ "tình nguyện" chịu nhận cuộc thí nghiệm. Nhưng tất cả đều từ chối.

- Hirt hạ lệnh cho các tù nhân cởi bỏ hết đồ ra. Rồi kẻ trước người sau, đến phòng thí nghiệm. Tôi phải giữ tay họ và một giọt chất lỏng được nhểu lên trong khoảng mười phân trên cánh tay của bọn họ. Các người nầy được đưa đến một phòng khác, nơi đó họ phải đứng thẳng người trong một tiếng đồng hồ với cánh tay duỗi thẳng ra. Khoảng chừng 10 giờ sau, các vết phỏng bắt đầu xuất hiện và lan rộng ra khắp cả người. Có một vài người bị đui. Họ phải chịu một sự hành hạ thật khủng khiếp, đến độ khó thể chịu đựng nổi và gần như là không ai có thể ở gần bên họ được… Cái chết đầu tiên đã xảy ra vào ngày thứ năm hoặc thứ sáu và ngày kế tiếp có thêm 7 người nữa từ biệt cõi đời.

Một cựu tù nhân của trại Natzweiler, tên Hendrick Nales, đã xác nhận lời khai của Ferdinand Holl.

Tôi chỉ thấy có 3 người chết… Ngay từ đầu của cuộc thí nghiệm, phần đông đều bị bất tỉnh. Hai mươi bốn giờ sau, họ bị đầy những vết thương. Các tay họ bị lở lói cũng như các phần khác của cơ thể, bị tay chạm phải. Họ bất tỉnh nhân sự trong nhiều ngày và trở nên đui mù.

Chặng thứ hai của cuộc thí nghiệm diễn ra trong phòng hơi ngạt.

- Hirt trao cho mỗi tù nhân một ống chai nhỏ. Họ phải mang vào trong phòng hơi ngạt, chỉ nằm cách trại khoảng 500 thước. Hai người cùng vào phòng một lúc. Tất nhiên là các cửa chính đều được khóa thật kỹ. Một trong các tù nhân phải đập vỡ các ống chai, và

như vậy là phải hít chất hơi vừa thoát bốc lên. Họ bị ngất xỉu, rồi tỉnh lại và trở lại với nhóm Ahnenerbe… Tôi đã thấy tận mắt các lá phổi của những người ấy, họ đã bị mổ banh ra. Các chiếc phổi nầy chỉ to bằng chừng một nửa trái bôm, hoàn toàn bị ăn mòn và chứa đầy mủ. Trong vòng một năm, có khoảng 150 người tù đã bị thí nghiệm theo kiểu như vậy… Ngoài ra Hirt cũng đã thí nghiệm chất hơi lỏng trên 120 người.

Có bao nhiêu người chết? Holl chỉ có thể cho một sự ước lượng mà thôi.

- Khoảng từ 30 đến 40 phần trăm.

Rồi lại thêm có những cuộc thí nghiệm trên một loại hơi khác nữa, đó là chất Phógène,[65] được giao cho một vị giáo sư đại học là Otto Bickenbach đảm trách. Ông nầy đã nghiên cứu các tác dụng của chất hơi đó, trên các con mèo, con chó và khám phá được một dược chất: chất Urotropine chống đỡ, một cách rất hiệu lực, các tác dụng làm ngạt thở của chất Phosgène.

- Vào năm 1943[66] Hirt cho tôi biết rằng Himmler ra lệnh cho tôi khởi sự cuộc thí nghiệm chất Urotropine trên con người. Tôi biện bác rằng hiệu quả của phương cách phòng vệ mà tôi đã tìm được, đã được hoàn thành một cách thực nghiệm và rất khoa học. Nếu cần thì tôi sẽ thí nghiệm trước ngay trên chính bản thân tôi. Hirt đã trình báo việc nầy lên Himmler. Ông nầy liền cấm tôi không được làm như vậy vừa hạ lệnh cho tôi phải khởi thực hiện các cuộc thí nghiệm đòi hỏi trên vật liệu người.

Cũng trong dịp đó, người ta đã đoan chắc với tôi rằng các con người sẽ phải bị làm vật thí nghiệm kia là những kẻ đã bị kêu án tử hình do phán quyết chánh thức của tòa án. Dù vậy, tôi vẫn bị đặt trước một vấn đề lương tâm thật bi đát, bởi vì Hirt bảo với tôi rằng Himmler đã ra lệnh đó cho tôi, trong tư cách sĩ quan của tôi, điều đó có nghĩa đó là một quân lệnh mà tôi không được không thi hành trong khi lương tâm y sĩ của tôi cấm không cho thực hiện các cuộc thí nghiệm như vậy. Thế nên tôi buộc lòng phải đến Bá Linh để xin ý kiến của giáo sư Brandt, y sĩ riêng của Fuhrer, cũng là đại diện toàn quyền của ông về các vấn đề y tế và vệ sinh. Tôi trình bày với ông về sự e ngại của tôi để mong ông can thiệp giùm với Himmler. Tôi cũng đã trình rõ với ông ta rằng trên phương diện khoa học, các

cuộc thí nghiệm trên con người không cần thiết bởi vì các cuộc thử nghiệm trên thú vật đã chứng tỏ hiệu quả của sản phẩm…

… Vào lúc bấy giờ, tình hình quân sự thật bất lợi cho Đức quốc xã. Phe Đồng minh đã đổ bộ lên Phi châu và Abwehr đã biết được, cũng như tôi đã được các cấp chỉ huy của tôi báo cho biết, có 50 ngàn tấn chất Phosgène đã được tích chứa ở Phi châu. Cuộc chiến tranh hơi ngạt dường như khó tránh khỏi. Bộ Tổng tư lệnh quân đội quả quyết rằng phe Đồng mình sẽ buộc phải dùng đến chất hơi độc, để tiến vào cho được "pháo đài Âu châu".

Cho nên cuối cùng vào năm 1943-1944 chính trong các điều kiện ấy, tôi đã khởi thực hiện các cuộc thí nghiệm mà tôi đã thối thác. Tôi xin thêm rằng, mặc dù có sự cấm đoán của Himmler, trước hết, tôi vẫn thí nghiệm ngay trên chính bản thân tôi tại phòng hơi ngạt ở Fort Ney. Rồi tôi mới thực hiện hai loạt thí nghiệm, lần đầu với 40 thí vật và lần sau trên 14 người. Lần đầu thì không có ai bị chết, chỉ có một người duy nhứt bị bệnh. Trong suốt lần thí nghiệm thứ hai, có bốn người bị chết. Tôi cho rằng sở dĩ có các cái chết ấy là do tình trạng suy yếu quá trầm trọng của thể chất họ gây ra…

… Tôi cũng nhìn nhận rằng việc thí nghiệm trên con người thật là trái với lương tâm chức nghiệp của y sĩ, nhưng dù muốn dù không tôi cũng phải làm như vậy, và nhất là theo lương tri mà nói, đã ý thức được về sự khủng khiếp của chiến tranh hơi độc và đã biết dân tộc Đức đang bị đe dọa và không được bảo vệ, nên tôi nghĩ rằng bổn phận tôi phải làm tất cả, để bảo đảm sự an toàn cho hằng triệu người Đức, và nhất là những trẻ con và phụ nữ, thêm vào đó lại có lệnh của Himmler!

Otto Bickenbach đã trình bày "thuyết đề trên" trước các quan tòa tại tòa Đại hình Metz vào hồi tháng 12 năm 1952. Ông ta đã đổ lỗi cho những người vắng mặt là Hirt và nhất là Himmler:

… Tôi là sĩ quan… quyền lợi của nước Đức đã bắt buộc… Tôi chỉ phụ trách về vấn đề kỹ thuật… Các thí vật nhân chứng tuy không được bảo vệ bằng chất chống hơi độc, đã nhận được một mũi chích bằng nước muối ăn, như vậy, họ không có gì phải sợ hãi cả… Lúc xong cuộc thí nghiệm, họ hay ít ra là những người còn đủ sức phải lết bộ về trại. Himmler đã triệt để bắt buộc như vậy. Ông ta đòi sau

khi bị thấm hơi độc, các thí vật phải chạy, nhảy, hầu để đo được tác dụng của sức chịu đựng về thể chất và khả năng của họ trong cuộc chống đỡ cấp thời…

Ngày 23 tháng 12, ông ta bị kết án khổ sai chung thân. Nhưng phòng luận tội của tòa Phá án bác bỏ phán quyết của tòa Metz, vì các nhân chứng được ông ta yêu cầu cho mời đến đã không được tòa lấy lời khai. Đến tháng 5 năm sau, một phiên tòa mới đăng đường ở Lyon. Thiếu tá Brun, ủy viên chánh phủ yêu cầu bản án tử hình cho Bickenbach và Haagen[67] được xử cùng một lúc.

- "Đối với các tù nhân ở trại Struthof, Haagen và Bickenbach đã không bao giờ có bộ mặt của người y sĩ, mà là mang bộ mặt của các tên đao phủ. Người ta đã nói rằng người Pháp kém trí nhớ. Điều nầy đôi khi cũng đúng, nhưng có nhiều sự việc mà chúng ta không bao giờ được quên. Thế nên, nhân danh tất cả các sự đau khổ mà các con người nầy đã gây ra chồng chất, tôi yêu cầu tòa xử tử hình Haagen và Bickenbach".

Sau phần biện hộ của các luật sư, tòa ra phán quyết: 20 năm khổ sai cho mỗi bị cáo…

Nhiều nhà báo Pháp đã gọi phán quyết ấy là "quyết định xấu hổ", rồi sau đó, mọi người lại quên đi, cả Bickenbach nữa. Sau ngày phóng thích, ông ta đã đi về một phương trời vô định nào đó, không còn ai hay biết nữa.

14
KẾ HOẠCH “ỐNG THU LÔI”

Tôi đã nói với anh là tôi không muốn. Nó là một con dao hai lưỡi. Nó là một cái boomerang[68] có thể quay trở về với anh với một tốc độ nhanh hơn là khi anh phóng đi.

Hitler lên án gắt gao “chiến tranh vi trùng”, không phải vì ông lo lắng cho nhân loại mà vì ông tin rằng kẻ thù của Đức-quốc-xã không bao giờ dám ra tay sử dụng trước loại vũ khí ghê gớm đó. Nó vừa ghê gớm vừa không sao kiểm soát được. Ông chấp thuận thành lập một ủy ban để chuẩn bị những biện pháp phòng vệ.

- Chúng ta phải hành động như một ống thu lôi vậy.

Hitler vừa tìm được cái tên để gọi ủy ban phụ trách việc đề phòng những cuộc tấn công bằng vi-trùng. Ông đã dùng đúng danh từ Blitzableiter (Ống thu lôi).

Ngày giải phóng Ba-Lê, binh sĩ Mỹ đã bắt được trong một nghĩa trang một toán quân nhân Đức đang canh giữ một ngôi mộ.

Ngày 20 tháng 3 năm 1949, Đô Đốc Ellis đã tuyên bố vụ nầy trên đài phát thanh Nữu-Ước. Trong Đệ nhị thế chiến ông đã giữ chức chỉ huy trưởng cơ-quan tình báo của Hải-quân. Theo ông các sĩ quan tình báo về y khoa đã khám phá được:

- Đúng là trung tâm của một cuộc chiến vi trùng thực sự. Ở đó, họ đã có sẵn vật liệu để gây bệnh cho tất cả thành phố Ba-Lê. Những quân nhân Đức ở nghĩa trang đã bị bắt ngay lúc họ đang chờ đợi lệnh phát động cuộc chiến tranh vi trùng qua chiếc máy truyền tin với luồng sóng ngắn của họ. Họ định dùng khí taboun[69] để làm cho người thành điên loạn và dùng các vi trùng của bệnh dịch hạch.

Cuộc chiến tranh đặc biệt nầy thật giống y như truyện con quái vật của Loch-Ness. Thật ra thì có chánh quyền nào, chiến lược gia nào không từng ngẫm nghĩ, hoàn tất, việc sử dụng vi trùng… nơi phòng thí nghiệm? Từ cái ngày mà con người tiền sử khám phá ra được chất độc giết người của một vài loại thảo mộc, từ cái ngày mà họ biết bỏ thuốc độc vào giếng nước của kẻ thù, là con người của những bộ lạc, những bộ tham mưu đã chuẩn bị cuộc “chiến tranh về

bệnh tật”. Tuy nhiên, chắc chắn không có quốc gia nào có nhiều sáng kiến độc đáo như nước Đức của Hitler. Có lẽ bạn sẽ nói với tôi rằng: Hitler đâu có cho rằng cần thiết phải chế tạo loại vũ khí vi trùng đó. Đúng vậy, nhưng còn Himmler, một trong những hiền “nhân con” người hay lo liệu trước ông ta phải tiên liệu những điều có thể xảy ra chứ. Thể theo lời yêu cầu của một số y sĩ, ông cho họp các nhà “thông thái” của ông lại để thành lập một lực lượng phụ trách việc ngăn ngừa sử dụng vũ khí vi trùng trước khi tìm được cái tên để gọi lực lượng nầy. Ông còn đòi hỏi cả việc thực hiện các cuộc thí nghiệm về bệnh dịch hạch trên con người.

- Về sau, không có một tòa án quân sự nào có đủ bằng cớ để chứng minh là các cuộc thí nghiệm ấy đã được thực hiện, nhưng một sự kiện cần phải được đặc biệt lưu ý là Thiếu tướng y sĩ Schreiber giáo sư Đại học y khoa Bá Linh, đã từng điều khiển ngành khoa học Quân y đã muốn khơi vấn đề của loại chiến tranh ấy lên ở Nuremberg:

- Trong lúc chiến tranh, về phía người Đức đã có những hành động vi phạm những điều luật bất di bất dịch của nền đạo đức y khoa. Tôi thấy cần phải đưa ra ánh sáng vụ nầy. Ấy là vì sự ích lợi cho dân tộc Đức, vì nền y khoa của người Đức và vì sự đào tạo những thế hệ trẻ trung của ngành y học Đức.

Đó là sự chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh về sinh vật học để gây ra bệnh dịch và đưa đến những cuộc thí nghiệm trên con người sống. Tôi đã có ý chờ đợi coi tòa án nầy có tự khơi vấn đề ấy ra không. Khi thấy là không, tôi mới quyết định tự mình đưa ra lời khai trình nầy.

Sau khi đọc những giòng chữ trên, chúng ta thấy khó lòng mà kết tội toàn thể giới y sĩ Đức. Hơn nữa thái độ của những “người khác” về chuyện nầy lại càng không thể hiểu được hơn. Schreiber tiếp tục trình bày:

- Tháng ba năm 1945, tôi có tiếp giáo sư Blome tại văn phòng của tôi ở Hàn-lâm-viện quân y. Ông là chủ tịch y sĩ đoàn của Đức kiêm chức vụ giám đốc chương trình “Ống thu lôi”. Ông từ Posen đến và có vẻ rất bị kích động… Hồng quân đã tiến tới Posen, ông bị rượt khỏi viện của ông. Trước khi rút lui, ông đã cố gắng phá hủy tất cả phòng thí nghiệm của ông bằng cách nhờ một phi cơ Stuka ném

xuống đấy một quả bom, nhưng bom lại không nổ. Ông lo sợ vô cùng vì đã để lại tất cả những cơ sở dùng để thực hiện những cuộc thí nghiệm trên con người sống.

Giáo sư Kliewe là Giám đốc trung tâm chiến tranh sinh vật học thuộc Nha Tổng Giám đốc Thanh tra của ngành Quân y, ông đã tranh đấu trong suốt thời gian chiến tranh để thuyết phục Fuhrer chuẩn nhận ý tưởng về cuộc “chiến tranh vi trùng”. Ông viện dẫn rất nhiều lý lẽ. Trong bản tường trình đầu tiên ông đã kê khai ngay một bài báo đăng trong tạp chí *Dix neuvième siècle* của người Anh. Trong số tháng 7 năm 1934, tạp chí nầy đã đưa ra những tài liệu xác nhận rằng ngày 18 tháng 8 năm 1933 vào lúc 14 giờ 4 phút, nhiều điệp viên Đức đã nghiên cứu việc rắc các vi khuẩn truyền nhiễm tại công trường La Concorde và công trường la République, tại các máy hút không khí ở miệng đường xe điện ngầm và tại các lỗ thông hơi của các đường hầm. Dĩ nhiên, Ba lê là trọng tâm của vấn đề!

Rất hùng biện, Kliewe kể lại những trường hợp trước kia:

- Năm 1916 tòa Đại sứ Đức ở Bucarest (thủ đô Lỗ ma ni) dời đi, để lại văn phòng cho tòa Lãnh sự Hoa kỳ, viên đệ nhứt tham vụ của tòa Đại sứ, đã tham dự vào việc lục soát các khu vườn xung quanh, nơi mà người ta đã khám phá thấy trong một chiếc hộp chôn giấu dưới đất năm ống cấy vi trùng gây bệnh cho súc vật.

- Năm trước đó, dịch thổ tả đã làm chết hai trung đoàn quân sĩ Nga đóng ở Galicie vì các giếng nước đã bị bỏ thuốc độc.

- Năm 1917, khi rút lui, quân Đức đã bỏ lại những công trình cấy vi trùng mà về sau người Pháp đã phát giác ra được.

- Gần phân nửa số ngựa của quân đội ở mặt trận Miền Đông đã bị nhiễm độc vì chứng cam ngựa (chảy nước mũi) và đã ngã chết. Do đó nhiều nhân viên đã bị bắt giữ. Cuộc đình chiến xảy ra đã chấm dứt vụ nầy. Nhưng đối với mọi người, từ đây loại vũ khí vi trùng không còn là một giả thuyết nữa.

Có một người, trong trận 14-18 đã tha thiết khẩn cầu áp dụng loại chiến tranh vi trùng và trong cuộc chiến 1941 lại phát động một cuộc “vi trùng chiến” nữa. Ông đã gởi tới tấp đến các vị lãnh đạo của Đức quốc xã nhiều bức thư, vô số báo cáo, những điều tổng kết… Đó là y sĩ đại tá Winter:

- Tháng 4 năm 1916, khi làm y sĩ ở tổng hành dinh quân đoàn 21, tôi đã đệ trình lên *Tổng trưởng Chiến tranh* một bức giác thư. Trong đó tôi trình bày về một cuộc chiến tranh vi trùng và tôi đã đưa ý kiến nên tấn công Luân Đôn và các hải cảng Anh bằng một loại vũ khí công hiệu nhất và cũng kinh khủng nhất, đó là: vi trùng dịch hạch… Tôi cũng đã trình bày ý kiến nầy với vị phụ tá Chỉ huy trưởng Quân y. Sau khi lặng lẽ nghe tôi trình bày, ông ta tiễn tôi ra cửa và nói rằng: “Nếu chúng ta áp dụng biện pháp nầy, chúng ta sẽ không còn xứng đáng hiện hữu với tư cách là một quốc gia nữa”. Một lần nữa, nước Đức đang lâm vào cuộc chiến một mất một còn. Chúng ta không thể nào lùi bước được nữa. Đối với những địch quân như thế, thì phải loại bỏ vấn đề nhân đạo ra, tất cả những hòa ước đều trở thành vô nghĩa; điều nầy cũng được áp dụng ngay cả cho các bản văn đã được ký kết giữa Đức và Anh quốc căn cứ theo hiệp định Genève ngày 27 tháng bảy năm 1925, theo đó cả hai nước đều cam kết không dùng khí độc hay vi trùng sẽ trong cuộc chiến. Tuy nhiên, vũ khí vi trùng trở nên phương tiện hữu hiệu nhất để chiến thắng Anh, Mỹ, ngay trên quê hương họ. Hiện tại số người chống đối cuộc chiến nầy còn khá đông đảo, nhưng họ chống đối không phải vì lý do đạo đức, mà chỉ vì họ thiếu ý thức trách nhiệm và vì họ sợ sệt. Cuộc chiến tranh toàn diện không cho phép chúng ta chú trọng quá đến vấn đề đạo đức. Chiến tranh chỉ biết có một định luật thôi. Đó là tiêu diệt kẻ thù bằng mọi giá, với mọi phương tiện. Miễn là có thể chiến thắng!

Thật là một ý tưởng tuyệt diệu! Nhưng chưa hết đâu! Sau khi chứng minh sức chịu đựng của nhiều loại vi khuẩn vừa hữu hiệu vừa nẩy nở nhanh chóng; dầu phải sống một tháng ngoài trời, Winter tiếp tục thuyết trình:

- Tôi đã nghiên cứu tỉ mỉ những chi tiết kỹ thuật cần thiết, nhưng tôi không viết ra đây vì lý do cơ mật, chương trình sau nầy phải được giao cho một ủy ban chuyên môn. Trong đó sẽ không có chỗ cho những người rụt rè vì tinh thần mô phạm hay những kẻ phản đối vì lý do nhân đạo. Một hành động như vậy đòi hỏi phải có những người cương quyết, quả cảm dám chấp nhận mọi gian nguy để phục vụ đất nước.

Trong cuộc tranh đấu sống còn, tôi phải kể tên bá tước Rebenklow. Ông là người không hề biết dừng lại trước các loại vũ khí mà ta cần sử dụng, hay trước những giá trị mà ta phải hủy diệt đi. Sau khi hòa bình rồi, ta sẽ tu bổ lại những sự tổn hại. Tôi còn muốn xác định rằng: chiến tranh vi trùng còn có một điều lợi nữa là nó rất ít tốn kém. Chúng ta có thể dùng vi trùng bệnh dịch hạch vì nó là loại có sức hủy diệt khủng khiếp nhất.

Và, bây giờ giải quyết sao đây? Xin được như nguyện! Kliewe đã vung "chiếc dù thu lôi" của ông ta lên và đáp!

- Những tư tưởng về chiến tranh vi trùng nầy đã được viết ra vì tình yêu tổ quốc nhiệt thành. Chúng bao gồm những đề nghị quan trọng mà các nhà chuyên môn đã bàn luận trước rồi. Dù sao, cuộc chiến tranh vi trùng nầy có được tuyên bố dưới hình thức nầy hay hình thức khác, hoặc không bao giờ được chấp nhận, đó là quyền của Fuhrer.

- Tôi được một con!

- Tôi xui xẻo quá không được con nào cả! Mấy con vật quỷ quái nầy hình như biến đâu mất hết rồi!

Toán lính lại lom khom tản mác trong các cánh đồng ở Speyer tìm kiếm. Trước đây vài phút, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, một chiếc phi cơ đã thả xuống một quả bom chứa toàn giống bọ khoai. Các "Cơ sở khoa học" của quân đội đã làm lại chiến dịch Bordeaux. Nếu cuộc thí nghiệm ở Speyer thành công, thì hằng triệu ký sinh trùng sẽ đươc thả xuống các vườn nho, và các rẫy bái xung quanh.

Sáu giờ sau khi thùng đựng bọ khoai đã chạm tới đất, kết quả không có vẻ khả quan chút nào:

- Chúng tôi đã tìm được 23 con.

Cuộc lùng kiếm vẫn tiếp tục. Khi màn đêm buông xuống, các sĩ quan đều nản lòng. Trong số mười bốn ngàn con họ phải thu nhặt lại thì hết mười ba ngàn chín trăm bốn mươi ba con đã bay đâu mất!

- Thưa Đại tá, hiện giờ được tất cả là 57 con!

Khoai tây ở vùng Bordelais và ở nước Anh vừa thoát khỏi một tai nạn khủng khiếp. Ủy ban "Ống thu lôi" vẫn không nao núng. Các sở thú y thuộc quân đội đang chiếm đóng ở Pháp đang phụ trách việc

thu nhặt nhiều ngàn con bọ tiêu địch (coléoplère) loại chỉ háu ăn độc một thứ khoai tây, Ủy ban sắp làm cho dân Anh phải chết đói! Bằng cách nào?

- Bằng cách gởi những con bọ theo các tù binh Đức của Churchill. Thuyết trình viên là giáo sư Klieve kết luận một cách vắn tắt:

- Chúng ta đã thử gởi các con bọ khoai từ Pháp sang Anh theo các tù binh chiến tranh, khi đến nơi thì thì giống bọ nầy đều chết cả. Các tù binh chiến tranh đã bị phạt.

Nhà hóa học Heinrich Schmitt đề nghị với Fuhrer một phương tiện chắc chắn tiêu diệt được nước Nga:

- Ta chỉ cần đầu độc tất cả tù binh Nga bằng cách tiêm vào họ một loại vi trùng gây bệnh hiểm nghèo trước khi thả họ. Bệnh nầy chỉ phát hiện hai tuần lễ sau đó.

Kliewe trả lời:

- Không có nhân sự đủ điều kiện để thực hiện. Việc thình lình rút bỏ hằng ngàn công nhân sẽ làm thiệt hại nặng nề công cuộc sản xuất của chúng ta.

Nếu Hitler đã phát động cuộc chiến tranh vi trùng, thì đây là những thảm họa đe dọa quân Đồng Minh. Họ dự định:

- Cuộc tấn công bằng vi trùng sẽ diễn ra tại chiến tuyến. Dĩ nhiên với điều kiện tất cả quân sĩ ta được chích ngừa chu đáo rồi. Trận chiến nầy có thể thực hiện dọc theo tiền tuyến, trong một vài vùng bị rút bỏ. Trong trường hợp nầy, ta có thể thả những con thú loại gặm nhắm đã bị tiêm vi trùng dịch hạch và truyền nhiễm xuống. Ta có thể đầu độc bằng cách bỏ xuống giếng những vi trùng dịch tả, thương hàn hay kiết lỵ. Ta đầu độc thức ăn bằng vi trùng thương hàn hoặc vi khuẩn lạp trường độc đầu độc cỏ khô của ngựa bằng vi trùng bệnh quần đinh (nhọt chùm) hay bệnh cam ngựa. Những pháo đài cô lập, những trung tâm phát triển quân đội, những hải cảng sẽ cho chúng ta có cơ hội tốt để tấn công bằng vi trùng.

- Tất cả những dụng cụ nầy đều được phi cơ mang đi. Công tác gồm có việc treo vào phi cơ, ngụy trang cho địch không thấy, làm những đám mây nhân tạo và sau hết thả bom hay thả dù các thùng đựng vi trùng xuống đất. Thí dụ như trong trường hợp gây ra bệnh

dịch hạch, ta sẽ thả những chiếc lồng đựng chuột bị nhiễm độc xuống. Vừa chạm mặt đất, các chiếc lồng sẽ tự động mở cửa ra.

Chúng ta hãy tiếp tục đọc các bài nghiên cứu của Ủy ban “Ống thu lôi”:

- Nói chung, những đặc công phá hoại sẽ làm việc với một ít dụng cụ tẩm độc. Khi cơ hội thuận tiện và có sự hợp tác của quần chúng địa phương, ta sẽ thực hiện những cuộc đầu độc qui mô hơn. Mục tiêu là những khu phố không được canh phòng cẩn mật hay những nơi dân cư thưa thớt. Trên đất địch, việc sử dụng mầm gây bệnh để phá hoại được dự liệu như sau:

1 – Tán thành bột các bộ phận của thú vật đã bị nhiễm bệnh (quần đinh, bệnh sốt Malte (brucellose), bệnh tularémie,[70] bệnh dịch hạch). Đựng bột nầy vào trong các ống nhỏ, rồi đem vất vào các đường xe điện hầm, các nhà ga, các cầu vệ sinh công cộng. Nếu ban đêm thì có thể vất ngay ngoài đường, trong các hành lang, v. v.

2 – Tất cả những bột vi trùng hay những chất lỏng cấy vi trùng đều được sử dụng như trên. Ta còn có thể dùng các cống Compte gouttes để truyền các mầm bệnh thương hàn, kiết lỵ dịch tả. Ta nhểu dung dịch vi trùng trên các quả nấm để mở cửa, các khăn lau, các gối nằm, các băng xe. Ta có thể nhỏ giọt vào thức ăn thức uống, nhất là vào bia, sữa, bột làm bánh và nước tắm.

3 – Các ống nước, giếng nước trong thành phố hay làng mạc, các cơ xưởng quân sự đều có thể bị đầu độc bằng vi trùng đựng trong mấy chiếc ống hay thùng được ngâm lạnh.

4 – Các con rận đã bị nhiễm bệnh truyền nhiễm (typhus) có thể được thả vào những nơi công cộng như quán nước, rạp chiếu bóng, rạp hát…

5 – Ta có thể trộn phân của các con rận bị truyền nhiễm với thuốc bột hay tro tàn thuốc rồi đem rải ở các cầu vệ sinh, các hí viện, các tửu lầu, các phòng họp, các tiệm hấp tẩy hay giặt ủi.

6 – Ta lấy các mầm truyền nhiễm bệnh ban sốt (do sữa gây ra) trên các phân tử thượng bì, sấy khô đi và trộn với rơm thái nhỏ để đem rải trên các đồng cỏ hay các chuồng súc vật. Các miểng chai, các vụn kim loại cũng có thể dùng để trộn với các thức ăn của súc vật.

7 – Chất lỏng chứa vi khuẩn bệnh cam ngựa cũng có thể dùng trét vào lỗ mũi, miệng mắt của ngựa, lừa. Ta còn có thể trét lên các máng ăn, các thùng nước uống; bôi lên các cây lược và bàn chải dùng trong các chuồng ngựa.

8 – Ta có thể phát không cho quân sĩ những kẹo và thuốc lá đã tẩm vi trùng.

9 – Ta có thể chích chất lạp trường độc tố vào các hộp thức ăn, vào xúc xích, vào thịt hun khói, vào mỡ heo, vào fromage, vào mứt.

10 – Tẩm độc các ống kem và bàn chải đánh răng bằng vi khuẩn bệnh thương hàn.

Chúng ta chưa kể hết các chứng tích về việc tẩm độc vào đường sucre, vật liệu xây cất, quần áo, thuốc hút. Trong các bản báo cáo mà Đồng Minh đã tìm thấy trong nhà của giáo sư Kliewe, ta thường tìm thấy những câu như thế nầy:

- Việc sử dụng[71] một cách qui mô loại vũ khí vi trùng chưa thực hiện được, nhưng việc gây mầm bệnh đang tiến hành khả quan với các vi khuẩn và độc tố. Chúng tôi có nhiều thí dụ về vấn đề nầy.

Chúng ta có thể căn cứ vào những sự kiện trên để kết luận rằng các cuộc thí nghiệm cũng đã được thử ở Pháp, Anh và các xứ miền Đông. Các tòa án y học đã lướt nhanh qua vấn đề tế nhị nầy. Trong chiến tranh, mỗi nước đều đã chuẩn bị một chương trình vũ khí "vi-trùng".[72] Ngay ở Ba lê cũng đã xảy ra một vụ. Câu chuyện xảy ra vào tháng 12 năm 1941. Tám trăm người lính Đức cùng dùng điểm tâm trong một câu lạc bộ. Sau đó tất cả đều bị bệnh thương hàn.

Bệnh dịch đã thực sự xảy ra và cơ quan Quân y đã kết luận "Phá hoại bằng sự cấy vi trùng".

Theo lời khai của giáo sư Mrugowsky ở Nuremberg:

- Ở Posen và Lublin, trong các nhà hàng của Đức, phong trào kháng chiến Ba Lan đã cung cấp cho những người bồi bàn các ống chích đựng chất lỏng chứa vi trùng để trộn vào thức ăn hay rượu bia. Do đó, nhiều sĩ quan Đức bị đầu độc và chết. Câu chuyện bị bại lộ ngay. Trước tòa án, các bị can đều nhìn nhận việc nầy và đều bị kết án xứng đáng. Chính tôi (giáo sư Mrugowsky" đã khám phá được các chai dán nhãn "Dùng để đánh bóng" nhưng thực sự chúng chứa đựng vi trùng bệnh thương hàn và thổ tả.

Nhưng sự bí mật lớn lao nhất trong cuộc chiến tranh đặc biệt nầy chính là vụ “những quả khí cầu của người Nhật”… Mãi đến mười hai năm sau sụ Hiroshima, quân đội Mỹ mới tiết lộ bí mật ấy ra và sau đó cố né tránh không muốn đề cập đến vấn đề “chiến tranh vi trùng”

Năm 1957, tướng Wilbur, cựu Tham mưu trưởng phụ trách Bảo vệ miền Tây Hoa Kỳ, tiết lộ:

Ngày 18 tháng 4 năm 1942, khi cho oanh tạc Tokyo, tướng Doolittle đã làm tổn thương nặng nề lòng tự ái của người Nhật. Để tìm cách trả thù, người Nhật bèn nghĩ ra việc thả các quả cầu bay vượt Thái bình dương để tấn công miền Tây Hoa-Kỳ. Các quả cầu nầy chứa những quả bom lửa và bom nổ mà một bộ máy đặc biệt sẽ điều khiển cho đáp xuống những cánh đồng, những nông trại và những thành phố của Mỹ. Công cuộc chuẩn bị đã kéo dài trong suốt hai năm. Trong sáu tháng, từ tháng mười một năm 1944 đến tháng tư năm 1945, người Nhật đã thả chín ngàn quả khí cầu như vậy.

Đường kính của mỗi quả đo được mười thước và cao độ được dự liệu là mười ngàn đến mười một ngàn năm trăm thước. Mặc dầu người Nhật không điều khiển được những quả cầu nầy sau khi chúng đã bay đi ngay cả bằng radio, nhưng người ta đoán cũng có khoảng một ngàn quả đã bay đến lục địa Mỹ châu. Người ta đã định được các điểm rơi từ Alaska đến Mễ-Tây-Cơ. Trong vùng Tây-Bắc Hoa-Kỳ và miền Tây Gia nã đại, người ta đã tìm thấy gần hai trăm quả khí cầu nầy trong tình trạng hầu như nguyên vẹn. Các mảnh vụn của bảy mươi lăm quả khác đã được nhặt lại từ các địa điểm khác hay được vớt lên ngoài khơi bờ Thái bình dương. Sau hết, theo sự nhận thấy các vụ nổ trên trời, thì có ít nhất cũng một trăm quả đã nổ tung ngay trên không trung.

Ngày nay, người ta gần như có thể chắc chắn rằng một số trong các quả khí cầu ấy đã chở các loại vũ khí vi trùng. Thật vậy, lúc bấy giờ, hằng trăm vị thú y bác sĩ, giám đốc và giáo sư các viện nông học đều được động viên tại chỗ. Các nông dân được lệnh phải thông báo tất cả các chứng bệnh mà gia súc của họ mắc phải.

Người Mỹ thí vẫn giữ bí mật các vụ “oanh tạc” ấy, còn người Nhật chỉ xác định được sự đến nơi của một quả khí cầu mà thôi. Trong số chín ngàn quả chỉ có một quả bay đến đích, chiến dịch “khí cầu” xem

như hoàn toàn thất bại. Thế nên tháng 4 năm 1945, người Nhật cho ngưng ngay kế hoạch tấn công nầy.

Vậy mà, mãi đến mười hai năm sau, sự mô tả các quả cầu nầy vẫn còn gây kinh ngạc cho tất cả các kỹ thuật gia quân đội trên khắp thế giới:

- Túi dằn trong mỗi quả khí cầu là ba mươi bao cát, mỗi bao nặng ba kí-lô. Nếu quả khí cầu vừa xuống dưới cao độ mười ngàn thước, thì một hệ thống đu cân dính liền với một khí áp biểu sẽ bỏ rơi bớt đi một bao cát còn nếu khí cầu lên quá cao độ mười một ngàn năm trăm thước thì có một phần điều khiển tự động khác mở một xú bắp để một số lượng khinh khí (hydrogène) thoát ra.

Tại sao lại có một sự nghiên cứu tinh mật về một cao độ bất biến đến như vậy (nếu chỉ để thả bom thì ở cao độ nào lại không thả bom được!) nếu không phải là để đảm bảo sự thành công của việc rải vi trùng vào đất địch? Vấn đề hãy còn đang được đặt ra.[73]

15
R.17 VÀ THUỐC BỘT CỦA NHỮNG TÊN LANG BĂM

Chiếc mũ kết lù lù xuất hiện trông chẳng khác nào cái đầu của tử thần. Vành mũ bóng lộn che giấu đôi mắt lạnh băng, cay cú. Bộ râu mép tỉa mỏng, đôi môi mím chặt, hai vành tai dính sát vào da. Đó là hình ảnh của bác sĩ Grawitz, một vị tướng lãnh của lực lượng S.S. Ông ta đã từng ngự trị tám năm trường ở trung tâm y tế SS và trong hội Hồng Thập Tự Đức quốc. Tính người cộc cằn, tàn bạo và đa nghi (nên thường tự tay bốc lấy thư tín và, không bao giờ tha thứ cho người nào dám làm điều trái ý và khi tiếp kiến thuộc hạ, không bao giờ cho phép họ mở miệng nói một lời nào).

Vị cựu giáo sư của dưỡng đường y khoa nầy đang chịu đựng một tai nạn khủng khiếp vì: Himmler không ưa ông ta. Ông ta đang tìm cách chinh phục lòng tin của Himmler. Ông ta biết rõ vị nầy không say mê gì hơn việc nghiên cứu y khoa, hay đúng hơn là "ngụy y khoa". Phục vụ cho cái sở thích điên rồ nầy thì dù cho Himmler không ưa ông ta, chắc cũng chấp nhận ông ta vào hàng đệ tử.

Ngày 30 tháng 9 năm 1943, ông ta gởi cho Himmler một phúc trình về một loại pommade dùng để trị những vết phỏng do chất Phosphore gây ra. Nước Đức thường bị oanh tạc nặng nề bằng loại bom lửa. Số thường dân bị thương tăng lên gấp bội khiến cho chánh quyền phải gấp rút nghiên cứu một phương pháp trị bệnh mới, hiệu quả hơn. Dung dịch sulfate đồng thường được dùng trước đây kể như chưa đủ hiệu lực. Viện bào chế của bác sĩ Madaus đã nghiên cứu và sản xuất loại thuốc R.17, khi dùng trị cho thỏ thì thấy rất công hiệu. Thật không có gì dễ dàng hơn nếu muốn thí nghiệm thuốc nầy thì cứ cho hằng ngàn người Đức bị phỏng – cả dân chính lẫn quân nhân – dùng thử. Nhưng Grawitz không thích như vậy, ông ta xin phép được thí nghiệm trong những trại tập trung. Ông ta lý luận:

- Tôi thấy rằng nếu thử dùng pommade nầy để trị cho thường dân bị phỏng vì bom lửa thì mất nhiều thì giờ quá. Vả lại, làm như vậy không hợp với phương pháp thí nghiệm. Vấn đề nầy thật quan trọng, nên việc thí nghiệm trên loài vật chưa đáng tin tưởng lắm. Vì vậy tôi thành kính xin ngài (Himmler) chấp thuận cho tôi được thí

nghiệm trong bệnh viện của trại tập trung Sachsenhausen. Thí vật sẽ là những tù nhân bất lực không làm việc được vì lý do đau yếu.

Trên bức thư thỉnh nguyện nầy, Himmler ghi ngoài lề chữ “thuận”.

Sau rốt, trại Buchenwald được chọn làm thí điểm. Trại nầy do bác sĩ Ding điều khiển. Người tù nhân được bác sĩ Ding chọn làm bí thư là Eugène Kogon đã phác họa ông ta như thế nầy:

Ding là một người có thiên tài. Ông ta hành động rất táo bạo, bất chấp mọi nguyên tắc đạo đức, không kể gì đến những tín ngưỡng tôn giáo hay siêu hình. Theo sự hiểu biết của tôi sở dĩ ông ta gia nhập vào lực lượng SS cũng chỉ vì tham vọng muốn tiến nhanh trên đường sự nghiệp. Kiến thức y khoa của ông ta hơi kém, nhưng ông lại tỏ ra có tài năng thật sự khi giải quyết những vấn đề y học. Nhất là khi ông ta nghĩ rằng sẽ khai thác được vài quyền lợi cho cá nhân mình. Ông ta muốn nổi bật trong giới y khoa, muốn tỏ ra liên quan mật thiết với trường đại học và không ngần ngại dùng mọi phương tiện để phô trương thanh thế của mình. Trong khi làm y sĩ ở trại tập trung, ông ta đã phạm nhiều tội ác khủng khiếp, nhưng bù lại, ông ta cũng đã cải thiện được tình trạng vệ sinh chung ở đây. Đôi khi, ông ta cũng tỏ ra tử tế và hòa nhã đối với tù nhân. Tuy vậy, tôi dám quả quyết rằng ông ta dám hy sinh bất cứ người nào khi địa vị của ông bị đe dọa… Ông ta rất yêu gia đình với một vợ và hai con của ông ta. Ông chăm sóc họ hết lòng, nhưng theo ý tôi, sau khi ngưng chiến ông không ngần ngại gì bỏ rơi gia đình nếu có thể gầy dựng được một cuộc đời mới ở nước ngoài. Tánh tình ông ta thật là đầy mâu thuẫn.

Cũng chính Eugène Kogon sẽ thuật lại cho chúng ta nghe cuộc thí nghiệm với năm tù nhân người Đức:

- Tôi có cảm tưởng rằng sáng kiến nầy so Ding nghĩ ra và ông ta đã được thượng cấp cho phép thực hiện. Bác sĩ Koch của viện Madaus đã phát minh ra thuốc R.17, là loại thuốc mà sau nầy dân chúng hay dùng khi bị oanh tạc bằng bom lửa. Bác sĩ Koch và vị chỉ huy trưởng cảnh sát ở Dresde đã cẩn thận yêu cầu gởi đến trại Buchenwald chất thuốc chứa trong quả bom lân tinh. Một số tù nhân ở khối 46 đã sống sót sau nhiều cuộc thí nghiệm (chẳng hạn thí nghiệm về bệnh đậu lào) nay lại bị dùng để thí nghiệm nữa. Người

ta bôi lên cánh tay họ chất lân tinh lấy từ ruột quả bom lửa… Kết quả là họ bị những vết phỏng trầm trọng.

Ding đã đọc bản tường trình về vụ nầy cho Kogon viết. Sau nầy người ta tìm thấy được, trong đó có ghi:

- Một hợp chất cao su và lân tinh được trét lên da người với một diện tích hai mươi mốt phân vuông và được đốt cháy lên ngay. Sau khi cháy được hai mươi phút, ngọn lửa bị dội tắt bằng nước…

Chúng ta khỏi cần đọc tiếp nữa… Sau đó, dù vết phỏng có được trị bằng thuốc R.17, bằng sulfate đồng, bằng dầu cá thu hay là bằng nước lã đi chăng nữa, thì nạn nhân cũng phải chịu đựng đau đớn cùng cực trong hai tháng trường. Tại sao họ phải làm như thế trong khi có hằng ngàn thường dân và tù nhân đã bị phỏng vì bị oanh tạc bằng bom lửa?

Theo lời của Gebhardt thì:

"Himmler chống đối lại nền y khoa cổ truyền, và thích những gì liên quan đến ngành vạn vật học và sinh hóa học".

Grawitz đề nghị Himmler thử trị liệu bằng phương pháp sinh hóa học và tương đồng liệu pháp (homéopathique) để chữa chứng kết mô viêm (sưng kết mô phlegmon) có một nhà sinh hóa học của SS, tên là Theodor Lauer vừa mới phát minh ra được tính chất thần diệu của chất potassium phosphorium. Người bệnh sưng kết mô thì đầy rẫy trong tất cả các trại tập trung. Thế mà họ không chữa trị thử cho những bệnh nhân nầy, Himmler ra lệnh gây chứng kết mô viêm cho những tội nhân đang mạnh khỏe.

Heinrich Wilhelm Stoer làm y tá ở khối 1 của bệnh viện trại Dachau, nên đã theo dõi cuộc thí nghiệm nầy từ đầu đến cuối:

- Người ta dùng mủ để làm nhiễm độc mười tù nhân Đức. Một số được điều trị bằng thuốc sulfamide hay được mổ vết sưng. Phần đông được trị liệu theo phương pháp sinh hóa học và những người nầy đều chết, chỉ trừ một người.

Kết quả như thế nầy cũng chưa đủ để minh xác ư?

Không! Cần phải thí nghiệm nữa.

- Nhóm người bị đem ra thí nghiệm lần nầy gồm có bốn mục sư đủ các quốc tịch và mấy thầy dòng của những chủng viện. Vị y sĩ

trưởng là Walda đã lựa chọn họ. Họ bị đưa xuống phòng mổ để hai bác sĩ Schuetz và Kieswetter giải phẫu. Tất cả những thí vật nầy đều mạnh khỏe và cường tráng. Thế mà sau khi bị làm cho nhiễm độc bằng mủ, mười hai người đã chết.

Grawitz đến tận nơi để chứng nhận sự thất bại của loại bột nhảm nhí mà nhà sinh hóa học SS đại tài Theodor Lauer[74] đã sáng chế ra.

16
DÙNG ĐẾN BÚA TÀI XỒI ĐỂ CHỈ TRẮC NGHIỆM CHIẾC MŨ ĐÁ BANH

Nào! Hãy ngồi trên các chiếc ghế kia đi.

Đã từ một giờ hơn, các thí vật của khối 46 tại trại Buchwald chỉ đợi chờ có mỗi lệnh ấy. Mệt lả cả người, lại vừa run sợ, họ dán mắt vào các chiếc hộp nhỏ kỳ lạ bằng gỗ để trên bàn, và không hiểu trong ấy chứa đựng những gì? Tất cả bọn họ đều trần trụi và sự ốm gầy của họ được xem như là một đám ma trơi (da bọc xương) còn sống. Tại sao lại là bọn họ? Chiếc máy phóng thanh ở đâu đó vang lên, gọi đám người ấy đến trước cổng trại. Như vậy họ chỉ biết được số phận thật sự của mình vào giờ chót mà thôi. Họ có thể tưởng tượng… nhưng tiếng khua của các dây xích sắt họ về với thực tại.

“Khối” 46 bị cô lập riêng ra và bao quanh bằng các sợi kẽm gai, cửa cái và cửa sổ đều được khóa kỹ. Khu nầy được kiến trúc bằng đá, thật đúng là một “bệnh viện đờ luých” luôn luôn chứa thường trực được khoảng 400 mạng tù, ở đây nhân viên y tá khá đông, bị đặt dưới một kỷ luật thật gắt gao và một sự im hơi gần như câm nín; tuy nhiên về thức ăn thì thật dồi dào và thay đổi món luôn; còn sách đọc giải trí thí có các quyển sách của thư-viện Iéna “được ân cần cho mượn và có thể dặn trước nữa” (theo lời các bác sĩ Waltz, Ciepielowsky và của nhiều tù nhân khác).

Các “thí vật chính thức” do văn phòng chính trị cục tuyển chọn; theo nguyên tắc phải đeo thẻ đính hình tam giác màu xanh dấu hiệu riêng của các tù nhân phạm trọng tội. Nhưng tên Kapo, một số y tá và cả các y sĩ nữa đã tráo sửa danh sách và cho thay vào đó bằng tên các nạn nhân bị chỉ định do bọn người như là các bạn bè của chúng, các người đỡ đần cho chúng, các Kapo khác, hay các phần tử thế lực của ủy ban kín về tù nhân, mách bảo cho chúng. Như vậy, nơi khu vực rộng lớn nhưng bưng bít kia là nơi mà mỗi người phải tranh đấu để tồn tại vì các bè phái đối nghịch tìm đủ mọi cách để loại bỏ các đối thủ của họ. Do đó tất cả mọi người đều có thể bị lâm nguy và biến thành nạn nhân của một cuộc tranh vật.

Tiếng của tên “kapo” Arthur Dietzsch lại vang lên:

- Xiềng bọn chúng lại.

Tức thì các y tá xích bọn tù nhân trong các dây xích, kết chùm bằng các ống khóa móc.

Tưởng cũng nên nói rõ là tên kapo Dietzsch kia đúng là một mẫu người thật ác ôn côn đồ! Hắn ta không bao giờ di chuyển đi đâu mà không có chiếc gậy dài và luôn có vũ khí kèm lựu đạn, hầu sử dụng cấp thời để đàn áp mọi cuộc nổi loạn.

- Tôi (theo lời khai trong cuộc thẩm vấn ngày 26-12-1946 tại Staumuhlen) sinh ở Plauen, ngày 02-10-1901, thuộc quốc tịch Đức. Ngày 1-4-1920, tôi tình nguyện vào quân đội Đức và đến ngày 01-10-1923, được thăng lên cấp bậc thiếu úy. Căn cứ vào đầu óc có ý thiên về xã hội và các tin tức mà tôi trao cho các Nghiệp đoàn Lao Động, về "Chiếc nón Đồng", tôi bị bắt ngày 01-12-1923 và bị kết án 14 năm tù, về tội phản bội. Tôi đã phải chịu đựng bao cực hình qua nhiều nhà tù và nhiều trại tập trung. Vào mùa hè năm 1937, tôi bị đưa đến trại Buchenwald, và ở luôn đây cho đến "ngày giải phóng". Năm 1938, tôi được cử làm thơ ký tại bệnh xá và đến tháng giêng 1942, tôi được chỉ định làm phụ tá cho bác sĩ Ding.

Như vậy có nghĩa là tên đối lập kiên trì của đảng quốc xã đã lại trở thành "công cụ về tội ác" của các kẻ thù đáng tởm nhứt của hắn. Vì thực ra, cuộc thí nghiệm về bệnh đậu lào càng đặt vào đầu hắn "ít khoa học chừng nào, lại càng tốt chừng nấy". Alfred Balachowsky, trưởng phòng thí nghiệm tại viện Pasteur, bị tù đày năm 1943, và "đã được sử dụng" vào việc chế tạo thuốc chủng ngừa bệnh đậu lào của trại đã khéo phác họa một hình ảnh khách quan của tên "gần như y sĩ ác quỉ" ấy:

- Trong đường hướng khoa học của khối 46 được giao cho bác sĩ Ding thì việc thực hiện các cuộc thí nghiệm lại hoàn toàn nằm trong tay tên "Kapo" Arthur Dietzsch. Đến lúc hắn rời khỏi trại, thì hắn có cưới một cô gái giang hồ tại trại Buchenwald về làm vợ. Dietzsch là hiện thân của sự tàn bạo từ tinh thần đến cả thể chất và cũng chính hắn ta đã tự tay giết chết nhiều ngàn tù nhân thuộc nhiều quốc tịch khác nhau.

Vào tháng mười năm 1941, sau chuyến công du tại viện Pasteur ở Ba lê (cũng là cơ sở của Bác sĩ Girode mà tại nơi nầy, Bác sĩ Ding đến nghiên cứu các phương pháp mới về cách chế tạo thuốc chủng ngừa "bệnh sốt phát ban" (typhus exanthémique) phát xuất từ buồng

phổi các con thỏ). Bác sĩ Ding lại lên đường trở về nắm quyền điều khiển khu trại thực nghiệm. Ông ta hỏi có người nào tình nguyện theo giúp ông ta không? Chẳng thấy có một ai động đậy gì cả. Cuối cùng Ding đã phải hỏi thẳng Dietzsch, và hắn ta chịu nhận lãnh phần tiếp tay cho Ding. Với vai trò mới bỗng dưng hắn lại được rất nhiều quyền lợi trong trại nầy. Và nếu như trong thực tế, hắn không có quyền sinh sát đối với các tù nhân, thì ít ra hắn cũng có điều kiện thuận tiện để tuyển lựa bất cứ ai mà hắn muốn chọn, để làm thí vật… Là một kẻ thô lỗ, ngu đần, hung ác, dâm bạo, và say sưa, hắn nhận lãnh như là phần thưởng của công việc hèn hạ của mình, nhiều lợi lộc vật chất khá to tát hơn cả quyền lợi của bọn S.S nữa. Quyền uy của hắn trong trại thật là tuyệt đối và hắn còn lộng hành đến mức còn dám đối đãi bất nhã với các hạ sĩ quan S.S nữa…

Tên “Kapo” nầy tiến lại gần các tù nhân bị xiềng trong chiếc ghế và bảo:

- Thế là xong! Bây giờ hãy ngoan nào! Người ta đã nuôi kỹ các người trong mấy tuần qua, vậy các người hãy tỏ ra biết điều với các con vật nhỏ dễ thương nầy đấy nhé.

Rồi hắn phá lên cười và đưa chiếc hộp đầu tiên cho một y tá, thúc dục:

- Hành động đi nào! Trên chân và trên đùi…

Các chiếc hộp được áp đặt vào bắp chân ở phía bên trong bắp vế và được cột chặt vào bằng sợi dây cao su. Đoạn các y tá mở chiếc nấp bẫy sập và vài con rận chí thương hàn bị bỏ đói, bám nhanh vào da thịt các tù nhân. Bữa ăn của chúng kéo dài trong khoảng 20 phút.

Trong lúc mới khởi đầu các chiến dịch tại Nga, các cơ sở y tế Đức đã phải hết sức kinh ngạc và theo như lời khai của tướng Handloser thì:

“Các cơ sở y tế ấy không đủ thì giờ để thực hiện các công tác trừ rận tại vùng chiến trận. Và tiếp liền sau đó là đã xảy ra việc có hơn 10 ngàn trường hợp mắc phải bệnh dịch (typhus) và đã làm cho khoảng 1.300 người bị chết. Thế mà vào tháng 12-1941, chúng tôi lại bị giới hạn trong việc sản xuất thuốc chủng ngừa, chỉ còn khoảng 35.000 đơn vị mỗi tháng”.

Tình trạng ở độ, thật hết sức bi đát[75] các phúc trình từ mặt trận gởi về, báo cho biết rằng những cơn lốc làm giao động cả ba quân và các binh đoàn không chịu tiến quân nếu họ không được chủng ngừa một cách có hiệu quả. Nhưng làm sao bảo vệ cho toàn thể quân đội được, nên chỉ có các sĩ quan, các y sĩ là được chích thuốc chủng ngừa Weigl (vaccine, weigl), một loại thuốc được các phòng thí nghiệm biết rõ sự công hiệu của nó từ lâu… nếu không thì đã có loại chủng khác ít tốn kém, được khám phá và trắc nghiệm cấp thời rồi. Có nhiều phiên họp của các giới hữu trách y khoa của chế độ Đức quốc xã, các Giám Đốc phòng thí nghiệm cùng với các xưởng sản xuất đã được tổ chức và sau hết là phiên họp cao cấp ngày 29-12-1941 đã quyết định làm cuộc thí nghiệm một loại thuốc chủng ngừa mới:

- Các người tham dự,[76] đều đồng ý cho là cần thiết làm cuộc trắc nghiệm về "tính cách hiệu lực" của chất huyết thanh trị bệnh thương hàn, rút từ lòng đỏ trứng và sức đề kháng của chất nầy. Các thí nghiệm trên thú vật không đủ bảo đảm giá trị, mà cần phải có thêm các thí nghiệm được thực hiện trên con người nữa.

Để rồi các giáo sư và y sĩ ấy có dịp lên án tử ít nhất cũng khoảng 300 tù nhân.

- Dường như là trong lần mới khởi sự, Himmler không có giữ một vai trò điều khiển nào trong việc sắp xếp và việc thành lập "ban nghiên cứu bệnh đậu lào và mầm độc nhiễm" tại trại Buchenwald đã được sát nhập vào Viện Y tế của lực lượng Waffen SS hay nói cách khác hơn, đấy chính là khối 46 nầy vậy. Nhưng ông ta cũng có theo dõi, tán đồng và còn ra lệnh cho viên bí thư của ông ta "thông báo cho nhóm Ahnenerbe được biết về vai trò của mình":

- Người ta có thể bảo rằng Reichsfuhrer SS đã khuyến khích các cuộc thí nghiệm nói trên.

Và chẳng thấy có ai trách móc ông ta, dù chỉ một lần thôi, đã cho công việc tiến hành như vậy.

Thế rồi đến ngày 5 tháng giêng 1942, Ding đã chích cho năm thí vật đầu tiên một phân lượng một phân khối (1cm3) chất thuốc loại mầm Rickettsias-Prouazecki, được sáng chế từ Viện Robert Koch

cho đến khi căn trại được giải phóng, đã có khoảng 1000 tù nhân đã bị thí nghiệm như vậy.

Và theo lời chứng của tù nhân Heinz Rotheigener:

- Tại một phòng của khối 46 có khoảng 100 tù nhân, kể cả tôi, gồm người Tiệp khắc, Ba lan, Do-thái và Đức. Người ta gọi tên chúng tôi bằng máy phóng thanh. Trong mấy ngày trước đó, đã có 60 người khác, cũng được gọi đến đây bằng cách như vậy. Trong khoảng thời gian độ ba tuần lễ, chúng tôi được cho tăng gấp đôi khẩu phần và cuối thời gian nầy chúng tôi đã bị làm lây độc. Sau đó khoảng một tuần thì xảy ra chứng vọp bẻ nhưng nhẹ thôi, kế đến là chúng tôi bị nôn mửa, rồi thêm bị chứng nhức đầu thật dữ dội, chúng tôi ăn uống không còn biết ngon miệng là gì nữa. Sự đau đớn càng trở nên khóc liệt hơn đến nỗi người ta có cảm giác như là cái đầu sắp bị nổ tung ra. Chỉ cần một chút cử động nhẹ thôi cũng đủ làm cho chúng tôi đau đớn không chịu được.

Tiếp theo là lời chứng của tù nhân Victor Holbert:

- Các người bị lây độc đã đau đớn kinh khủng, và bị lên sốt từ 40° đến 41° trong vòng từ 3 đến 4 tuần lễ. Đã có hơn phân nửa số người bị chết đi trong thời kỳ bị nóng sốt ấy. Và những ai còn sống sót, thì cũng bị hốc hác, vàng võ, gầy trơ ra như bộ xương sau khi được trả về trại. Họ lại còn bị biến thành đội tạp dịch với các công tác thật nặng nề rồi lại bị chết đi vì những hình phạt khổ sai ấy.

Và thêm đây nữa là lời chứng của Eugène Kogon, tù nhân thơ ký, của Bác sĩ Ding.

Mỗi người đều rõ khối 46 là một nơi thật khủng khiếp, nhưng ít ai có được một ý niệm chính xác về cái gì xảy ra ở nơi ấy. Tất cả những người có liên hệ đến khu trại ấy, đều bị in trong trí một nỗi kinh hoàng đến chết khiếp đi được. Các thí vật được "lựa chọn" biết rằng họ đang thử liều với cuộc sống.

- Hơn nữa ở nơi trại tập trung nầy, người ta chỉ biết đại khái là tên Kapo Arthur Dietzsch đã áp dụng một kỷ luật sắt tại khối 46. "Thật đúng là nơi thống trị độc đoán của con mèo chín đuôi".

Người nào bị chỉ định về khu trại nầy chỉ còn biết chờ chết thôi, một cái chết mỏi mòn và rất khủng khiếp mà người ta đã không ngừng tưởng tượng ra như là các hành hạ hay sự tước đoạt chút tự

do còn lại sau cùng của con người. Chính trong những điều kiện tâm lý ấy mà các thí vật đã phải chờ đợi… tới phiên mình, nghĩa là ngày cũng như đêm không biết lúc nào, người ta sẽ mang đến cho họ một tai họa nào đó mà họ chưa rõ nhưng hẳn là bi đát lắm như là một hình thức chết nào đó thật hãi hùng! Việc làm cho “lây độc” đã rất mạnh, (quá mạnh như là viên giám định Leo Alexander đã phải nói tại tòa án, người ta đã dùng đến chiếc búa tài xồi chỉ để trắc nghiệm chiếc nón đội của cầu thủ đá banh) đến nỗi bệnh đậu lào luôn phát triển dưới một tình trạng thật nguy kịch. Rồi với tên Kapo Dietzsch lại thường xảy ra thêm những cảnh tượng rất ghê khiếp. Các bệnh nhân luôn e ngại rằng người ta sẽ chích cho họ một mũi thuốc chết người. Sau một khoảng thời gian nào đó, khi chứng lây độc đã ngự trị rồi, thì các triệu chứng thường xuyên của bệnh đậu lào lại xuất hiện và ai cũng hiểu được rằng đấy là một chứng bệnh rất đáng ngại. Nhất là, trong 2 năm sau cùng tại viện nghiên cứu, các triệu chứng mang một tình trạng thật đáng sợ. Có vài trường hợp như là các bệnh nhân mê sảng thác loạn thần kinh, bỏ ăn và tử xuất đã chiếm một bách phân khá lớn. Những người nào còn sống sót được, cũng là nhờ vào cái hình vóc lực lưỡng của cơ thể, sức chịu đựng dẻo dai, hay nhờ có sự hiệu quả của một cuộc chủng đậu, thì lại phải chứng kiến cảnh những người bạn của họ đang phải tranh vật với tử thần. Họ đã phải sống trong bầu không khí thật căng thẳng, khó mà tưởng tượng ra cho được. Các người sống sót nầy lại không biết rồi cái gì sẽ xảy ra thêm nữa cho họ, rồi người ta có còn sử dụng họ vào các mục đích nào khác nữa không.

Hoặc là họ sẽ thật sự không còn sợ chết nữa, chính vì họ đã là những kẻ còn sót lại và đã là các nhân chứng nạn nhân của các cuộc thí nghiệm kia?

Đấy chỉ là phần “ngoại cảnh” và “màu nét”. Còn về công trình khoa học thì sao?

Các cuộc nghiên cứu nầy nhằm vào hiệu lực của các loại thuốc chủng ngừa, có những nguồn phát xuất khác nhau như là: thuốc chủng của dược viện Behring bào chế bằng cách cấy màng noãn hoàng của trứng gà (theo phương pháp Cox, Gildemeister, Haagen); thuốc chủng Durand-Giroud, chế tạo bằng phổi thỏ bởi viện Pasteur ở Ba-lê; thuốc chủng rút từ phổi chó (Bucarest); thuốc chủng lấy từ

gan chuột (Đan Mạch). Có điều rất lạ, đáng để ý là hai loại thuốc chủng sau cùng được giáo sư Rose gởi đến trại Buchenwald. Vị nầy là trưởng phân bộ nghiên cứu về các chứng bệnh thuộc vùng nhiệt đới tại viện nghiên cứu Robert Koch ở Bá linh. Ông là một giáo sư thật can đảm. Trong một buổi hội về ngành quân y, ông đã dám cả gan đứng lên với tất cả sự công phẫn, phản đối các cuộc thí nghiệm trên con người của khối 46, vừa khả quyết rằng các thí nghiệm đó thật là trái với đạo đức và rằng các kết quả thu đạt được cũng như các kết quả đã được tìm thấy qua các cuộc thí nghiệm trên thú vật. Nhưng khoảng một năm sau, giáo sư Rose lại thay đổi ý kiến (có thể là ông cảm thấy mình bị đe dọa chăng!) và cho gởi thuốc chủng của ông đến bác sĩ Ding. Khối 46, lại một lần nữa, thí nghiệm thêm hằng chục loại trị liệu chống lại bịnh sốt phát ban (typhus exanthématique), theo sự yêu cầu của các viện bào chế quân đội, cũng như tư nhân. Eugène Kogon cho rằng:

- Lợi ích khoa học của các cuộc thử nghiệm ấy gần như không có gì cả, hoặc có chăng cũng chỉ là rất ít giá trị, vì cách thức làm lây bệnh rất là phi lý nếu không muốn nói là điên rồ; đáng lý ra thì phải khám phá cái giá trị giới hạn của liều vi trùng làm lây bịnh và phương cách lây độc sát với thực tế nhứt, nghĩa là gần với mức truyền độc bởi các con rận, chí: song tác dụng ấy phải kém hơn, để làm vô hiệu hóa dần dần sự chủng ngừa mà người ta đã làm trước đó hoặc, lâm thời để có một tác động nào đó trên sự chủng ngừa ấy. Nhưng việc làm nầy rất công phu và rất khó khăn đối với các ngài y sĩ nhà ta. Thế nên, trong kỳ đệ nhứt tam cá nguyệt của năm 1943, khi số thuốc được cung cấp từ Viện Robert Koch, bị mất tất cả tính độc nhiễm và khi sự tiêm chủng (bằng chích thịt, chích dưới da hoặc cấy trên da được thực hiện bằng cách rạch cho chảy máu và bôi thuốc vào) không đem lại được một kết quả nào, thì người ta lại thí nghiệm một cách quá y là giản dị bằng cách chích vào mạch máu thí vật hai phân khối máu tươi cũng trích từ thí vật ấy, nhưng lại được tẩm vi trùng thật mạnh. Tất nhiên là kết quả đã vượt ngoài điều mong ước, và trong đa số các trường hợp kết quả thật là thảm khốc. Từ khi phương pháp làm lây bệnh ấy dược áp dụng thì tử suất tăng lên đến hơn năm mươi phần trăm đó là không kể đến trường hợp của những người mà người ta gọi là “chứng nhân” nghĩa là trường hợp của những người không được tiêm ngừa trước, để người ta có

thể theo dõi tiến trình đều đặn của bệnh trạng trong thân thể họ. Đám người nầy bị chết gần hết. Vậy sau đó, người ta bớt dần lượng độc nhiễm xuống còn một phần mười phân khối nhưng lượng ấy không làm mất tác dụng gây chết chóc, vì độ độc nhiễm cao của loại mầm sinh bệnh trên con người đã gia tăng do sự "truyền thụ" chỉ trong một loạt thí nghiệm thôi, người ta có thể nhận thấy hiệu lực thật sự của thuốc chủng chống bệnh sốt phát ban (typhus exanthématique) điều chế ngay lại Buchenwald: với số 20 người đã được chủng ngừa trước, không có người nào bị chết cả, và sự diễn biến của chứng bệnh lại ít nguy hại hơn so với ngay cả các thí vật đã được chủng ngừa bằng thuốc chủng thuộc loại tốt nhứt, thuốc chủng của Weigl (vaccin de weigl) được chế biến bằng ruột của các rận chí trong khi trên tổng số hai mươi "chứng nhân" được truyền độc cùng một lượt thì mười chín người đã bị chết vì sự truyền độc ác hại đó.

Các y sĩ tù nhân được dùng cho công tác sản xuất thuốc chủng, dành cho quân đội Đức, đã phải sống trong cảnh phập phồng lo sợ cho đến ngày trại được giải phóng, bởi vì các sản phẩm được họ chế tạo ra không có tính cách kháng nhiễm chống lại bệnh đậu lào:

- Ding trong buổi họp toàn thể lần đầu tiên có lưu ý với chúng tôi rằng nếu có một vài hành động phá hoại xẩy ra thì tất cả chúng tôi sẽ bị bắn bỏ… nhưng chúng tôi đã quyết định với các nhà vi trùng học và ông giám đốc sản xuất Marian Ciepielowsky, chế ra các thuốc chủng nhẹ, không có tính cách đối kháng… Bác sĩ Ding đòi chúng tôi sản xuất thật nhiều lượng thuốc chủng. Chúng tôi chế ra hai loại: một loại với số lượng thật lớn, hoàn toàn vô hiệu được đưa ra mặt trận, còn loại thứ hai chỉ số lượng ít thôi, nhưng rất hiệu quả và được dùng trong những trường hợp đặc biệt, như là dành cho chúng tôi hay các bạn chúng tôi làm việc trong những nơi nguy hiểm của trại. Ding chưa bao giờ hay biết về các cuộc sắp xếp nầy của chúng tôi. Vì ông ta không đủ kiến thức thật sự về vi trùng học nên ông ta không thể nào biết được sự bí mật của việc sản xuất. Ông hoàn toàn nghe theo các báo cáo mà các chuyên viên (toàn là bọn tù nhân chúng tôi) phúc trình cho ông. Khi ông ta thấy có được chừng ba mươi hoặc bốn mươi lít thuốc chủng để gởi về Bá linh là đủ để cho ông quay sướng lắm rồi. Song le chúng tôi vẫn còn e ngại một điều là khi thuốc dùng tiêm ngừa cho các đoàn quân SS đang

chiến đấu tại Nga, bọn họ bị ngã bệnh và chết đi vì tính chất vô hiệu của các thuốc chủng được chúng tôi chế ra. Như vậy điều bí mật có thể bị phá và các chuyên viên ở bên ngoài – quân SS có những chuyên viên ấy – có thể điều tra và phát giác được sự thật của thuốc chủng vừa được sản xuất và cho sử đụng ở đấy. May là các điều nghĩ lo như vậy đã không xảy ra và việc làm mạo hiểm của chúng tôi, cứ được tiếp tục cho đến tháng ba năm 1944.

Khi Mrugowsky biết được sự phá hoại nầy tại phòng xử của tòa án Nuremberg, ông ta nói với vị Chánh thẩm:

- Điều nầy tiêu biểu cho một thái độ không phù hợp chút nào với các quan niệm về tình nhân loại đã được quí ngài nhân chứng nầy phát biểu hôm nay.

- Hãy nhìn kìa Kogon, anh sẽ tìm ra được điều mà anh phải giải đáp. Đấy là mấy góa phụ đang muốn tìm một sự an ủi…

Bác sĩ Ding càng ngày càng tỏ ra tín nhiệm Kogon hơn, người tù nhân được ông ta chọn làm bí thư. Với sự cộng tác của các tội phạm khác, Kogon đã thảo các bản tin về y học cho ngài y sĩ, và thảo luôn cả các bức thư tình cho ông ta nữa. Là con người dễ bị giao động, được đánh dấu qua sự thiếu thốn tình thương của buổi thiếu thời, mà ông đã phải chịu làm thân một đứa con hoang, thiếu hẳn sự yêu chìu, ông ta lấy tên của người cha nuôi và lại phải bỏ cái tên nầy chỉ vài tuần trước, khi căn trại được giải phóng, vì ông hiểu rằng phe Đồng Minh sẽ truy được ra ông và xem như là một tội phạm chiến tranh. Thế nên ông đã đổi tên thành bác sĩ Schuler ngay vào giờ phút ấy.

Năm 1936, với tuổi 24, ông có ý định vào quân dội, nhưng chuyện lại không thành vì ông là đứa con vô thừa nhận. Nhưng bên lực lượng SS, họ lại chịu thu nhận ông ta và ông được phục vu tại cơ quan y tế của đơn vị “Đầu lâu của Tử thần”. Và chuyện tiếp theo như chúng ta đã biết.

Trong những ngày cuối cùng tại trại Buchenwald, không những ông ta thay tên mà còn đổi cả thái độ nữa. Ông còn bị viên bí thư thuyết phục làm ngơ cho một vài công tác cấp cứu do Ủy ban bí mật tại trại phát động. Khu trại được giấu các người đã bị lên án tử khá khỏe mạnh ẩn giữa các con bệnh truyền nhiễm, được Ding Schuler

đặt tên là: “Ultimum Refigium Judoerum” (nơi trú cuối cùng của người Do-thái). Y sĩ nhà ta cảm thấy vận cùng sắp đến nơi, nên đã cùng tên ác ôn Diezsch cho đốt tất cả các tài liệu nào thấy có phương hại đến họ. Nhưng Kogon lại giấu trong tờ giấy bồi, quyển nhật ký, ghi sự diễn tiến của các thí nghiệm:

- Ngày hôm sau, tôi nói với Ding rằng, quyển nhật ký chưa bị đốt. Ông ta tỏ ra rất kinh ngạc và hỏi tôi có nghĩa rằng quyển nhật ký đó sẽ có thể cấu thành một vũ khí nguy hại cho ông không. Tôi trả lời với ông rằng nếu như ông có thể chứng tỏ được trước tòa là chính ông đã cứu quyển sổ nhật ký ấy khỏi bị cháy thì chính hành động ấy sẽ chứng minh được một cách hùng hồn, cái ý hướng lương thiện của ông ta. Và sau khi nghe tôi phân trần như vậy, ông ta cảm thấy có vẻ hữu lý và chấp nhận giữ quyển sổ lại.

Đến khi bị Đồng Minh bắt giữ, Ding đã cân phân và thấy rõ mối nguy hại của một bản án có thể dành cho ông ta. Nên ngày 25-6-1945, tại khám đường Freising, ông ta đã tự tử… Nhưng ngày hôm sau, ông thấy mình tỉnh dậy, trên một chiếc giường của bệnh viện. Ông mô tả mối toan tính khá bi thương của mình như sau:

- Vào lúc 2 giờ sáng, tôi đã toan tự tử vì những việc làm trong những năm về trước và cũng vì hoàn cảnh của tôi không còn chịu đựng nổi nữa. Thần kinh tôi luôn luôn căng thẳng và căng thẳng cùng độ. Theo các tin tức mới nhứt thì các thành phố Leipzig và Weimar, nơi mà tôi đinh ninh là sẽ gặp lại thân nhân, đã bị lọt vào tay của quân Nga. Tôi hết còn hy vọng được gặp lại gia đình. Mọi biến chuyển đã xảy ra quá đột ngột trong tình cảnh của tôi, khiến tôi đã phải tin rằng mình sẽ bị ghi tên vào danh sách các bị cáo của vụ kiện Buchenwald và không thể còn định được gì cho tương lai mình ít nữa cũng trong rất nhiều năm. Vợ tôi ở lại một mình với hai đứa con không nơi nương tựa, sau khi tất cả các sản nghiệp của tôi bị mất đi. Tháng năm vừa rồi vợ tôi hẳn đã lại sanh đứa con thứ ba, nhưng tôi không được biết gì cả về tình trạng gia đình tôi… Ngoài lưỡi lam cạo râu tôi còn dùng thêm năm viên morphine, năm viên codéine và mười một viên A. P. C của Mỹ chế tạo. Nhưng lưỡi dao nầy không đủ bén để tôi cắt được các dây gân nằm trên mạch máu. Với một đường rạch song song cũng khá sâu, tôi cố thử cắt mạch máu bằng chiếc kéo nhỏ, nhưng tôi bị quấy rầy bởi các người đi tìm

phòng. Tôi nằm lại và quấn chiếc khăn quanh tay… Nhưng tôi lại bị ngất đi… để rồi khi tỉnh dậy thấy mình được băng bó và nằm trên một chiếc giường khác.

Nhưng hai tháng sau đó, y sĩ đại úy Ding Schuler đã được toại nguyện trong ý muốn tự tử của ông ta.

Bác sĩ Wlademar Hoven là người hỗ trợ của Ding tại khối 46. Khi nào Ding đi vắng một hoặc hai tuần, thì được anh chàng bác sĩ có số đào hoa "Bellegueule" thay thế. Hoven thật đáng được ban tặng cho cái mỹ danh ấy vì anh ta có rất nhiều người đàn bà đã phải quì-lụy dưới chân y, hay lấy làm hãnh diện được nằm gọn trong vòng tay của anh chàng. Anh ta đúng là một mẫu Rudolphe Valentino (tên một tài tử chiếu bóng người Ý nổi danh nhờ nét vẻ đẹp trai) với bàn chân nhỏ nhắn, dáng chải chuốt khá hấp dẫn và rất ư là "play-girl", lại còn thêm các chiếc răng trắng bóng thật khiêu khích, đã làm cho rất nhiều mệnh phụ giàu sang và có tuổi chết mê, chết mệt vì anh ta, trong những lần xuất hiện, trước ống kính. Thật đúng là một "loại gà mái trai lơ", anh ta sưu tầm các loại trang sức đàn ông như các chiếc bật lửa, chiếc hộp đựng thuốc điếu bằng vàng nạm kim cương…

Anh chàng "Bellegueule" nầy lại hay đua đòi, chạy theo các trò lố lăng tại Balê. Có những kẻ xấu miệng quả quyết rằng, vào thời ấy, anh ta chỉ chú trọng đến những người thừa kế giàu sang… nhưng thôi hãy đề cập qua chuyện khác. Chúng ta gặp lại anh chàng vào lúc anh ký giấy đầu quân vào lực lượng SS. Tuy nhiên anh chàng đĩ đực núp váy đàn bà ấy cũng tự học và đậu được cấp bằng tú tài năm ba mươi hai tuổi với "nhiều sự giúp đỡ và dễ dãi", để bắt trớn qua ngành y khoa và tiến bước thật nhanh, chỉ mới có 2 năm sau ngày thi cuối học trình mà đã được làm phụ tá cho vị y sĩ trưởng của tất cả các trại tập trung. Ở những nơi nầy các tù nhân lại phải làm việc thay cho anh ta: có 2 tù nhân tên là Sitte và Wegerer đã làm cho anh ta một luận án tiến sĩ thật hay về đề tài nói về cách điều trị bệnh lao phổi gây nên bởi bụi than. Rồi "Bellegueule" nhà ta cứ việc học thuộc lòng bản văn ấy và được chấm đỗ với lời khen của hội đồng giám khảo tại Đại học Fribourg ở Brisgau. Hẳn chúng ta còn nhớ câu chuyện về bà trưởng trại Buchenwald đã không thể cầm lòng nổi trước "sức hấp dẫn cực kỳ" của anh chàng và để đáp lại,

Hoven đã không ngớt ca ngợi việc sưu tập các hình xâm in trên da người của bà ta. Ông chồng bà ta biết rõ mọi sự thân mật giữa hai người, nhưng để trừng phạt tên y sĩ lường gạt ái tình nầy ông lại đành mời anh chàng gia nhập vào “hội vơ vét” của ông ta: gian lận và ăn cắp vàng, bạc giấy, nữ trang, rượu thuốc, đồ hộp… Nhưng các hành động của hội nầy quá lộ liễu nên đã khiến cho cả bọn bị “Ban Thanh tra SS” của các trại giam bắt giữ. Ông trưởng trại và anh bạn quý của gia đình ông, rất lấy làm xấu hổ vì phải nằm chung trong một xà lim. “Bellegueule” giờ biến thành, như một “trái táo héo” Thật là khác xa với cái thời lộng lạc về nét dáng và tài y học của thuở nào. Các văn bằng của anh ta chỉ còn dùng để thanh toán các bệnh nhân trong các dãy phòng bệnh viện mà người ta muốn thu hồi các chiếc giường. Sau mỗi công tác, khi anh ta vừa thanh toán xong mươi hoặc hai mươi tù nhân bằng các mũi chích “sodium đó d’Évipan” anh ta thờ ơ cho tay rút ra một điếu thuốc miệng vừa huýt sáo càn; “Rồi lại thêm một ngày đẹp trời đã trôi qua”.

Mengele, ông ta ít ra cũng thuộc được nguyên một bản *La Tosca*.

Các bằng chứng phạm tội chất chồng lên bọn họ. Có đến hơn 10.000 trang cáo trạng. Và ông trưởng trại Koch đã bị xử bắn, nhưng Hoven… lại được phóng thích một tuần trước khi căn trại được giải phóng, ông dự thẩm tòa án Đức chỉ giữ lại cái tội “ngu ngốc” của anh ta, nhưng còn kết luận thêm:

- Theo kiến thức và khả năng của anh ta thì thật khó mà mang được cái danh vị y sĩ.

Và “Bellegueule” biến mất vào vùng đồng quê… Nhưng hai ngày sau đó lại bước qua lại chiếc cổng rào kẽm gai với hai chú lính Mỹ luôn miệng nhai kẹo cao su áp tải hai bên.

Trước các vị thẩm phán của tòa án Nuremberg anh ta tìm lại được sự vững tin. Anh ta đã tin tưởng rằng hai mươi tháng tù mà Ban Thanh tra SS đã buộc anh ta phải chịu trước khi được tha bổng, hẳn đủ để minh oan cho anh ta dưới mắt của phe Đồng Minh. Anh ta tự cho mình như là người phá hoại số một các cuộc thí nghiệm của Ding về bệnh đậu lào.

- Một ngày nọ, có những tù nhân đến nói với tôi rằng có một chuyến tải rận gây bệnh thương hàn vừa đến nơi! Ding hôm ấy vắng

mặt, tôi đến ngay khối 46, thấy có khoảng năm mươi chiếc hộp, trong mỗi chiếc đựng khoảng 600 con rận. Tôi cho bít các hộp ấy lại bằng chất sáp và với sự tiếp giúp của Dietzsch, liệng các chiếc hộp ấy vào lò lửa. Tôi làm bản phúc trình nói rằng “với tư cách là y sĩ của trại, tôi không chịu trách nhiệm về một loại bệnh truyền nhiễm có thể xảy ra”. Lần thứ hai một sĩ quan mặc quân phục bộ binh lại mang rận đến nữa. Số rận ấy do một Viện ở Lemberg cung cấp. Khi tôi đến nơi thì các chiếc hộp đã được cột chặt vào bắp vế các tù nhân. Số rận nầy liền bị hủy diệt và theo tôi được biết, thì không có một thí vật nào bị truyền nhiễm bệnh đậu lào cả.

Ông chánh thẩm hỏi:

- Nhưng anh là người thay thế của Ding mà?

- Đúng vậy, nhưng tôi không được giao cho một trách nhiệm nào cả. Khi nào Ding vắng mặt, thì các cuộc thí nghiệm cũng ngưng theo.

Lời biện hộ của anh ta về các cuộc “thực hiện y khoa” lại càng kỳ lạ hơn nữa.

- Tại trại, có một số đông tù nhân ganh tị với địa vị chiếm giữ của một số tù nhân khác. Thật vậy, vài tên tù “chính trị” có được những địa vị then chốt và sống thoải mái hơn các tù nhân khác, nên nhiều người trong bọn nầy cố tìm cách làm giảm hạ uy tín của bọn tù được biệt đãi kia. Khi vấn đề bị phát giác, các tên tù “thế lực” liền cho xử tử bọn họ ngay. Tôi luôn được thông báo về các việc ấy, hầu cung ứng cho các chứng nghiệm y khoa về cái chết và chỉ việc ghi rằng họ bị chết thông thường.

Có vài trường hợp, chính tôi đã giết chết họ bằng các mũi thuốc tiêm chất phénol nhưng là do theo lời yêu cầu của các người đồng tù của họ. Có một lần, bác sĩ Ding có mặt tại nhà thương và bảo rằng tôi không khéo tay, và chính tay ông ta, chích lấy mấy mũi. Ba tù nhân đã bị chết trong ngày ấy trong khoảng thời gian không đầy một phút. Tổng số các loạt bị giết lên đến khoảng 150 người…

Tại trại Buchenwald, như quí vị đã biết “bà Trưởng” trại đã sưu tập các mảnh da người có xâm hình và một vài y sĩ đã sưu khảo các “chiếc đầu được làm cho teo nhỏ.”

Joseph Ackermann, một tù nhân, khả quyết:

- Một hôm nọ, Bác sĩ Hoven đứng gần bên tôi nơi cửa sổ phòng khám nghiệm tử thi. Ông ta có chỉ cho tôi một người tù đang làm tạp dịch trong sân, rồi bảo: "Tôi muốn có chiếc sọ của tên đó nằm trên bàn việc của tôi từ bây giờ cho đến sáng ngày mai". Người tù đã được lệnh trình diện tại phòng y tế. Người ta ghi số hiệu của hắn để rồi chiếc xác được mang đến phòng giải phẫu ngay trong ngày hôm ấy. Cuộc khám nghiệm tử thi sau khi chết, cho thấy rằng người tù kia bị giết do một mũi thuốc tiêm. Chiếc sọ được chế luyện và mang đến cho bác sĩ Hoven.

Trước lời cáo buộc nầy, y sĩ nhà ta đỏ mặt tía tai và lắp bắp trả lời:

- Đấy là một sự láo khoét to tát nhất mà tôi mới được nghe trong đời, vì chưa bao giờ tôi quan tâm đến việc giải phẫu tử thi cũng như về các chiếc sọ người.

Wlademar Hoven bị tuyên án tử hình và bị hành quyết trong sân của khám đường Landsberg. Anh ta hít hơi thật dài lần cuối cùng, rồi nhắm mắt lại, cúi đầu xuống thì thầm.

- Hoven khốn khổ của tôi…

Riêng giáo sư Haagen, lại được may mắn hơn Ding và Hoven. Giờ chúng ta hãy xét đến vai trò của ông ta trong các cuộc thí nghiệm khác về bệnh đậu lào đã được thực hiện tại trại Natzweiler; ông bị tòa quân sự tại Metz kết án khổ sai chung thân. Các quan tòa tại Lyon lại biến khổ hình nầy, vào thời kỳ đó đã được xem như là một khoan hồng, thành hai mươi năm tù ở. Trong khoảng thời gian ấy, Haagen lại được cưới vợ trong tù và còn tuyên bố với người nào thích nghe ông ta nói:

- Nếu không có tụi Pháp ấy nhốt giữ tôi, chắc chắn là tôi đã đoạt giải Nobel rồi.

Thành thật mà nói trong lãnh vực khoa học, Haagen đã biểu thị được một "giá trị đảm bảo" nếu đem ông ta so với đám y sĩ "vô loại" khác, đã thí nghiệm tại Buchenwald.

- Tôi tên Eugen Haagen. (lý lịch do người Mỹ lấy được ngày 17-1-1947) sanh ngày 17-6-1898 tại Bá linh. Là bác sĩ y khoa từ năm 1924. Tôi được cử làm bác sĩ phụ tá cho bệnh viện Từ thiện. Năm 1926, tôi trở thành phụ tá khoa học tại Sở Vi khuẩn học thuộc Bộ Y

tế tại Bá linh. Chính nơi nầy tôi đã sáng lập ban nghiên cứu các mầm độc nhiễm và khảo sát về các loại nhọt, bướu, ung thư. Năm 1928, tôi được suy cử làm phụ tá cho Viện Rockefeller Nữu ước trong thời gian một năm. Năm 1929, tôi ở lại Bá-linh và năm 1930, tôi được đề cử làm hội viên của Viện Rockefeller tại Nữu ước với nhiệm vụ nghiên cứu về bệnh đậu lào tại phòng thí nghiệm của Viện nầy. Tôi đã thành công trong việc nuôi giữ mầm của loại bệnh bệnh sốt rét vàng da (hoàng nhiệt) và thực hiện các cuộc cấy trùng nhân tạo cho thuần loại ấy, điều giúp sáng chế ra được loại thuốc chủng ngừa chống lại bệnh hoàng nhiệt, mà hiện nay đang được sử dụng trên khắp hoàn cầu. Sau ba năm gián đoạn công tác tại Bá linh, nơi tôi đã từng điều khiển ban nghiên cứu về các loại vi trùng và các loại bướu.

Rồi vì lý do có sự sáp nhập xứ Phổ vào nước Đức, ban vi trùng học bị giải tán và tôi được chuyển sang qua Viện Robert Koch. Tại đây tôi được bổ làm trưởng nhiệm sở và làm giáo sư từ ngày 1 tháng ba 1936. Đến ngày 1 tháng mười 1941, tôi được đề cử làm giáo sư về vi khuẩn học và về khoa vệ sinh tại Đại học đường Strasbourg, đồng thời là giám đốc Viện vệ sinh, Tôi đã ở lại đấy cho đến ngày thành phố Strasbourg bị mất.

Vậy thì chúng ta thấy rõ rằng các “công việc trong quá khứ”, của giáo sư Haagen rất đáng được ca ngợi. Các nhân viên tình báo của các nước thuộc phe chiến thắng đã lăn mình vào các cuộc “săn tìm những bộ óc” còn được tự do, ngay sau ngày chiến thắng.

Họ còn thực hiện một cách âm thầm các cuộc bắt cốc nữa. Trên danh sách các bộ óc được săn đuổi của bọn người nầy, có cả tên của giáo sư Haagen.

- Chính tại Saafed trên sông Saale thuộc vùng Thuringe nơi mà tôi đã chuyển đến một phần của viện tôi, tôi đã bị người Mỹ bắt giữ vào tháng tư 1945. Đến tháng 6 tôi được trả tự do. Và tiếp theo đó tôi được nhà chức trách quân sự Nga mời điều khiển một viện nghiên cứu vừa mới được thành lập để khảo sát về các loại vi khuẩn và các loại bướu. Tôi đã chấp nhận và hoạt động tại Viện nầy ở Bá-linh cho đến ngày 16 tháng mười một 1946. Ngày hôm ấy, nhân một chuyến đi thăm viếng ở vùng Zehlendorf trong khu vực người Mỹ kiểm soát, bất ngờ tôi bị một quân cảnh Anh bắt giữ, dù không có giấy trát đòi,

cũng không có giấy tờ gì nốt. Tôi đã bị cưỡng bách đưa đến nhốt tại trại giam Minden của người Anh, hết hai tháng rưỡi. Thật rõ đây là một trường hợp bắt cóc. Đến tháng giêng 1947 tôi được giao cho nhà cầm quyền Pháp và được dẫn trở lại Strasbourg.

Tất nhiên là chúng ta sẽ không bao giờ biết hết được bề trái của cuộc chiến nầy khi mà người Anh, người Nga và nhất là Mỹ là lăn mình vào các cuộc tranh chiếm cho được các nhà bác học của cựu chế độ Quốc Xã.[77] Chỉ có người Pháp là tỉnh cơn mê thật trễ tràng. Thí dụ như các nhà bác học nguyên tử của Hitler đã gom giấu các loại pile nguyên tử và tài liệu của họ vào trong một căn hầm nằm dưới một nhà thờ. Quân đội Pháp đã đến đây, nhìn qua rồi lại bỏ đi. Hai ngày sau, các người Mỹ đã biết rõ loại "bom A" sẽ có thể được hoàn thành trong vòng tám tháng", lo lục lạo và thu nhặt vừa vật liệu lẫn nhân viên canh giữ. Nhà bác học Pháp, Joliot Curie chỉ còn tìm thấy được tại chỗ vài mảnh vụn than luyện (coke).

- Than nầy dùng để làm pile chăng?

- Không phải, dùng để sưởi ấm.

Vân vân và vân vân. Cuối cùng, người Pháp được Anh giao nạp Haagen. Điều nầy thật dễ hiểu, vì lẽ ông ta đã hành sự trên lãnh thổ Quốc gia họ trong thời chiến.

Các bằng chứng phạm tội chất chồng. Trước hết là các bức thư lạ lùng được khám phá thấy tại Strasbourg. Haagen vừa tiếp nhận một chuyến công voa tù nhân từ trại Auschwitz gởi đến:

"Ngày 13 tháng mười hai, người ta khởi thực hiện một cuộc thanh sát các tù nhân với mục đích là xác định năng lực của bọn họ trong việc thí nghiệm chủng ngừa bệnh dịch truyền nhiễm. Trong số 100 người được chọn lựa, có 18 người đã bị chết trong lúc di chuyển, chỉ có độ 12 người là khả dĩ sử dụng được cho các cuộc thí nghiệm, miễn là làm thế nào cho họ có thể hồi phục lại sức khỏe trong trạng thái bình thường. Việc nầy sẽ đòi hỏi một thời gian khoảng từ hai đến ba tháng. Riêng các người còn lại đã ở trong một tình trạng đến nỗi không thể nào sử dụng được trong các mục tiêu nói trên. Các thí nghiệm cốt dùng để trắc nghiệm một loại thuốc chủng mới, nên chỉ có thể mang lại những kết quả tốt đẹp khi được thí nghiệm với các thí vật được nuôi nấng bình thường mà sức mạnh thể chất của họ phải tương đương với sức lực của hàng quân sĩ. Thế nên, tôi yêu

cầu gởi đến cho tôi 100 tù nhân tuổi từ 20 đến 40 thật khoẻ mạnh và có thể chất thế nào để cung cấp được một “thí liệu” như đã sánh trên.”

Bức thư thật xúc tích về các điều kiện thể chất của tù nhân trại Auschwitz và sự diễn tiến của cuộc chuyên chở bọn họ. Có điều là Haagen đòi hỏi những con người “rắn chắc”. Nếu ông muốn có những người “tù bình thường” thì ông chỉ việc chọn lấy họ ngay tại trại Natzweiler. Y tá tù nhân Hendrick Nales gặp được Haagen trong cuộc thăm viếng đầu tiên của ông ta nơi “trạm Ahnenerbe” tại trại Natzweiler-Struthof:

Đó là vào cuối năm 1943. Một thời gian ngắn sau khi một đoàn tù nhân của trại Birkenau gần bên trại Auschwitz, được chở đến để dùng cho các cuộc thí nghiệm về bệnh đậu lào. Haagen kiểm xét họ và cho họ rọi kiếng bằng quang tuyến X. Ông nhận thấy rằng bọn tù ấy không thể dùng làm thí nghiệm được. Ông muốn phản kháng với Bá linh và đòi được cung cấp các tù nhân mạnh khoẻ hơn… Những người sống sót đã tham dự vào một chuyến Himmelfahrtstransport…

Himmelfahrtstransport có nghĩa là “thăng thiên” là một mỹ từ thường được dùng trong trại tập trung để chỉ chiếc lò thiêu xác.

Hendrick Nales khai tiếp:

- Có khoảng 90 tù nhân mới nữa được chở đến nơi, Bọn họ được chẩn khám và xác nhận thấy xứng hợp. Giáo sư Haagen liền chia bọn họ ra làm hai toán. Các người thuộc toán 1 được nhân một sự chủng ngừa bệnh đậu lào trước. Toán 2 không được chích ngừa gì cả. Tôi nghĩ rằng, khoảng 10 đến 14 ngày sau đó, tất cả các thí vật đều bị nhiễm độc theo lối nhân tạo về bệnh đậu lào. Tôi không biết phải khai thế nào cho rõ, vì tôi không phải là y sĩ nhưng tôi đã có mặt tại đó khi sự việc xảy ra. Và kết quả là ba mươi người đã bị chết. Tôi có bằng chứng về vụ nầy, vì tôi giữ các tấm thẻ của các người chết ở Natzweiler.

Cô nữ trợ tá và cô thơ ký của Haagen có phàn nàn với Bác sĩ Graefe, phụ tá của Haagen như sau,

- Những thí nghiệm trên con người là một trọng tội!

- Các người hãy im đi. Đấy là bọn Ba lan chớ đâu phải con người.

Georges Hirtz, tiến sĩ vạn vật học, kiêm dược sư ngày 20-5-1943, thật đã có tham dự tất cả công việc thí nghiệm đầu tiên của vị giáo sư.

- Khoảng 20 tháng năm 1943, một toán từ 20 đến 23 tù nhân Ba lan lại được đưa đến nữa. Họ bị nhốt trong một căn trại mà họ phải tẩy sạch bằng một dung dịch chất lysol (một loại thuốc sát trùng).

Nhiều ngày đã trôi qua. Haagen đến và cho chủng ngừa các nhân viên y tế, trại trưởng và viên phụ tá của ông ta với các ống thuốc thường dùng của viện Robert Koch, đoạn:

- Các người tù Ba lan bị các y sĩ cho tiêm vào lồng ngực một mũi chất lỏng màu xám vàng. Họ không được khám nghiệm và tất cả các mũi chích đều được dùng với chỉ mỗi một cây kim không được khử trùng, từ người nầy đến người khác. Các người Ba lan được dẫn về trại, Chỉ duy nhất có mình tôi có thể vào trong ấy được thôi để mang thức ăn và lấy nhiệt độ cho họ.

Câu hỏi của tòa: Chất lỏng màu vàng xám kia có phải là một thứ vi trùng nhiễm độc của bệnh đậu lào hay là một loại thuốc chủng ngừa?

- Tôi không thề nói rõ được điều nầy. Nhưng có hai sự việc chứng tỏ được rằng chất lỏng ấy rất độc hại: các người nào có bổn phận chăm sóc bọn họ đều được chích ngừa, thêm nữa là các người Ba lan vừa đến nơi đã phải tẩy độc khu trại bằng dung dịch “lysol”, cốt để giết các thứ ruồi, rận, chí, rệp… Tôi phải lấy nhiệt độ cho họ 3 lần mỗi ngày. Sau thời gian khoảng từ 36 đến 48 giờ, nhiệt độ bắt đầu lên đến 40 độ và có khi còn cao hơn thế nữa. Bước qua ngày thứ hai và ba thì tôi thấy có hai xác chết trên giường ngủ của họ. Việc lên cơn sốt kéo dài khoảng từ 6 đến 8 ngày và đến cuối thời khoảng nầy thì họ có những biến chứng, có vẻ bị lung lạc và sợ sệt; và nhiều triệu chứng khác nữa được phát hiện. Đến lúc đó, tôi không còn có thể theo dõi diễn biến của công cuộc thí nghiệm được nữa vì tôi bị đưa qua đội trừng giới. – Câu hỏi: Anh có thấy xác chết của hai người Ba lan à?

- Trả lời: Chính tôi đã đích thân đặt mấy cái xác ấy vào trong các túi bằng giấy và chúng bị đốt trong lò thiêu ở Natzweiler.

Vậy đấy là các chứng từ chính yếu của bản cáo trạng tố giáo sư Eugen Haagen. Rồi ông ta sẽ tự biện giải bằng cách sao đây?

Chuyện thật là giản dị: bằng lối phủ nhận các sự thật hiển nhiên.

- Các cuộc thí nghiệm ư?

- Thí nghiệm nào? Đấy chỉ là các cuộc chích ngừa, bởi vì trại Shirmeck và Natzweiler đang bị đe dọa về sự truyền nhiễm của bệnh đậu lào.

- Tốt! Hãy thú nhận rằng đấy là một điều nghịch lý đi vì cho chủng ngừa 20 người để đương đầu với một bệnh dịch chăng?

- Vì tôi có rất ít thuốc chủng!

- Tốt! Bệnh truyền nhiễm đã phát khởi rồi, còn ông thì lại biến đi đâu lúc ấy? Có vô lý không chứ?

- Lúc ấy, tôi có những buộc ràng quân sự phải lo tròn.

- Tốt! còn các chuyến công voa phát xuất từ trại Auschwitz thì sao?

- Tôi không có đòi hỏi gì cả.

- Tốt! và những người đã chết thì sao?

- Người chết nào? Không bao giờ có người chết.

- Tốt! ông có nghĩ đến việc xin phép Himmler chủng ngừa cho trại là cần thiết không?

- Giáo sư Hirt không muốn có những người ở ngoài lực lượng SS vào trại.

- Tốt! còn về trạm nghiên cứu Ahnenerbe thì sao?

- Tôi không bao giờ ngước đầu lên để xem coi có cái gì đặc biệt nằm bên trên chiếc cửa chính.

- Tốt! cô Edith Schmitt, nhân viên phụ tá của ông đã khai rằng ông đã chích ngừa cho 150 người ở trại Natzweiler và có 50 người của toán kiểm soát đã bị chết?

- Cô ta nhớ lầm rồi, cô đã lầm với thời kỳ đang có dịch truyền nhiễm.

- Tốt! nhân chứng Tiến sĩ Hirtz có nói về hai người chết mà chính ông ấy đã cho bọc vào các chiếc túi giấy và chúng tôi đã tìm thấy gì trong sổ kiểm soát của cô nữ trợ tá kỹ thuật ngày 6 tháng bảy, thời

kỳ mà nhân chứng đề cập đến? Chúng tôi tìm thấy câu nầy “hai tên kia không còn ở đấy nữa”? Vậy là sao?

- Sao là sao! Tôi không biết gì cả.

- Điều đó có nghĩa là các tù nhân đã bị đưa đi. Không có người chết nào cả.

- Tốt! nhưng mà bác sĩ nầy! Ông không thể phủ nhận sự có mặt trong trại của các con chuột bạch, các kho dự trữ vi trùng thật sự; chúng ở đấy há không phải là để làm dễ dàng công việc lây độc các tù nhân hay sao?

- Ồ, đấy là những con chuột bạch khôn ngoan và thuần khiết được chúng tôi mang đến cho các người tù. Họ rất vui sướng được nuôi nấng các con vật ấy, chớ nào phải vi trùng gì đâu!

- Tốt! tốt! tốt lắm!

… Qua sự “tóm lược vắn tắt” nầy của hằng ngàn trang về lời biện minh của Eugen Haagen tôi xin dành lại cho quí vị tìm câu kết luận. Tôi chỉ xin thêm điều nầy: ngoài diễn biến thường lệ của các cuộc thí nghiệm trên con người trong các trại tập trung, Haagen còn theo đuổi thêm các cuộc nghiên cứu sưu tầm khác nữa. Không ai bắt ông phải làm trắc nghiệm cho sự phát minh của ông về một thứ thuốc chủng “vi trùng còn sống” mới. Ông đã không chống nổi sức cám dỗ của trại tù nhân ấy nằm quá gần bên các phòng thí nghiệm của ông ở Strasbourg. Căn trại ấy, nơi mà sự bí mật được giữ thật kỹ. Tại sao không? Nhưng loại “thuốc chủng vi trùng sống” của ông chắc chắn đã bị làm cho dịu bớt một cách không đủ. Rốt lại cùng vẫn là chuyện dùng chiếc búa tài xồi để trắc nghiệm chiếc mũ đội đầu của các cầu thủ bóng tròn,

---

Các Cơ sở Y tế Đức rất thường hay giao dịch với nhiều viện nghiên cứu khắp nơi trên hoàn cầu, để tìm mua các loại thuốc chủng ngừa. Họ còn tung cả “điệp viên” qua tận Nam-Mỹ và Hoa-kỳ để “mua” thật nhiều huyết thanh (sérum). Ở Ba-lê, Viện Pasteur đã đẩy đưa mọi sự hợp tác. Đó luôn luôn không phải là chuyện dễ. Bác sĩ Tréfoeul, tuy làm Giám đốc Viện, nhưng thật ra ông là bào chế trưởng của phe kháng chiến:

- Là kho y dược, được nhà cầm quyền Pháp (lưu vong) tại Luân Đôn yểm trợ, số thuốc men cần thiết cho kháng chiến quân đã được thả dù xuống phần đất địa của chúng tôi, đoạn cho đưa về viện Pasteur; nơi đây, số thuốc được chế biến lại đúng liều, và để được tái phân phối về cho các bệnh viện ở tỉnh; nơi đây, thuốc sẽ được bí mật dự trữ và đặt thuộc quyền sử dụng của quân kháng chiến.

Lẽ dĩ nhiên là thuốc đó được các nơi gởi, cho bóc nhãn hiệu rất kỹ lưỡng, Ví dụ như thuốc “Dagénan” chẳng hạn, đã được mạo bằng nhãn hiệu “Rhône-Poulenc” thật khéo. Tuy nhiên có một lần, chất “đáo tinh” (insuline) được gởi đến với nhãn hiện Mỹ quốc “EliLily and Co” và một nhật ký được ghi thật rõ. Lập tức, người ta lật đật lột bỏ các nhãn hiệu nguy hiểm ấy và thay vào đó bằng các nhãn hiệu vô hại nhứt.

Các loại thuốc thả dù xuống được đựng trong các chiếc thùng đúng với loại thường dùng có hình ống, cao khoảng 1m20 và rộng 60 phân.

- Chất idde, dầu campbre, chất morphine và Cafeine được đưa đến thật nhiều, thuốc đỏ (merchurochrome) bằng thùng mười kí lô, bột “sulfamide” bằng thùng năm mươi kí lô! Nếu có ai vô tình thắc mắc về các số lượng ấy thì liền được trả lời ngay là các thứ thuốc ấy được dùng cho ngựa: “Con ngựa đâu phải như con chuột!”

Sự hiện diện của các dụng cụ các “túi bao” đựng thuốc, bông gòn, đồ băng bó bằng bột thạch cao, cũng khó mà tránh được sự để ý, mặc dù dãy hầm của chúng tôi được đào sâu dưới đất có một diện tích khá rộng, giống như là cái chiến lũy Maginot thật sự vậy!

- Người ta lại còn phải giới hạn bớt số người tâm phúc nữa, có như vậy việc đề phòng mới mong bảo đảm được. Trong trường hợp Ba lê bị oanh tạc nặng nề thì sao? Có nên trông cậy vào người Đức để tổ chức cứu trợ được không?

Ngược lại là đàng khác vì chính các sĩ quan quân y Đức rất thường hay đến viện Pasteur để xin thuốc. Trước tiên, thì họ xin xỏ cái đã, kể cả sự van nài nữa, nhưng thường thì đe dọa nhiều hơn. Ví dụ như họ thiếu chất “sérum” ngừa phong đòn gánh chẳng hạn, họ phải vất vả lắm mới lấy được một vài ống, trong khi đó, hằng trăm hằng ngàn ống được đưa vào bưng biền cho kháng chiến quân…

Một ngày nọ, bọn Đức lại đòi chất "sérum" ngừa bệnh yết hầu (sérum antidiphtérique) ông Tréfouel giải thích rằng loại nầy rất hiếm, đến ngay cả cho dân chúng Pháp cũng còn thiếu nữa! Bọn họ nằn nì.

- Các ông tiếp xúc trực tiếp với công chúng, nếu có bệnh truyền nhiễm phát hiện, thì chính các ông sẽ là những người đầu tiên bị nguy hiểm.

Và theo sự nhận xét của một vị trưởng phái đoàn:

- Chúng mình được tiếp đãi rất tử tế, nhưng rốt cuộc lại vẫn về tay không!

Một trong ba sĩ quan ấy, một người Áo lòn tay ra sau lưng khều Bác sĩ Tréfouel và nói nhỏ với ông ta: "cứ tiếp tục".

- Điều ấy làm tôi thấy vui vui. Thỉnh thoảng tôi có gặp lại ông ta (người Áo ấy) nhưng ông ta lại chẳng bao giờ dám có một hành động biểu lộ giống như vậy nữa.

Một lần khác, vào năm 1943, lại báo trước một chuyện không hay. Để có chất "sérum" quân Đức đã đạt được một lệnh của Bộ Y tế Pháp (Chính phủ Vichy của Thống chế Pétain).

- Hãy tuân phục hoặc là chúng tôi chiếm Viện Pasteur.

- Tôi rất muốn bào chế cho quí ngài thuốc đó, nhưng tôi không có ngựa.

- Chúng tôi sẽ cung cấp ngựa cho ông.

- Quí ngài, cũng biết là số ngựa sẽ bị giết chết rất lớn…

- Ông sẽ có đủ số mà ông cần, nhưng có điều là xác ngựa sẽ phải thuộc quyền sở hữu của quân đội Đức.

Đến đây thì bác sĩ Noël Bernard, phó Giám đốc viện Pasteur, lại chen vào hỏi:

- Các ngài có cần phải giữ chúng trong rượu cồn không?

Câu nói ấy đã làm cho các người Đức không nhịn được cười. Họ đã cho đưa đến phòng thí nghiệm Garche 109 con ngựa. Nhưng tất cả các con vật ấy như là tình cờ lần lượt bị chết sạch, nội trong vòng sáu tháng.

Và cũng lại bác sĩ Tréfouel, ông lại giận hờn!. Ông cho rằng các con ngựa đã không thích hợp với sự miễn dịch và từ rày về sau, ông

sẽ chỉ chịu nhận các con vật được các vị thú y sĩ của ông lựa chọn.

Theo như ý nói trên, người Đức cho biết họ đang có 60 con ngựa; và các vị thú y sĩ được gởi đến tận nơi để xem xét và chỉ chọn được có năm con trong số ngựa ấy. Tréfouel cả quyết rằng người ta đã làm phiền rộn bọn ông quá lắm mà chẳng thấy ích lợi vào đâu… và cứ như vậy mà tiếp tục mãi.

Ban Giám đốc của viện Pasteur lợi dụng việc ấy để phàn nàn là thiếu nhân viên. Vì không những việc ấy giúp họ tránh được các sự trưng tập mà còn cho phép họ kéo được một số tù về làm việc cho họ như khởi đầu là việc xin thêm một người làm vườn.

Người Đức muốn trưng tập người gác cổng. Ban Giám đốc cho rằng thật khó có người nào thay thế được hắn vì chỉ có một mình hắn là biết mặt tất cả các nhân viên trong Viện. Nếu trường hợp có một kẻ lạ mặt (có thể là một tên "khủng bố"!) đến đánh cắp một mẫu mầm truyền nhiễm, Viện Pasteur mà có được phòng giữ cẩn mật thì đó cũng là vì quyền lợi của người chiếm đóng!

17
VỊ NIÊN TRƯỞNG CỦA GIỚI Y SĨ ÁC ÔN!

- Nhưng mà, lão ấy đã từng nghiên cứu về bệnh sốt rét đến hơn 40 năm rồi kia mà! Chắc Ngài sẽ không nghi là lão ta sẽ tìm ra được giải đáp vào lúc đã quá thất tuần; Nhưng dù bằng cách nào đi nữa thì một cuộc "chủng ngừa phòng bị" của lão ta cũng không thể nào thực hiện được.

Giáo sư Rose đã lên án các công trình của vị tiền bối của ông ta ở ban nghiên cứu về các loại bệnh thuộc vùng nhiệt đới của Viện Robert Koch. Nhưng văn phòng của Himmler đã cho bức thư trên vào hồ sơ thuộc loại "xếp".

"Lão già" ắt biết sẽ phải làm thế nào để chứng tỏ rằng lão có thừa khả năng ở trại Dachau; chính là vì lão đã bỏ công sưu tầm từ hơn 40 năm rồi; thế nào rồi lão cũng tìm ra được.

- Tôi tên Klaus Schilling,[78] sanh ngày 24 tháng bảy 1871. Tôi điều khiển Ban nghiên cứu về các loại bệnh thuộc vùng nhiệt đới tại Viện Robert Koch từ năm 1905. Tôi đã hồi hưu từ năm 1936. Nhưng chính ông Tổng Trưởng Bộ Y Tế, dưới thời Đức Quốc xã, là bác sĩ Conti đã mời tôi trở lại công tác và cho tôi trình diện Himmler, hồi năm 1941 hay tháng 1 năm 1942 gì đó. Khoảng thời gian ấy, tôi ở Ý và tại nơi đó, tôi đang thực hiện các cuộc nghiên cứu về một loại thuốc chủng ngừa bệnh sốt rét, thì được họ triệu về và yêu cầu tôi tiếp tục cuộc thí nghiệm tại trại Dachau… làm sao tôi có thể thối thác được lệnh của Himmler nên tôi đã khởi tiếp các cuộc thí nghiệm của tôi trên thân xác của các tù nhân tại trại vào tháng 2 năm 1942 và tôi tiếp tục mãi cho đến ngày 13-3-1945… Tôi nhớ như là đã làm thí nghiệm với khoảng từ 900 đến 1000 người làm vật thí… có điều là nếu như tôi từ chối công việc thí nghiệm, ắt ngay cả chính tôi cũng không khỏi bị đưa vào trại tập trung. Tuy nhiên, tôi cũng đã cố thử khám phá cho được một phương pháp nào đó, khả dĩ cứu được cho hằng triệu con người may ra…

Chỉ có mỗi một người Đức chống lại các việc làm của "lão đốc tờ trầm lặng" kia, tại trại Dachau thôi. Đấy là viên thanh tra các trại tập trung:

Schilling luôn luôn đòi cho có đủ số tù nhân thí nghiệm. Tôi phản đối việc cung cấp các người tù nầy, vì như vậy sẽ làm ngăn trở không cho họ công tác được gì!

Việc phản kháng nầy khiến cho Himmler đã phải cất công can thiệp và ra lệnh phải "cung cấp" đủ số nhu cầu về tù nhân cho Schilling. Nhờ đó, lão ta đã nhận được đến hơn 1000 người. Để rồi, theo bản phán quyết của vụ án Dachau, Schilling đã bị lên án tử hình vì các thí nghiệm của lão ta đã làm chết trực tiếp hết 300 người, và còn gián tiếp mang đến cái chết cho khoảng từ 300 đến 400 người khác nữa.

Trong số các thí vật nói trên, có rất nhiều người thuộc giới tu hành:

- Lúc tôi bị đưa đến Dachau (theo lời chứng của giáo sĩ Ba lan tên Marion Dabrowsky) thì ở đấy cũng đã có hơn 1000 giáo sĩ thiên chúa giáo đang bị giữ như tôi. Nơi đây tôi bị buộc phải chịu để cho muỗi sốt rét[79] chích đến ba lần và còn thêm một lần nữa, người ta đã tiêm vào người tôi một mũi thuốc có chứa máu bệnh sốt rét và có khoảng một trăm giáo sĩ khác đã phải chịu các cuộc thí nghiệm như tôi vậy. Đến cuối năm 1943, chỉ mình tôi thôi, đã phải lên tiếng phản kháng việc làm ấy, có điều nên nhớ là trước thời gian nầy, dám lên tiếng như vậy, có nghĩa là tự lên án tử cho mình rồi đấy. Tôi trình bày tất cả các dấu hiệu về chứng bệnh của tôi cũng như là của người em tôi (cũng là giáo sĩ). Nhưng giáo sư Schilling lại đối xử với chúng tôi chẳng khác nào như các con chó; để rồi cuối cùng, khi thấy tôi la gào phản đối, thì lão ta lại ngăn chặn tôi:

- Trong trại nầy, chỉ được nói bằng tiếng Đức thôi.

Tôi đã thử nói với lão ta bằng tiếng Pháp, vì tôi biết lão hiểu thứ ngôn ngữ nầy. Giờ tôi tiếp theo bằng tiếng Đức, lão ta lại ngắt lời tôi nữa:

- Ông không có quyền phàn nàn gì cả, tôi sẽ lưu ý ông với vị chỉ huy trại và ông cũng hiểu rõ là việc gì sẽ xảy ra cho ông chứ?

Fernandus Antonius Tyhuis là tu sĩ dòng Carmel người Hòa Lan, đã có dự vào việc phá hoại một cuộc thí nghiệm của Schilling. Và rủi thay sự biến đổi các kết quả thí nghiệm ấy đã làm cho Schilling tin chắc những điều sai lầm của lão ta là đúng.

- Chúng tôi bị hành hạ đến độ không thể nào chịu đựng nổi. Trong vòng 15 ngày, một người trong bọn chúng tôi bị lên cơn sốt. Sau đó, nhiệt độ trong người tôi cũng lên từ 40° đến 41° và mạch nhảy 150 trong một phút. Dù có sáu chiếc mền, tôi vẫn bị rét run, rồi lại xuất mồ hôi thật khủng khiếp. Và cứ mỗi ba ngày là cơn sốt trở lại. Tôi đã phải uống đến 200 viên thuốc mỗi ngày, một loại thuốc do Bác sĩ Schilling sáng chế. Đầu tôi đau nhức như bị búa bổ và không làm sao ngủ được, ngay cả lúc nhiệt độ đã hạ. Các người Ba lan cùng phòng với tôi, cũng bị làm cho lây bệnh sốt rét, đã khéo viết thư về cho gia đình. Và người ta đã bí mật gửi đến cho họ loại thuốc "quinine". Họ đã uống thứ thuốc nầy mà các y sĩ trong trại chẳng hay biết gì cả. Nhờ đó, mà bệnh sốt được thuyên giảm. Để rồi Bác sĩ Schilling đã dựa theo kết quả ấy mà kết luận rằng cách trị liệu của lão ta đã có hiệu lực. Và sau đó, tôi nghe nói như là, với kết quả mỹ mãn mà lão đã tưởng lầm là đã thu hoạch được nhờ dược liệu của lão ta sáng chế, lão đã cho sản xuất rất nhiều loại thuốc nầy để gởi đến cho quân đội Đức ở Phi châu! Và dường như là tại vùng ấy, chính loại thuốc của lão ta đã gây cho rất nhiều binh sĩ phải bỏ mạng vì sự vô hiệu của nó.

Với hằng lô dài các chứng cứ và các lời khai cáo buộc Schilling, để kết luận, chúng ta hãy tạm mượn các điều quan sát nầy của một tội nhân, tên là Eugène Ost. Anh ta là sinh viên Y-khoa, người Lục-xâm-bảo, lúc đó được cắt cử làm thơ ký tại trạm nghiên cứu bệnh Malaria (bệnh sốt rét rừng):

- Điểm nổi bật về công cuộc nghiên cứu của Schilling là việc tạo ra trong cơ thể con người một sự miễn dịch vừa đủ để cho họ không bị quật ngã bởi chất plasmodium vivax (chất huyết tương trùng sinh động), một tác nhân duy nhất được dùng tại trại Dachau (Giáo sư rút loại sinh trùng nầy từ 3 nguồn mạch: một ở Nga, một ở đảo Crète, và nguồn sau cùng ở đảo Madagascar). Lão ta điều khiển hai nhóm thí nghiệm lớn. Trong nhóm thứ nhất lão ta muốn chứng minh về sự hiện hữu của độ kháng thể trong chất huyết thanh của các con bệnh, trong loạt thứ hai lão ta muốn có được sự miễn dịch.

Có lẽ Schilling chỉ là một người điên… Lão ta đã chẳng tuyên bố trước các vị quan tòa:

- Chúng tôi đã có gần một trăm phần trăm trường hợp được chữa lành bệnh.

Và trước khi bị hành quyết lão còn van xin một cách vô vọng:

- Hãy để cho tôi sống thêm vài tuần lễ nữa thôi, tôi sẽ tìm ra, tôi sẽ tìm ra, tôi sẽ tìm ra! Vì tôi đã đạt tới kề bên mục đích rồi.

18
NHỮNG ĐỨA TRẺ TẠI TRẠI NEUENGAMME

Hẳn nhiên là có hằng chục, rồi hằng trăm cuộc thí nghiệm khác nữa, đã tiếp diễn tại các trại tập trung. Những người nào có thể làm chứng được, thì đã phải bị hy sinh trước ngày giải phóng. Ví dụ như nếu người ta biết rõ là Himmler đã ra lệnh nghiên cứu "chứng hoàng đảng (bệnh vàng da) bị lây độc" và đã giao cho Bác sĩ Dohmen tám người Do-thái, Ba lan để khởi cuộc… Thật khó mà chứng tỏ được rằng còn rất nhiều công cuộc nghiên cứu khác nữa đã được thực hiện trong lãnh vực nầy, và đặc biệt là do bác sĩ Haagen đảm trách tại trại Natzweiler. Tại trại Buchenwald, các loại chủng ngừa bệnh "hoàng nhiệt" (bệnh sốt rét vàng da) cũng đã được thí nghiệm… Các tài liệu đã bị tiêu hủy từng phần cũng có ghi nhiều "cuộc thử nghiệm" về các loại bệnh như cúm, bệnh thương hàn, trái giống, thiên thời, lao…

Tất nhiên là cũng còn rất nhiều người khác nữa, đã bị hành hạ và chết. Phải chăng Schilling không nhìn nhận đã thử nghiệm các thứ "thuốc rượu" cho các người bị bại xụi tại một dưỡng trí viện, trước khi lên đường di Dachau? Thế thì trong cái bí mật của các cứu tế viện ấy, đã có bao nhiêu vị y sĩ ác quỷ đã thực hiện các cuộc giải phẫu qua cái chết nhẹ nhàng nhờ tiêm thuốc mê. Tôi sẽ lấy cái "bí mật" vừa rồi làm ví dụ. Để giải quyết vấn đề nầy, tôi đã kêu gọi đến tất cả các y sĩ và y tá còn sống sót của trại Neuengamme và tôi đã nhận được sự phúc đáp của khoảng hai mươi người. Hãy bàn đến các sự kiện trước.

- "Khu đặc biệt". Đấy là căn trại bằng gỗ giống như bao nhiêu căn trại khác, nằm bên cạnh bệnh xá. Các tù nhân hoàn toàn không hay biết việc gì đã xảy ra ở đấy. Chính tôi trước khi trở lại phòng thí nghiệm, tôi cũng không màng chú ý đến dãy trại nầy cũng như các dãy kế cận. Thế rồi, cứ mỗi sáng, có một y tá người Hòa Lan mang đến đấy các mẫu nước tiểu để phân chất và mỗi tuần, có 20 lần thử máu cũng xảy ra tại phòng thí nghiệm. Thắc mắc, tôi được giáo sư Florence (Pháp) khéo sắp đặt dẫn đến đấy, mặc dù sự cô lập tuyệt đối được triệt để áp dụng tại cơ sở nầy. Sự cô lập đã phải được nghiêm giữ bằng những cấm lệnh thật khe khắt. Và đây là những gì mà tôi thấy được:

"Ở đó có khoảng 20 trẻ con, cả trai lẫn gái, thuộc nhiều quốc tịch khác nhau nhưng tất cả đều lá gốc Do-thái, tuổi từ 4 đến 14. Người ta để chúng được tự do chơi giỡn suốt cả ngày nhưng không bao giờ được ra ngoài, ngoại trừ chiếc sân nhỏ nằm trước cửa. Người ta cấm không được dạy chúng đọc và viết. Nhưng ngược lại, chúng được ở nơi rất tiện nghi và được nuôi ăn rất đầy đủ. Làm như vậy để cho bọn chúng khỏi bị rơi vào một sự suy yếu bất lợi cho thể xác. Các đứa trẻ mà người ta cân, người ta đo đều đặn để cho phòng thí nghiệm phải bận rộn với chúng mỗi ngày, chỉ vì chúng bị người ta dùng làm thí vật. Người ta sẽ làm gì bọn chúng? Thật tôi không biết. Tôi cũng không bị bắt buộc phải biết việc ấy. Và hơn thế nữa, tôi cũng không được chấp nhận cho tham dự vào bất cứ chuyện gì. Nhưng điều mà tôi biết được, là có một giáo sư tên Esmayer đã từ Bá linh đến đây trong những khoảng thời gian thật đều đặn. Khi ông đến, các đứa trẻ liền được đưa đến để ông ta khám nghiệm. có một vài đứa trẻ đã phải chịu các cuộc "trích mổ" để giáo sư đem về Bá linh dùng vào việc phân tích. Điều mà tôi được biết thêm nữa là chính giáo sư Florence đã biểu lộ với tôi bằng sự thù hằn đến cực điểm mà ông muốn trút đổ lên nước Đức, khi ông thấy người ta cho bơm vi trùng lao vào phổi của một số trẻ gái, hoặc thêm nữa là trước cảnh tượng đám trẻ trai bị cho nuốt thật nhiều dung lượng thuốc "sulfamide" để mặc tình cho bọn họ nghiên cứu tác dụng của thuốc."

Tất cả các tù nhân khác mà tôi được dịp hỏi qua, đã không nói gì hơn nữa. Tuy vậy tôi cũng biết chắc chắn là có một vài đứa trẻ "đã phải mang thường trực các ống đặt ở mũi và ở miệng" và cũng biểu là hai bác sĩ người Pháp tên Florence và Quenouille, phụ trách việc trông coi khu trại đã phá hoại các cuộc thí nghiệm bằng cách "giết chết các con vi trùng trước khi cho tiêm vào bọn trẻ" Tôi còn được biết thêm rằng các thuốc chủng ngừa bệnh kiết lỵ cũng được thử nghiệm và một cuộc thí nghiệm thật qui mô được đưa ra để "trắc nghiệm nước làm cho bị độc hoá bằng chất hơi hoặc bằng các chứng bệnh", nhưng ai đã ra lệnh các cuộc nghiên cứu nầy? Và ai là người hướng dẫn cuộc nghiên cứu? Không biết ai cả!

Florence và Quenouille đã giữ cái bí mật ấy để không làm phương hại đến cơ may được sống sót của đám trẻ, nhưng than ôi! chỉ trong

có mấy ngày trước cuộc giải phóng, tất cả đều bị tàn sát. Cả Florence, Quenouille và các y tá Hòa lan cũng bị sát hại và được tìm thấy đang bị treo trên các chiếc móc như loại móc của nhà hàng thịt.

19
CUỘC THANH TOÁN CÁC CON BỆNH BẰNG CÁI CHẾT NHẸ NHÀNG, TẠI CÁC DƯỠNG TẾ VIỆN

Hitler mời Conti (Bộ trưởng Y tế) và Lammers ngồi (cuộc họp nầy được ông Lammers, Quốc vụ khanh tại dinh Tể tướng Đức quốc xã mô tả lại):

- Lần nầy thì tôi đành phải lấy quyết định! Tôi nghĩ đến việc chấm dứt sự hiện hữu của những người điên, đã mắc phải bệnh quá trầm trọng. Tôi không thể nào nhìn thấy các con người, đã ăn phần của họ, tiếp tục sống mà không hiểu biết gì. Vả lại, sự việc họ biến mất đi, chẳng những sẽ tiết giảm những chi phí vô ích, mà còn thu về cho ta một số nhà thương, một số y sĩ và nhân viên y tế nữa… Ông Conti nghĩ sao?

Bác sĩ Conti cho rằng, về phương diện y học mà nói thì ông ta tán đồng việc loại bỏ "số người bất khả dụng kia, không đáng tồn tại trên cõi đời nầy" và ông sẽ xem xét lại chi tiết hơn vấn đề nầy. Hitler lại quay sang qua phía Lammers:

- Ông dự thảo cho tôi một điều luật nhé?

- Vô số các vấn đề chính trị trong và ngoài nước, về tôn giáo và đạo đức, sẽ nổi lên phản kháng…

- Thì hãy nghiên cứu, hãy nghiên cứu, rồi cho tôi một bản phúc trình và soạn ngay một dự thảo luật.

Lúc bấy giờ là cuối mùa hè năm 1939.

Trong cuộc nói chuyện ấy, Hitler đã diễn dịch lại các câu nói, đã từng được bác sĩ Wagner tuyên đọc vào năm 1934, trong một hội nghị của Đảng quốc xã. Vả lại, từ năm 1923 (theo quyển Mein Kampf), Hitler cũng đã nghĩ đến việc "dùng cái chết không đau đớn" áp dụng cho con người và các câu tuyên bố trong phiên hợp đó đã lôi cuốn được ông ta như sau:

- Gánh nặng kinh tế dành cho các người bị đày đọa vì chứng bệnh di truyền, đã tạo nên một nguy cơ cho quốc gia và cho cả xã hội nữa. Nếu chi phí cho tất cả thì người ta phải cần xài đến 301 triệu

đồng Reichsmarks vào việc chăm sóc bọn họ, chưa kể đến các chi phí cho 200.000 người nghiện rượu và khoảng 400.000 người mắc bệnh tâm trí. Còn điều chúng ta phải công nhận nữa là mỗi dân tộc đều hiểu ngay rằng sức mạnh của nó chỉ được nằm trong sự thuần khiết của tâm hồn và huyết thống của chính nó. Và sự bảo đảm duy nhất cho một cuộc đời êm đẹp chỉ nằm trong sự phân biệt giữa huyết thống và huyết thống. Chúng ta xem như người thiếu mất cảm quan, các người điên, sống thật nguy nan chẳng những cho chính họ mà còn luôn cả cho kẻ khác nữa, các người đần độn, đã không tự biết giữ cho mình sự sạch sẽ hay tìm sống lấy cho mình. Các hạng người nầy lại được nuôi nấng và bảo vệ sống đời với giá của những cố gắng thật lớn lao, vào những chi phí thật to tát. Theo bản tính tự nhiên của trời đất, thì các người nầy sẽ không thể tồn tại ở thế gian và bị đào thải như luật trời đã định.

Hitler đã gặp được Bác sĩ Wagner lúc ấy là Tổng Trưởng Y tế và cả hai người vào tháng giêng 1935 đã bàn thảo về các “căn bản pháp lý” cho vấn đề tạo cái chết không đau đớn. Để rồi hai tháng trước khi bắt đầu cuộc thế chiến, Hitler có nhận được một bức thư khá tác động vào tâm não của ông:

- Có một người cha[80] xin được giải thoát cho đứa con mình bằng cái chết, chỉ vì đứa bé nầy, vừa bị tật nguyền (đui và đần độn) lại còn bị thiếu cả một chân và một phần cánh tay. Hitler giao cho tôi việc nầy, bảo tôi đến Leipzig ngay tức khắc và nói với vị y sĩ điều trị cho đứa trẻ biết rằng Ngài cho phép dùng cái chết nhẹ nhàng không đau đớn giúp giải thoát cho đứa trẻ. Đấy là điều mà tôi đã phải thi hành.

Trường hợp đầu tiên nầy, đã được Hitler “theo dõi từng bước một” đã khởi phát chiến dịch Hitler đọc cho thư ký viết lại sắc lệnh chính thức hóa cho việc sử dụng cái chết không đau đớn.

- Giám đốc Bouhler và tiến sĩ y khoa Brand được giao phó, dưới quyền trách nhiệm của họ, nới rộng quyền hạn cho một số y sĩ. Các y sĩ nầy sẽ phải chấp thuận sự giải thoát bằng cái chết cho các người nào bị xem như là mắc bệnh nan y, trong giới hạn sự phân đoán của con người và tiếp theo sau một cuộc khám nghiệm y khoa thật kỹ càng.

Sắc lệnh được đề trội ngày tháng. Nó được đề ngày 1 tháng chín 1939.[81] Đúng vào ngày xâm lăng xứ Ba lan:

- Như vậy, Hitler nói, đó sẽ là một sắc lệnh mang tính chất chiến tranh và vấn đề sẽ được giải quyết dễ dàng hơn… Việc chống đối của Giáo hội sẽ không ăn thua gì nữa.

Ludwig Lehner đang chuẩn bị thi lấy bằng cử nhân tâm lý học. Anh ta muốn viếng một dưỡng trí viện, nên có viết thư xin với ông Giám đốc Viện Eglfing Haar:

- Trong cuộc viếng thăm (theo chứng từ thu thập được tại Saint Wolfgand ngày 30-3-1947), ông Giám đốc Pfannmueller có dẫn tôi đến một gian phòng thật sạch và được giữ gìn kỹ lưỡng. Tại nơi đây, có khoảng 20 trẻ em từ một đến năm tuổi. Pfannmueller trình bày với tôi khá chi tiết về các quan điểm của ông ta:

- Các sinh vật kia tất nhiên là theo quan điểm của tôi, một đảng viên Quốc Xã, chỉ tiêu biểu cho một gánh nặng, đặt lên chiếc thân trong lành của quốc gia chúng ta. Chúng ta không loại bỏ chúng nó, bằng cách dùng độc dược hay bằng tiêm thuốc, vì làm như vậy sẽ cung cấp cho báo chí ngoại quốc và cho cả một số người ở Thụy Sĩ, có chất liệu để tuyên truyền gây thù hận. Không, cách thức của chúng tôi giản dị hơn nhiều và tự nhiên hơn như là điều anh bạn có thể xem đây:

- Vừa nói đến đây và với sự phụ giúp của cô y tá, ông ta kéo một đứa trẻ từ trong chiếc giường ngủ ra, trong lúc ông ta nắm đứa bé giơ lên, như là người ta làm kiểu giết thỏ, thì ông ta nói:

- Như vầy thì chỉ còn chịu đựng được hai ba ngày nữa là cùng.

- Tôi còn nhớ thật rõ ràng con người ấy mập ú và nét mặt khinh khỉnh, nắm trong đôi bàn tay thô bạo cái bộ xương cách trí nhỏ xíu và thở phều phào ấy, chính giữa nhiều đứa trẻ khác sắp chết vì bị bỏ đói. Ông ta còn nói rõ hơn:

- Người ta không ngưng cấp thức ăn một cách bất thình lình mà người ta giảm từ từ các khẩu phần.

Pfannmueller, Giám đốc viện dưỡng tế, còn kiêm nhiệm luôn việc trông coi khu trẻ em. Vì vị chỉ huy thực thụ của khu nầy là bác sĩ Holzl đã "đào nhiệm" như có rất nhiều y sĩ khác nữa cũng đã can

đảm từ chối áp dụng sắc lệnh cho giết người bằng cái chết không đau đớn:

- Thật là (theo bức thư của Bác sĩ Holzl gởi cho vị Giám đốc Plannmueller của ông) đáng tởm cho tôi là sau một cuộc thảo luận tẻ nhạt và theo các nguyên tắc khoa học khách quan, lại bắt tôi phải áp dụng cho thi hành triệt để sắc lệnh ấy trong lúc công tác nầy đối với bệnh nhân lại không có liên quan gì đến các ý tưởng có tính cách y học. Điều khiến cho tôi đến phục vụ tại khu trẻ em, không phải chỉ vì ích lợi khoa học mà còn là nhu cầu của người y sĩ muốn giúp đỡ hay ít nhất là muốn cải tiến nghề nghiệp, khi các nỗ lực của chúng tôi thường bị khiếm khuyết. Tôi có cảm giác như cảm tình mình bị ràng buộc thật đậm đà, với đám trẻ, như là người có bổn phận chăm sóc sức khỏe cho chúng. Và tôi cũng nghĩ rằng sự liên hệ tình cảm nầy không nhất thiết là một sự yếu hèn theo quan điểm một y sĩ quốc xã.

Vô phước cho bác sĩ Holzl và các bạn hữu của ông đã dám tỏ sự bi uất và phản kháng… Chiến trường hoặc một trại tập trung đã làm cho các tình yêu thương đồng loại của họ nhụt bớt đi.[82]

Năm 1939, “các chiếc bao người rỗng”, đã lên gồm gần 500.000 người (có nghĩa là số người vô dụng tại các dưỡng tế viện có khoảng 500.000 sẽ bị thanh toán). Số người mắc bệnh nan y được chiếu cố khoảng ba mươi phần trăm. Các y sĩ thật là xuất sắc. Trong không đầy một tháng mà tất cả các dưỡng tế viện, các tá túc đường, các bệnh viện đều nhận được một tập thể thức có đến hơn 50 câu hỏi cho mỗi trường hợp nhưng phần lớn không có liên quan gì hoặc chỉ liên hệ một cách xa vời với y học: Bộ Nội vụ lo ngại nhứt là vấn đề tìm biết coi các bệnh nhân có thân nhân không và các thân nhân có đến thăm họ không và khi nào? Các phiếu kiểm chiếu được mang đến các nhà chuyên môn khác nhau. Trong số đó có Bác sĩ Hermann Pfannmueller của chúng ta có biệt tài giết các trẻ em được giao phó cho ông chăm sóc bằng cách bỏ đói từ từ.

Để rồi trong cuộc thẩm vấn sau nầy, ông ta đã lên tiếng rằng:

- Điều ấy không đúng. Thật tôi không còn nhớ gì cả.

- Kìa bác sĩ, ông đã từng là một nhà chuyên môn kia mà; từ ngày 12 tháng 11 đến 1 tháng chạp 1940, các tài liệu mà chúng tôi có được cho thấy rằng ông đã giám định 2058 vấn đề lục. Bằng cách

làm việc đến 10 giờ mỗi ngày, ông chỉ bỏ ra có 5 phút cho mỗi hồ sơ, mà thật ra thì ông chỉ nhìn qua các phiếu ấy, vào những lúc rảnh rỗi mà thôi.

- Tôi không hiểu gì cả về các bài tính của quí ngài!

- Ông còn nhớ đến bức thư của bác sĩ Holzl, ông ta đã từ chối việc thực hiện phương pháp đến cái chết không đau đớn đấy chứ?

- Không![83]

Các nhà chuyên môn "làm gấp công việc của họ". Một khi quyết định của họ đã được chấp thuận rồi thì không còn bàn cãi gì được nữa. Để ngụy trang chiến dịch, Bộ Nội vụ đã lập ra ba tổ chức[84] để đảm trách việc thực hiện các công tác tận diệt. Nhưng để ngăn chặn các sự tò mò, người ta đã phải cho dời tất cả các người điên tại dưỡng trí viện đi chỗ khác; không có gì giản dị hơn là "Nghiệp hội chuyên chở" lo mang các chiếc xe buýt của Hội đến các dưỡng tế viện. Rồi các con bệnh được chuyển đến hai, cũng có khi ba bệnh viện được lựa chọn và sau hết, được đưa đến trung tâm tận diệt bằng cái chết không đau đớn, được chọn sẵn trong vùng. Làm sao để giải thích các sự chuyển dời nầy với cha mẹ, bạn bè của các nạn nhân?

- Di chuyển à? Đấy là điều bắt buộc lúc chiến tranh! Đây là do những hiểm nguy của các cuộc oanh tạc.

Nhưng điều thiết yếu hơn, ấy là làm sao trả lời về sự biến mất hay cái chết của một người mất trí, với gia đình của họ đây? Thì đây, tại mỗi trung tâm tận diệt đều có một ủy ban các y sĩ có mặt tại chỗ để "tạo dựng" các nguyên do có thể chấp nhận được về các cái chết.

Mười lăm ngày sau khi chiến dịch đã được phát động, các dưỡng tế viện, các văn phòng cảnh sát, các Bộ, tất cả các nhà thờ, giáo đường đã nhận được hằng trăm đơn khiếu nại, thơ thỉnh cầu giải thích.

- Cái chết[85] bất chợt của hai người em gái của tôi trong khoảng thời gian hai ngày, dường như đối với tôi, không thể… không ai có thể làm cho tôi tin được rằng đấy là do một sự ngẫu hợp.

- Tôi (bức thư nặc danh nhận được tại Bộ Tư Pháp) có một đứa con trai mắc phải chứng cuồng trí. Từ mấy tuần qua, các con bệnh

tâm trí đã bị mang đi rời khỏi các nơi họ đang được điều trị, nói là do một sự di tản quân sự…

Ít lâu sau, các phụ huynh lại hay tin rằng các thân nhân bị bệnh của họ đã bị chết vì chứng não viêm và họ có thể đến lấy tro xác nếu họ muốn. Đấy chính là những cuộc sát nhân giống như trong các trại tập trung…

- Tôi đã nhận được đến hai hũ đựng hài cốt trong khi chỉ có mỗi một người chết thôi!

- Một giấy báo cho biết rằng con trai tôi bị chết vì chứng sưng ruột dư. Nó đã được giải phẫu cắt ruột dư cách đó đã mười năm!

- Ngày hôm kia, tôi nhận được một bức thơ báo tin con gái tôi chết… Tôi liền đến ngay dưỡng tế viện thì lại thấy con bé hãy còn mạnh khoẻ.

Khắp nơi trong nước Đức sự công phẫn nhường chỗ lại cho sự giận dữ. Giám Mục đại phận Limburg đã viết thư cho Bộ nội vụ:

- Cách Limburg khoảng 8 cây số, tại thành phố nhỏ Hadamar… có một trung tâm mà tại nơi đây người ta đang thi hành triệt để phương pháp “sát hại bằng cái chết không đau đớn” từ nhiều tháng nay. Mỗi tuần nhiều lần có một chiếc xe Car, mang đến Hadamar một số nạn nhân khá đông. Các đứa trẻ đi học đều biết rõ chiếc xe ấy và kháo bảo nhau: “Hãy nhìn kìa chiếc xe cà khổ, chở thây ma” những khi chúng gây gổ nhau, thì chúng lại chưởi nhau: “Đồ điên, cho mầy vào lò thiêu Hadamar luôn”. Nhưng người không muốn lập gia đình đã trả lời với bạn bè khi bị đàm tiếu về việc ấy: “Lập gia đình à, chẳng bao giờ! Đẻ con cái ra rồi lại để chúng phải vào nồi “súp de” à!”.

Còn những người già thì lại nói với quí vị rằng:

“Đừng đưa chúng tôi vào bệnh viện. Khi họ thanh toán xong các người bệnh tâm trí thì các miệng ăn không ngồi rồi phải thanh toán tiếp sẽ là chúng tôi, những người già cả…”

Còn mục sư Braune thì đòi hỏi các sự giải thích:

- Vào những tháng vừa qua, lại nhiều nơi ở Đức quốc, người ta quan sát thấy có cuộc di chuyển một số lớn các bệnh nhân ở các dưỡng tế viện nói là vì các lý do kinh tế hướng dẫn; nhưng sau đó các phụ huynh lại nhận được giấy báo là thân nhân của họ đã chết… Khi mạng sống của con người đã bị coi quá rẻ, thì đạo đức

của cả một quốc gia há không bị lâm nguy sao? Chúng tôi thành khẩn yêu cầu các giới chức thẩm quyền ngưng ngay các biện pháp thảm hại ấy…

Đức Tổng Giám mục địa phận Munich, đức Hồng y Faulhaber:

- Không biết các con người của y khoa, các con người đã chọn cái nghề cao quý ấy với mục đích là cứu giúp, là bảo toàn đời sống cho các người bệnh hoạn đã nghĩ như thế nào khi làm sai lệch cái ý nghĩa thật sự của nghề y sĩ để đi đến chỗ nhúng tay vào việc tận diệt các bệnh nhân?

Và điều thật khó mà tin được hơn là các người có bổn phận bảo vệ công lý, có bổn phận cầm cân nảy mực lại khoán trắng quyền lên án tử con người cho các y sĩ ấy.

Cho đến các người bạn của Himmler, các nhân vật cao cấp của Đảng cũng tự hỏi:

- Người ta[86] vẫn còn cố bám víu vào niềm hy vọng rằng Fuhrer không biết được các chuyện ấy. Tôi dám quyết chắc rằng chúng ta sẽ phải trả một giá rất đắt cho việc làm tổn thương đến vấn đề tình cảm nầy. Thiếu sự ý thức về luật pháp và công lý một dân tộc sẽ không thể nào tránh khỏi bị sa đọa. Phải có một biện pháp gì để làm cho tiếng nói của dân chúng Đức lọt đến tai Fuhrer của họ.

Sau hết là các giám đốc dưỡng tế viện, các nhân vật hữu trách của chiến dịch, các viên chức… cũng viết:

- Chúng ta đang đưa nhau đến một thảm nạn, đưa nhau đến cuộc "khởi loạn".

Tại tòa giảng Đức Giám mục von Galen thuộc địa phận Munster đã đưa ra một đòn tối hậu, và tiếp theo đó, bài thuyết giảng của Ngài được phổ biến khắp nơi trong các giáo khu, luôn cả tại các nhà thờ nhỏ nhất:

- Vậy là các bệnh nhân khốn khổ kia đành phải chịu chết. Vì theo sự phê phán của một vài y sĩ hoặc theo sự giám định của một vài ủy ban, thì họ không còn xứng đáng để sống nữa, và cũng theo sự giám định ấy, họ thuộc vào loại các công dân "không sản xuất".

Vậy thì bây giờ ai sẽ còn có thể tin cậy được vào người y sĩ? Làm sao không tưởng tượng đến sự suy đồi tàn hại của phong hóa, tới sự mất niềm tin của mỗi con người đối với tất cả. Rồi nó sẽ còn lan

rộng tới mọi gia đình khi cái quan niệm khủng khiếp nầy được công nhận và thi hành. Vô phúc thay cho con người, vô phúc thay cho dân lộc Đức, nếu người ta ngang nhiên vi phạm, một cách vô tội vạ đến lời dạy bảo của Đức Chúa Trời "con không được giết". Điều luật nầy được Ngài phán ra trong sấm chớp tự núi Sinai và Đức Chúa Trời, đấng tạo hóa của các người từ nguyên khởi đã khắc ghi điều ấy vào lương tâm của con người.

Đức Giám mục Graf von Galen đã bị bắt nhưng dân chúng đã nổi dậy. Người ta phải phóng thích Ngài để làm dịu bớt nhân tâm. Đấy là lần đầu tiên tại nước Đức Quốc Xã "chim Đại bàng chịu khuất phục"… Hitler hạ lệnh ngưng thi hành sắc lệnh "làm chết người không đau đớn" trên toàn lãnh thổ. Tuy nhiên cũng đã có đến 275.000 người đã bị sát hại.[87] Thông thường thì đáng lẽ ra các nhà luật học, các nhà hữu trách hành chánh các y sĩ, đều phải bị phân xử vì bộ hình luật đã lên án một cách gắt gao:

- Sự hủy diệt các "đời sống không giá trị" các trường hợp bị đần độn hoàn toàn và bệnh loạn óc nghiêm trọng.

Hằng trăm vụ kiện đã làm cho chúng ta quen với tư tưởng và biện chứng pháp của các môn đồ của tội ác y khoa:

- Đây là lệnh trên bắt buộc.

- Chúng tôi cứu giúp…! Sự giải thoát bằng cái chết là một hành động nhân ái.

Ngày hôm nay[88] tôi được biết rằng còn rất nhiều người, trong thâm tâm họ hãy còn nghiêng về việc thực hiện cái chết không đau đớn "trong các trường hợp thật đặc biệt". Và ta còn thấy là các tòa đại hình, trong những năm sau nầy đã đưa ra những phán quyết có hơi khoan hồng (đặc biệt là vụ án Thalidomide ở Liège). Nhưng chúng ta đừng nên quên rằng kế hoạch của người Đức là không tha bất cứ ai: dù là người có thể trị lành bệnh hay bệnh nan y, trẻ chậm lớn hay người già cả, hoặc đó là cựu chiến binh hay tất cả các con bệnh Do-thái, bệnh nhân ngoại quốc. Chỉ một nhà giám định "thanh toán nhanh chóng" các hồ sơ. Các gia đình của những người bị "cấm túc" không bao giờ được báo tin cho biết, các y sĩ điều trị cũng không. Và chúng ta cũng đừng nên quên rằng các y sĩ tại trại tập

trung đã núp sau sắc lệnh của Hitler để "thanh toán" các bệnh xá và "tuyển chọn" tù nhân từ các đài đặt ngay giữa sân trại.

Một y sĩ người Pháp, là bác sĩ Poitrol được giao phó lo việc điều tra vấn đề nầy vào lúc vừa hết chiến tranh. Và đây là kết luận của bản phúc trình mà ông đã gởi đến Nha Y tế thuộc vùng chiếm đóng của Pháp (Thiên chức của Hội Bảo trợ Thần kinh bệnh học tại miền Tây Nam nước Đức dưới chế độ Quốc Xã).

- Phải nhìn vào việc thực hiện ấy, chúng ta mới thấy rõ sự diễn đạt hợp lý của chủ nghĩa quốc xã, qua lối biểu lộ dứt khoát, đã làm sáng tỏ được ngay cái bản chất và khuynh hướng của chủ nghĩa ấy. Các nhà quan sát ít đa nghi nhất như Giáo đoàn và một số các nhà thần kinh bệnh học Đức, cũng có cảm tưởng rằng các biện pháp kia chỉ mới là việc khai mào cho những công cuộc tận diệt rộng lớn hơn, để góp phần vào chiến thắng trọn vẹn cho chế độ. Sự thật thì rất có thể là sự thực hành vĩ đại việc sát nhân khoa học kia, mà kỹ thuật giết người được thực hiện, và theo đuổi qua các thí nghiệm hiệu quả tại các trại tập trung, đã được đảm bảo cho một sự bành trướng sâu rộng nhứt trong tương lai, và đạt được giá trị của một định chế quốc gia nữa.

20
NGÀY NAY THÌ SAO?

Thật là vô ích để kết luận dài dòng sau khi đã đọc qua tập hồ sơ hắc ám của việc thí nghiệm trên con người sống trong các trại tập trung: các sự kiện đủ và đã quá đủ để kết án các tên "Ác quỷ của Y khoa dưới thời Đệ nhị Thế Chiến".

Một cách tổng quát, mọi người đều công nhận rằng tất cả các cuộc thí nghiệm ấy trên tù nhân đã không đem lại một khám phá mới mẻ nào. Chỉ riêng có Rascher, tên bác sĩ ma quái, nhất của bọn đao phủ bạo tàn khoác áo "blouse trắng", đã hoàn thành được chiếc đai cấp cứu mà các nguyên tắc đã được nhiều quân và đội toàn thể các công ty hàng không công nhận; nhưng đó chỉ là một kết quả nhỏ mọn nếu đem so sánh với phạm vi rộng lớn của các cuộc nghiên cứu thí nghiệm đã được thực hiện và con số quá đông đảo các thí vật và các nạn nhân đã bị hy sinh.

Ngày nay trong thế giới, hằng chục nhà sưu tầm "mơ ước" được "làm việc trên con người sống" vì họ cho rằng các kết quả của lối thí nghiệm trên thú vật thường rất có giới hạn. Các nhà bác học nầy gặp nhiều người tình nguyện "có điều kiện" trong các lao xá. Nhưng trong các nhà tù người ta có thể hoàn toàn tự nguyện không?

Tất nhiên, các cuộc thử nghiệm nầy trên con người sống, không có gì để có thể so sánh được với các sự tàn ác của bọn Quốc Xã; ngày nay người ta tôn trọng Mười Quy luật của tòa án Nuremberg. Nhưng…

Ngày nay, trên thế giới có hơn mười ngàn hiệp hội được thành lập để chống lại các cuộc thí nghiệm trên thú vật, nhưng không có một hiệp hội nào, dù cho chỉ một hiệp hội thôi, để đòi hỏi việc cấm đoán các cuộc thí nghiệm trên con người.

Ba lê, tháng tám 1967.

PHỤ LỤC
LỜI THỀ HIPPOCRATE

Tôi xin thề với Apollon, y sĩ, với Esculape, với Hygie và Panaccée, với tất cả nam nữ thánh thần. Xin các ngài làm chứng cho tôi, tôi nguyện sẽ đem tất cả nghị lực và khả năng của tôi để làm tròn lời thề nầy:

- Tôi tôn kính vị thầy dạy nghề thuốc cho tôi như cha tôi vậy, và tôi sẽ chia sớt với người tất cả những nhu cầu trong đời sống. Tôi sẽ đối xử với con của thầy như anh em ruột tôi.

- Tôi sẽ chữa trị cho bệnh nhân theo một phương thức thích hợp với tất cả kiến thức và sự phán đoán của tôi. Đối với họ tôi sẽ rất thận trọng và không áp dụng mọi phương pháp trị liệu vô ích và với dụng ý xấu.

- Tôi sẽ không bao giờ khuyên ai dùng đến độc dược và cũng từ chối không dùng cho họ, dẫu họ yêu cầu. Tôi sẽ không bao giờ cho người phụ nữ phương thuốc phá thai.

- Tôi sẽ giữ cho đời sống cũng như nghề nghiệp tôi luôn luôn trong sạch và lành mạnh.

- Tôi sẽ không bao giờ thực hiện những cuộc giải phẫu mà tôi không thành thạo. Trái lại, tôi sẽ để các việc ấy cho các nhà chuyên khoa.

- Khi tôi đến trị cho một bệnh nhân, tôi chỉ nghĩ đến một điều duy nhứt là giúp ích cho họ, và hết sức cố tránh tất cả mọi điều bậy có chủ tâm và mọi sự đồi bại.

- Tất cả những điều, không nên tiết lộ, mà tôi sẽ nghe thấy được trong xã hội trong khi hành nghề hay ngay cả ngoài phạm vi nghề nghiệp của tôi, tôi nguyện sẽ coi chúng như là một điều thiêng liêng và sẽ giữ kín.

- Nếu tôi giữ trọn lời thề, tôi sẽ hưởng được hạnh phúc trong sinh hoạt nghề nghiệp và luôn luôn được sự tôn trọng của mọi người. Nếu tôi thiếu sót và bội thệ tôi sẽ nhận lãnh những điều ngược lại.

LỜI CẢM TẠ

Để viết quyển sách nầy, tôi đã tiếp xúc với tất cả các hiệp hội cựu tù binh hay kháng chiến của Pháp. Qua phương cách nầy, tôi đã có thể tìm lại được khoảng một trăm "thí vật còn sống sót" và nhận được độ ba mươi lời chứng. Phải hiểu tấn thảm kịch mà các người nam, nữ ấy đã sống qua. Nhiều người không muốn nghe nhắc đến chuyện ấy nữa, nhất là các bà đã bị làm cho tuyệt đường sinh đẻ. Tháng 3 năm 1967, tôi nhận được bức thư:

- Thưa ông. Phải, chính tôi đã bị làm cho tuyệt đường sinh đẻ. Từ cái ngày kinh hoàng đó, đêm nào tôi cũng giựt nẩy mình thức giấc vừa khóc tức tưởi. Xin ông đừng viết cho tôi. Hãy để tôi yên với nỗi đau đớn và thống khổ của tôi. Tôi van ông…

Đối với những người đã bằng lòng tiếp tôi hay trả lời thư tôi, xin hãy nhận nơi đây lời tri ân chân thành của tôi. Quyển sách nầy xuất hiện được là nhờ ở họ…

Khi gặp gỡ các y sĩ Pháp đã từng "phục dịch dưới quyền" các thí nghiệm gia Đức, tôi đã có thể khám phá thấy được những điều mà từ trước đến nay chưa ai biết đến và mới có thể tiếp xúc được với các cựu tù nhân người Bỉ, Lục xâm bảo, Hòa lan, Đức đã từng là nạn nhân của các cuộc thí nghiệm.

Tòa Đại sứ Ba Lan đã cho chúng tôi những tài liệu quí báu về "những con thỏ nhỏ ở trại Ravensbruck". Ủy ban Lịch sử Đệ nhị Thế Chiến và Trung tâm Tài liệu Do-thái cũng đã sẵn lòng mở cửa văn khố của họ cho tôi.

Marie Madeleine Fourcade đã gởi cho tôi những ghi chú, những điều tra riêng của cô về trại tập trung Natzweiler – Struthof.

Bà Aubry đã giúp tôi tài liệu về trại Neuengamme bằng cách bắt liên lạc và tiếp xúc với tất cả các y sĩ, các y tá đã từng phục dịch ở đó.

Tôi không thế gởi lời cảm ơn đến tất cả những người (hơn ba trăm người) đã cho tôi những lời chứng của họ hoặc những sự chứng giải về những điểm khái yếu.

Tôi cũng xin trình là chỉ có một hội cựu tù nhân đã từ chối không giúp đỡ tôi trong công việc nầy (mặc dù tôi đã đến trụ sở hai lần, gởi năm bức thư và gọi hằng chục cú điện thoại).

Ngoài ba quyển sách quan trọng viết về vấn đề nầy là:

- Croix gammée contre Caducée của bác sĩ François Bayle

- Doctors of Infamy của Mitscherlich.

- L'Enfer Organisé của Eugen Kogon không có tác phẩm nào tổng hợp được vấn đề để đưa ra ánh sáng những vụ án sau cùng và những cuộc phỏng vấn các người sống sót. Tôi nhờ tác phẩm của bác sĩ François Bayle rất nhiều. Công việc của ông về vụ án các y sĩ ở Nuremberg thật là độc nhất vô nhị.

Ngoài những lời chứng đã nhận được, những tài liệu tham khảo, và tất cả những sách vở báo chí y khoa, tôi còn dựa vào bộ tài liệu của La Voix de la Résistance, La Voix du Maquis, L'Écho de la Résistance l'Agent de liaison et du Patriote Résistant. Các nhật báo Le Monde, Le Figaro, và các thư tín của Thông tấn xã Pháp (A.F.P) về những vụ án cuối cùng là nguồn tin quan trọng cho chúng tôi.

Sau cùng, bác sĩ Marc Dworzecki đã chấp nhận qua rất nhiều buổi đàm luận hướng dẫn cho tôi trong "cái mê cung huyền bí của của năm 1967" ấy.

HẾT.

[↑1] Trong quyển “*Tâm Lý Bệnh học thực nghiệm*” của giáo sư Henri Baruk. P.U.F.

[↑2] Như trên.

[↑3] Đơn vị đo chiều dài bằng 0,34m.

[↑4] Một loại phong đòn gánh, mà sự co rút chiếm trội hơn trên các bắp thịt duỗi ra và trên các cơ ở mặt sau của cơ thể.

[↑5] Bản phúc trình của cuộc thí nghiệm nầy được ghi trong hồ sơ của Đệ thất Lộ quân Hoa kỳ và lẽ dĩ nhiên có cả trong hồ sơ của toà án Nuremberg.

[↑6] Karl Brandt nhất định không chịu nhận là ông đã biết rõ các thí nghiệm khác nhau như sẽ nói đến ở các chương sau. Ông sanh năm 1904 tại Mulhouse, và rời nước Pháp từ năm 1919. Suốt thời gian theo học ngành y khoa, ông làm việc dưới sự hướng dẫn của Albert Schweitzer. Ông đã có ý muốn theo về cộng tác với trung tâm chẩn tế Lambaréné ở xứ Gabon, Phi Châu do A. Schweitzer sáng lập, nhưng ông lại phải bận thi hành nghĩa vụ quân dịch dưới màu cờ Pháp quốc. Vào năm 1933, ông có dịp săn sóc cho cô cháu gái của Hitler, bị thương trong 1 tai nạn xe cộ, nên ông gặp được Hitler để rồi trở thành y sĩ túc trực của ông nầy và sau đó được giữ chức vụ gần như là Tổng trưởng y tế… Bị kết án tử hình ngày 20-8-1947, ông xin được cho chết trong một cuộc thí nghiệm y khoa. Nhưng giới thẩm quyền Mỹ đã chối từ. Trước khi bị hành hình trên đoạn đầu đài, ông tuyên bố:
- Cái gọi là bản án nầy của tòa án quân sự Mỹ chỉ là một biểu lộ hình thức của một hành vi trả thù chính trị. Không kể cái thẩm quyền không công nhận được của chính tòa án, nó không phục vụ chân lý cũng như Luật pháp. Người ta thấy ngay quan niệm lộn xộn của Công tố viên tại Tòa án Nuremberg lúc ông ta nói: “Hồ sơ vụ kiện K. Brandt không biết gì về cuộc thí nghiệm nhưng bị cáo phải bị coi như phạm tội bởi vì cương vị của y buộc y phải biết.”

[↑7] Đọc: "*Hitler, người phát động thế chiến thứ II*" – Sông Kiên xuất bản.

"Làm sao cái nước đang đi tiên phong trong các cuộc thí nghiệm không tưởng tượng được, được thực hiện trên con người lại có thể dám buộc tội và phân xử những người chỉ bắt chước họ không hơn không kém. Và ngay cả thuyết euthanasie nữa! (Thuyết chủ trương làm cho những người bệnh nan y mau chết để khỏi phải kéo dài sự đau đớn). Cứ nhìn nước Đức ngày nay và tình cảnh nguy khốn được kéo dài một cách tinh vi của nó. Không ai còn lạ lùng gì khi Quốc gia ấy, quốc gia sẽ mang luôn luôn trong lịch sử nhân loại biểu tượng của Cain (con trai của Adam và Eve, vì ganh với em ruột là Abel nên đã giết chết đứa em nầy) sau Hiroshima và Nagasaki thử tìm cách ẩn nấp trong đám sương mù của các bậc thang tối hảo về tinh thần.

"Pháp luật tuyệt nhiên không có ở đây, mà chỉ có sự độc đoán của cường lực. Cường lực đòi phải cò nhiều nạn nhân mà tôi là một đây vậy. Thế nên, tôi không cảm thấy bị nhục chút nào khi phải bị lên giảo đài nầy, ở đây, tôi phục vụ tổ quốc tôi bằng tất cả lương tâm và sức lực của tôi. Chiếc cột trụ để hành hình ở Landsberg là một biểu tượng của bổn phận cho tất cả những ai chính trực và chân thành.

"Tôi nghĩ đến quốc gia khốn khổ của tôi mà tôi tôn thờ, đến dân tộc tôi, và uy lực của nó, đang chịu lao khổ và đang gắng sức, đang tự tìm hiểu và đang tìm sự bất diệt. Chính với sự bất diệt ấy mà ngay bản thân tôi, tôi cũng cảm thấy an toàn. Trong giờ phút trọng đại nầy của tôi, tôi xin cám ơn cuộc đời, vì cuộc đời đã dùng tôi trọn vẹn. Tôi là một con người, tất nhiên tôi cũng có lầm lạc. Lắm khi tôi cũng sai lầm. Lắm khi tôi còn bị sờn lòng nữa, nhưng tôi luôn chiến đấu với tất cả lương tâm cho các điều tín mộ của tôi, bằng sự chính trực, sự thẳng ngay và một cách quang minh chánh đại.

"Vâng! Tôi sẵn sàng chết đây!"

[↑8] Gần vùng Tarascon có một nhóm phụ trách tìm lại bình rượu lễ Graal và kho tàng trong hang Bedeihac. Các người đi tìm cho rằng: “Cái nóc vòng cung của chiếc hang nầy khá cao khá cao, có thể thiết lập được một nhà máy chế tạo phi cơ.” Và một năm sau, hệ thống nhà máy được xây cất.

[↑9] Các vẻ bí hiểm của tổ chức được Louis Pauwells và Jacques Bergier trình bày trong quyển “*La Matin des Magiciens*” do nhà xuất bản Gallimard ấn hành, và cũng được Edouard Calic viết trong quyển “*Himmler et son Empire*”.

[↑10] Đọc: “*Hitler và lò thiêu sống dân Do-thái*” – Sông Kiên xuất bản.

[↑11] Giáo sư Weltz có lẽ cũng như các y sĩ của Không quân, không biết gì về công trình nghiên cứu của giáo sư Nga Lepczinsky, từ thế kỷ 19, đã thành công trong việc cứu chữa các người bị cóng lạnh bằng cách cho họ ngâm mình trong nước ấm 40 độ. Weltz chỉ làm cái việc tái khám phá mà thôi.

[↑12] Loại đỏ là tù nhân chính trị, loại xanh là thường phạm. Lời chứng của Hendrik Bernard Knol có ghi trong hồ sơ của văn phòng điều tra các tội phạm chiến tranh ở Amsterdam.

[↑13] Đọc: “*Cuộc săn tìm vũ khí bí mật của Hitler*” – Sông Kiên xuất bản.

[↑14] Bác sĩ Eppinger đã đến trại tập trung Dachau để theo dõi các công trình nghiên cứu của môn sinh ông. Sau “ngày Giải phóng” ông đã tự vẫn chết sau khi được giấy đòi tới làm chứng ở Nuremberg.

[↑15] Tzigane – tên gọi người xứ Bohême ở Trung Âu, thường sống một đời sống lang thang nay đây mai đó.

[↑16] Kapo – cũng là tù nhân nhưng được chọn làm cai trong trại giam.

[↑17] Bác sĩ Roche là bác sĩ nhãn khoa người Pháp làm hội trưởng Hội ái hữu các cựu tù nhân Pháp ở Dachau. Được tác giả phỏng vấn ngày 4-1-1967.

[↑18] Đọc "*Những trận đánh lịch sử của Hitler*" Bản dịch Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên. Sông Kiên xuất bản.

[↑19] Đọc "*Nhà độc tài phát xít Mussolini*" – Sông Kiên xuất bản.

[↑20] Lời chứng mà tác giả đã nhận được ngày 15-1-1967.

[↑21] Obergruppenfuhere SS cấp bậc tương đương với Đại tướng 5 sao bên quân đội.

[↑22] Đọc: “*Hitler, người phát động thế chiến thứ hai*”. Sông Kiên xuất bản.

[↑23] Heydrich chết tháng trước.

[↑24] Các tù nhân không bao giờ được thấy cái hòm trong các trại tập trung.

[↑25] Hitler tin rằng mặt trận Liên xô sẽ kết thúc trước mùa đông, nên không chịu cấp quân phục ngự hàn cho binh sĩ.
Đọc: “*Hitler và các danh tướng Đức Quốc xã*”. Bản dịch Người Sông Kiên và Lê thị Duyên – Sông kiên xuất bản.

[↑26] Médecin législe = thầy thuốc ở tòa án.

[↑27] Berlin-Dahlem: Trung tâm mà Mengele phải gởi về các bản phúc trình về công cuộc khảo sát của ông ta.

[↑28] Theo sách: Tội ác của Đức tại Ba lan, quyển I.

[↑29] Xóm dành riêng cho dân Do-thái ở các nước Âu Châu.

[↑30] Y sĩ người Pháp, Tài liệu nầy nhận được tháng 2-1957.

[↑31] Erythème – chứng hồng chẫn (Sần đỏ cả người) – chứng tụ máu ở ngoài da, hình thức thông thường nhứt là làn da bị đỏ sần, nếu lấy ngón tay ấn mạnh vào dấu đỏ thì nó sẽ tan đi và lại nổi lên sau đó. Chứng nổi mầy đay là một chứng Erythème. Cây tầm ma đâm cũng là một chứng Erythème. (cây tầm ma = Ortie là một loại cây bao phủ những lông và có một chất nhựa độc, chỉ cần lông cây quẹt vào da là chất nhựa độc thấu nhập vào dưới da và làm cho da bị sần đỏ.).

[↑32] Saint Dominque: Tên cũ của quần đảo Haiti ở Thái Bình Dương.

[↑33] Ở xứ Paraguay, Bộ canh nông phụ trách luôn cả hồ sơ lưu trú!

[↑34] Đọc: "Cuộc truy nã tên đồ tể Do-thái Adolf Eichmanm. Sông Kiên xuất bản.

[↑35] Vì ngày 25-3-1965. Nghị viện Liên bang Đức đã thông qua một điều luật cho dời lại sự mãn hạn của một hạn kỳ thời hiệu được ấn định vào ngày 1-1-1970. Đến tháng 4, Hội Đồng Quốc gia, trong một phiên họp, đã chấp thuận điều luật ấy (chỉ có một thăm không bỏ; La Sarre). Từ năm 1945, các nước Đồng minh đã thiết lập một danh sách các tội phạm chiến tranh mang gần một triệu tên. Ngày nay, có 60.000 tên đã được phán xử… và rất nhiều được miễn nghị (xử trắng án) trong số có hết 113 thuộc xứ Cộng Hòa liên bang Đức.

[↑36] Giống đại khủng long, dài 25 thước ở Châu Mỹ, là một loại bò sát, sống nửa trên bờ nửa dưới nước.

[↑37] Về sau bị kết án tử hình và bị hành quyết.

[↑38] Theo lời chứng của Henri Henrypierre trước tòa án Nuremberg.

[↑39] Violon d' Ingres: nghề phụ nhưng người ta chuyên môn hơn cả nghề chánh.

[↑40] Madère – tên gọi một thứ rượu trứ danh của đảo Madère, Madère là một hòn đảo của Bồ đào Nha nằm trong Đại tây Dương ở phía Tây nước Maroc – 740 cây số vuông, dân số 282.000 người, kinh đô là Funchal – nguồn lợi: nho, mía, trái cây, du lịch.

[↑41] Kapo: cũng là tội nhân nhưng được tin cẩn và cho làm cai tù.

[↑42] Lời khai của bác sĩ Poppendick tại tòa Nuremberg.

[↑43] Apomorphine; chất do morphine mất phần nước đi mà thành, dùng làm thuốc mửa.

[↑44] Chúng ta sẽ gặp lại ông ta trong chương nói về bệnh đậu lào. Ding đã tự tử ngày “Giải phóng”. Mrugowsky bị kết án tử hình và hành quyết ở Nuremberg.

[↑45] Phụ tử tinh: Aconitrine, chất nầy rất mạnh lấy trong cây phụ tử (aconil), một loại cây độc cao khoảng một thước. Lá xanh và bông có màu xanh lơ.

[↑46] Theo lời khai của Mrugowsky ở tòa án Nuremberg

[↑47] Phúc trình của Mrugowsky, tại viện phạm tội học của ngành An ninh vào ngày 12-9-1944.

[↑48] Câu nầy có vẻ bí hiểm mà các quan tòa đã không cố ý làm cho sáng tỏ. Thật ra thì biết đâu các tên lính S.S kia đã có xin phép một y sĩ nào đó để có người "che chở" cho hành động của họ.

[↑49] Theo lời chứng thu thập được ngày 12-12-1966.

[↑50] Chứng từ thu thập được ngày 26-12-66.

[↑51] Lời chứng của Georges Parouty, ngày 8-1-1967.

[↑52] Đọc: "*Hiller và các danh tướng Đức quốc xã*" – Sông Kiên xuất bản.

[↑53] Tác giả quyển sách quan trọng về chuyện tù đày *l'Enfer Organisé*. La jeune Parque. Paris 1947.

[↑54] Tựa đề của một quyển sách của Bác sĩ Marc Dvorjetski xuất bản bằng tiếng Hébure ở Tel-Aviv.

[↑55] Chứng từ thu thập được ở Ba lê vào tháng hai 1967. Các câu đối thoại đã do bà I.G. kể lại.

[↑56] Trích trong các bức thư gởi cho Himmler (từ tháng 5-1941 đến tháng 8-1942)

[↑57] Các thí nghiệm thực hiện chứng tỏ rằng chỉ cần 180 giây bị phóng quang (600gr) cũng đủ gây ra sự tiệt trùng vĩnh viễn.

[↑58] Đó là bác sĩ Horst Schumann, người được Victor Brack ủy thác công việc thí nghiệm quang tuyến X. Trước đó, Schumann đã điều khiển một trung tâm đem lại cái chết nhẹ nhàng bằng một mũi thuốc và ông đã thành công rực rỡ. Khi quân đồng mình tiến đến, ông biến mất dạng… Cho mãi đến ngày 17-11-1966 người ta mới tìm được ông ở Ghana (Phi Châu) ông bị dẫn độ về Đức. Phiên tòa đại hình xử ông sẽ khai diễn tại Francfort, sau ngày quyển sách nầy được xuất bản. Có lẽ người ta cũng sẽ không phát giác được điều gì mới mẻ hơn. Chúng ta hãy chờ đợi quyết định của tòa án. Chắc chắn tòa sẽ cho mời người thanh niên Ba Lan mà các bạn vừa đọc lời chứng.
Vài ngày sau cuộc dẫn độ, Schumann, vị cựu y sĩ riêng của Tổng Thống N'Krumah, đã bị đòi ra tòa với tư cách một nhân chứng cho một vụ kiện khác về euthanasie. Lời khai của ông trước phiên tòa đại hình Francfort ngày 13-3-1967 như sau:
- Tôi là nhân vật chính chịu trách nhiệm về hành động cái chết nhẹ nhàng được thực hiện ngay lúc đầu cuộc chiến tại bệnh viện Sonnenstein ở vùng Sarre, 20.000 người bị bệnh thần kinh đã được chết nhẹ nhàng, nhờ lòng nhân đạo của chúng tôi… Chính tôi là người đã tự tay mở khóa phóng hơi ngạt.
Horst Schumann đã 60 tuổi.

[↑59] Chúng ta hãy nhớ lại các ý kiến mà ông ta đã cho Rascher về phương pháp sưởi ấm bằng “thân nhiệt” và các trưởng trại tập trung về cách “trắc nghiệm” cách chữa bệnh đồng tính luyến ái.

[↑60] Euthanasie: Giết người một cách nhẹ nhàng bằng cách tiêm thuốc.

[↑61] Adolf Pokorny đã khai trước tòa là hắn ta đã muốn lái Himmler qua một con đường khác để tù nhân đỡ bị hại.

[↑62] Các thí nghiệm của Rascher về “cạo độ” và về sự “tê cóng”. Và trong một cuộc gặp gỡ, Sievers đã trình bày các thí nghiệm nầy với giáo sư Hirt, giáo sư nầy hiểu dễ dàng khi đọc đến các câu mơ hồ trên như là câu “mọi sự dễ dàng biệt lệ” được dự liệu, có nghĩa là thuận chấp cho sử dụng các con vật người trong các cuộc thí nghiệm.

[↑63] Một hợp chất "Sulfure d'Ethyle Dichloré" được sử dụng như là hơi độc trong kỳ Đệ Nhất thế chiến. Người ta gọi tên ấy là do từ tên thành phố Ypres, thành phố đầu tiên bị nhận các quả bích kích pháo chứa hơi độc vậy.

[↑64] Lời chứng của Ferdinand Holl, một tù nhân Đức, có nhiệm vụ canh giữ trạm nghiên cứu Ahnenerbe. Năm 1935, Holl lưu ngụ ở Pháp. Đến năm 1940, ông bị Gestapo bắt. Vừa làm “kapo” vừa kiêm chức y tá trưởng, ông ta là một nhân chứng quan trọng cho việc kết tội về vụ án các y sĩ SS.

[↑65] Hợp chất Chlore và Oxyde de Carbone.

[↑66] Lời khai của giáo sư Bickenbach, do đại úy Margraff, dự thẩm tòa án quân sự ở Strasbourg nhận được ngày 6-5-1947.

[↑67] Nhà thí nghiệm về bệnh đậu lào. Xem chương 16.

[↑68] Boomerang: là một khí giới hình lưỡi liềm của người Úc dùng để phóng đi xa. Nếu không trúng đích lại trở về chỗ cũ – Nghĩa bóng: hành động ngậm máu phun người trước dơ miệng mình.

[↑69] Taboun là một thứ khí không màu, không mùi sẽ tấn công vào hệ thống thần kinh của con người qua buồng phổi và hai mắt. Nạn nhân sẽ chết trong vòng một đến năm phút. Nếu mắt và đường hô hấp đều đã được bảo vệ thì khí nầy cũng có thể thấm vào da qua lớp quần áo để gây ra cái chết trong khoảng thời gian nhanh nhất là mười phút, chậm nhất là hai giờ. Thời đó, người ta chưa tìm được thứ thuốc nào để giải độc có hiệu quả cả.

[↑70] Tularemie: Một bệnh truyền nhiễm gây nên bởi loại vi trùng batérium tularense bệnh dịch của thỏ và di truyền sang người. Bệnh tularémie trước tiên phát hiện ở Hoa kỳ, đoạn ở Nhựt bổn, và bây giờ sang đến Âu Châu.

[↑71] Bản báo cáo ngày 21-9-1943 gởi cho Nha Quân-Y.

[↑72] Ở Hoa-kỳ, theo sự yêu cầu của chánh phủ, các bác sĩ Théodore Rosebury và Elvin Kabat đã thảo một bản phúc trình về những kết quả có thể gặt hái được nếu sử dụng vũ khí vi trùng. Trước tiên hai ông loại bỏ ngay các chứng bệnh không truyền nhiễm nhanh chóng… công hiệu của nó yếu và không chắc chắn như: bệnh cùi (thời kỳ nhiễm bệnh quá dài), bệnh đậu mùa (nhiều người đã được chủng ngừa), bệnh lao (ít truyền nhiễm và lây rất chậm), bệnh dịch hạch (loại bọ chét truyền bệnh nầy yếu đuối dễ chết), bệnh hoại thư v. v… Trái lại, họ có thể dùng các vi khuẩn hay độc tố của một vài chứng bệnh ít lan tràn và ít người biết đến như bệnh lạp trường độc, bệnh của Weil, bệnh quần đinh, bệnh dịch hạch xoài… Thí dụ như đối với dạ dầy và ruột, không có chất độc nào mạnh hơn chất lạp trường độc Toan (toxine botulique). Trong một vài ngày, nó có thể làm chết 60 hay 70% nạn nhân. Bỏ vào nước uống, nó có thể giết sạch dân chúng của cả một vùng, trước khi người ta tìm được biện pháp cứu chữa và phòng ngừa. Theo một giáo sư Gia-Nã-Đại tên là Carter, thì chỉ cần dùng năm mươi gam chất lạp trường độc toan là đủ tiêu diệt dân chúng của phân nửa quả địa cầu và với năm mươi gam độc tố phong đòn gánh (toxine télanique) là đủ sức giết một trăm triệu người.
Về cách dùng vi khuẩn hay mầm truyền nhiễm, người ta đề nghị dùng chất lỏng hòa tan (suspensions liquides) hay hợp chất khô (préparations sèches) đựng trong các ống bằng thủy tinh. Ống nầy có một bộ máy phát hơi chạy bằng gaz dùng để phân tán những tác nhân sinh bệnh (germ pathogènes) trong một xạ kính nào đó chung quanh điểm rơi.
Mặc dầu nghiên cứu hoàn toàn hạn chế trên một bình diện thuần túy “khoa học” các bác sĩ Rosebury và Kabat vẫn nhìn nhận rằng: nếu dùng vũ khí vi trùng thì sẽ gây ra những “hậu quả tinh thần tàn khốc”.

[↑73] Trường hợp các phi đội Thần phong, các máy bay tự tử của Nhựt cũng thể, vấn đề cũng đã được đặt ra và cũng chưa được giải đáp. Các phi công có bị cho uống thuốc kích thích trước khi tình nguyện lao đầu vào hạm đội Mỹ bằng chiếc khu trục cơ “zero” chỉ trang bị bằng một quả bom 250 ký của họ không? Thủy Sư Đô đốc Ohnishi, người sáng chế ra loại “vũ khí người” ấy và cũng là người tuyển lựa “các anh hùng cứu quốc” lúc nào cũng có một số đông y sĩ đi theo giúp việc. Ngày 15 tháng 8 năm 1945, ông đã mổ bụng tự sát bằng thanh gươm võ sĩ đạo của mình. Ông đã đưa hai ngàn năm trăm mười chín sĩ quan và phi công Nhựt vào con đường tự sát.

[↑74] Những cuộc thí nghiệm nầy đã giết chết khoảng ba mươi mạng người. Tất cả những người chịu trách nhiệm, sau nầy, đều tự tử hoặc trốn mất tích. Theo báo cáo của Grawitz gởi cho Himmler thì ở trại Auschwitz cũng có thực hiện những cuộc thí nghiệm tương tự và ba thí vật đều chết cả. Ở Dachau trong số ba mươi lăm thí vật có mười người chết.
Theo bản phúc trình ngày 29 tháng 8 năm 1944: bệnh kết mô viêm (phlégmon purulent), bệnh trùng nhiễm huyết (septicémie) bệnh đầu đinh (nhọt mủ furoncle) đều được trị bằng chất Potassium phosphorium, chất ferrum phosphorium và chất silicea. Mặc dầu những kết quả kể trên không có gì đáng khích lệ, người ta vẫn tiếp tục theo đuổi những cuộc thí nghiệm nầy. Chưa biết được kết quả cuối cùng ra sao!

[↑75] Bệnh sốt phát ban: typhus exanthématique còn được gọi là loại bệnh đậu có "sử tính" bởi vì các dấu vết của nó được tìm thấy trong hầu hết các biến cố trọng đại của lịch sử. Địch đầu tiên mà sự mô tả xem như không thể bị nghi ngờ, đã được ghi nhận vào năm 1489, trong cuộc bao vây kinh thành Grenade (kinh đô của một vương quốc Ả Rập cũng là tiểu quốc Hồi giáo duy nhất tại xứ Tây ban nha xưa, sau đó kinh thành nầy bị bao vây và đến năm 1492 thì bị thất thủ vào tay các vị vua Thiên chúa giáo, như vua Ferdinand II le Catholique của xứ Aragon và Sicile và vợ là hoàng hậu Isabelle Ière la Catholique, của xứ Castille) đã có đến 17.000 người chết trong các đạo binh của vua Ferdinand và hoàng hậu Isabelle la Catholique, kế đến, người ta tìm thấy bệnh nầy xuất hiện tại các mặt trận ở Ý vào năm 1505 và 1550, ở Hung gia Lợi vào năm 1553 và thường ở trong tất cả mọi trận chiến và mọi cuộc bao bây, nơi các người công hãm cũng như ở những kẻ bị bủa vây. Mặt trận của Hoàng Đế Nã phá luân tại Nga, cũng đã nếm mùi loại bệnh dịch khủng khiếp nầy, tại Vilna, thủ đô xứ Liluanie thuộc Liên bang sô viết trong số 30.000 tù nhân, có đến 25.000 bị chết đi, và trong cuộc rút quân, bệnh đậu lại phát dậy thêm những cuộc tàn hại mới nữa và các quân sĩ của Đại Binh lại còn mang cả loại bệnh nầy về ngay tại đất Pháp.
Trong trận Đại chiến 1914-18, tại các xứ Nam Tư, Ba lan, Áo, Nga và Lỗ ma ni, bệnh dịch nầy thường đã gây cho số nạn nhân bị thiệt mạng cao hơn cả số người chết bị gây ra bởi súng đạn.
Sau một thời gian bị ngấm ngầm nhiễm bệnh trong khoảng chừng 12 ngày, chứng bệnh khởi phát lại thật bất ngờ, như loại bệnh cảm cúm bằng cơn sốt cảm đau đầu và bị chứng ê ẩm, mệt lả cả người. Nhiệt độ vẫn giữ ở mức 40°C, trong khi hai triệu chứng quan trọng khác lại xuất hiện, là sự nổi mụt vào ngày thứ 5 và tiếp theo là cơn mê man của bệnh thương hàn.
a. Sự nổi mụt nầy (éruption) giống như mụt nổi của chứng bệnh sởi, nhưng trái hẳn với loại bệnh nầy là chỉ mọc ở mặt và ở cổ.
b. Cơn mê man của bệnh thương hàn (tuphos theo tiếng Hy lạp có nghĩa là sự yếu lả), đem lại cho bệnh nhân một dáng vẻ rất đặc biệt là bất động và lạnh lùng với mọi vật vây quanh, dã dượi bần thần như nửa tỉnh nửa mê, bệnh nhân dường như sống trong một giấc mơ chìm đắm. Bệnh điếc lại càng tách biệt hẳn bệnh nhân với thế

giới bên ngoài, để rồi người ta thật khó mà đạt được một sự đáp trả hay làm cho hắn đưa được chiếc lưỡi ra khỏi miệng. Thường thì bệnh nhân chỉ phác sơ những động tác không nhứt định và đến buổi chiều lại, thường khởi sự nói mê, đấy là sự mê sảng đôi khi lặng lẽ nhưng vào những lần khác thì lại thật dữ dội, với những ảo giác kèm theo. Người mắc bệnh thương hàn tìm cách quật khởi mà cũng có thể tìm cách tự tử nữa, đấy là điều buộc người ta lúc nào cũng phải lo canh giữ họ luôn.
Trong khoảng 30% của các trường hợp, sự diễn biến có thể đưa đến cái chết, mà thường là do sự xây xẩm yếu tim. Trong các trường hợp trị được lành bệnh, nhiệt độ bắt đầu hạ từ từ, khởi vào ngày thứ 14, bệnh nhân thoát ra khỏi cảnh hôn mê và từ từ trở lại với đời sống bình thường (Theo L. C. Brumpt).

[↑76] Theo quyển nhật ký của Bác sĩ Ding, thì các người tham dự trong phiên họp ấy là: Giáo sư Handloser, Tổng thanh tra ngành quân y; Bác sĩ SS Conti, Tổng trưởng Bộ y tế; Giáo sư Reiter, chủ tịch ủy ban bảo vệ sức khỏe; Giáo sư Gildemeister, giám đốc nghiên cứu Robert Koch, và giáo sư SS Mrughsky, y sĩ trưởng ngành SS. Buổi họp nầy được tổ chức tại viện y tế của lực lượng Waffen SS tại Bá Linh.

[↑77] Đọc: “*Cuộc săn tìm Vũ khí Bí mật của Hitler*” – Sông Kiên xuất bản.

[↑78] Theo lời khai, qua cuộc thẩm vấn của một Đại úy Mỹ, tên Clayn L. Walker vào ngày 07-5-1945 tại trại Dachau.

[↑79] Cũng như khi thí nghiệm về bệnh đậu lào, bây giờ những người phụ tá bác sĩ cũng cột vào bắp chân các thí vật, những chiếc lòng đựng muỗi sốt rét. Có khi họ bắt nạn nhân đặt tay lên chiếc hộp đựng muỗi để cho chúng chích. Ngày xưa, người ta gọi bệnh sốt rét là bệnh “malaria” (nghĩa là khí độc) vì họ nghĩ rằng chúng phát sinh từ đầm lầy nước động. Tên nầy vẫn được duy trì cho đến khi có một bác sĩ Pháp là Charles Laveran khám phá ra việc có ký sinh trùng trong máu của người vào năm 1880 (Việc nghiên cứu nầy đã đem lại giải Nobel năm 1907 cho bác sĩ Laveran). Khoảng năm 1900, một bác sĩ quân y người Anh tên là Ronald Ross, nghiên cứu tại Ấn-Độ và khám phá ra việc ký sinh trùng sống trong bụng các con muỗi và việc triển tiến của mỗi chu kỳ.
Chính con muỗi cái Anophèle đã lây truyền bệnh sốt rét. Nó chích người, để hút máu nuôi các trứng của nó. Khi nó chích nhằm người đã mắc bệnh sốt rét thì những ký sinh trùng trong máu người đó chuyển vào bụng muỗi. Ở đó chúng sinh sôi nẩy nở thêm và sống ở các tuyến nước bọt trong khoảng mười hai ngày. Đây mới tới giai đoạn nguy hiểm giết người.
Lần nầy, nếu chích vào người nào, nó sẽ chuyển vào máu người đó những ký sinh huyết trùng đang nẩy nở thật nhanh chóng. Thường thường thì trong khoảng mười hai ngày, máu của người bệnh mới nầy sẽ đầy lúc nhúc ký sinh trùng và cơn bệnh sốt rét khủng khiếp sẽ bộc phát ra. Sau khi nóng hơn 40°, thình lình bệnh nhân trở nên lạnh cóng, run cầm cập. Sau tình trạng mệt lã người lúc đầu, bệnh nhân sẽ đổ mồ hôi dầm dề cho đến khi cử rét kế tiếp đến hành hạ nữa. Trong vòng ba năm, nếu không bị muỗi chích thềm lần nào nữa, thì các con ký sinh trùng sốt rét cũng tự nhiên chết đi trong lục tạng của người. Mỗi năm trong số 250 triệu người mắc bệnh sốt rét chỉ có khoảng 1% chết. Nhưng điều đáng sợ là chứng suy nhược mà bệnh nầy đã gây nên cho con người. Nói chung thì các bệnh nhân thường trở nên yếu đuối hẳn đi, có khi phải nghĩ ngơi hằng tháng trời cũng chưa đủ sức làm việc lại. Trong những vùng bệnh sốt rét hoành hành như miền đồng bằng miền Đông Mễ-tây-cơ, miền Trung-Mỹ, các miền ở Ba-Tây, và Ấn-Độ, thì gần phân nữa công nhân trở nên liệt nhược, không làm việc được cả năm dài…

[↑80] Lời khai của Karl Brand ngày 4 tháng hai 1941.

[↑81] Đọc "*3 tháng chín 1939, giờ phút quyết định Đệ nhị Thế chiến*" Bản dịch Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên – Sông Kiên xuất bản.

[↑82] Giáo sư Heyde một trong những người trách nhiệm và chương trình nầy đã gọi như thế. Ông ta đã tự tử vào năm 1964 tại Limbourg trước khi vụ án của ông bị đưa ra xử.

[↑83] Bác sĩ Pfannmueller bị bệnh rất nặng trong thời gian vụ án được đem ra xử. Cuối cùng ông chỉ lãnh có 6 năm cấm cố. Một nhà báo người Đức đã kết luận như sau: Tình trạng sức khỏe của ông ta đã khiến cho các vị quan tòa phải sinh lòng trắc ẩn trong khi trước kia ông ta lại luôn chối từ lòng thương ấy đối với các con bệnh của ông ta.

[↑84] Hiệp hội các công tác từ thiện, Nghiệp hội chuyên chở các bệnh nhân, Cơ sở cộng đồng lao tác.

[↑85] Theo bức thư của bà Maria Kehr gửi bệnh viện tâm trí ở Sounerstein.

[↑86] Theo bức thư của Cô Else Von Loewrs, con gái của một cựu Tổng Trưởng Tư pháp và được Himmler trả lời riêng với tư cách cá nhân.

[↑87] Sự thẩm định của Tòa án Quân sự Quốc tế. Phương pháp “đem lại cái chết không đau đớn” vẫn còn được tiếp tục áp dụng đối với trẻ con.

[↑88] Xem sự lên án về việc thực hiện cái chết không đau đớn (euthanasie) của Hàn lâm viên Đạo đức học và Chính trị học của Pháp tại phần Phụ lục IV.